

Tác Giả và Tác Phẩm

Nguyễn Mạnh Trinh (III)

Tiểu sử

Nhà thơ - Sĩ quan Không Quân.

Tác phẩm

Tạp Ghi Văn Nghệ



Mục Lục

- Từ “Bờ sông lá mục” đến ”Một thời oan trái” - 2
Cao Xuân Huy, tác giả và tác phẩm – 6
Tháng 3, đọc lại "Vài mẫu chuyện" - 11
“Dấu Binh Lửa” và Phan Nhật Nam, một thời chinh chiến - 15
Hà Nội/Sài Gòn-Westmister, những nẻo đường...- 20

Phụ đính I :

Tuệ Sỹ, viễn mộng máy khung trời - Hồ Hữu Tường và “Người Mỹ ưu tư”
Doãn Quốc Sỹ, kẻ sĩ thời đại chúng ta - Tường niệm nhà văn Nguyễn Thụy Long
Dương Thu Hương, từ tiểu thuyết Vô Đề đến Chốn Vắng
Nhà văn vẫn đứng ngoài nắng: Nhật Tiến - Đọc hồi ký "Nguyễn Tường Bách và Tôi"
Đặng Trần Huân, tác giả & tác phẩm
Đọc lại Dương Nghiễm Mậu, nghĩ về văn chương và thời thế

Phụ đính II :

Những nhà văn Không Quân
"Vĩnh biệt Phượng", vĩnh biệt "Buồn vui phi trường"

Mới :

Ngày chia đôi đất nước và Tâm sự người xa xứ
Sài Gòn, những ngày cuối tháng tư 1975

(Tim bài đọc: ở “Keyboard”, nhấn nút “F5”, đánh số trang, rồi “Enter”)

Từ “Bờ Sông Lá Mực” đến “Một Thời Oan Trái”

1966-2011: đã gần nửa thế kỷ cầm bút có lẽ cũng là dài với một tác giả đã trải qua những thời thế của một đất nước của chiến tranh, của di cư năm 1954, của di tản, của lưu vong năm 1975, như Phan Lạc Tiếp. Từ tác phẩm đầu tay, “Bờ Sông Lá Mực”, là khởi đầu của những dòng chữ văn chương, là những bước chân đi vào nghiệp dĩ.

“Có những sự kiện đã qua và mờ nhạt được viết lại như một truyện ngắn nhưng cũng có những sự kiện được ghi lại vội vàng như một bài phóng sự. Nhưng dù dưới hình thức nào, tôi cũng đã viết trong sự xúc động của lòng mình, và cũng chính tâm trạng này đã thúc đẩy tôi cầm bút. Vì thế hầu như tôi đã mang cái tâm trạng bùi ngùi đó phủ lên hết những giòng chữ. Đó là điều tôi không làm sao tránh được. Và giữa những giòng chữ ấy, tôi đã nghĩ tới gia đình, tình chiến hữu, niềm bất hạnh của quê hương, sự tàn nhẫn của cuộc chiến cũng như sự nhỏ nhen, giới hạn của con người.. Tất cả đã được trình bày qua cái nhìn của một người đi biển”.

Từ đó, dẫn đến những giòng chữ của “Một Thời Oan Trái” viết mấy chục năm sau. Năm 2011, nhìn lại chính mình qua những thăng trầm thời thế, tác giả họ Phan đã viết ký sự của đời mình và qua đó, phác họa lại chân dung những nhân vật mà suốt cả trong cuộc đời ông không thể nào quên. Những cảnh, những người, những nỗi niềm tâm tư, dường như đã gắn chặt trong bộ nhớ và khi ông nhắc lại, rõ mồn một từng chi tiết và hình như có ẩn chứa một sức sống tiềm tàng.

Có người đã nói Phan Lạc Tiếp là một nhà văn hải quân. Ông đã viết nhiều về đời sống của người lính hải hồ đại dương của mình với cả sự hãnh diện như một người nhập cuộc. Một sự kiện rõ ràng nhất là trong công trình thực hiện *Tuyên Tập Hải Sử* ông là người có đóng góp đáng kể. Đọc những bút ký ông viết, một đời sống mà ở đó, con người bằng xương bằng thịt hiện hiện một mẫu người thực, đầy nét nhân bản nhưng lại vô cùng sống động. Đời sống quân ngũ chẳng phải là một con đường phẳng phiu mà những chông gai, những khó khăn lại đầy đầy dọc theo con đường thăng trầm người lính. Nhưng, ở trong sự chùng mịch của một người luôn điem đạm nhìn thấy những nét tích cực của cuộc đời, ông vẫn coi sự thăng trầm của đời quân ngũ cũng là bình thường của cuộc nhân sinh.

Phan Lạc Tiếp là sĩ quan HQ tốt nghiệp khóa 11 Sĩ Quan Hải Quân Nha Trang.

Năm 1966, ông đã xuất bản tập bút ký *Bờ Sông Lá Mực* như một người tham dự cuộc chiến. Tại hải ngoại sau 1975, ông xuất bản tập bút ký *Nỗi Nhớ, Quê Nhà 40 Năm Trở Lại* và bây giờ, năm 2011, *Một Thời Oan Trái*. Ông rất thành công với thể loại bút ký. Tuy nhiên với tập truyện ngắn *Cánh Vạc Lưng Trời* cũng là một dấu ấn không phai để lại cho độc giả với những sắc thái riêng biệt từ trong tác phẩm.

Nói về truyện ngắn Phan Lạc Tiếp, tôi thấy ở văn phong của ông là tấm lòng hồn hậu với đời, và có những nhân vật đẹp, cả từ tâm tính nhân bản đến suy tư trong sáng. Truyện ngắn của ông là những mảng sống được tạo dựng từng phần để như là những nét phác họa cho một cuộc sống mà ở đó thời thế thay đổi đến chóng mặt. Nhưng dù trong bất cứ hoàn cảnh nào chất đôn hậu vẫn tràn đầy và con người nhìn tha nhân với đôi mắt chia sẻ nhiều hơn là phê phán trách cứ. Tập truyện *Cánh Vạc Lưng Trời* có những nhân vật tuy thường gặp ở đời sống hàng ngày nhưng khi hình ảnh ấy đi vào trong văn mạch lại trở thành những nét riêng biệt và có sức lôi cuốn bởi sự trung thực với cuộc sống. Có thể, mỗi người trong độc giả chúng ta cũng đóng vai một nhân vật trong hoàn cảnh ấy và có thể chia sẻ với tâm tư, với những điều mà tác giả muốn bày tỏ.

Viết, về chiến tranh như Bờ Sông Lá Mực, về di tản như Nỗi Nhớ, và về lòng hoài hương của Quê Nhà 40 Năm Trở Lại, thì nét đặc biệt của tác giả Phan Lạc Tiếp rõ nét vẫn là sự trung thực của một người lính hãnh diện vì sự đóng góp của mình. Với vai trò người lính Hải Quân trong lửa đạn nên khi viết bút ký Bờ Sông Lá Mực đã có nét riêng tạo thành hấp lực cho người đọc từ những mảng đời sống ngôn ngôn chất sống và sinh động chất suy tư. Những địa danh, những trận đánh, được kể lại, tuy phản ánh sự thực chiến trường nhưng ít sắt máu. Và, ở thấp thoáng đâu đó là niềm trắc ẩn, của những người phải bắt buộc cầm súng để tự bảo vệ mạng sống chính mình. Chính nét nhân bản ấy đã làm cho những trang bút ký tha thiết với cuộc sống hơn...

Thể hiện những mảnh đời bằng những trang hồi ức, văn chương của ông có khi là những ghi chép lại từ những sự kiện có thể quen thuộc đối với chúng ta. Có khi là về những ngày cuối tháng tư, có lúc kể lại những kỷ niệm buồn, của những cuộc phân ly, của những ngoại nhìn về đất nước cũ, về đời sống xưa. Có nhiều người viết về di tản, nhưng tác giả đã viết với tâm cảm của người trong cuộc, kể lại những phút giờ căng thẳng của biến cố lịch sử, của những mất mát người thân, của những nỗi buồn của người vong gia thất thổ. Đọc những trang sách tả lại cuộc hạ kỳ lần chót trên biển của các chiến hạm của Hải Quân VNCH, ai mà không thấy đứt ruột khi lá cờ thân yêu bị kéo xuống và bài hát quốc ca bỗng tràn đầy nước mắt. Viết theo thể tự sự của hồi ức, là để nhắc nhở chính mình, và cả thế hệ mình những truân chuyên thời đại của một dân tộc Việt Nam. Với thế hệ sau, đọc lại sẽ thấy được tấm lòng của những người bị bắt buộc phải bỏ nước ra đi trôi dạt theo thời thế Việt Nam của cuộc chiến tranh lạnh đang quay cuồng thịnh nộ trên bàn cờ chiến lược thế giới. Trang sách viết là những ghi nhận đóc đáo của một thời kỳ mà những người trong cuộc đã trải qua những mất mát, những bi thương của ngày tháng tư năm 1975 trên những con tàu đã mang họ đến xứ sở tạm dung để bắt đầu những ngày lưu lạc xứ người.

“Quê Nhà 40 Năm Trở Lại” là tác phẩm về cái tâm tư của một người luôn hoài nhớ quê hương được biểu hiện khi trở về thăm. Gần một thế kỷ có lẽ là một thời gian dài mà cuộc sống tang thương biến đổi đã làm con người khi trở về lạc vào những mảnh trời, những khoảng đất của thuở nào xa xưa, mơ hồ. Dù cách xa bao nhiêu năm, nhưng những người con của quê hương, đã lớn lên từ quê cha đất tổ, dù ở những vị trí khác nhau có khi còn đối diện nhau ngoài mặt trận nhưng cùng một tâm nguyện, cùng một ước vọng cho ngày tươi đẹp của đất nước. Nhưng trở về, để thấy quê xưa vẫn chẳng đổi thay mà có khi còn tệ hại hơn thuở xưa cũ, thì tâm cảm ấy, có lẽ tất cả chúng ta cùng hiểu ra được cái oái oăm nghiệt ngã của những cuộc chiến vô nghĩa...

Với tất cả mọi người Việt Nam, quê cha đất tổ vẫn là nơi chốn linh thiêng để tưởng nhớ và vọng về. Dù hoàn cảnh mỗi người khác nhau và phải rời xa, nhưng khi trở lại thì nơi chốn ấy, địa dư ấy, lịch sử ấy tự nhiên chất chứa bao nhiêu là kỷ niệm. Từ người đến cảnh, dù đã nhiều đổi thay nhưng vẫn gọi lại ngày tháng cũ, đời sống xưa và không bao giờ phai mờ được. Với Phan Lạc Tiếp, những ngày trở về quê cũ là dịp để nhìn lại quá khứ và với bản tính hồn hậu trung thực ông đã viết về những điều mắt thấy tai nghe với cả một tấm lòng mở rộng. Từ cách viết trong sáng, bút pháp giản dị, mục đích là diễn tả tâm tư một cách chân thành, Phan Lạc Tiếp là một nhà văn đã nâng thể bút ký thành một thể loại nhiều phong cách văn chương nhất.

Phan Lạc Tiếp viết về chiến tranh. Biến cố ngày 30 tháng tư năm 1975 cũng đậm nét trong hồi ức của ông. Điểm rất thành công với thể loại này khi diễn tả tâm trạng có lẽ chung của rất nhiều người trong những tâm tư chung, hoàn cảnh chung của một thời thế chung mang. Ký đã trở thành một thể loại khác với những ghi chép lại từ đời sống một cách trực tiếp. Mà, ký, có khi còn chuyên chở nhiều hơn từ những tâm cảm, những hiện thực mà những giòng chữ biểu hiện. Ở văn phong của ông là ngôn ngữ biểu hiện tấm lòng hồn hậu với đời, và có những nhân vật biểu trưng cho cả một thời đại mà những nhân vật ấy đã sống, đã thờ, đã cảm xúc. Trong nhận

xét và cảm quan của ông với đời sống là một sự chùng mịch, chùng mịch trong cả những nhận định, những hoàn cảnh nóng bỏng nhất. Đề tài viết của ông bao quanh những mảng sống được nhìn thấy nhiều đến nỗi thành bình thường nhưng lại thành nét phác họa cho một cuộc sống mà ở đó thời thế thay đổi đến chóng mặt. Nhưng dù trong bất cứ hoàn cảnh nào chất hiền hòa vẫn tràn đầy và con người nhìn tha nhân với đôi mắt của người cùng chịu đựng cảnh ngộ hơn là những đối thủ đang ở vào những vị trí tranh sống một mất một còn. Truyện ngắn của ông có những nhân vật quen quen tưởng đã gặp đâu đó ở đời sống hàng ngày nhưng khi hình ảnh ấy đi vào trong văn mạch lại trở thành những nét riêng biệt và có sức lôi cuốn từ chính bởi sự chân thành với cuộc sống.

Tác phẩm mới của Phan Lạc Tiếp "Một Thời Oan Trái" viết về người và cảnh của cả một thế hệ đã lớn lên từ quê hương, đi vào đời rồi lưu lạc mọi nơi mọi chốn nhưng không bao giờ nhà phai trong ký ức. Người, là ở tuổi thanh niên lớn lên, là những nhân vật như Soái Nham, như Tào Mạt, như Sơn Chung Tiên Sinh, như Phan Lạc Trạch... Họ bị cuốn vào những cơn lốc xoáy lịch sử. Cảnh là những nhắc nhớ lại một thời, là cây khế góc vườn xưa, là những căn nhà tranh êm đềm thuở nào. Cảnh nhắc lại người, người làm nhớ thêm cảnh. Đất cũ người xưa làm đầy thêm ký ức người xa xứ. Đọc để như sống lại một thuở nào. Trong văn học Việt Nam, viết về phong tục thôn quê đã có những Toan Ánh, Tô Hoài, Nam Cao,... phác họa lại một thời, dựng lại một đời tưởng đã không còn ai nhắc đến. Có khi những cuộc sống buồn của một đất nước tao loạn đã làm tăng thêm niềm hoài cảm. Những người trai trẻ thuở nào bây giờ đã thành, hoặc là tồn tại trong ký ức, hoặc đã thành những nạn nhân của thời gian.

Viết về những người xưa cũ, không sao tránh khỏi được nỗi ngậm ngùi. Như khi viết về một người cậu bên ngoại của tác giả:

".. bây giờ, bây giờ bao nhiêu kẻ còn người mất, bao nhiêu nỗi thăng trầm, hợp tan khôn khổ. Thoáng chốc trên nửa thế kỷ đã ào ạt trôi qua... cậu Cử, người em út của Cậu Giáo tôi, niềm hãnh diện và cũng là hình ảnh mà lũ học trò nghèo nhà quê chúng tôi hướng tới như một ước mơ, một mục đích, cũng không còn. Sau 1975 với những đoạn đường oan nghiệt trong tay kẻ thắng, nhiều năm sau gia đình cậu mợ tôi mới được định cư tại Pháp. Tháng năm và thời cuộc khiến tôi có cơ hội gần gũi với Cậu hơn, không còn xa cách như bao ngày tháng cũ. Trong những lá thư dài cậu gửi cho tôi, nét chữ Cậu viết đã run, quê hương nghèo đơn sơ và những ngày xa của một sinh viên đầu tiên của đại học Hà Nội những năm ba mươi bốn mươi đã quện lẫn vào nhau như một nỗi u hoài vàng son với đầy nuối tiếc. Như thư của cô Cử viết "cậu mất tuổi thọ đã trên 80 mà cô thấy như còn trẻ quá!.."

Viết về Sơn Chung Tiên Sinh, như một hồi tưởng về một thời tao loạn, mà con người như ngọn lá cuốn vào cơn lốc. Tưởng đã qua một thời gian, chấm dứt chiến tranh nhưng rồi cả hai cha con lại gặp nhau ở trong tù với cái oái oăm thời cuộc.

"Một cuộc đời nho sĩ vừa đóng lại. Tôi lại nghĩ đến bút hiệu của ông. Sơn Chung Sơn là núi. Chung đây là cùng, là tận. Sơn Chung là góc núi. Người ví mình như kẻ sống trong tận cùng góc núi, tự xa lánh cuộc đời, hay ví mình như một thứ trích tiên. Tôi không biết được thực ý của ông khi lấy bút hiệu ra sao, vì trong giao tiếp hàng ngày ông không nói. Trên những trang sách ông viết, ông chỉ nói về làng xóm, về những người khác, tuyệt nhiên không có một dòng nào viết về ông. Nhưng anh em tôi, những kẻ hậu sinh, trong mấy chục năm qua, vì thời cuộc đẩy đưa được làm việc này việc khác, có cơ hội học hỏi gặp gỡ từ nhiều người, khi nghĩ về ông, Sơn Chung Đỗ Nhật Tân, chúng tôi vẫn thấy ông là một người hiếm quý. Ông đúng là một kẻ sĩ đầy nghĩa khí và khiêm cung. Ông như từ một cõi nào xa cũ, lạc loài sống giữa thời đại chúng ta. Bao quanh ông hình như có một bầu không khí khác, một cánh chi khác đầy ắp vàng son đang tàn lụi dần dần những nuối tiếc buồn phiền. Ông biết thế, biết rất rõ, nhưng ông chẳng muốn thoát ra mà còn vô cùng trân quý, nâng niu những hình bóng ấy. Do đó, dù không nói hết

được những điều ông đã làm, đã ký thác, tôi viết những dòng này thay cho nén hương vái trước linh cữu ông, vì chúng tôi ở xa không thể về viếng thăm và nhìn ông lần cuối. Mộ ông táng ở cánh đồng làng, gói đầu vào Sài Sơn, núi Thầy trước mặt, dưới thấp là cánh đồng Bùi trùng trùng gió thổi và bạc trắng nước khi mùa mưa tới..”

Viết về Tào Mạt, người đã được những “quan” chỉ định viết vở chèo về cuộc đời Hồ Chí Minh nhưng đã từ chối vì thấy “Bác gian giáo quá!”. Phan Lạc Tiếp viết: “Tào Mạt người làng Nũa, người bạn của tất cả anh em chúng tôi khi chúng tôi còn nhỏ, còn ở trong làng. Kỷ niệm giữa chúng tôi đầy đặc chất ngát bao nhiêu tình nghĩa éo le. Sau năm 1954, chúng tôi ở hai bên trận tuyến và cũng có những công tác quyết liệt chống lại nhau. Nhưng trong thâm tâm, chúng tôi đều tin vào những điều nhân nghĩa mà chúng tôi hấp thụ khi còn nhỏ giữa xóm làng. Những khuôn thước ấy không bao giờ chúng tôi đi xa. Cũng vì thế khi cuộc chiến tàn, bỏ ra ngoài những phiền lụy của thế sự, chúng tôi đã nghĩ đến nhau ngay và cũng hiểu ra rằng dân tộc chúng ta vừa trải qua một tai biến kinh hoàng. Tai biến ấy không chỉ giết hại hàng triệu sinh linh, phá tan đất nước mà đau thương hơn là cả dân tộc đã bị lừa vào một môi trường đầy xảo trá bất nhân. Kết quả ấy không biết đến khi nào mới mờ xóa đi được.

Giữa nỗi bàng hoàng, do dự, chúng tôi đã nghĩ đến nhau, thư từ cho nhau. Và Tào Mạt Nguyễn Duy Thục đã viết: “Các anh hãy cố mà về để anh em còn được nắm tay nhau, kéo chần chừ thì quá muộn. Anh em ta là những người con của làng Nũa, cùng uống nước giếng Bìm mà thành người, trước sau vẫn không thay đổi..”

Từ những ngày lưu lạc, sống ở miền Nam và di tản ra Hoa Kỳ, tác giả đã gặp những nhân vật đặc biệt và ông đã phác họa lại với tất cả những nét chân thành sinh động. Như ông truyền thần lại chân dung Võ Phiến, một nhà văn mà cũng là một người bạn của ông với những kỷ niệm khó quên. Như chuyện kể về Nguyễn Phong, với cái duyên của cuộc sống, đã tìm ra được những chia sẻ của tâm linh của những người đi tìm trong Thiên ý nghĩa của cuộc sống. Như ông viết về cụ Hoàng Văn Chí, về ca sĩ Thanh Hùng, nhắc lại một thời làm việc, một thời dẫn thân. Ông cũng viết về những cấp chỉ huy cũ trong Hải Quân VNCH, như Hoàng Cơ Minh, như Chung Tấn Cang, như Lê Hữu Đồng,.. nhắc lại một thời binh lửa, của những biến cố mà những nhân vật ấy là chứng nhân.

Ông viết về người chỉ huy cũ, phó đề đốc Nguyễn Hữu Chí tức nhà thơ Hữu Phương: “.. cho đến lúc này, hơn 30 năm sau cuộc chiến, tóc đã bạc tay đã run, bạn bè kẻ còn người mất. Những người một thời gắn liền với thời cuộc, tốt cũng như xấu, đáng kính trọng hay chỉ đáng thương hại, buồn cười,.. tất cả đã lần lượt lặng lẽ chìm vào quên lãng, hoặc đã tan vào hư vô. Trong gia đình Hải Quân, một trong những người bỏ hàng ngũ, già từ cuộc đời rất sớm trên đất tạm dung này là thi sĩ Hữu Phương tức Phó đề đốc Nguyễn Hữu Chí. Trong quân đội, về cấp bậc tôi với ông tương đối xa cách nhưng giữa những người đi biển với nhau tôi có chung với ông một niềm rung cảm trước mời gọi của biển khơi và cùng chia sẻ những giây phút vui buồn của người thủy thủ. Nhưng cũng chính sự đồng cảm và gần gũi này đã gây cho tôi biết bao nhiêu phiền lụy. Những phiền lụy ấy như một nghiệp chướng tôi muốn từ khước cố đuổi mà không ra. Giờ ông đã đi xa lắm, ngoài cuộc sống này. Vết tích một đời ông trong trí nhớ mòn mỏi của tôi chỉ còn mấy câu thơ chất ngát nỗi buồn thương:

*“thua bại như cơn lụt
dâng lên chiếm cả vùng
chẳng còn gì dưới lũng
đắm chìm ơi! Nước non..”*

Đọc xong những tác phẩm của Phan Lạc Tiếp, từ cuốn đầu tiên “Bờ Sông Lá Mực” cách nay mấy chục năm, đến “Một Thời Oan Trái” in năm 2011, tôi thấy hiển hiện lộ trình của những

người lớn lên trong một thời đại Việt Nam đầy biến cố. Từ ngôi làng nhỏ ở Sơn Tây, làng Nũa, những thanh niên thuở ấy đã lớn lên trong những hoàn cảnh khói lửa, của những cuộc.

Cao Xuân Huy - tác giả và tác phẩm

Viết về chiến tranh, có lẽ là một đề tài lớn của không những văn học Việt Nam và cả văn học thế giới nữa. Những tác phẩm như Mặt Trận Miền Tây Vãn Yên Tĩnh của E.M. Remarques hay Chiến Tranh và Hòa Bình là những danh tác mà ở đó chiến tranh đã được nhìn ngắm với con mắt của tâm hồn vĩ đại của nhân loại. Ở chiến tranh Việt Nam, cũng có nhiều nhà văn viết về chiến tranh có chất lửa và biểu hiện được một phần tâm tư của thời đại. Cao Xuân Huy là một trong những nhà văn đã viết lên những trang sách trung thực viết về cuộc chiến mà ông tham dự. Tản mạn về chân dung và tác phẩm Cao Xuân Huy có lẽ là một đề tài thú vị, nói về một tác giả mà tôi nghĩ gần gũi với chúng ta, những người tị nạn đã trải qua một thời thế có một không hai của lịch sử Việt Nam.

Ở thời điểm cuối tháng Ba năm 1975, lịch sử Việt Nam bắt đầu những khúc quanh mới. Và ở không gian thời gian này tạo thành nhiều lý do để chúng ta nói chuyện về Cao Xuân Huy. Tháng Ba Gãy Súng là một cuốn hồi ký ghi chép lại những diễn biến của mặt trận Thừa Thiên Huế mà tác giả là người kể chuyện lại. Cuốn sách đã được tái bản đến mười lần và có mặt trên 58 thư viện lớn trên toàn thế giới.

Nhưng, khi tôi đọc một đoạn trên mạng Bách Khoa Toàn Thư Mở Wikipedia thì tôi lại thấy một sự kiện lạ. Theo đó thì ông Cao Xuân Kiên nêu lên một câu hỏi "Theo tôi, chú tôi, Cao Xuân Huy, là một nhà tư tưởng lớn và có vị trí quan trọng trong nền tảng văn hóa Việt Nam. Ông Cao Xuân Huy (nhà văn-Tháng Ba Gãy Súng) cũng là một người có tiếng hiện nay. Làm sao để có cả hai trong Wiki?"

Và ông Nguyễn Hữu Dụng, người phụ trách trang định hướng của Wiki trả lời: "Bạn Cao Xuân Kiên, một trong những điều quan trọng nhất của Wiki là tính trung lập. Vì vậy bạn không thể nêu lên những ý kiến quá mang tính cá nhân như: "Theo tôi chú tôi Cao Xuân Huy là một nhà tư tưởng lớn và có vị trí quan trọng trong nền tảng văn hóa Việt Nam". Bạn hãy viết thêm cho đầy đủ về Cao Xuân Huy, ví dụ ông ấy có vị trí quan trọng trong nền tảng văn hóa Việt Nam, như thế nào, có tư tưởng gì lớn... Nếu thực sự ông ấy chưa đạt được như vậy thì chúng ta nên xóa. Tôi có thử Google "Cao Xuân Huy" thì chỉ được 982 kết quả trong đó phần nhiều nói về nhà văn hải ngoại Cao Xuân Huy kia..."

Ông Cao Xuân Huy ở trong nước là một nhà tư tưởng lớn. Học giả Cao Xuân Huy (1900-1983) là một nhà nghiên cứu chuyên về lịch sử tư tưởng triết học phương Đông từng được gọi là nhà đạo học ngay từ thuở mới khoảng 30 tuổi. Ông được xem là một trong những người có những đóng góp to lớn trong việc đào tạo các nhà nghiên cứu cổ học Việt Nam. Ông để lại một số giáo trình đại học có giá trị về Kinh Dịch, Luận Ngữ, Mạnh Tử, Bách Gia Chư Tử. Ông còn là một giáo sư của Viện Văn Học.

Con ông là Cao Xuân Hạo là một nhà ngôn ngữ học dịch giả nổi tiếng tại Việt Nam. Và tên ông đã được đặt cho một con đường ở Phường 25 Quận Bình Thạnh thành phố Sài Gòn. Thành phố Vinh cũng có một con đường mang tên ông. Tóm lại, tên tuổi Cao Xuân Huy là một tên tuổi rất lớn ở trong nước. Thế mà, ở trên trang mạng điện tử thì nhà văn Cao Xuân Huy ở hải ngoại lại được nhắc nhở nhiều hơn.

Có lẽ, chúng ta không nên so sánh học giả Cao Xuân Huy ở trong nước và nhà văn Cao Xuân Huy ở hải ngoại như vậy. Mỗi người có một vị trí riêng.

Nhưng, tôi liền có ngay ý nghĩ. À, thì ra nhà văn tác giả Tháng Ba Gãy Súng Cao Xuân Huy mặc dù ở hải ngoại nhưng cũng rất nổi tiếng ở trong nước. Nói chuyện về một tác giả như thế chắc độc giả không nở bảo là áo thụng vái nhau. Như vậy, còn chần chờ gì nữa, đây sẽ là một đề tài lý thú. Nhất là trong thời điểm đáng nhớ của những người tị nạn nói chung và những người lính cũ, những người tù cải tạo như chúng tôi nói riêng. Dù đã đọc hồi ký này nhiều lần, dù đã viết bài đọc sách, đã phỏng vấn tác giả, tôi thấy vẫn cần thiết để chúng ta nói chuyện về một chân dung nhà văn, viết mà không có ý định làm nhà văn.

Hai mươi bốn năm về trước, 1986, tôi đã viết bài đọc sách "Tháng Ba Gãy Súng" và phỏng vấn Cao Xuân Huy. Bây giờ, năm 2010, tôi lại viết bài đọc sách "Vài Mẫu Chuyện" và cũng cùng Nhã Lan phỏng vấn Cao Xuân Huy trên Hồn Việt TV và Little Sài Gòn Radio. Có nhiều người bảo tôi "ca" Cao Xuân Huy quá mức...

Riêng tôi, một cách thành thực, tôi chỉ nói lên và viết lên ý nghĩ chân thành của mình. Tôi không hề "ca" một ai cả. Thích thì viết, không thích thì lờ đi coi như không có. Tôi không phải là người phê bình, chỉ là người đọc sách. Tôi chỉ đọc những cái gì tôi thích và viết về nó. Tôi không muốn làm người đo đếm để khen chê phê phán. Nhưng, dù vậy, tôi thấy điều gì đúng thì tôi làm. Tôi vẫn đề cập đến tác giả và tác phẩm theo nhận xét của mình. Có lẽ, tôi nhìn thấy ở Huy có một điều gì khác với những người thường qua cuộc sống và tác phẩm. Tôi thấy đó là một người lính viết văn, trung thực, và dám bày tỏ ý kiến của mình một cách tự tin. Khi trả lời phỏng vấn, tác giả Cao Xuân Huy nói không có ý định làm nhà văn khi viết Tháng Ba Gãy Súng. Đó có phải là sự thực?

Có lẽ phải hỏi lại câu hỏi trực tiếp này với Cao Xuân Huy! Nhưng, hình như anh đã khẳng định: "Tôi là một người lính? Đúng. Tôi là một nhà văn? Điều này còn phải xét lại. Còn chuyện muốn bước qua nhà văn. Để ẹc. Cái chính là nhà văn như thế nào?"

Và khi bị hỏi là anh làm "văn chương" như thế nào, và có xử dụng "hư cấu" ra sao thì anh trả lời: "Hư cấu? Tôi chưa hề là một người viết, tôi chưa hề muốn trở thành một nhà văn, tôi chưa hề nghĩ Tháng Ba Gãy Súng là một tác phẩm văn chương, tôi chỉ muốn kể lại một câu chuyện đã xảy ra, thay vì kể bằng miệng chỉ có một ít người biết, tôi đã kể bằng chữ để cho nhiều người cùng biết. Và tôi chấp nhận tất cả những gì xảy đến cho mình từ những điều tôi viết. Như vậy làm gì có hư cấu trong tiểu thuyết này."

Cao Xuân Huy trả lời ra sao về văn chương từ Tháng Ba Gãy Súng? Anh trả lời, rất... Cao Xuân Huy, tự nhiên nhưng có một điều gì hơi mỉa mai, hơi ngang ngang khác người "Văn chương? Sau khi viết xong và nhất là sau khi in sách tôi mới quen biết với các nhà văn và tôi cũng mới được (hay bị) gọi là nhà văn. Tôi không hiểu văn chương nằm ở chỗ nào trong quyển hồi ký này. Tôi xin lập lại nguyên văn một câu phê bình của một nhà văn viết rất nhiều về lính là Nguyễn Vũ "Cậu viết có hồn nhưng kỹ thuật còn kém" và tôi đành "Tôi viết làm chó gì có kỹ thuật mà kém với không kém". Kể lại một câu chuyện thật đã xảy đến cho mình và đồng đội mình, như vậy mà cũng cần có kỹ thuật à? Chẳng hóa ra làm văn chương khó hay dễ như vậy sao? Mà cho tôi xin hỏi thật một câu "Văn chương là cái mẹ gì vậy?".

Thật là khó mà trả lời cho tác giả Tháng Ba Gãy Súng, có mà không, trong cái không đã sẵn cái có, nhất là ở trong tâm thái của Cao Xuân Huy. Muốn làm văn chương nhưng chưa chắc đã được, nếu không có duyên khởi, nếu không có tâm thành.

Nhắc đến duyên khởi khi Cao Xuân Huy viết Tháng Ba Gãy Súng thì đó là một tình cờ lý thú. Anh kể:

"Tôi ở trại tị nạn qua Mỹ được đầu khoảng một năm. Ở nhà của nhà văn Hoàng Khởi Phong với cha con nhà văn Nguyễn Mộng Giác. Tôi đọc được trên báo lời phát biểu của một ông tướng "làm mất nước là tội chung của mọi người lớn tội lớn bé tội bé" tôi điên tiết lên. Chỉ có những kẻ bỏ đơn vị mà chạy, chỉ những kẻ có quyền hành trong tay đã đánh lừa thuộc cấp để chạy lấy thân, những kẻ "chiến đấu đến giọt máu cuối cùng của người khác" mới là những kẻ có tội. Tôi viết để chứng minh tôi và những người lính cầm súng chiến đấu đến viên đạn cuối cùng không có tội.

Khi viết được khoảng vài chục trang tự nghĩ là mình chữ nghĩa kém nên bỏ ngang không viết tiếp. Trong bữa nhậu với mấy đồng đội cùng tiểu đoàn, chúng tôi nhắc lại chuyện bị bắt trong cuộc rút quân, kiểm điểm bạn bè đồng đội ai còn ai mất. Nhà văn Nguyễn Mộng Giác tình cờ ngồi nghe sau đó hỏi tôi sao không viết tiếp. Nhà văn Nguyễn Mộng Giác lấy đọc rồi tự ý đăng trên một tờ tuần báo mà anh đang làm chủ bút. Thế là sau đó cứ đăng hết từng đoạn, anh Giác lại thúc tôi viết tiếp. Nếu không có anh Nguyễn Mộng Giác tự ý đem đăng và đòi bài như đòi nợ thì đã không có quyển "Tháng Ba Gãy Súng" và không có "nhà dzăng" Cao Xuân Huy, vì hồi ký viết cho mình thì lai rai viết tà tà bao giờ chả được"

Với tư cách là một người đọc, tôi có cảm giác gì khi đọc Tháng Ba Gãy Súng? Rất cảm khái, khi tôi đọc hồi ký này. Phong cách diễn tả tự nhiên bình dị không màu mè lên gân. Ngôn ngữ xúc tích. Đối thoại gần gũi đời thường chuyên chở được ý nghĩ trung thực. Viết về chiến tranh, đầy những cảnh chém giết nhưng vẫn có nét nhân bản của con người chứ không phải sự say máu của loài vật. Tuy nhiên, khi gặp lại quyển sách, người đọc là tôi vẫn còn giữ nguyên sự bàng hoàng của một người không tin vào sự thực. Lẽ nào, ở trên mặt đất này có một sự vô lý như thế. Khi người thua bại là hơn bốn ngàn binh lính của một lữ đoàn TQLC binh chủng thiện chiến nhất của quân lực VNCH dũng mãnh nhất mà bị làm tù binh. Mà kẻ thắng lúc đó chỉ hơn một đại đội du kích mà những tên lính nhiều khi ở tuổi chưa trưởng thành mới mười lăm mười sáu tuổi... Và lẽ nào, có những cảnh tượng kinh hoàng hỗn loạn của những kẻ cầm súng khơi khơi giết người vô tội. Cũng như lẽ nào, có cảnh thiết vận xa cán lên những đầu người đang bơi trên biển để cập vào tàu hải quân. Lẽ nào và lẽ nào, tôi như ngộp đi trong thẳng thốt ấy. Có nhiều người đã cho rằng tôi quá nhạy cảm về những chi tiết kể trong Tháng Ba Gãy Súng. Quân lực VNCH, mà những đơn vị Tổng Trừ Bị như Thủy Quân Lục Chiến lại bị thua thiệt cay đắng như thế. Viết và nói về những nhạy cảm ấy có thể gây phản ứng cho nhiều người. Nhưng, như thế chúng ta không thể nói lên sự thực hay sao, khi Cao Xuân Huy là một nhân chứng sống đã mô tả một cách xác định như thế.

Cao Xuân Huy đã viết gì về chiến tranh trong những ngày tháng Ba ấy? Thời gian của Tháng Ba Gãy Súng là hồi ký anh ghi chép lại từ những ngày sau khi thành phố Ban Mê Thuột bị thất thủ và chấm dứt khi bị bắt làm tù binh. Không gian là mặt trận ở Huế, của nơi chốn mà tác giả đã cùng với đơn vị của mình đổ máu, mồ hôi để giữ vững qua những thời kỳ chiến đấu ác liệt. Chàng sĩ quan trẻ tả lại cảm giác của những người lính tuy cam chịu những hy sinh của đời lính chiến đấu thực sự ngoài tiền tuyến nhưng hình như trong lòng có sự dằn vặt vì sự nghi ngờ về khả năng cũng như sự công bình liêm chính của những cấp chỉ huy bất xứng mà trong đời quân ngũ của anh phải chịu nhiều hậu quả. Người đổ xương máu cho chiến trường thì không được tuyên dương trong khi những tay chân "con ông cháu cha" ở hậu cứ thì lại được hưởng nhiều ân sủng. Tuy vậy, anh cũng rất kính trọng những cấp chỉ huy xứng đáng và những người lính can trường, những người coi đơn vị như là trong gia đình và lúc gian nguy không quay mặt bỏ rơi đồng ngũ bạn bè.

Từ đời sống thực để trở thành chữ viết chắc phải là một công việc không dễ dàng. Chắc nhà

văn CXH phải có nhiều động lực lắm như sự xúc động tạo thành nỗi niềm dằn vặt trong cuộc sống?

Đúng như vậy, CXH trả lời: "Một cái ấn nút. Tất cả mọi hình ảnh bi hùng tất cả mọi diễn biến của trận đánh đã in đậm trong đầu tôi như một cuốn phim. Sức đẩy? Không. Dằn vặt? Không. Xúc động? Đúng. Người ta đã bán đứng anh em chúng tôi. Vậy mà bây giờ ở bên này người ta còn huênh hoang nhiều trò, người ta còn tiếp tục làm hề, và người ta bắt chúng tôi chịu chung tội để "mất nước" mà mất nước là tội chung của mọi người, lớn tội lớn bé lỗi bé". Chính câu này là cái ấn nút để tôi viết Tháng Ba Gãy Súng. Hình ảnh những cái chết anh hùng của đồng đội tôi, của bạn bè tôi đã bị bôi nhọ, bị bôi bẩn. Trường hợp tôi anh nghĩ sao?"

Nếu tôi trả lời CXH, thì chữ "người ta" ấy chỉ là một phần rất nhỏ của người tị nạn. Và không phải tất cả những người đang tranh đấu để chống lại chế độ độc tài toàn trị hiện nay không phải toàn là "huênh hoang nhiều trò", hay "tiếp tục làm hề". Cũng có những người làm việc nghiêm chỉnh thật. Và điều mà CXH vì phần nộ quá mà phát biểu có lẽ còn phải cần nhiều tranh luận... Nhiều người đọc Tháng Ba Gãy Súng và thấy rằng đáng lẽ câu chuyện còn phải tiếp tục. Nhà văn CXH kết cuộc đột ngột quá chăng? Không biết lý do nào mà nhà văn lại ngưng ngang xương như thế. Có thể vì lười và không thích viết tiếp. Có thể vì muốn để dành cho những tác phẩm khác tốt hơn, dữ dội hơn. Tôi không dám làm... thầy bói. Nhưng có khi tôi lại nghĩ. Kết cục đột ngột như thế nhiều khi lại tình cờ trở thành một nét đặc thù của CXH thì sao?

Có một bạn đọc nhận xét rằng đối thoại của Tháng Ba Gãy Súng ngắn gọn và là văn nói "thứ thiệt". Nhưng độc giả này thấy có một cái gì dữ... dữ... ở trong những câu đối thoại ấy. Riêng tôi thì không thấy có cái gì dữ... dữ... trong những câu đối thoại của CXH. Có lẽ vì tôi cũng là lính và cũng hay ăn nói và xài giấy bạc 500 hoặc 1,000 hơi nhiều.

Tôi có hỏi CXH trong bài phỏng vấn và anh trả lời: "Chịu chơi? Sai rồi. Tôi không phải là một tay chịu chơi. Tôi chỉ là một thằng thích sự thành thật. Những mẫu đối thoại của lính, bất cứ là lính gì cũng đều có đậm những tiếng chửi thề cho nên khi viết lại tôi đâu có đạo đức đến độ không dám viết ra. Tôi chỉ lập lại. Còn tục hay không là tùy theo người đọc, và còn những tiếng chửi thề của chính tôi, tôi hỏi thật anh bạn khi tức giận anh bạn có chửi thề không có văng tục không? Kể cả những người tự coi mình là đạo đức khi tức giận có văng tục không? Hơn nữa tiếng chửi thề tôi không cho là xấu, nó chỉ là một "hùng dũng từ", một tiếng đệm của giống đực. Dĩ nhiên là đừng có lúc nào cũng muốn chứng tỏ là mình hùng dũng..."

Người lính như CXH chắc đời sống tình cảm "ngầu" lắm... CXH nói về mình: "Tôi nghĩ ra sao về tình yêu, tình dục? Anh hỏi bây giờ hay lúc bàn tay tôi còn mò trong poncho? Tình yêu là cái mẹ gì đối với một thằng lính tác chiến? Dĩ nhiên là loại trừ những tay đã có người yêu từ trước khi về TQLC. Anh thử nghĩ mỗi năm được về phép bảy ngày thấy một cô gái chưa kịp làm quen đã hết phép thì yêu thế chớ nào được và con gái thành phố thời đó hầu như thích cặp kè với lính "thứ dữ" chỉ để đi bắt phở rước đèn chứ đâu phải để yêu thương. Có bao nhiêu người con gái đã yêu thứ người cả năm mới gặp một lần rồi sau đó đợi "ngày mai đi nhận xác chồng" đâu. Còn tình dục, cũng vậy thôi. Khi về phép thì kiếm chị em ta còn khi hành quân thì... với chị năm..."

Tôi nghe câu trả lời của CXH lại nhớ đến câu thơ Nguyễn Bắc Sơn chọt nẩy trong trí óc:

"Nếu mai đụng trận may còn sống.
Về ghé Sông Mao phá phách chơi.
Chia sót nổi sào cùng gái điếm.
Đốt tiền mua vô một đêm vui.
Ngày vui đời lính vô cùng ngắn..."

Viết về chiến tranh có rất nhiều tác giả và tác phẩm. Một số nhận xét về Thằng Ba Gãy Súng có chút gì tương tự với một vài danh tác mà tôi được đọc. Nếu nói là so sánh thì không đúng, nhưng đó chỉ là một vài liên tưởng. Đọc Hemingway, đọc E. M. Remarque, đọc Phan Nhật Nam tôi đã hỏi CXH thì Huy nhận xét: "Chiến tranh giống nhau. Sự cực khổ giống nhau. Sự sợ cái chết giống nhau. Thằng lính giống nhau. Nhưng mỗi cuộc chiến mỗi khác. Nhân vật của Hemingway và Remarque có những cấp chỉ huy không giống với cấp chỉ huy mà chúng ta đã có. Còn Phan Nhật Nam ông ta viết từ một cái nhìn ở nơi cao hơn chỗ ông ta viết. Và cao hơn chỗ tôi được biết"

Có lẽ đó chỉ là nhìn ở một góc cạnh thôi và nếu muốn đầy đủ thì phải "tản mạn" nhiều hơn. Riêng tôi, tôi có một chút đối chiếu giữa Thằng Ba Gãy Súng và Nỗi Buồn Chiến Tranh, giữa CXH và Bảo Ninh. Tiểu thuyết Nỗi Buồn Chiến Tranh của Bảo Ninh, một nhà văn trong nước nổi tiếng. Cả hai, CXH và Bảo Ninh đã nhìn chiến tranh với đôi mắt quan sát và suy tư khác nhau. Bảo Ninh tham dự cuộc chiến của một người trẻ lớn lên từ chế độ XHCN và tuy có lúc suy tư đi ngoài những quy định bắt buộc. Văn chương ông có lửa, có ghi chép lại sự thực nhưng là sự thực được đãi lọc. Và cái nhìn của Bảo Ninh về người lính VNCH giống y như trong tuyên truyền, nhiều hận thù, nhất là khi viết về những người lính thám báo hoặc kể lại sự chống cự mãnh liệt của người nữ quân nhân VNCH ở Ban Mê Thuột. Còn CXH, thì nhân bản hơn và trong Thằng Ba Gãy Súng đã phác họa đúng một chân dung người lính chiến đấu VNCH. Sự thực được kể lại thành thực trong hồi ký có lẽ khả tín hơn trong tiểu thuyết với hiện thực và hư cấu tạo thành...

Còn với, "Vài Mẩu Chuyện"? Tôi nhìn thấy chân dung một người lính rõ ràng hơn. Nói là kiếp nhân sinh của một người mặc quân phục như lời nói của Trần Như Hùng cũng là một nhận xét đúng. Chuyện ở tù Cộng Sản. Một chút. Chuyện được tha trở về. Một chút. Chuyện sang sống lưu lạc xứ người. Một chút. Chuyện chiến đấu thuở xưa. Một chút. Tất cả những một chút ấy trở thành nét phác họa, tưởng là mờ nhạt nhưng lại là những nhát dao giải phẫu đến tận cùng những kiếp nhân sinh, tuy là chuyện riêng của CXH nhưng cũng có thể chung của nhiều người trong chúng ta. Những chuyện ấy, đã quen thuộc nhưng không thành tầm thường. Bởi vì, phảng phất ở đâu đó, những nỗi niềm mang theo, những chua chát lắng sâu trong ngày tháng của những cuộc đời trôi nổi theo thời thế. Và, sâu hơn nữa, là những thoáng hy vọng về tình người, dù ở trong hoàn cảnh nào cũng thấp sáng được phần nào những biển cả u trệ đen tối... Cao Xuân Huy viết ngắn lời nhưng dài ý. Những câu đối thoại ngắn cụt lại bất ngờ chuyên chở những liên tưởng lạ. Hãy đọc thử một truyện ngắn chỉ dài chừng hơn hai trang giấy.

Truyện ngắn "Trả lại tiền". Ngôn ngữ quen thuộc của đường phố. Ba nhân vật. Gã. Á. Và tên dân phòng. Cùng vài khúc đối thoại ngắn. Thế mà, tả được tình đời, nói được tình người. Một cuộc mua dâm nửa chừng. Đáng lẽ, phải là chuyện trụy lạc, chuyện xấu xa xảy ra hàng ngày trên đường phố của một xã hội đang xuống cấp, của những cuộc đời tàn tạ. Gã. Người tù cải tạo được tha trở về thành phố. Á. Cô gái điếm hạng bét nghèo khổ. Và người dân phòng, người đóng vai thông cảm. Cả ba, trong một vở kịch của đời. Tự nhiên tôi nghĩ đến nhân vật đôi vợ chồng trong một truyện ngắn trong tập "I am đàn bà" của Y Ban. Cũng làm tình vụng trộm trên đường phố. Nhưng ở Cao Xuân Huy, thấy ngấm hơn và cảm hơn mà lại xúc động mạnh hơn. Theo tôi, đó là một truyện viết của CXH, thực mới dù chỉ là chuyện cũ thường ngày. Viết tự nhiên, không cần kỹ thuật, không cần ẩn dụ. Hữu chiêu hay vô chiêu, có kỹ thuật hay không, tôi dường như không cần chú tâm tới. Chỉ biết, qua hai trang tôi cảm nhận được tình đời và tình người... Gián tiếp nhưng sâu sắc. Không thấy bóng dáng của cầu kỳ hoa mỹ, của làm dáng trí thức. Nói thẳng băng, viết đơn giản, có lẽ đó là một cá tính rất rõ nét của tác giả biểu hiện trong tác phẩm.

CXH viết về trại tù Cộng Sản. Với phong thái khinh bạc, nhưng lại đẫm chất xót xa của những người bị hạ thấp giá trị, mà chế độ cai tù đã dùng những đặc quyền đặc lợi xét ra tầm thường ở ngoài đời nhưng lại vô giá trong hoàn cảnh tù ngục. Những nhân vật như Toàn trong "Quyền tối thiểu", trong "Vài bao cát", trong "Cái lưỡi câu", hay Mạnh trong "Ngu như lợn", hay nhân vật xưng tôi trong "Miếng ăn", có thể là CXH nhưng cũng có thể là một trong những hàng trăm ngàn người tù nhân của Cộng sản. Chuyện tù ngục mang danh cải tạo thì nhiều lắm, kể hoài không hết mà cũng không đủ. Mỗi người một cảnh không ai giống ai, nhưng đều có một chút biểu tượng chung của một thời thế chung.

Miếng ăn là miếng tòi tàn, nhưng ở trong tù lại là những điều vĩ đại. Cũng như chuyện ăn ngủ của vợ chồng cũng bị đem hạ giá thành một đặc ân để không chế những người tù. Và, những người trong âm thầm đã từ khước nó, bởi không thể đặt mình xuống ngang hàng với một sinh vật thèm ăn khát uống ham mê nhục dục đê đốn...

Đọc "Vài mẩu chuyện", tự nhiên tôi thấy đời sống mình cũng như có điều gì gửi gắm vào trong đó. Kỳ lạ, có phải là tâm cảm chung của những thằng lính không? những mẩu số của một thời thế "chó chết" của những con chốt thí của cuộc cờ tàn chiến tranh. Nội Chiến? Chiến tranh ủy nhiệm? Chiến tranh giữ nước bảo vệ tự do? Chiến tranh giải phóng? Những danh từ "chó chết" của những cai thầu chiến tranh, của chủ nghĩa Mác Lê Nin buôn xác người... Dù không muốn bám cò súng nhưng vẫn phải bắn, không chọn lựa chiến tranh nhưng vẫn phải lao vào lửa đạn. Tâm sự ấy, chung hay riêng, của những người muôn năm cũ đang lưu lạc trong cuộc thế giữa nghiêng bầy giờ...

Tháng 3, đọc lại "Vài mẩu chuyện"

Tháng 3, đọc Tháng Ba Gãy Súng. Có nhiều người làm như vậy. Trong lòng những người thân trong gia đình và bằng hữu của Cao Xuân Huy vẫn còn phảng phất đâu đây hình bóng của một nhà văn, một người lính mà những vóc dáng đặc biệt cũng như những cống hiến của ông cho văn học còn hiện hữu. Nhưng có một tác phẩm khác, cuối đời của ông, viết ngắn, đơn sơ nhưng toàn là truyện thật của đời người lính. Tập truyện ngắn Vài Mẩu Chuyện và đây cũng là tiêu biểu cho phong cách viết Cao Xuân Huy, làm văn chương một cách tinh cở không cố ý nhưng ở chỗ tự nhiên ấy lại thành một điểm để hấp dẫn và thuyết phục độc giả.

Viết về chiến tranh, có lẽ là một đề tài lớn của không những văn học Việt Nam và cả văn học thế giới nữa. Những tác phẩm như Mặt Trận Miền Tây Vãn Yên Tĩnh của E.M. Remarque hay Chiến Tranh và Hòa Bình của Leo Tolstoy là những danh tác mà ở đó chiến tranh đã được nhìn ngắm với con mắt của tâm hồn vĩ đại của nhân loại. Ở chiến tranh Việt Nam, cũng có nhiều nhà văn viết về chiến tranh có chất lửa và biểu hiện được một phần tâm tư của thời đại. Cao Xuân Huy là một trong những nhà văn đã viết lên những trang sách trung thực viết về cuộc chiến mà ông tham dự. Viết như một cách thế sống, để kể về những sự kiện thực trong đời, và văn chương như một tình cờ chợt đến. Ông viết không nhiều, chỉ có hai tác phẩm mỏng, nhưng lại chứa đựng cả một trời tâm sự. Nỗi niềm của ông, không phải chỉ của riêng mình, mà hình như, là của chung những người cùng sống một thời đại chiến tranh với ông, cùng và có cùng những phần uất, những dồn nén từ những dữ kiện kỳ lạ có một không hai của thời thế và lịch sử. Từ một góc độ nhìn của mọi người, ông tự nhiên viết để từ đó nói lên được tiếng nói của chúng nhân tham dự.

Viết về Cao Xuân Huy, có rất nhiều bài viết. Nói về Cao Xuân Huy, có rất nhiều chuyện kể. Riêng tôi, hai mươi bốn năm về trước, 1986, tôi đã viết bài đọc sách "Tháng Ba Gãy Súng" và phỏng vấn Cao Xuân Huy in trong những lần tái bản sau và tác phẩm được in lại khá nhiều lần. Năm 2010, tôi lại viết bài đọc sách "Vài Mẩu Chuyện" và cũng cùng Nhã Lan phỏng vấn Cao

Xuân Huy trên Hồn Việt TV và Little Sài Gòn Radio trước khi ông từ trần. Khi ông ra đi tôi viết bài và làm thơ tưởng niệm. Và bây giờ, tôi lại viết để nhìn lại những tác phẩm của ông. Tại sao tôi lại có lối ứng xử như vậy? Có phải, vì Cao Xuân Huy nổi tiếng, đến nỗi một học giả ở trong nước, tên tuổi đã được chế độ đặt tên đường mà thân nhân còn phàn nàn rằng tại sao trên mạng Wikipedia nhà văn hải ngoại Cao Xuân Huy lại được nhắc nhở và truy cập nhiều hơn học giả trong nước Cao Xuân Huy? Tôi nghĩ không chắc! Mà tôi lại thấy khẳng định rằng chính ở giữa những trang sách và đời thường của anh có điều đáng nói!

Riêng tôi, khi tự nhìn ngắm lại chính mình một cách thành thực, khi viết tôi chỉ nói lên với ý nghĩ chân thành của mình. Thích thì viết, không thích thì bỏ qua đi coi như không có. Tôi không phải là người phê bình, chỉ là người đọc sách. Tôi chỉ đọc những cái gì tôi thích rồi chọn lựa để viết về nó. Tôi không muốn làm người đo đếm để khen chê ăp phê phán. Mặc dù ở ngoài đời thường, tôi và CXH có lúc xích mích với nhau, có lúc đụng độ nặng với nhau và có lúc anh viết bài mỉa mai tôi và tôi lờ đi coi như không đọc đến. Sau khi gần mất anh có phân bua với tôi... Nhưng, dù vậy, tôi thấy điều gì đúng thì tôi làm. Tôi vẫn đề cập đến tác giả và tác phẩm theo nhận xét chủ quan của mình. Có lẽ, tôi nhìn thấy ở Huy có một điều gì khác với những người thường qua cuộc sống và tác phẩm. Tôi thấy đó là một người lính viết văn, trung thực, và dám bày tỏ ý kiến của mình một cách tự tin. Tôi thích những người thẳng thắn và không ưa những kẻ không dám trung tín...

Với tư cách là một người đọc, tôi có cảm giác gì khi đọc Tháng Ba Gãy Súng? Và có thay đổi gì so với những cảm xúc đầu tiên hơn hai mươi mấy năm về trước?

Vẫn rất cảm khái, khi tôi đọc lại hồi ký này. Phong cách diễn tả tự nhiên bình dị không màu mè lên gân. Ngôn ngữ súc tích. Đối thoại gần gũi đời thường chuyên chở được ý nghĩ trung thực. Viết về chiến tranh, đầy những cảnh chém giết nhưng vẫn có nét nhân bản của con người chứ không phải sự say máu của loài vật. Tuy nhiên, khi gặp lại quyển sách, người đọc là tôi vẫn còn giữ nguyên sự bàng hoàng của một người không tin vào sự thực. Lẽ nào, ở trên mặt đất này có một sự vô lý như thế. Khi người thua bại là hơn bốn ngàn binh lính của một lữ đoàn TQLC binh chủng thiện chiến nhất của quân lực VNCH dũng mãnh nhất mà bị làm tù binh. Mà kẻ thắng lúc đó chỉ hơn một đại đội du kích mà những tên lính nhiều khi ở tuổi chưa trưởng thành mới mười lăm mười sáu tuổi... Và lẽ nào, có những cảnh tượng kinh hoàng hỗn loạn của những kẻ cầm súng khơi khơi giết người vô tội. Cũng như lẽ nào, có cảnh thiết vận xa cán lên những đầu người đang bơi trên biển để cập vào tàu hải quân. Lẽ nào và lẽ nào, tôi như ngộp đi trong thẳng thốt ấy..Có nhiều người đã cho rằng tôi quá nhạy cảm về những chi tiết kể trong Tháng Ba Gãy Súng. Quân lực VNCH, mà những đơn vị Tổng Trừ Bị như Thủy Quân Lục Chiến lại bị thua thiệt cay đắng như thế. Viết và nói về những nhạy cảm ấy có thể gây phản ứng cho nhiều người cho rằng làm hạ giá trị chiến đấu của những người lính ấy. Nhưng, như thế chúng ta không thể nói lên sự thực hay sao, khi Cao Xuân Huy là một nhân chứng sống đã mô tả một cách xác định như thế. Những hình ảnh, những chân dung người lính, đã nhập tâm và trở thành một phần đời sống và chuyện kể đã thành những trang sách mà ở đó dấu ấn chiến tranh không phải của riêng một người mà của cả chung một thế hệ thể hiện. Người lính, với những nét thành thực đời thường, trong văn chương Cao Xuân Huy, trở thành những nét khắc họa linh động một cách tình cờ. Không cố ý làm văn chương, nhưng lại tạo được sự rung cảm sâu xa đến người đọc.

Trả lời trong một cuộc phỏng vấn, hình như anh đã khẳng định: "Tôi là một người lính?"

Đúng. Tôi là một nhà văn? Điều này còn phải xét lại. Còn chuyện muốn bước qua nhà văn. Dễ ẹc. Cái chính là nhà văn như thế nào?"

Và khi bị hỏi là anh làm "văn chương" như thế nào, và có xử dụng "hư cấu" ra sao thì anh trả lời:"

"Hư cấu? Tôi chưa hề là một người viết, tôi chưa hề muốn trở thành một nhà văn, tôi chưa hề nghĩ Tháng Ba Gãy Súng là một tác phẩm văn chương, tôi chỉ muốn kể lại một câu chuyện đã xảy ra, thay vì kể bằng miệng chỉ có một ít người biết, tôi đã kể bằng chữ để cho nhiều người cùng biết. Và tôi chấp nhận tất cả những gì xảy đến cho mình từ những điều tôi viết. Như vậy

làm gì có hư cấu trong tiểu thuyết này.."

Cao Xuân Huy trả lời ra sao về văn chương từ Tháng Ba Gãy Súng?

Anh trả lời, rất.. Cao Xuân Huy, tự nhiên nhưng có một điều gì hơi mỉa mai, hơi ngang ngang khác người

" Văn chương? Sau khi viết xong và nhất là sau khi in sách tôi mới quen biết với các nhà văn và tôi cũng mới được(hay bị) gọi là nhà văn. Tôi không hiểu văn chương nằm ở chỗ nào trong quyển hồi ký này. Tôi xin lập lại nguyên văn một câu phê bình của một nhà văn viết rất nhiều về lính là Nguyễn Vũ" Cậu viết có hồn nhưng kỹ thuật còn kém" và tôi đành" Tôi viết làm chó gì có kỹ thuật mà kém với không kém" Kể lại một câu chuyện thật đã xảy đến cho mình và đồng đội mình, như vậy mà cũng cần có kỹ thuật à? Chẳng hóa ra làm văn chương khó hay dễ như vậy sao? Mà cho tôi xin hỏi thật một câu" Văn chương là cái mẹ gì vậy?"

Thật là khó mà trả lời cho tác giả Tháng Ba Gãy Súng, có mà không, trong cái không đã sẵn cái có, nhất là ở trong tâm thái của Cao Xuân Huy. Muốn làm văn chương nhưng chưa chắc đã được, nếu không có duyên khởi, nếu không có tâm thành..

Với mình và với người, trước sau, sau trước Cao Xuân Huy vẫn là người trung thực. Như khi nói về mình:

" Tôi nghĩ ra sao về tình yêu, tình dục? Anh hỏi bây giờ hay lúc bàn tay tôi còn mò trong poncho? Tình yêu là cái mẹ gì đối với một thằng lính tác chiến? Dĩ nhiên là loại trừ những tay đã có người yêu từ trước khi về TQLC. Anh thử nghĩ mỗi năm được về phép bảy ngày thấy một cô gái chưa kịp làm quen đã hết phép thì yêu thế chó nào được và con gái thành phố thời đó hầu như thích cặp kè với lính" thứ dũ" chỉ để đi bát phở rước đèn chứ đâu phải để yêu thương. Có bao nhiêu người con gái đã yêu thứ người cả năm mới gặp một lần rồi sau đó đợi" ngày mai đi nhận xác chồng" đâu

Còn tình dục, cũng vậy thôi. Khi về phép thì kiếm chị em ta còn khi hành quân thì... với chị năm.."

Tôi nghe câu trả lời của CXH lại nhớ đến câu thơ Nguyễn Bắc Sơn chọt nẩy trong trí óc" Nếu mai đặng trận may còn sống. Về ghé sông Mao phá phách chơi. Chia sót nổi sầu cùng gái điếm. Đốt tiền mua vui một đêm vui. Ngày vui đời lính vô cùng ngắn.."

Đọc Hemingway, đọc E. M. Remarque, đọc Phan Nhật Nam, tôi đã hỏi thì Cao Xuân Huy nhận xét:

" Chiến tranh giống nhau. Sự cực khổ giống nhau. Sự sợ cái chết giống nhau. Thằng lính giống nhau. Nhưng mỗi cuộc chiến mỗi khác. Nhân vật của Hemingway và Remarque có những cấp chỉ huy không giống với cấp chỉ huy mà chúng ta đã có. Còn Phan Nhật Nam ông ta viết từ một cái nhìn ở nơi cao hơn chỗ ông ta viết. Và cao hơn chỗ tôi được biết"

Có lẽ đó chỉ là nhìn ở một góc cạnh thôi và nếu muốn đầy đủ thì phải " tản mạn " nhiều hơn.

Riêng tôi, trong ý nghĩ có một chút đối chiếu giữa Tháng Ba Gãy Súng và Nỗi Buồn Chiến Tranh, giữa Cao Xuân Huy và Bảo Ninh..

Cả hai, đã nhìn chiến tranh với đôi mắt quan sát và suy tư khác nhau. Bảo Ninh tham dự cuộc chiến của một người trẻ lớn lên từ chế độ XHCN và tuy có lúc suy tư đi ngoài những quy định bắt buộc. Văn chương ông có lửa, có ghi chép lại sự thực nhưng là sự thực được đãi lọc. Và cái nhìn của Bảo Ninh về người lính VNCH giống y như trong tuyên truyền, nhiều hận thù, nhất là khi viết về những người lính thám báo hoặc kể lại sự chống cự mãnh liệt của người nữ quân nhânVNCH ở Ban Mê Thuột. Còn Cao Xuân Huy, thì nhân bản hơn và trong Tháng Ba Gãy Súng đã phác họa đúng một chân dung người lính chiến đấu VNCH..Sự thực được kể lại thành thực trong hồi ký có lẽ khả tín hơn trong tiểu thuyết với hiện thực và hư cấu tạo thành...

Hơn hai mươi năm trước, Cao Xuân Huy đã nghĩ như thế, sống như thế và viết như thế. Đến sau này, khi viết Vài Mẩu Chuyện, vẫn không đổi. Vẫn là người lính, từ bề ngoài lạnh lùng nhưng bên trong lại ấm áp tình người. Vẫn những nhận xét, những cảm xúc, được diễn tả ngắn, gọn nhưng lại lôi cuốn cảm quan người đọc bằng sự thành thực.

Với Tháng Ba Gãy Súng, chân dung người lính được phác họa trong một hoàn cảnh đặc biệt của thời thế. Còn với," Vài Mẩu Chuyện"?tôi nhìn thấy chân dung một người lính rõ ràng hơn từ

những nét đời thường, gần gũi hơn. Nói là kiếp nhân sinh của một người mặc quân phục như lối nói của Trần Như Hùng cũng là một nhận xét đúng. Chuyện ở tù Công Sản. Một chút. Chuyện được tha trở về. Một chút. Chuyện sang sống lưu lạc xứ người. Một chút. Chuyện chiến đấu thuở xưa. Một chút. Tất cả những một chút ấy trở thành nét phác họa, tưởng là mờ nhạt nhưng lại là những nhát dao giải phẫu đến tận cùng những kiếp nhân sinh, tuy là chuyện riêng của Cao Xuân Huy nhưng cũng có thể chung của nhiều người trong chúng ta. Những chuyện ấy, đã quen thuộc nhưng không thành tầm thường. Bởi vì, phảng phất ở đâu đó, những nỗi niềm mang theo, những chua chát lắng sâu trong ngày tháng của những cuộc đời trôi nổi theo thời thế. Và, sâu hơn nữa, là những thoáng hy vọng về tình người, dù ở trong hoàn cảnh nào cũng thấp sáng được phần nào những biển cả u trệ đen tối...

Cao Xuân Huy viết ngắn lời nhưng dài ý. Những câu đối thoại ngắn cụt lại bất ngờ chuyên chở những liên tưởng lạ. Hãy đọc thử một truyện ngắn chỉ dài chừng hơn hai trang giấy. Truyện ngắn "Trả lại tiền". Ngôn ngữ quen thuộc của đường phố. Ba nhân vật. Gã. Á. Và tên dân phòng. Cùng vài khúc đối thoại ngắn. Thế mà, tả được tình đời, nói được tình người. Một cuộc mua dâm nửa chừng. Đáng lẽ, phải là chuyện trụy lạc, chuyện xấu xa xảy ra hàng ngày trên đường phố của một xã hội đang xuống cấp, của những cuộc đời tàn tạ. Gã. Người tù cải tạo được tha trở về thành phố. Á. Cô gái điếm hạng bét nghèo khổ. Và người dân phòng, người đóng vai thông cảm. Cả ba, trong một vở kịch của đời. Tự nhiên tôi nghĩ đến nhân vật đôi vợ chồng trong một truyện ngắn trong tập "I am đàn bà" của Y Ban, một nhà văn nữ ở trong nước. Cũng làm tình vụng trộm trên đường phố. Nhưng ở Cao Xuân Huy, thấy ngấm hơn và cảm hơn mà lại xúc động mạnh hơn. Theo tôi, đó là một truyện viết của CXH, thực mới dù chỉ là chuyện cũ thường ngày. Viết tự nhiên, không cần kỹ thuật, không cần ẩn dụ. Hữu chiêu hay vô chiêu, có kỹ thuật hay không, tôi dường như không cần chú tâm tới. Chỉ biết, qua hai trang tôi cảm nhận được tình đời và tình người...Gián tiếp nhưng sâu sắc. Không thấy bóng dáng của cầu kỳ hoa mỹ, của làm dáng trí thức. Nói thẳng băng, viết đơn giản, có lẽ đó là một cá tính rất rõ nét của tác giả biểu hiện trong tác phẩm.

CXH viết về trại tù Cộng Sản. Với phong thái khinh bạc, nhưng lại đẫm chất xót xa của những người bị hạ thấp giá trị, mà chế độ cai tù đã dùng những đặc quyền đặc lợi xét ra tầm thường ở ngoài đời nhưng lại vô giá trong hoàn cảnh tù ngục. Những nhân vật như Toàn trong "Quyền tối thiểu", trong "Vải bao cát", trong "Caiu lười câu", hay Mạnh trong "Ngu như lợn", hay nhân vật xưng tôi trong "Miếng ăn", có thể là CXH nhưng cũng có thể là một trong những hàng trăm ngàn người tù nhân của Cộng sản. Chuyện tù ngục mang danh cải tạo thì nhiều lắm, kể hoài không hết mà cũng không đủ. Mỗi người một cảnh không ai giống ai, nhưng đều có một chút biểu tượng chung của một thời thế chung.

Miếng ăn là miếng tòi tàn, nhưng ở trong tù lại là những điều vĩ đại. Cũng như chuyện ăn ngủ của vợ chồng cũng bị đem hạ giá thành một đặc ân để khống chế những người tù. Và, những người trong âm thầm đã từ khước nó, bởi không thể đặt mình xuống ngang hàng với một sinh vật thèm ăn khát uống ham mê nhục dục được. Chính sách cai tù tàn bạo đã không khuất phục được những người tuy không muốn làm anh hùng nhưng cũng không muốn làm người hèn.

Thực tế, ở trong tù để làm một người bình thường nín thở qua sông đã không phải là dễ. Huống chi, phải tự thắng mình để không bị dụ dỗ, không bị chế phục thì khó hơn biết bao nhiêu..

Chiến tranh với Cao Xuân Huy, xảy ra bao nhiêu điều kỳ quặc mà những người lính ở tuyến đầu ở cả hai bên không sao hiểu được. Trong "Chờ tôi với", ông tả những giờ phút ngưng bắn đầu tiên ở mặt trận khi người lính hai bên thân ái với nhau, chuyện trò với nhau, để rồi sau đó lại nổ súng vào nhau, đâm lười lê vào nhau. Những người lính như con chốt thí đã lao vào cuộc như những cỗ người máy tự động bấm cò, tự động giết nhau không cảm hơn vì cùng con người không thù không oán.

Ông yêu đơn vị, với tình đồng đội thiết tha. Có lúc người lính trận ấy dù đang bị thương chống nạng vào nghĩa trang thăm mộ bạn vừa tử trận. Ông viết trong truyện ngắn "Hành phương nam", một đoạn kết bi thương đầy xúc động:

"Mộ mới đắp, mới tinh như bộ quần áo trận chưa kịp sửa rộng thùng thình Toàn đang mặc."Chí ơi! Tụi nó tan hàng mà mình cũng bị khá nặng, đồ đạc ban hết, nhưng nếu mày chỉ bị thương như tao thì áo mới của mày cũng như của tao, chứ đâu phải cái áo quan chôn dưới huyết đất này. Thằng Trọng" nằm " lại ngoài đó, đang hành quân. Còn tao với mày thì đã" hành phương nam..." về tời Sài Gòn, thăm như vậy, Chí ơi!"

Toàn bật khóc, ngồi xuống cạnh mộ, dựa chiếc nạng vào mộ chí, long cọng mở nắp rượu, rượu lên mồ, rồi ngửa cổ tu một hơi. Những dòng nước mắt lăn dài trên khuôn mặt râu ria không cất tĩa. Đốt điều thuốc cắm vào một chân nhang Toàn móc túi lấy ra tờ giấy xé từ quyển sách " Chi, tao mang cho mày bài Hành Phương Nam, có đề tên tác giả là Nguyễn Bính hẳn hoi, như buổi chiều trước hôm hành quân mày thối mắc tao chưa kịp đọc.."

Toàn nghẹn ngào đọc không hết bài thơ, đứng dậy, tay run run bật lửa nghiêm trang đốt bài thơ rắc lên mộ Chí, như người ta hóa vàng

"Mày"sang bên ấy sao mà lạnh

" Nặng gổ" tao về lạnh mấy mươi.."

Đọc " Vài mẩu chuyện ", tự nhiên tôi thấy đời sống mình cũng như có điều gì gửi gắm vào trong đó. Kỳ lạ, có phải là tâm cảm chung của những thằng lính không? những mẩu số của một thời thế " chó chết" của những con chốt thí của cuộc cờ tàn chiến tranh. Nội chiến?chiến tranh ủy nhiệm? chiến tranh giữ nước bảo vệ tự do? Chiến tranh giải phóng? Những danh từ " chó chết" của những cai thầu chiến tranh, của chủ nghĩa Mác Lê Nin buôn xác người...Dù không muốn bấm cò súng nhưng vẫn phải bắn, không chọn lựa chiến tranh nhưng vẫn phải lao vào lửa đạn. Tâm sự ấy, chung hay riêng, của những người muôn năm cũ đang lưu lạc trong cuộc thế giữa nghiêng bây giờ...

Cao Xuân Huy ra đi đã vài năm. Thời gian qua nhanh. Rồi, như tất cả đi vào lãng quên. Những người bạn của Huy, giạt mình khi biết đã đến giỗ của Huy. Đám tang tưởng như mới hôm nào, gần gũi lắm thế mà đã qua nhiều năm. Viết một vài trang giấy, nhắc lại một chân dung người lính viết văn cũng là một cách phản kháng. Phản kháng với thời gian qua nhanh. Và phản kháng với sự lãng quên. Cố gắng phản kháng nhưng xem ra vô vọng. Vì thời gian vẫn trôi qua, thật mau kiếp sống con người...

“Dấu Binh Lửa” và Phan Nhật Nam, một thời chinh chiến

Những năm của thập niên 70, có lẽ là những năm đẹp nhất của cuộc đời tôi. Ở tuổi mới lớn, nhìn mọi sự việc đơn giản, cái lãng mạn của tuổi trẻ đã mang sự suy nghĩ đi xa hơn thực tế cuộc sống. Lúc ấy, chiến tranh bắt đầu tàn khốc. Những người bạn cùng lớp, có đứa đã mặc quần áo lính và cũng có đứa đã nằm xuống với lá cờ vàng ba sọc đỏ trên mộ và hàng chữ tổ quốc ghi ơn. Vào giảng đường học đại học, thi rớt một năm là vào quân trường ngay. Trong cái không khí ấy, chúng tôi đã đọc những trang bút ký chiến tranh của những người đi lính trước, để tưởng tượng ra những khổ nhục mà sau này, khi đã bắt đầu đoạn đường chiến binh sẽ hiểu thấu. Có những bài viết, làm xúc động sâu xa. Có những câu thơ mang đến sự chia sẻ tốt cùng.

Chúng tôi đọc Nguyễn Bắc Sơn. Chúng tôi đọc Phan Nhật Nam. Thấy “Chiến tranh Việt Nam và tôi”. Thấy “Dấu Binh Lửa”. Thấy “Mùa Hè Đỏ Lửa”. Thấy những người chết và những người đang làm lụi trong khói lửa chiến tranh.

Như Đỗ Quý Toàn đã đọc “Ngày mưa đọc lại Dấu Binh Lửa”, với những cảm giác bàng hoàng, của những thiên nah hùng ca tàn khốc, vỡ vụn:

*“ngày mưa đọc lại Phan Nhật Nam
trời bỗng xầm đen tóe sấm sét*

*mặt đất ào ào trận pháo tuôn
trong thành phố tử thần co quắp
viên đạn cuối cùng đã bắn đi
người chết giữa trời trên đồng cháy
hồn anh thảng thút bay lên không
suốt dọc Trường Sơn đất run rẩy
mặt trời chưa thấy đêm dài ôi
từng khối lòn mênh mang đặc cứng
qua khe nhìn lại đồi C2
nhớ lại anh em ta nằm xuống...”*

Chiến tranh, là những điều quái gở, là chuỗi dài chém giết cả mấy chục năm, như Nguyễn Bắc Sơn thổ lộ :

*”Kẻ thù ta ơi những đũa xâm mình
Aên muối đá mà điên say chiến đấu
Ta vốn hiền khô ta là lính cậu
Đi hành quân rượu đế vẫn mang theo
Mang trong đầu những ý nghĩ trong veo
Xem cuộc chiến như tai trời ách nước
Ta bắn trúng người vì người bạc phước
Vì căn phần người xui khiến đó thôi
Chiến tranh này cũng chỉ một trò chơi
Suy nghĩ làm gì lao tâm khổ trí
Lũ chúng ta sống một đời vô vị
Nên chọn rừng sâu núi cả đánh nhau
Mượn trời đất làm nơi đốt hỏa châu
Những cột khói giả rỗng thiêng uốn khúc
Mang bom đạn chơi trò chơi pháo tết
Và máu xương làm phân bón rừng hoang.”*

Những bài hát, có hình dáng chiến tranh, có khăn tang cô phụ, có hình tượng của một thời núi xương sông máu, dù phản chiến hay cổ võ chiến đấu, với lời ca từ làm nhỏ nhẹ chúng tôi. Thân phận con người trong cơn bão lốc như chẳng còn chút giá trị. Viết về một thời đại ấy, là kể lại những kỷ tích mà mấy chục năm sau, lớp tuổi trẻ tiếp theo lớn lên khó tưởng tượng nổi. Dù rằng, những tác phẩm ấy chỉ nói lên một phần không toàn diện cuộc chiến.

Một nửa, là dòng chữ Phan Nhật Nam, một nửa là câu văn Bảo Ninh. (Tôi chỉ nói Bảo Ninh của Nỗi Buồn Chiến Tranh thôi, Còn Bảo Ninh bây giờ của “Tản mạn trên đường bị kẹt xe: thì hiện nguyên hình là một ... văn nô có đẳng cấp). Chiến tuyến phân đôi khiến hai bên chỉ nhìn thấy ở phận mình. Nỗi niềm riêng, của những người bắt buộc lao vào cuộc chiến. Bao nhiêu năm qua, thống hận đã hết nhưng đau xót vẫn còn. Những vết thương vẫn chưa lành miệng...

Nhưng, có người nói bây giờ mà đọc bút ký chiến tranh của thời xa xưa ấy thì hơi ... chậm tiến. Chiến tranh đã qua lâu lắm rồi đã hàng nửa thế kỷ, bây giờ nhắc lại có ích gì, như hành động cứ moi mãi vào vết thương tâm của cả một dân tộc.

Viết bút ký chiến tranh, là phản ánh lập trường chính trị một cách chủ quan, chỉ là một cách nhìn của một phía và chỉ soi rọi đến một nửa chân lý mà thôi. Đọc những trang sách viết về chiến tranh, chúng ta có thể rõ ràng mừng tượng vị trí chính trị. Từ Phan Nhật Nam đến Bảo Ninh, từ Trần Hoài Thư đến Trần Mạnh Hào... dù thời điểm sáng tác có khác, dù hoàn cảnh,

môi trường có khác, chiến tuyến có khác nhưng những giòng chữ viết của họ phần nào nói lên được tâm cảm của người lính trong bão lốc chiến tranh...

Nhưng, trên phương diện văn học sử, những tác phẩm như Dấu Binh Lửa, như Nỗi Buồn Chiến Tranh,.. chính là những ghi chép lại của tâm tư một thời, những ngày khốc liệt nhất của lịch sử. Khác với vai trò của một văn công tuyên truyền, họ mang cái lửa của những người tuổi trẻ sống trong một thời kỳ không thể có một quyết định nào khác hơn là cầm súng. Những người không thích chém giết mà vẫn phải lao mình vào lửa đạn.

Tôi đọc Phan Nhật Nam trong tâm cảm ấy. Dấu Binh Lửa, Dọc Đường Số 1, Mùa hè Đỏ Lửa, là những bút ký ghi lại một thời mà chúng ta đều gắng quên mà phải nhớ. Một thời kỳ mà những suy tư đã dẫn vật lên những “con người” biết nghĩ đến phát triển lên được. Thực tế lịch sử đã tròng treo lên nhau hết mắc míu này đến liên hệ kia. Những thế lực ngoại quốc chi phối, những tâm cảm bức bối nhược tiểu, những con đường đi ít có ánh sáng mặt trời. Tuổi trẻ bị đẩy vào mê cung và quanh quẩn lờn lộn trong những chấn song giới hạn như trong một bẫy rập.

Hình như, bút ký chiến tranh Dấu Binh Lửa đã gây nên rất nhiều phản ứng trong giới cầm bút. Nhà thơ Đỗ Quý Toàn đã cho rằng đây là một kiệt tác viết về chiến tranh. Nhà báo Chu Tử cũng phát biểu như thế. Những dòng chữ, viết bằng máu và mồ hôi của một chiến trận có thực và những phần nộ có thực đã thuyết phục được người đọc. Đến nỗi, những người cầm bút phía đối nghịch bên kia như Tô Hoài và Nguyễn Tuân cũng phải nhận rằng quả thực Phan Nhật Nam đã viết tác phẩm của mình bằng máu, nhưng là một loại máu bị nhiễm độc. Và, khi chấm dứt chiến tranh, Phan Nhật Nam đã ném biết bao nhiêu đòn thù, với những ngày biệt giam dài dằng dặc. Dù ở bất cứ một nhân quan chính trị nào, ở những kết luận, đều chung một nhận định, chữ viết của Dấu Binh Lửa, Mùa Hè Đỏ Lửa là những dòng chữ của văn chương mang nỗi niềm của tuổi trẻ một thời đại rất là đặc biệt Việt Nam.

Trước khi là lính, Phan Nhật Nam là một sinh viên sĩ quan trường Võ Bị Đà Lạt. Tôi để ý thấy ông ít tôn sùng một thần tượng nào, nhưng khi nhắc về Trường Mẹ của mình, ông đã viết với sự tôn trọng. Hơn nữa, với cả một tâm tình đắm thắm mà ông đã có từ thuở hoa niên. Những người, mà ông gọi là thầy, là niên trưởng, hay niên đệ, trong văn chương ông, đều có nét chung mang nhân bản, của những mẫu người yêu đất nước và mong muốn hòa bình dù phải bất buộc cầm súng. Những lời ông ngỏ, như những tâm sự gửi đến, để chia sẻ:

“... Tôi ở lính tám năm, năm nay 26 đi lính năm 18 suốt tám năm của một thời lớn lên tôi đem tặng hết cho quân đội, không phải đến bây giờ tôi thất vọng chán nản vì công danh không toại ý, cuộc sống bị ép buộc không đúng như mơ ước nên cay cú hận học với nhà binh. Không như vậy, tôi đi lính năm 18 tuổi vào học trường tình nguyện ra làm ông Quan một. Chẳng có ai lôi kéo tôi vào trường ấy, tôi tự động hăng hái hãnh diện để trở thành một Sinh Viên Sĩ Quan với ý nghĩ đã chọn đúng cho mình một hướng đi, một chỗ đứng dưới ánh mặt trời mọc. Tôi có những rung động thật thành thực khi đi trong rừng thông hương nhựa thông tỏa đặc cả một vùng đồi, sung sướng vì thấy đã đưa tuổi trẻ vào trong một thế giới có đủ mơ mộng và cứng rắn, một thế giới pha trộn những ước mơ lãng mạn hào hùng.. Chuyển quân trong sương đêm, trong mây mù, ánh lửa mục tiêu của một đêm đông, trong hốc núi hoang vắng, thế giới mạo hiểm giang hồ của Jack London phảng phất đâu đây...”

Tôi say mê và thích thú với những khám phá mới mẻ đó. Nắng cao nguyên trong những ngày cuối năm vàng tươi rực rỡ, đứng ở đồi nhìn xuống hồ suối Vàng trong vắt yên lặng, người như muốn tan vỡ thành muôn ngàn mảnh nhỏ theo cơn gió bay chập chờn qua vùng đồi trùng điệp và tan đi trong nước hồ xanh ngắt...”

Không phải cảm giác và tâm tưởng ấy là của riêng tác giả Dấu Binh Lửa. Mà hình như của chung những chàng lính” sửa “quân trường. Huấn nhục không làm voi chất lãng mạn mà còn tạo thành một truyền thống để những cực nhọc thăng hoa thành những kỷ niệm đẹp một thời.

Đà Lạt, phong cảnh hữu tình, người cũng đẹp và trời đất bốn mùa cũng có nét đẹp cách riêng. Sống ở trong môi trường ấy, óc tưởng tượng đã phát triển để thấy được cái lồng lộng vô biên của cuộc nhân sinh. Thực tế cũng có nhiều trắc trở, ngày tháng rồi sẽ kéo dài những mệt mỏi, nhưng trong rục rờ những hy vọng vẫn là những bản hoan ca của một tuổi trẻ thanh xuân. Không phải là những bài hát mị lính rẻ tiền kiểu “anh tiên tuyền em hậu phương” mà là những tâm tư chất ngát hùng tráng của những câu thơ hào hùng thuở nào nhắc đến một hời trắng treo vó ngựa. Phan Nhật Nam viết về những ngày ở Trường Mệ:

“... Phải nói thật những ngày ở lính đầu tiên của tôi đầy trong sáng và đẹp đẽ. Trong sáng như giấc mơ của số tuổi 19, giấc mơ mù mờ có cánh chim trắng bay chậm rãi qua rừng thông....nhưng đời sống nhà binh không hẳn là vậy, nó còn có sĩ quan cán bộ, có nghi lễ, có đủ những phiền toái hỗn độn mà đời sống dân sự không ai nghĩ ra được... Nên khung trời đầy sương mù bí mật ngoài khung cửa sổ hiện ra như một thách thức đối với đời sống kim kẹp của tôi hiện tại.

Đây cũng là một thời gian thật khủng hoảng, mỗi đêm nhìn về phía thành phố đầy ánh đèn tôi không ngủ được, tưởng như có một tiếng gọi của đời sống ở bên ngoài quân ngũ đang nhắc nhở thúc giục, một đời sống thực sự tôi không có. Từ khung cửa sổ nhìn xuống những dàn đồi im lặng chạy dài trong sương mù và đằng xa ánh đèn xanh của vườn Bích Câu ma quái diễm ảo, tôi thấy rõ trong tôi có một nỗi cô đơn khủng khiếp hiện hình sừng sững. Những lúc ấy tôi thấy được con người thực của mình, một gã trai trẻ viễn vông, thấy rõ những cười đùa ban ngày, những buổi học, bữa ăn tập thể không ảnh hưởng gì đến con người trong tôi. không thể có được một ý niệm về chuyên môn quân sự mà bằng tất cả mọi cách nhà trường cố nhét vào trong đầu óc.

Những Đội hình tác chiến, cung cách chỉ huy, chi tiết kỹ thuật về vũ khí trôi qua trí não mơ hồ như một cơn gió nhẹ. Hai năm sống ở mái trường đó như một cơn gió phiếm du. Những giây phút thực nhất là phiên gác nửa đêm về sáng dưới ánh đèn pha của vọng gác kho đạn tôi khám phá được một thế giới của cây cỏ đang thở, đang lớn lên, những giây phút khoảng năm giờ sáng, sau phiên gác nhìn xuống phòng sĩ quan trực, người lính kèn im lặng đưa lên môi thổi bài kèn báo thức. Và giây phút thực nhất không gì hơn suốt ngày chủ nhật một mình một ngựa chạy như bay vào hướng đồn Daksard. Con đường đỏ còn ướt sương đêm, trời chưa tan hẳn mù, ngựa phi như gió cuốn, ngựa đi vào trong một vùng mù đặc, rừng thông chuyển động ào ào, cả trời cao nguyên tan biến chập chờn theo vó ngựa. Kết quả sau hai năm ăn nhờ chảnh phủ tôi được biến thành ông quan Một ra trường đi binh chủng hung hãn nhất...”

Vào lửa đạn, đi qua từ những chiến trường này đến trận chiến nọ, trải qua bao nhiêu thăng trầm binh nghiệp, bao nhiêu lần thương tích, bao nhiêu lần thấy cái lý tưởng thời xưa bị vầy đập, vẫn thấy, sáng ngời những ngày tháng quân trường, vẫn thấy, niềm hãnh diện xuất thân từ ngôi Trường Mệ vẫn chưa nhạt phai.

“... Tôi ra trường năm 1963, thời gian chiến tranh bắt đầu nặng và hỗn loạn không phải chỉ thuần túy ở sự kiện chiến tranh nhưng đã bắt đầu gây mầm bùng nổ ở lòng người. Lẽ tất nhiên là sĩ quan nhà nghề, xuất thân từ quân trường mà quyền hành của khóa đàn anh không phải chỉ để thi hành kỷ luật nhưng là một ám ảnh khủng khiếp cho khóa dưới. Chỉ một cái quắc mắt của Nguyễn Xuân Phúc (khóa 16) khi bước lên bục gỗ, hai trăm người của khóa tôi co rúm tê liệt như con nai chết trước nhãn quan khủng khiếp của con hổ. Một sinh viên sĩ quan khóa 19 vì

quá sợ niên trường nên dù trái lựu đạn đã bật kíp nhưng cũng không dám ném đi vì chưa nhận được lệnh (trong bài học ném lựu đạn tất cả các động tác đều theo lệnh) nên hậu quả trái đạn nổ trên tay....

Tôi biến thành một người lính thực thụ, trận lớn, trận nhỏ, chiến dịch hai tháng, ba tháng, dài ngắn, từ Sài Gòn trở ra Bến Hải, tôi đi đủ. Những địa danh xa xôi bất kỳ một xô xính hiểm hóc nào của miền Nam này tôi cũng có thể biết rõ một cách tường tận. Từ những miền quá nổi tiếng như khe Sanh, Cồn Tiên đến những làng nhỏ từ cửa Việt đi ra : Diêm hà Trung, Diêm Hà Nam, cái làng nhỏ cuối thung lũng sông Kim Sơn, làng Hà Tây, đèo ông Hồ đổ xuống Phù Củ ra Phù Ly, Phù Cát thẳng đến biển là núi Lồi, đầm Trà Ổ, xuống phía Nam là đầm Nước Ngọt. Lên đến Pleiku, trực thăng vận xuống phía Nam Biên giới Lào Việt đầu ngọn sông Ia-Drang...Đâu đâu tôi cũng đến. Năm thứ nhất, năm thứ hai, thứ ba tôi sống thoải mái, vì đã đi đủ, nhìn đủ. Tôi cũng chấp nhận cho sự góp mặt ở chiến cuộc; góp mặt để chấm dứt chiến tranh. Thắng bại không kể, nhưng cốt yếu là không ở ngoài, không chạy trốn trong khi bạn bè những người cùng trang lứa đang tham dự đang ngã chết. Dù bên này hay bên kia, chết trong thù hận...Những người đang đi tìm cái chết để biện giải cho đời sống....”

Chỉ có người ở trong cuộc mới hiểu được nỗi nhọc nhằn của một cuộc chiến phi lý. Ngoài tiền tuyến hy sinh, trong khi hậu phương thì bị phá nát bởi những tên vô trách nhiệm không một chút ý thức nào về dân tộc và quốc gia. Có những người trước khi vào lính là những sinh viên hay biểu tình tranh đấu nhưng khi gia nhập quân ngũ lại cảm thấy giận dữ khi máu xương và mồ hôi của mình và đồng ngũ mình bị phí phạm một cách cực kỳ vô ích. Cũng như, có những người lính, sau nhiệm vụ của mình, đã cảm bứt như một cách thể để nói lên nỗi niềm tâm sự của mình. Thú thực tôi cũng không tâm đắc mấy với những ngôn từ như nhà thơ lính, nhà văn lính. Ở một thời kỳ mà tất cả sinh lực, tất cả những tinh hoa của đất nước đều dồn hết vào quân đội thì chữ lính đi sau có phải là thừa thãi không ? Nhà văn, nhà thơ là đủ rồi, hà tất còn phải thêm chữ lính làm gì? Đâu có phải đó là dấu mộc của tấm giấy chứng nhận tại ngũ để trình cho cảnh sát đứng gác đường xét hỏi... thời chiến tranh, mọi người phải hoàn tất nhiệm vụ của mình với đất nước, với xã hội mình đang sống...

Tôi nghĩ đến cái mộng ước của đại tá Trần Ngọc Huyền, chỉ huy trưởng trường Võ Bị Đà Lạt một thời. Ông muốn hình thành một lớp quý tộc mặc quân phục với tiêu chuẩn văn võ toàn tài. Từ bước đầu rèn luyện ở quân trường, không phải chỉ là những kiến thức về quân sự về chuyên môn, mà còn cả những phương cách để học làm người nữa. Một mẫu người kiểu mẫu cho một thời đại. Bằng mọi cách, với tất cả nỗ lực ông kiến tạo một tiêu chuẩn mẫu mực mới cho phong cách và chân dung một sĩ quan hiện dịch. Tiếc là thời gian đã không đủ để có một trắc nghiệm chính xác. Nhưng, từ những người con xuất thân từ Trường mẹ, họ đã không làm phụ lòng những mộng ước mong mỏi trên.Địa linh thì có nhân kiệt. Đỉnh Lâm Viên vọi vọi cao nhưng không phải là chẳng thể vượt qua.

Bây giờ, đọc những trang sách, lại thấy phảng phất đâu đây mùi nhựa thông buổi sáng hay màu hoa quì vàng làm ngây ngất lòng người.cái sương mù bây giờ ở xứ người có làm nhớ đến màn sương mù đặc của Phan Nhật Nam thuở trước ? ai làm người lính gác đêm, nhìn thành phố mờ tỏ ánh đèn có thấy xao xuyến nỗi nhớ mong nào đó? Kỷ niệm sẽ rất đẹp, khi lúc ta đang tuổi xuân, lòng bưng bưng men rượu của cuộc sống sắp đến. Đà Lạt, nơi có những người lính alpha đồ trên vai, và những cô gái nữ sinh Bùi Thị Xuân, Couvent,.. đây e ấp. Ở đó có những mối tình đẹp nhưng cũng có những chia tay buồn bã. Hoa mimosa, hoa anh đào, hoa quì có một buổi nào nở rộ? Những người lính, lên đường mang giấc mộng của mình đi đến chiến trường, nơi trăng treo vó ngựa, nơi sinh tử mịt mù?

Và với Phan nhật Nam, trong câu chuyện kể hoài không đủ, viết ngàn chương thiếu một tờ, biết

đâu, về sau, những lớp con trẻ lớn lên đã thấy được những cảnh ngộ của cha ông trong một thời lịch sử quá nhiều phức tạp...

Với tôi, có một kỷ niệm nhỏ và một bài thơ. Bình sinh tôi rất yêu mến những người lính nhảy dù. Ở đó tôi nhìn thấy họ qua những sự hy sinh những gian khổ vô bờ và cả những chiến tích hiển hách. Tôi có nhiều đứa bạn, đã hăng diện vì màu nón đỏ trên đầu và ra đi rất sớm trong chiến trận. Những năm của thập niên 80, khi Phan Nhật Nam còn bị đập vùi trong lao ngục tôi giữ cuốn sách tái bản ở hải ngoại "Mùa hè Đỏ lửa" và tự nhiên nhớ lại một thời chinh chiến đã qua. Tôi viết một mạch với cảm thán bưng bưng của một người sống lại những ngày dĩ vãng.

Đến nay, gần hai chục năm, Phan Nhật Nam đã sang định cư tại Hoa kỳ và vẫn tiếp tục công việc của một người lính dù bây giờ không còn gươm súng. Cuộc chiến đã tàn nhưng ảnh hưởng vẫn còn và vẫn là niềm đau xót từ một cuộc nội chiến xen vào chiến tranh ủy nhiệm của các đại cường. ...

Hà Nội-Sài Gòn-Westminster, những nẻo đường Tạ Tỵ

Một buổi sáng Cali đầy nắng. Trời trong xanh đến thăm cao, bát ngát. Những cơn gió từ phía biển thổi về, lướt trên khu parking lot rộng khắp, xào xạc hàng cây. Con đường ồn ào rộn rịp của ngày cuối tuần ngoài kia cuộn cuộn dòng nhân sinh, bắt tuyệt. Ở trong này, nắng vàng tươi óng ả trên những bìa sách. Một cuộc ra mắt sách lạ lùng đơn giản nhưng nhiều ấn tượng. Không có diễn văn khen tặng, không có chương trình phụ diễn ca nhạc và cũng chẳng có những lệ luật khách sáo mệt mỏi. Ở đây, chỉ có những hàng người xếp hàng mua sách. Một lão trượng tóc bạc phơ, cây gậy già bên cạnh, nụ cười đôn hậu, ánh mắt tươi trẻ reo vui, ký tên trên những trang sách mở đầu cho một tác phẩm. Tuyển Tập Tạ Tỵ.

Những chặng đường đi qua. Hơn nửa thế kỷ miệt mài cùng bút mực cọ sơn. Một họa sĩ có những họa phẩm mà theo một người buôn bán tranh ở Việt Nam đã được liệt vào hàng tài sản quốc gia và cấm không được mang ra khỏi nước. Một nhà văn đã có mặt từ những ngày Thế Kỷ, Đời Mới ngày xưa có hàng chục tác phẩm giá trị. Một nhà thơ của những ngày Hà Nội, của bài hát 'Thương về 5 cửa ô xưa' mà tới bây giờ còn làm chết lặng lòng những người xa xứ. Ở những phương trời. Quê nội. Quê ngoại. Hà Nội. Saigon. Westminster. Những thành phố của chia lìa và tụ hội. Rồi trại cải tạo và đảo tạm dung, Xứ người lưu lạc và quê hương biệt khuất. Những nỗi niềm phảng phất trong cảnh, trong người. Trong 'Tuyển Tập Tạ Tỵ' tràn đầy phong vị của một cuộc đời đầy biến cố và sóng gió nhưng yêu văn chương nghệ thuật vô hạn.

Ít có ai, ở tuổi tám mươi lại tận tụy với chữ nghĩa như thế. Yêu đời cũng như yêu nghệ thuật, dù cuộc nhân sinh này chỉ là một trò chơi. Trang sách mở ra tác phẩm của một đời người mà có thể đại diện cho một thế hệ phải chịu nhiều máu lửa và mất mát. Bao nhiêu là biến cố. Những bước chân khắp nơi dường như đo cả chiều dài đất nước Việt Nam. Kháng chiến, về Thành, nhập ngũ, vào tù, vượt biển, những thời kỳ khó quên cho một tâm hồn nhiều cảm lụy. Ghi chép lại những chờ đợi ở trại tạm dung, cũng như những cảm uất nghẹn ngào ngày cải tạo, vẫn chương hiện hữu từng dòng từng chữ. Bây giờ, đọc lại sao nghe có âm vọng của con hổ về già tưởng tượng cảnh sơn lâm rừng sâu rú cả thuở xa xưa.

Tạ Tỵ, thi sĩ, văn sĩ, họa sĩ, người đã cống hiến cho đời những tác phẩm tim óc. Một nhát cọ, mở ra những khung trời và những phận người. Một trang sách là tâm sự khôn nguôi, là cơn mưa quê nhà tha thiết, là ngọn gió bắc xứ người nhắc nhở thân phận tha hương. Ở tuổi tám mươi, sao trong ánh mắt nụ cười vẫn còn một thời thanh xuân trai trẻ. Những bức tranh, những cuốn sách có phải là tặng vật để lại cho đời?

Tôi nhớ những bài thơ Tạ Tỵ về Hà Nội. Lúc ấy, tôi còn quá nhỏ để có một hồi tưởng về thành phố ấy. Nhưng thơ thì man mác gọi lại một thời kỳ quá khứ. Tôi tưởng tượng tình cảnh một chàng trai trẻ già từ thành phố thân yêu, một ngày có ngọn gió bắc xót xa. Đất nước chia đôi, biết ngày nào trở lại. Bài hát phổ nhạc từ thơ Tạ Tỵ 'Thương về 5 cửa ô xưa' sao tới bây giờ nghe lại vẫn còn tràn cảm xúc. Ngựa Hồ ngóng gió bắc, tiếng hí sao náo lòng. Tâm sự của cách xa nhưng vẫn đợi ngày trùng lai hội ngộ.

'Những Con Đường Hà Nội':

*'Ôi, Hà Nội
ôi những con đường cũ
Đâu hàng Bông hàng Trống với hàng Khay
Đâu hàng Đào khoe nỡn những bàn tay
Những đôi mắt nhìn nhau sầu ly cách.
Nước Hồ Gươm còn xanh màu cẩm thạch?
Tà áo ai còn đẹp buổi hoàng hôn.
Nhớ thương xưa nhạt nắng những khung tường
Nghiêng nghiêng xuống mắt hồ soi bóng nước*

*Những con đường
Những con đường năm trước.
Cửa ngày xưa xa lắm Hà Nội ơi
Đêm nay về ngự trị giữa lòng tôi
Đêm nay về với 5 cửa ô nghìn lối.
Thao thức mãi từng canh gà báo vệ
Rạng đông nào gối lệch tóc đêm sâu
Ở ngoài kia bóng tối đã phai màu !'*

Thơ tha thiết quá cho một tấm lòng, có phải ? trong cơn lốc thời thế, những lớp văn nghệ sĩ trẻ tuổi nhà văn Tạ Tỵ đã phải chịu nhiều cảnh bẽ dẫu. Ở bên này hay bên kia, không từ chối được để đi vào con đường định mệnh của mình. Dù dấn thân hay làm một người chứng bất đắc dĩ, lịch sử vẫn là những chuỗi biến cố kinh khiếp mà một đời người cam chịu. Thơ nói chưa đủ, Tạ Tỵ còn dùng văn xuôi để vẽ lên một xã hội trong thời chiến tranh ly loạn.

Đọc những trang nửa tùy bút nửa ký sự, 'Xóm cũ', 'Trên những nẻo đường Saigon', tự nhiên bồi ngùi với Saigon vàng, Saigon đỏ. Từ lúc rời quê hương vào Nam ông đã yên trí rằng sẽ sinh sống ở đó đến hết cuộc đời. Thành phố là một phần máu xương tủy não của đời sống ông. Nơi chốn ấy, có mái ấm gia đình. Có bạn bè bằng hữu. Có những ngày tháng miệt mài chuyên văn chương. Có những ngày triển lãm tranh đông vui. Có những cuối tuần Brodard, Pagode đủ mặt quần hùng. Có những tối đèn vàng đèn xanh rực rỡ sắc màu. Nơi chốn ấy, những cuốn sách tạo thành, những bức tranh hiển lộ. Văn xuôi : ' Những viên sỏi ', ' Yêu và thù ', ' Bao giờ ', ' Ý Nghĩa '. Thơ : ' Cho cuộc đời '. Nhận định văn học ' Mười khuôn mặt văn nghệ ', ' Phạm Duy còn đó nỗi buồn ', ' Mười khuôn mặt văn nghệ hôm nay '. Rồi Đời Mới, Sáng Tạo, Bách Khoa, Văn, Hiện Đại... những tạp chí văn học lừng lẫy một thời ghi lại tâm tình của một người cầm bút lúc nào cũng hừng hực lửa sáng tạo mang tên Tạ Tỵ.

Nhưng sau ngày tháng tư năm 1975, thành phố đổi chủ. Saigon đỏ. Saigon tang thương. Cảnh tan đàn lạc nghé. Sĩ quan viên chức, văn nghệ sĩ vào ' Đáy Địa Ngục ', trôi nổi từ chốn ngạ quỷ này đến nơi đầy đọa khác. Có ai mong được ngày trở về khi một chế độ đã sẵn sàng một chính sách tận diệt đến cùng những người thuộc chế độ cũ. Thế mà, ở trong tù ngục vẫn có tâm hồn

vượt thoát hàng rào trại tù để vươn tới khoảng trời xanh bao la, nơi mây trắng thông dong để quên đi mất thù chằm chằm và nỗi đói khổ vầy vọc mỗi ngày. Có lúc thơ văn là cây gậy chống để qua đi những gai lửa ngọt ngào của cuộc sống.

Khi trở về nơi chốn cũ, ngậm ngùi với bao biến đổi. Hết rồi, cam gác bút. Những bằng hữu văn chương chia nhau những ngày lơ lảo. Những tâm sự chất chồng. Những ngày chờ đợi bị công an rình mò làm việc. Nguyễn Hiến Lê, Nguyễn Đình Toàn, Dương Nghiễm Mậu, Thanh Tâm Tuyền, Doãn Quốc Sỹ, Lê ngọc Châu, Duy Trác, Thế Uyên, Hoàng Hải Thủy, Nhã Ca,... cuốn trong cơn lốc, tan tác mịt mù. Họ chia sẻ đắng cay với nhau, nhưng vẫn khôn nguôi hy vọng những trang sách mở ra những trao gửi những nỗi niềm. Người sau đọc lại sẽ thấy được tình cảnh của những người bị lưu đầy trên chính quê hương mình. Mà những người ở phía Bắc cũng không hơn. Những Nguyễn Sáng, Hoàng Lập Ngôn, Lê Quốc Lộc... cũng mang mang uất hận với tâm sự ghen ngào chẳng thốt thành lời.

Trong ký ức hội họa, còn lại những chân dung nhiều tác giả phác họa lại những khuôn dáng lưng lầy một thời. Mai Thảo, Nguyễn Sa, Thanh Tâm Tuyền, Phạm Duy, Đinh Hùng, Vũ Hoàng Chương, Hoàng Anh Tuấn, Vũ Khắc Khoan, Nguyễn Đình Toàn, Bình Nguyên Lộc,...kể còn người mất nhưng với văn chương nghệ thuật vẫn còn tồn tại trong hoài hoài trí nhớ. Khuôn bố và cây cọ dưới bàn tay Tạ Tỵ đã thành những tác phẩm để lại cho đời.

Dù đã sang định cư xứ người, hình như ông vẫn còn vẫn vương với hình bóng cũ. Saigòn hiện hữu trong tôi, một Saigòn bệnh hoạn xanh xao. Mỗi thước đường, mỗi góc cây, đối với tôi hình như xa lạ. Tôi nhìn Saigòn bằng đôi mắt vừa giận vừa thương! Saigòn đó vẫn ngàn ấy thước khối bê tông và thép, vẫn ngàn ấy đại lộ, vẫn ngàn ấy con hẻm và ngàn ấy mái tôn lẫn khuất đây đó! Tôi đã sống những giờ phút vô cùng trống rỗng, tưởng như lạc vào một khung cảnh xa lạ không thuộc về mình...! Bây giờ, đã xa rời vô cùng, của lãnh địa nào xa khuất mịt mờ nhưng chẳng thể lãng quên. Đó là một phần chân tay da thịt của một người làm nghệ thuật.

Một đời người trải qua. Vượt biển, đến trại đảo, ngẩn ngơ chờ với đợi. Sungei Besi, ngày tháng nhạt nhòa. Escondido, những ngày bắt đầu xứ lạ. Ngổn ngang trăm mối. Bước đường ai cũng phải đi qua.

'Tôi đi dưới cái nắng của vùng trời Escondido mà cứ ngỡ mình đi dưới cái nắng vàng ấm của quê nhà. Mỗi ngày qua đi tại cái thành phố bé nhỏ này như qua đi một cái gì nuôi tiếc! Trong những ngày giờ đầu, tôi sống giữa cái không khí không thuộc về mình, nhiều khi nó làm tâm hồn tôi choáng váng, hoảng hốt hình như nửa muốn níu kéo, nửa muốn dứt rời!...'

Hơn nửa thế kỷ cầm bút, cầm cọ, Tạ Tỵ đã để lại những gì cho đời sau? Trả lời câu hỏi ấy chẳng cần phải là nhà nghiên cứu phê bình hội họa hay văn chương mà chỉ là một độc giả bình thường như tôi cũng rất dễ dàng. Hiển nhiên, từ những bài thơ, những truyện ngắn. Rõ ràng, từ những ký sự. Nổi bật, từ những họa phẩm. 'Đáy Địa Ngục' của chứng nhân cơn hồng thủy. 'Thương về 5 cửa ô xưa' câu thơ và câu hát của một thời...

Buổi sáng hôm nay, rời đất dường như có gì khác lạ. Có một cái gì phảng phất. Đời người rồi sẽ chóng qua. Nhưng với văn chương có những điều sẽ thành miên viễn. Và như vậy không bao giờ tôi quên. Hình ảnh một lão trượng ngồi bút lướt trên trang giấy đầu tiên của cuốn sách. Mái tóc bạc phơ. Nụ cười thân ái. Ánh mắt hiền hòa. Cửa một buổi ra mắt sách đặc biệt.



Tạ Tỵ

Thân tặng cho đời.

Ngày 24 tháng 8 là ngày giỗ của nhà văn, nhà thơ, họa sĩ Tạ Tỵ. Có mặt suốt trong hơn nửa thế kỷ văn học Việt Nam, ông là một khuôn mặt nghệ sĩ nổi bật trên nhiều bộ môn. Những bức tranh của ông đã trở thành tài sản quốc gia và được trưng bày ở nhiều phòng triển lãm nổi tiếng trên khắp thế giới. Xuất hiện từ những năm của thập niên 50, có mặt qua nhiều biến cố lịch sử, thơ văn ông đã phác họa được một thời đại đặc biệt của dân tộc và biểu hiện được những ưu tư thời thế của kẻ sĩ, những người luôn nhạy cảm trong cuộc sống.

Nhân ngày giỗ của một nghệ sĩ lớn của văn học nghệ thuật Việt nam, chúng tôi trích đăng lại một bài thơ nổi tiếng đã được phổ nhạc ghi dấu lại một thời xa xưa, ngày mà đất nước vừa bị chia đôi ngăn cách.

Và Hà Nội với nhiều người chỉ còn sót lại vài kỷ niệm đẹp...

Thương về năm cửa ô xưa.

Tôi đứng bên này vĩ tuyến
Thương về 5 cửa ô xưa
Quan Trường đêm tàn dẫn lối
Đê cao hun hút chợ Dừa
Cầu Rền mưa dầm lầy lội
Gió về đã buốt lòng chưa?
Yên Phụ đôi bờ sóng vỗ
Nhị Hà lấp lánh sao thưa
Cầu Giấy đường hoa phượng vĩ
Nhớ thương biết mấy cho vừa
Cửa Ô ơi cửa Ô
5 ngã đường đất nước
Trôi từ vạt nèo sông hồ
Nắng mưa bốn hướng đổ vào lòng Hà Nội
Gục đầu nhớ tiếng võng đưa
Có biết chẳng ai mái tóc bành bồng chảy xuôi ý đẹp
Có nhớ chẳng ai lệ nào ướt đẫm tình người
Tê tái tiếng cười
Từng cánh hoa đời khép lại
Thương về 5 cửa ô xưa!
(Tạ Tỵ)

Phụ đính I :

Tuệ Sỹ, viễn mộng máy khung trời

Có người yêu thơ và hay tập tành làm thơ, sau khi đọc một tác phẩm "Tô Đông Pha, những phương trời viễn mộng" của một người làm thơ viết về một người làm thơ khác (Tuệ Sỹ viết về Tô Đông Pha) đã cảm khái:

"nghe từ thiên cồ
lời ru mệnh mang
bước vào cuộc Lữ
mấy chuyến đò ngang.
Tà dương có khóc
Nắng ngả ánh vàng
Mưa bay thoảng chốc
Thiên địa hoang tàn
Một người đọc thơ
Nhìn trăng vừa khuyết
Sinh tử đâu chờ
Vòng quay nhật nguyệt.
Đi vào đất trịch
Quanh quần nhân gian
Cho tròn vai kịch
Giây phút muộn màng
Phương trời viễn mộng
Sẵn lúc chào đời
Bốn bề gió lộng
Người ơi, Thơ ơi!"

Viết về Tô Đông Pha, mà nghe như viết cho chính mình. Tuệ Sỹ, trong cái quay cuồng của lịch sử, đã nhìn vào chặng lữ hành của lịch sử để tìm vào cõi sâu kín của vòng chuyển dịch. Ông, không phải trong vai trò thiền sư để đi tìm cái yên áo mà, với thái độ mơ mộng lãng mạn đi tìm cho riêng mình một cõi thơ riêng. Ông viết:

"Thơ vẫn là một cuộc lịch nghiệm Riêng và Chung, của Thời Đại và Lịch Sử. Từ cuộc Riêng, Thơ nương theo cánh của Thi và Dịch để đi về nơi Hoàng Viễn, dẫn Lịch Sử Uyên Nguyên tụ hội với Thời Đại. Hình như những sự này tôi nghe được từ nơi thơ ủa Tô Đông Pha, nhưng có nghe lộn hay không thì không biết..."

Kinh Thi và Kinh Dịch là những trầm lắng suy tư của người xưa, theo Tuệ Sỹ là hai cánh chim lớn của con thần nhạn chuyên chở định mạng của dân tộc Trung Hoa bay lượn suốt mấy mươi thế kỷ trên vòm trời Viễn Đông. Thi và Dịch, là suy ngẫm để tìm đến đích đến rốt ráo của Chân Lý. Và, cũng là những phiến gương soi để tìm lại những bong hình vẫn còn hiện hữu dù đã xa xôi những không gian, thời gian muôn trùng...

Có những câu thơ, của tháp thoảng tình Riêng trong Ý chung. Tháp thoảng nỗi niềm của Tuệ Sỹ trong ngôn ngữ một thuở Thịnh Đường. Dù thơ lục bát, của ngữ ngôn thuần túy Việt Nam, nhưng giấc mộng vẫn vút cao

"Đôi mai ngơ ngác nụ cười
Cánh hồng lá mộng của đời lưu ly
Tồn sinh tháp thoảng nẻo về
Dấu tro bãi tuyết, ngoài tê cánh hồng
Sư già, tháp mới, hồn không
Tường rêu đổ xuống đầu đồng vọng Thơ

Gập ghềnh năm tháng, hay chưa?
Đường dài người mỗi, gót lữ kêu đau..."

Ôi, những phương trời viễn mộng, của những kiếp nhân sinh trôi nổi theo dòng thời thế, của nỗi niềm người tha hương lưu lạc ngay trong chính đất nước mình. Những canh trường mộng, những lời nỉ non nghe vắng lại từ hai bờ tịnh không của cảm xúc. Vẫn, vẫn lục bát, lời của Tuệ Sỹ, làm vắng nhớ đến Tô Đông Pha thuở nào xa xưa:

"Đá mòn phơi nẻo tà dương
Nằm nghe bước lữ khóc chùng Cuộc Chơi
Nghìn năm vang một nỗi đời
Gió đưa cuộc lữ lên lời Viễn phương
Đan sa rữ mộng phi thường
Đào tiên trụ lá bên đường Tử Sinh
Đồng hoang mục tử chung tình
Đăm chiêu dư ảnh nóc đình hạc khô,"

Viết về bài thơ, viết về cái tâm tình của bờ biển lớn, của cõi hoang vu mà thiên nhiên là đại dương bí ảo để, ở đó những dấu chân tỏ mờ trong ngã về hoang lộ. Tuệ Sỹ viết:
"...Người đã lãng phí trọn vẹn tinh thể của người, để cho thiên nhiên tỏ bày ân tình trợ trợ, như viên sỏi bên đường lay lắt với nắng và gió. Nắng lên cùng với dấu hiệu của hao mòn và sụp đổ. Gió lên cùng với những ước nguyện thiên thu phảng phất ra ngoài khung trời Hoàng viễn và Tịch nhiên. Mộng Phi Thường được ký thác trong đan sa trong dấu hiệu của trường sinh bất tử, nhưng đường Sinh tử đi trong cõi Hoàng viễn Tịch nhiên, ấy thế mà không bao giờ dừng bước cho Lữ Khách một lần ngụ cư ở đó. Sống và Chết vẫn còn như một nỗi đời hư huyền, vẫn rầm rộ như một cuộc chơi. Giữa khoảng đồng rộng, đồng trống, đồng không mông quạnh. Mục tử đăm chiêu tư lự những chuyện đường đời. Và Lịch sử qua bóng dáng con Hạc gầy, rồi tự hỏi; Đâu là Cõi Mộng Thiên Thu?.."

Đọc "Tô Đông Pha, những phương trời viễn mộng" của Tuệ Sỹ để thấy từ một người hậu sinh sau những thế kỷ dài đã chia sẻ với Người Thơ những nỗi niềm của những người tri kỷ. Thời thế có khác, đất nước có khác, nhưng chất Thơ vô cùng bát ngát của những phương trời mở ra mênh mông những cánh võ để đi vào cái tận cùng của ngữ ngôn, để bay vào cái vô tận của ý tưởng. Viết về thơ đã khó, giải thích thơ lại khó hơn nhưng tái tạo lại không gian thơ, lại khó bội phần. Thơ ở trong thơ, không chỉ là cái khám phá hời hợt bên ngoài, mà, Thơ có tham vọng đi sâu vào cõi vô thủy vô chung của những nốt lặng của một bản trường ca chưa hoàn tất. Chính cái dở dang ấy, là thái độ của người thơ, dù trong hoàn cảnh lao lung cảm cố, bốn bề là những bức tường đá lạnh lùng, mà, hồn vẫn thoát đi, bay bổng, không có gì ngăn chặn được. Thơ, là thái độ sống, là sự thả nhiên của người hiểu biết được cái vô cùng nhỏ nhoi nhưng cũng vô cùng lớn lao của tâm thức con người...

Một buổi tối, đọc lại tập thơ. Giác Mơ Trường Sơn. Không dừng lại được, ngồi dậy bật máy, viết... Những tâm cảm đón nhận được từ những câu thơ. Như những làn sóng lan tỏa từ mặt nước yên tịnh. Ngoài trời chắc khuya lắm thì phải. Và những giọt mưa, mù mịt đất trời. Sắc không, còn mắt, có lúc như hơi thở nhẹ. Lắng nghe từ vô thức, tôi đọc...

Có những điều, nói nhiều mà chẳng đủ. Cũng như có những việc, nói ít mà vẫn thừa. Chuyện thi ca, có khi chỉ một giây phút, hiểu rồi, sẽ bất khả tư nghị. Tôi không dám làm người vẽ rắn thêm chân, vẽ rồng thêm cánh. Mà, tôi chỉ diễn tả cái tâm chân thực của mình. Đọc rồi cảm, cái quá trình ấy phải chăng là lúc này, khi mọi lắng đọng đã theo giấc ngủ ngon vút mất. Thơ như cánh tay lay động, thức tỉnh ngũ quan...

Đóng lại tập thơ. Với bài thơ cuối. Những câu lục bát đơn sơ. Như một lời nhắn nhủ. Có thể với

chính mình nhưng cũng có thể là một ai khác, cùng mang khắc khoải trong lòng. Một chút vỗ về, một chút xao động thoáng qua. Bước chân ai, đi về, biệt biệt.

"Khói ơi, bay thấp xuống đi
Cho ta nắm lại chút gì thanh xuân
Ta đi trong cõi Vĩnh hằng
Nhớ tàn cây nhỏ mấy lần ra hoa."

Tại sao lại nhớ những lần cây nhỏ ra hoa? Có phải vì ý niệm thời gian? Tôi nghĩ là không phải. Mỗi lần ra hoa, là một lần sự phát triển đến mức tuyệt đối. Trong hành trình của con người, có phải là đi tìm một cái gì tuyệt đối mà chẳng bao giờ nắm bắt được. Cõi vĩnh hằng, có khi là khói sương, là những mong manh vô định...

Giấc mơ Trường Sơn. Những bài thơ có man mác ý tình, của cái tâm như biển động lúc nào cũng trào khơi theo ngàn sóng vỗ. Không nói đến thời thế mà quê hương vẫn hiển hiện trong thơ. Những nhọc nhằn của một thời đại nhiều máu lệ. Những giấc mơ của những người tham dự vào lịch sử một cách bất đắc dĩ. Những người nhìn thấy Trường Sơn vùi vùi nhân chứng. Quê hương, những bước chân đi của mười năm, những mốc thời gian đau đớn.

"Ngọn gió đưa anh đi mười năm phiêu lãng
Nhìn quê hương qua dấu tích điêu tàn
Triều Đông Hải vẫn thềm thì cát trắng
Truyện tình người và nhịp thở Trường Sơn.
Mười năm nữa anh vẫn làm li phố thị
Yêu rừng sâu nên khóe mắt rưng rưng
Tay anh với trời cao chim chiều rủ rỉ
Đời lênh đênh thu cánh nhỏ bên đường
Mười năm sau anh băng rừng vượt suối
Tìm quê hương trên vết máu đồng hoang
Chiều khói nhạt như lòng ai còn hận tủi
Từng con sông từng huyết lệ lan tràn
Mười năm đó anh quên mình sậy yếu
Đôi vai gầy từ thuở dựng quê hương
Anh cúi xuống nghe núi rừng hợp tấu
Bản tình ca vô tận của Đông phương
Và ngày ấy anh trở về phố cũ
Giữa con đường còn rợp khói tang thương
Trong mắt biếc mang nỗi hờn thiên cổ
Vẫn chân tình như mưa lũ biên cương"

Có phải đó là tự truyện của một người Việt Nam? Ở bên kia? hay bên này? Của chiến tuyến đã vạch sẵn từ bao nhiêu năm nay. Dường như đó là nỗi niềm chung mang của cả một thế hệ? Ở phố thị, làm li với những tâm tình khó ngỏ thành lời. Trời thì cao mà bàn tay thì khó với tới những ước nguyện và chim trời thì lênh đênh những cánh nhỏ ngơ ngác bên đường. Mười năm rồi tiếp mười năm, quê hương vẫn chỉ là những con sông huyết lệ. Ngày trở về phố cũ vẫn man mác nỗi hờn thiên cổ, của những người hình như mất mát một quê hương.

Thơ Tuệ Sỹ, trong ngôn ngữ bình dị có những suy tư thâm trầm. Xúc cảm hình như cố gắng để lắng đọng lại và ý tưởng cũng được trình bày một cách gián tiếp để trong màn sương mờ ảo ấy, thấy được cái lẽ xoay vần của thời thế.

Thi sĩ cũng làm thơ tù. Cũng những ngày biệt giam, cũng những bức tường cao nhưng sao lòng lộng gió và đầy trăng sao. Cái thông dong của tâm thể đã vượt quá cái cùm gông của thân xác...

"...Vẫn khúc điệu tự ngàn xưa ám khói
Ép thời gian thành rượu máu trong xanh
Rượu không nhạt mà thiên tài thêm cát bụi
Thì ân tình ngây ngất cõi mong manh
Ôi tiết nhịp thiên tài hay quý mị
Xô hồn ta lão đảo giữa tường cao
Trưa dài lắm ta luân hồi vô thủy
Đổi hình hài con mắt vẫn đầy Sao."

Viết ở trại giam Phan Đăng Lưu mà tưởng đến quán trọ của ngàn sao, có lẽ chỉ có một mình Tuệ Sỹ! Sự tưởng tượng ấy như cánh bướm đưa con thuyền ra khơi về chân trời nào mênh mông chỉ có được từ những hồn thơ trải theo muôn dặm bát ngát. Thơ, vô úy, thông dong. Thơ, như trèo qua được con dốc thực tại để đến một nơi, rộng khắp bao la.

"Mắt em quán trọ của ngàn sao
Ngọt ngất hoang sơ ánh rượu đào
Pha loãng nắng tà dăng cát bụi
Âm lòng khách lữ bước lao đao
Mắt huyền thăm thẳm mướt đêm nhung
Mưa hạt long lanh rọi nển hồng
Sương lạnh đưa người xanh khói biển
Bình minh quán trọ nắng rưng rưng."

Có những vần thơ ngưng đọng, xót xa. Như những thề nguyện, hứa hẹn cho những bước chân lên đường. Những hùng tráng trộn lẫn với bi thương.

"...Ta đã hát những bài ca của suối
Gã anh hùng bẻ vụn mặt trời
Gọi quỷ sứ từ âm ty kéo dậy
Ngập rừng xanh lấp lánh ma trời
Đêm qua chiêm bao ta thấy máu
Từ sông Ngân đổ xuống cõi người
Bà mẹ soi tim con thành lỗ
Mốc bên trong hạt ngọc sáng ngời."

Những câu thơ diễn tả tâm trạng của một người muốn làm chuyện đội đá vá trời. Ta đã hát những bài ca của suối. Gã anh hùng bẻ vụn mặt trời... Lời suối thẳm nghìn năm. Hát bài ca đó, có phải là từ thiên thu vọng lại. Gã anh hùng? Ta? Hay kẻ khác? Bẻ vụn mặt trời, để đêm tối kéo về, để quỷ sứ từ âm ty kéo dậy, để hải hùng rừng núi những ánh ma trời... Một bài thơ viết giữa những ngày tháng Tư năm 75 ở Nha Trang, lúc tình trạng đất nước nghiêng ngửa thẳm đen. Bài thơ, như một mốc dấu tích cho những ngày tháng không thể xóa nhòa trong tâm khảm những người dân Việt.

"Phố trưa nắng đỏ cờ hồng
Người yêu cát bụi đời không tự tình
Sầu trên thế kỷ điều linh
Giấc mơ hoang đảo thu hình tịch liêu
Hận thù sôi giữa ráng chiều
Sông tràn núi lở nước triều mênh mông
Khói mù lấp kín trời đông"

Trời ơi tóc trắng rủ lòng quê cha
Con đi xào xạc tiếng gà
Đêm đêm trông bóng Thiên Hà buồn tênh
Đời không cát bụi chung tình
Người yêu cát bụi quê mình là đâu?"

Cát bụi, từ ngữ được nhắc đi nhắc lại một cách cố tâm. Người yêu cát bụi đời không tự tình. Rồi Đời không cát bụi chung tình. Người yêu cát bụi quê mình là đâu? Cát bụi, hình ảnh của hỗn loạn, của những lênh đênh ngày tháng. Bài thơ diễn tả nỗi niềm của một người ngư ngác giữa vằn xoay của thời cuộc...

Tháng Tư năm 75, những ngày tháng chẳng thể nguôi quên. Dù là một thiền sư cố giữ lòng không vọng động. Mà sao vẫn âm vang thác lũ nỗi niềm.

Thơ Tuệ Sỹ có lúc cô đọng đến chẳng thể ngắn gọn hơn. Như những hé mở, để ở đó tầm nhìn bị kích thích để trải dài tới sâu xa rộng khắp hơn. Không phải thơ haiku của những cây trồng ép mình trong chậu bonsai mà ở đây tự nhiên sống đời thảo mộc trong khổ hạnh chịu đựng náu thân vào ngôn ngữ.

"Bút cọng cỏ
Đo bóng thời gian
Dài mênh mang"

Hay:

"Gió cao bong bóng vỡ
Mây sương rải kín đồng
Thành phố không buồn ngủ
Khói vố bờ hư không "

Buổi sáng tập viết chữ thảo, có một chút mênh mang thời cũ nhưng cũng có những khắc khoải bây giờ. Ban mai là lúc tấm lòng mở ra, vô tận. Thơ, cũng phơi phới, an nhiên vô ngại:

"Sương mai lịm khói trà
Gió lạnh vượt tở hoa
Nhè nhẹ tay nâng bút
Nghe lòng rộn âm ba"

Tuệ Sỹ. Thiền sư khổ hạnh. Hay một nghệ sĩ phiêu bồng. Hay là chiến sĩ tranh đấu cho dân tộc cho đất nước với sự sắt son kim cương vô hoại. Thơ cũng trong những góc cạnh ấy để có một đời sâu sắc phong phú mà ngôn từ bình dị như thanh kiếm gỗ của Độc Cô Cầu Bại trong tiểu thuyết kiếm hiệp Kim Dung sắc bén hơn vạn lần bảo kiếm. Thơ Tuệ Sỹ, ngôn ngữ đời thường để biểu hiện tấm lòng bồ tát...

Trong cuộc hành trình, đời sống mở ra những cảm xúc. Tuệ Sỹ làm thơ trong cái phơi phới của thiên nhiên, của núi cao mây trắng, của bến cũ neo thuyền, của mặt biển khơi xao động. Bài thơ "Một Bước Đường", không có phong vị của một bài hành nhưng sao nghe như có một điều gì bùng dậy của tâm tư, của những tâm can bùng bùng ngữ ngôn:

"Một bước đường thôi nhưng núi cao
Trời ơi mây trắng đọng phương nào?
Đò ngang neo bến chờ sương sớm
Cạn hết ân tình nước lạnh sao
Một bước đường xa xa biển khơi

Mấy trùng sương mỏng nhuộm tơ trời
Thuyền chưa ra biển bình minh đỏ
Nhưng mấy ngàn năm tống biệt rồi
Cho hết đêm hè trong bóng ma
Tàn thu khói mộng trắng Ngân hà
Trời không ngưng gió chờ sương đọng
Nhưng mấy ngàn sau ó nhật nhòa
Cho hết mùa thu biệt lữ hành
Rừng thu mưa máu dạy lều tranh
Ta so phấn nhụy trên màu áo
Trên phím dương cầm hay máu xanh..."

Giấc mơ Trường Sơn, một tập thơ mỏng nhưng chứa đựng nhiều biển trời và đại dương như thi sĩ Bùi Giáng đã nhận xét khi đọc một bài thơ trong đó. Và tôi xin được trích dẫn lại thay cho lời kết bài viết này:

"...Thi nhân đã mấy phen ngồi ngắm trăng tàn. Ngồi trên một đỉnh đá? Bốn bề rừng thiêng giăng rộng ngút ngàn màu trắng xanh tiếp giáp với chân trời xa xôi đại hải? Đỉnh đá và hạt muối là hai chốn kết tụ tinh thể của núi và biển. Đỉnh đá quy tụ về mọi hướng màu trời mây rừng rú. Hạt muối chứa chất cái lượng hải hàm của trùng dương. Đó là cái bất tận của tâm tình đứng sững tại giữa tuế nguyệt phiêu du... Chỉ một bài thơ, Tuệ Sỹ đã trùm lấp hết chân trời mới cũ từ Đường thi Trung Hoa đến siêu thực Tây phương..."

Hồ Hữu Tường và “Người Mỹ ưu tư”

Viết về Hồ Hữu Tường, có lẽ một bài không đủ. Bởi có quá nhiều chi tiết về chân dung con người ấy. Nguyên cuộc đời của ông, cũng là một đề tài. Những ngày tù tội, từ khám tối của thực dân Pháp, đến khám tử hình của chế độ Ngô Đình Diệm rồi khám Chí Hòa của Cộng sản và chết trong tù ngục đỏ. Thời gian bị cầm giữ với ông lại là những ngày để suy tư và tâm thức luôn bay bổng vượt qua những rào cản để tới những viễn kiến cho những phương trời rộng mở. Rồi ông là một học giả, một chính trị gia, một nhà văn, và cũng là người theo Cộng sản Đệ Tứ rồi rời bỏ, đi làm cố vấn cho Bảy Viễn nên bị chế độ Ngô Đình Diệm kết án tử hình, rồi lập thuyết, tìm một “minh đạo” cho văn hóa Việt Nam. Sang thời kỳ đệ nhị của chính thể VNCH, ông trở thành dân biểu, và viết “Người Mỹ ưu tư”, gửi thư cho John Steinbeck, người đoạt giải Nobel văn chương và hậu thuẫn cho sự can thiệp quân sự của Hoa Kỳ vào Việt Nam.

Với tôi, tôi đã đọc truyện Hồ Hữu Tường từ khi bắt đầu vào trung học khi tìm thấy sách của ông ở những tiệm cho mượn sách. Tôi đọc truyện kiếm hiệp song song với đọc Hồ Hữu Tường. Tôi đọc bộ sách “Gái Nước Nam làm gì?” với Thu Hương, Chị Tập, cũng như đọc bộ “Ngàn Năm Một thuở” với Phi Lạc Sang tàu, Phi Lạc bốn Nga, Phi Lạc náo Hoa Kỳ. Những nhân vật như thằng mõ Cổ Nhuế, thằng mõ Phù Ninh... đã làm cho tôi hồi đó chỉ thấy được cái nét châm biếm, như một chuyện tiểu lâm mà không để ý đến những điều sâu xa hơn từ cách thể trào lộng. Với một đứa bé hơn mười tuổi, đọc để mà đọc nhưng đã vô tình tạo một tâm thức trong trí óc non nớt của tôi lúc ấy. Tôi đọc Thu Hương, Chị Tập, để biết những người kháng chiến chống Pháp thời đó ra sao và có một chút ngưỡng mộ với những anh thư ấy...

Nhân vật chính của bộ truyện này là hai người phụ nữ tiêu biểu cho hai thành phần trong xã hội cùng tham gia trong cuộc đấu tranh chống Pháp. Thu Hương thuộc thành phần trí thức tiểu tư sản sống ở thành thị trong khi Tập thuộc thành phần lao động ít học. Thu Hương là nữ sinh viên trường Y Khoa Hà Nội, đảng viên của một đảng cách mạng bí mật, là một cô gái kiên

cường có bản lĩnh, đã thi hành những công tác nguy hiểm như tổ chức cướp sân khấu để tuyên truyền, ám sát bọn chó săn cũng như viên chức Pháp giữa thành phố... Còn chị Tập là một người thuộc giới cùng đinh, bị cha mẹ bán lấy tiền, trải qua nhiều nỗi khổ đau, bị tù tội, đầy ải sống chung với những người cách mạng và cả những tên đầu trộm đuôi cướp. Khi được tha khỏi trại giam, Tập trở thành một đảng viên nồng cốt tham gia những việc như làm thổ phỉ, buôn lậu, tổ chức cướp vũ khí của quân Nhật, xây dựng căn cứ địa để đánh Pháp... Bộ truyện này có nhiều diễn tiến mạnh, tạo được những hình ảnh của những người phụ nữ, không kể lao động hay trí thức, hết mình hy sinh cho đất nước...

Còn ở bộ “Ngàn Năm Một Thuở”, tôi tìm thấy những nét trào phúng từ nhân vật Phi Lạc. Một người đậm nét của xã hội bình dân Việt Nam, dốt nát nhưng lại hay khoe khoang chữ nghĩa,, rất tự cao tự đại nhưng lại xun xoe nịnh hót những người có quyền thế để thủ lợi, cũng như đầy đủ những cá tính tiểu sảo vặt. Những cá tính thời đại này không phải chỉ có riêng ở nhân vật Phi Lạc mà còn thấy nhan nhản những con người như thế ở chung quanh trong xã hội. Từ thằng mõ đến ông tiên chỉ, rồi đến các nhà bác học, những vị anh hùng... tất cả từ đời trước đến đời sau, như trong một tấn tuồng bi hài mà ở đó sự có lý và vô lý như bàn tay lúc ngược lúc úp, thay đổi dễ dàng như trong một hài kịch có khi bi thảm, có lúc nực cười...

Trong Phi Lạc Sang Tàu, câu chuyện về nguồn cội của nhân vật bắt đầu cho một tấn tuồng ảo hóa. Vai chính là thằng mõ làng Phù Ninh, vô học nhưng đầy khóe lường gạt lại mồm mép giả danh là hậu duệ họ Hồ của tông tộc Hồ Thơm Nguyễn Huệ. Lại có một tên lừa bịp khác là thằng mõ làng Cổ Nhuế, muốn phá đám tên mõ làng Phù Ninh nên bán đứt cho một vị sư từ Tàu qua tên là sư Hồng Hạc. Ông này là một vị chân tu có sự mạng là qua Việt Nam tìm đến “thảo luận” tìm kiếm một vị vạn đại quân sư như Khổng minh đời Tam Quốc xưa để thành một thánh sư đời nay để trong mưu vọng phục quốc phần Thanh phục Minh.. Những nhân vật này được xếp đặt trong những cục diện, những tình thế tròn tréo, viết theo kiểu truyện Tàu với những hồi, với những chương nối tiếp nhau. Truyện thâm ý bài xích cái tinh thần vọng ngoại và cái tập tục ảnh hưởng văn hóa Trung Quốc. Từ chữ nghĩa, tới tên địa danh, tên nhân vật,.. đều là những biểu tượng có hai nghĩa, có hàm ý mỉa mai, và ở trong những điều kiện ràng buộc với nhau như trong một bố cục liên hệ. Những câu hỏi liên tiếp nhau. Tại sao sư Hồng Hạc lại đi kiếm thánh sư ở phương Nam? Tại sao lại đến làng Phù Ninh? Tại sao lại liên lạc với mõ làng Cổ Nhuế? Tác giả đã nối các chi tiết với nhau. Sư Hồng hạc qua Việt Nam vì sấm truyền của Minh Thái Tổ để lại và đến làng Phù Ninh bởi vì làng này là nơi sinh trưởng của công chúa Ngọc Hân thì chắc là phải có hậu duệ của Hồ Thơm Nguyễn Huệ. Và liên hệ với làng Cổ Nhuế bởi vì làng này nổi tiếng là buôn phân người nhưng đồng thời cũng là làng có nhiều nhân tài và nhiều người đỗ đạt nhất. những chi tiết ấy trộn lẫn với nhau, rối rùi trong cái mê đồ để khiến người đọc nghĩ đến những trò đánh hanh của con tạo, của những bất ngờ, những cái duyên có khi tình cờ có khi là hậu quả của những trò đùa của cuộc đời. Trong đó, cái hóm hỉnh của truyện Trạng Quỳnh, cùng cái chữ đời châm biếm của Ba Giai, Tú Xuất, làm nổi bật lên chủ đích của tác giả. Hầu như mọi giá trị đều bị đảo lộn, những câu khoác lác, những trò lừa bịp lại có ảnh hưởng rộng lớn, và bao nhiêu người tài giỏi trên đời này nhiều khi lại thua mưu kém trí những tên vô học bởi những trò tiểu sảo tầm thường. Những lý thuyết nhiều khi trống rỗng và các danh nhân nhiều khi chỉ là cái bóng mờ nhạt.... Đọc tới đoạn thằng mõ, thuộc giai cấp mạt hạng trong xã hội mà lại luận đàm thuyết lý, nói chuyện tế thế an dân với những Khổng Minh, những Hồ Thích, có phải là một hài kịch được dàn dựng để trong đó gờn gợn những ý tưởng phản kháng xã hội và xét lại tất cả những gì được gọi là khuôn vàng thước ngọc của xã hội...

Lớn lên một chút, tôi đọc “Tương lai văn hóa Việt Nam”, một tác phẩm mà tôi nghĩ là những suy tư khởi đầu của ông để từ văn hóa bước sang những phạm vi khác như chính trị, tôn giáo, xã hội... để thành một người lập thuyết. Hồi nhỏ thì không ảnh hưởng lắm nhưng bây giờ đọc lại, tôi thấy có những suy nghĩ tới bây giờ vẫn còn giá trị. Trước hết, đây là những tâm huyết của

một người muốn nói những điều mà biết rằng sẽ có ít âm vọng nếu không nói là tiếng kêu trong sa mạc.

“Tôi muốn cất tiếng mà kêu to. Kêu thật to để ai nấy cùng nghe. Tôi muốn có một giọng tha thiết. Thực tha thiết để ai nấy cùng cảm. Tôi muốn có những luận điệu đanh thép. Thực đanh thép để ai nấy cùng tin. Nghe, cảm, tin... để cùng tôi đem một cái vinh quang chưa hề có trên quả địa cầu về cho dân tộc ta, dân tộc Việt...”

Câu văn biên ngẫu, ý hướng tha thiết, tác giả Hồ Hữu Tường còn muốn vạch ra một con đường văn hóa, thoát khỏi ảnh hưởng của Trung Quốc và Tây phương. Theo ông, “Văn trong nghĩa cầu nguyên của nó là đẹp đẽ, là hiền lành, trái với võ là hung bạo. Hóa trong nghĩa cầu nguyên của nó là thay đổi. Hia chữ đó mà ghép lại thì tôi cho rằng đó là cái gì làm cho người ngày càng cao quý hơn, đẹp đẽ hơn, làm cho người (hạ tiện, xấu xa) hóa ra Người (cao quý, đẹp đẽ)...”

Ông cho rằng mọi ý thức hệ chỉ có tác dụng trong một thời điểm mà thôi trong ý nghĩa tích cực của nó. Nhưng khi không còn thích hợp với cuộc sống thì nếu không bị triệt tiêu đi mà còn tồn tại sẽ thành những chướng ngại vật chống cản lại chiều hướng phát triển và ở trong một ý nghĩa tiêu cực sẽ thành một hiểm họa cho nhân loại. Như vậy, chúng ta phải xây đắp một nền văn hóa dân tộc, luôn luôn thay đổi theo chiều hướng phát triển của cuộc nhân sinh và thoát ra được sự kềm hãm và chi phối của các ý thức hệ lỗi thời. Con đường ấy, không bị chi phối bởi Đông hay Tây phương, nhưng kết nạp và thu liễm những tinh túy của người để biến thành của mình. Con đường ấy mệnh danh là con đường văn hóa, và nâng cao trình độ và vị thế của con người.

Tác giả còn cho rằng tây phương chưa có văn hóa mà chỉ có quái hóa. Quái hóa ấy có thể tạo thành ở hình thức văn chương, nghệ thuật, triết học, khoa học... nhưng ở nội dung thì chỉ là những phương tiện để đi chinh phục. “Chính quái hóa này đã biến đổi những tư tưởng đẹp đẽ như “tự do, bình đẳng, bác ái, thành phương tiện, thành khí giới để chinh phục. Quái hóa đã xui khoa học chế ra đại bác, chiến xa, tàu chiến, phi cơ, hơi ngạt, vi trùng, bom nguyên tử để giết người, để chinh phục kẻ yếu, để đè nén áp bức chúng ta...”

Và ông kết luận: “Văn hóa làm cho con người trở nên Người. Quái hóa biến văn chương, nghệ thuật, triết học, khoa học thành phương tiện. Bởi nó không theo con đường nhân bản. Còn mượn Đạo học của Đông phương ư? Nhưng ở Đông phương chỉ có thuật tu dưỡng, chứ đã có văn hóa bao giờ?”

Cái độc đáo và cũng là đầu đề tranh cãi khi ông cho rằng cả Đông lẫn Tây phương không có văn hóa. Ông tạo ra con người có khuynh hướng “mở” biết thay đổi để có một tiến trình nhân bản đến chân thiện mỹ. Văn hóa luôn ở trong trạng thái động, là một thái độ, một phong cách luôn luôn suy tưởng kiếm tìm.

Cuộc đời văn học của Hồ Hữu Tường có nhiều giai đoạn sáng tác khác nhau. Mới đầu, ông chịu ảnh hưởng của chủ nghĩa Mác Lênin theo khuynh hướng đệ tứ và thời gian này ông coi như là những năm tháng ô nhục của thời gian làm đường lạc lối. Ông không để lại một chút gì dấu vết lưu lại bởi vì ông chối bỏ lối lập luận kiểu duy vật biện chứng. Sau khi từ bỏ chủ nghĩa Cộng sản, ông bị Pháp bắt giam đầy đi Côn Đảo lần thứ nhất và ông suy nghĩ đến một hệ thống tư tưởng mới độc lập với các hệ tư tưởng ngoại lai như Pháp, Tàu, Nga, Mỹ... mà ông gọi là chủ nghĩa dân tộc. Rồi tiếp theo là thời kỳ ông nghiên cứu để viết lên những suy tư mới về xã hội, kinh tế, chính trị, dân tộc. Thời kỳ này ông viết Tương Lai Văn Hóa Việt Nam. Ông có cách nghiên cứu tìm tòi của một học giả và sự luôn luôn khao khát với cái mới đã thúc đẩy ông trong việc thiết lập một hệ tư tưởng riêng biệt của dân tộc.

Sau khi bị chế độ Ngô Đình Diệm kết án tử hình và đày đi Côn Đảo lần thứ ba, ông viết rất nhiều và sau này in lại như Kế Thế, Hồn Bướm Mơ Hoa, Thuốc Trường Sanh, Trầm Tư của Một Tên Tội Tử Hình...

Sau năm 1963, ông tiếp tục sáng tác với những tiểu thuyết như Chuyện con thằn lằn chọn nghiệp, Thăng Thuộc con nhà nông... và Hồi ký 41 năm làm báo.

Có một tác phẩm khá đặc biệt là Người Mỹ Ưu Tư, một cuốn sách được in với ấn bản viết bằng tay của tác giả. Mới đầu được in hàng ngày trên nhật báo Sống và sau có một phong trào xin chữ ký giới thiệu để đề cử vào giải Nobel văn chương. Theo bác sĩ Trần Ngươn Phiêu là người khởi xướng công việc này thì đã có tới hơn mười ngàn chữ ký để đề cử. Ông viết về một đề tài lúc đó tới giờ hơn bốn chục năm mà vẫn còn chất sống động của thời thế. Vấn đề con lai mà về sau này chính quyền Mỹ đã phải giải quyết để có hàng chục ngàn con lai được định cư ở Hoa Kỳ nơi quê nội của họ.

Trong 5 bức thư gửi cho John Steinbeck, giải Nobel văn chương, coi như lời nói đầu của bộ truyện, Hồ Hữu Tường đã viết:

“Ở xứ tôi những nhà văn không tên tuổi thường dùng một cái thuật để tiến thân như sau đây hãy thấy một áng văn chương được nhiều người hoan nghinh thì họ bèn viết nối theo áng văn chương nọ, với đầy đủ những nhân vật của áng nọ, và nếu cần thì có những con, những cháu thêm vào. Thuật ấy gọi là cái thuật viết “hậu”. Trên văn đàn quốc tế tôi không có tên tuổi. Tôi bèn dùng cái thuật viết “hậu” ấy mà tháp tác phẩm của tôi vào tiểu thuyết của Graham Greene, mà gá thân một chút xíu gì của những vấn đề của tôi, nhưng vẫn để cho độc giả nào đã đọc The Quiet American cũng bị cám dỗ bởi cái nhan đề “hậu” The Unquiet American.

Tuy nhiên nhân vật chánh của sáng tác của tôi phải là Pyle, phải là Phượng(hay phải là con của họ nếu cần), phải là tất cả những nhân vật đã sống trong tiểu thuyết của Graham Greene. Có gì hay bằng điển hình một nhân vật Amerasian bằng một đứa con chung của Pyle và Phượng? Đứa con ấy, tôi đặt tên cho là Loan, một đứa con gái năm ấy được mười lăm tuổi!”

Với cách nói và diễn tả của Hồ Hữu Tường, lòng vòng, thường xử dụng ngôn ngữ gián tiếp, những câu chuyện kể trở thành những chuyện ngụ ngôn nhiều ẩn ý. Ông mượn những chuyện đời xưa tới đời nay, từ chuyện dương gian đến chuyện âm phủ, để thành những nối tiếp của những suy tư nhiều khi không liên hệ với nhau nhưng lại là những gợi ý để khơi mở sang những ẩn dụ, những hình tượng khác..

Ông viết cho Steinbeck:

“Người phương Tây của ông ít khi bận rộn về những suy tư, tôi không dám nói là siêu hình mà tôi xin nói là “ngoại hình” như vậy. Người Việt chúng tôi, mấy nghìn năm trước ở vào vùng ảnh hưởng của Ấn Độ trước khi bị ảnh hưởng của Trung Hoa từ miền Bắc tràn xuống. Nên chí tâm tư của chúng tôi ngày nay không ít thì nhiều phảng phất những nét ngoại hình như vậy. Mà những nét ấy coi chẳng ra sao lại cứ ám ảnh chúng tôi mãi...”

Pyle chỉ là một oan hồn phiêu bạt, làm sao mà sống được một đoạn lịch sử vô cùng sôi động của đất nước chúng tôi. Để rồi chứng kiến sự nổi loạn của Phượng và Loan và để bụng chén mật tương thân mà uống khi chứng kiến Loan xuống tóc mà làm một ni cô, một ni cô mang một bào thai Amerasian mà chính nàng cũng là một Amerasian nữa.

Thế giới ngày nay là một thế giới “bốn biển một nhà, năm châu một chợ”. Sự lai chủng tộc là một sự hiển nhiên, không sao tránh được. Cũng như rất hiển nhiên là chúng ta đang sống trong thời nguyên tử.

Tinh lực nguyên tử mà ta cho nổ thì nó tàn sát biết bao nhiêu người? Tinh lực nguyên tử mà ta áp dụng để phụng sự hòa bình thì kết quả tốt đẹp là bao? Sự lai chủng tộc mà ta cho nổ thì nó gây ra bao nhiêu rắc rối cho nhân loại? Sự lai chủng tộc đã cho nổ rồi mà ta lại thêm nuôi các đương sự bằng những “chùm nho uất hận” thì ta có thể đo lường nỗi sự tai hại của nó chăng?..

Tôi nói rằng Pyle là người Hoa Kỳ ưu tư. Mà chính tôi cũng là người ưu tư. Và tôi muốn rằng sự ưu tư của tôi được truyền nhiễm đến ông, đến tất cả những người Hoa Kỳ là “bên nội” của đám Amerisain này. Vấn đề Amerisain là một vấn đề quốc tế của thời “bốn biển một nhà, năm châu một chợ” Tôi cảm thấy rằng đem những “chùm nho uất hận” mà giải quyết vấn đề này chỉ đem thêm hận thù mà chồng chất lên bất công. Vì lẽ đó mà tôi kính tặng loạt thơ thay lời tựa này cho tác giả của “Chùm Nho Uất Hận” “

Tiểu thuyết “Người Mỹ ưu tư” quả là “hậu” The Quiet American, tiểu thuyết của Graham Greene, Cũng với những nhân vật ấy. Và, Fowler, nhân vật ký giả người Anh lại đóng vai người kể chuyện. Thêm một nhân vật, là Loan, đứa con lai của Pyle (người Mỹ bị giết chết trong The Quiet American) và Phượng. Câu chuyện bắt đầu như một truyện ma quái. Fowler gặp hồn ma của Vigot, một viên chức mật thám Pháp lai để được dẫn đến một cái cốc hoang vắng gặp một hồn ma thông thái đã đậu bằng tiến sĩ văn chương ở Pháp với một luận án về Pascal. Và sau cuộc gặp gỡ này Fowler ngủ li bì một giấc đúng 15 ngày mới tỉnh dậy. Dù là cơn mê gặp gỡ những người âm nhưng anh vẫn còn giữ được hộp trà có bốn hình tiên nữ với 4 câu thơ chữ Hán bắt đầu bằng bốn tiết: Thanh minh, Tiểu tử, Hàn lộ, Tiểu hàn. Sự việc quái dị ấy và những câu chuyện luận đàm thể sự, triết lý cuộc sống đã gieo vào đầu óc chai sạn của Fowler những ý nghĩ siêu hình của phương Đông. Còn Vigot, thì bị chết đuối ở Vũng Tàu, chỉ 5 phút sau khi từ trần đã dẫn Fowler đến cái cốc hoang vắng như đã kể ở trên. Một sự kiện quái dị khác là khi Vigot sống lại thì bị linh hồn Pyle nhập vào. Thành ra Pyle là Vigot và ngược lại Vigot là Pyle, một mà hai, hai mà một. Pyle và Loan, thành một cặp vợ chồng và sống ở Việt nam, trôi nổi theo thời sự thăng trầm đầy biến cố ở đây. Pyle thực ra là cha ruột của Loan, một mối tình loạn luân kỳ lạ vì Phượng dù nhận lời làm vợ Fowler nhưng lại có con với Pyle. Và, tác giả kết cuộc: Loan cắt tóc coi như đi tu nhưng trong bụng lại mang giọt máu của Pyle.

Tiểu thuyết của Hồ Hữu Tường rất đặc biệt kiểu.. Hồ Hữu Tường. Luôn luôn trong cốt truyện hoặc trong những câu đối thoại ông cố tình mang vào những kiến thức để tạo ra những gợi ý khác nhiều khi không ăn nhập gì đến diễn tiến câu chuyện. Nếu dùng luận lý thông thường thì tiểu thuyết của ông có nhiều điều vô lý không tưởng, nhưng, đi sâu hơn một chút, thấy được sự độc đáo và cái cảm giác khi đọc là sẽ nhiều ngỡ ngàng với lối kết cấu bừa bộn những suy tưởng và bị dẫn đi trên những con đường mà trong vô lý thấy sự hữu lý...

Tromh bài phỏng vấn của Nguyễn Ngu Ý, Hồ Hữu Tường đã nhận xét về tác phẩm của mình như sau:

“ Tác phẩm mà tôi mong được dịch ra tiếng Pháp, tiếng Anh... và xuất bản ở Âu Mỹ để làm bức thư cảm ơn chung cho những ai ở ngoại quốc và ở trong nước đã ký tên để xin ân xá cho tôi. Là bộ “Thuốc Trường Sanh”. Tôi viết nó ở tù Côn Đảo, tháng tư và tháng năm năm. Đó là một quyển khảo cứu về triết học trình bày dưới hình thức tiểu thuyết có tính thời đại. Nó khảo cứu về thuyết nhân quả, về hành động, về đức tin. Các nhà văn Âu Châu tả sự cô đơn của cá nhân, trong Thuốc Trường Sanh rồi tả sự cô đơn của tập thể, sự cô đơn của nhóm Tuyết Lê, trong thế giới hai phe đang chống đối nhau kịch liệt bằng máu lửa, mà không theo một bên nào

được, nên đuổi theo mộng “lấp cái hố của đấu tranh, của hận thù”. Và nhân vật chánh xử tiểu thuyết tượng trưng này, tôi dành cho loài cọp, mà tôi thấy hơn loài người, cọp giết người vì bản tính tự nhiên còn người giết người lắm khi vì một cơ không đầu...”

Hồ Hữu Tường cũng tự nhận xét về tác phẩm “Thằng Thuộc con nhà nông”:

“Tôi viết tự truyện Thằng Thuộc con nhà nông” là để tôi tìm hiểu lại tôi, cái tôi thật ần náu tận đáy lòng, ở trong tiềm thức 1sau này tôi lên một lớp sơn dày. Mà ‘Thằng Thuộc con nhà nông’ là quyển đấu của bộ “Một kinh Nghiệm Sống”. Quyển kể sẽ là “Căm hờn”, tả nỗi lòng của tôi rụ kỷ ý thức được thân phận của mình, thân phận của một con nhà nông nghèo bị đè đầu, bị hiếp đáp, bóc lột, phải phục thù, tôi chụp lấy cái khí giới Mác Lê. Quyển ba là “mê Ly Đờ” người tín đồ cuồng tín của chủ nghĩa Mác Lê là tôi đã hành động, rồi bản khoản để tình ngộ ra sao, đó là đại ý quyển này...”

và, có khi như tự trách mình khi làm việc ô m đôm và thường xuyên bỏ dờ nhiều công việc:

‘Nhiều anh em – trong đó có anh- trách nhẹ tôi hay bỏ mứa trong công việc viết.. Bỏ dờ dang những công trình đã khởi sự. Như dịch Tam Quốc Chí,, thì dịch có quyển đầu. Viết Lịch Sử Văn Chương Việt Nam thì chỉ cho ra quyển một. Có biết đâu, viết, viết văn cũng như viết báo, đối với tôi là việc nhỏ, việc phụ.

- Thế việc lớn, việc chánh của anh là...

- Là Sống. Khi mà cái tiểu tiết là viết, là gì gì khác mà không hợp với đại thể là tôi gạt qua bên...”

- Thực ra khó mà định hình được chân dung Hồ Hữu Tường. Ông là một chính trị gia thất bại, ở tù nhiều lần, và coi thời gian ở tù như thời gian để chiêm nghiệm để suy tư. Và cuối cùng ông chấm dứt cuộc sống ở tù ngục Cộng Sản. Đọc những trang sách của ông, cái phong cách độc đáo, không giống bất cứ một tác giả nào khác và đôi khi cũng khác với cả những điều ông viết từ trước. Tôi không được đọc hết các tác phẩm của ông, nhưng, tôi vẫn có cảm giác rằng ông là một người luôn đi kiếm tìm một con đường để thực sự Sống, không phải cho riêng ông mà cho cả dân tộc Việt Nam nữa.

Doãn Quốc Sỹ, kẻ sĩ thời đại chúng ta

Với nhiều người bản xứ , hình như dư âm của cuộc chiến tranh Việt Nam vẫn còn nên văn chương và văn hóa Việt nam được đặc biệt chú ý. Tôi có một người bạn cùng lớp Creating & Writing học viết văn người Mỹ gốc Ý rất thích thú với văn chương Việt nam. Một bữa anh khoe với tôi tuyển tập “ Việt Nam: A traveler’s literary companion “ do John Balaban và Nguyễn Quý Đức chủ biên và rất đặc biệt chú ý tới nhà văn Doãn Quốc Sỹ với truyện ngắn “ The Stranded Fish” (Con cá mắc cạn). Anh còn khoe đã được dự một cuộc seminar với hai giáo sư Doãn Quốc Sỹ và Lê Hữu Mục tháng 6 năm 1999 tại University St Thomas ở Houston với đề tài “ Living Two Cultures : A conference for Vietnamese – Americans”. Và anh hỏi tôi một câu : Bạn nghĩ thế nào về nhà văn Doãn Quốc Sỹ . Nhà văn ? Nhà giáo ? một người hoạt động chính trị? Hay một người yêu nước bị chế độ đương thời đẩy ải khi ở trong nước? Và một nhà văn luôn hướng về tương lai ở hải ngoại ...

Có một người đã làm thơ để dường như trả lời giùm cho cá nhân tôi. Những câu thơ gợi ý và lấy từ những nhan đề của tác phẩm mà nhà văn Doãn Quốc Sỹ đã viết trong suốt hơn một nửa thế kỷ cầm bút :

” Dòng sông định mệnh”, thiên thu

“ Sầu mây” còn đỉnh mịt mù dương gian
 nước non mấy nẻo quan san
 lốc quay thời thế gian nan một đời
 Đến .Đi . Đi .Đến. ngược xuôi
 Quê hương. Đất lạ . chỗ ngồi bụi không.
 “ Khu rừng lau” lửa mênh mông
 “ U hoài “ đâu tiếng bên sông gọi buồn.
 Đường ranh lịch sử mỗi mòn
 “ Ba sinh “ còn tác “ lửa hương” chập chờn
 ngã tư bước rẽ không hồn
 lưu lạc nào để mắt còn hoang mang
 “ Đàm htoại, độc thoại “ từng trang
 “ Tình yêu thánh hóa” trường gian mấy nguồn
 biển khơi nào rã rêu rong
 ai trắng lụn tưởng nển chong dậm ngoài
 “ Giữ ngọc “ thôi cũng “ gìn vàng”
 sót thiên lương với ngỡ ngàng tâm tư
 “ Vào thiên “ giây phút hoại hư
 kiết già ngục tối mắt tù chăm chăm
 trong tâm linh thoảng hương trầm
 trong lênh đênh có lời thắm đỉnh ninh
 Thì thôi, “ Minh lại soi mình”
 “ Dấu chân cát xóa bóng hình nổi trôi
 “ người vái tứ phương”, một đời
 hoa thom ngát để một trời mông mơ
 kính vạn quyển thiếu một tờ
 chữ vô tự nẻo mịt mờ muôn năm
 Tâm ai vắng vặc trắng rằm
 Lời ca dao vẫn tiếng ngâm triêu đời”

Bài thơ đầy những Dòng sông định mệnh, Sầu mây, U hoài , Vào thiên , Khu rừng lau , Ba sinh hương lửa , Tình yêu thánh hóa ,Đàm thoại độc thoại, Gìn vàng giữ ngọc , Minh lại soi mình , Dấu chân cát xóa, Người vái tứ phương , Đi,... và cũng nêu được tính chất riêng của một kẻ sĩ phương đông. Luôn luôn chân thành và tin tưởng vào cuộc đời ở những khía cạnh nhân bản tốt

Nhà văn Doãn Quốc Sỹ sinh ra và trưởng thành trong một giai đoạn lịch sử đặc biệt. Như một câu ví von của ông :“ Ba sinh hương lửa “ thành nhan đề của một tập trong trường thiên Khu Rừng Lau. Các nhân vật đã sống trong thời đại Pháp thuộc , Nhật thuộc, rồi việt minh , rồi đảng phái Quốc gia , rồi ở lại kháng chiến , rồi trở về thành phố mà thời ấy gọi là về Tề, bao nhiêu là biến chuyển , bao nhiêu là cảnh bể dâu. Rồi hiệp định Genève chia đôi đất nước , rồi chiến tranh tiếp diễn. .. Hình như , sống trong thời đại ấy , định mệnh đã đẩy con người đi vào những lối ngõ khác nhau và cho đến bây giờ , hàng triệu người lưu lạc xứ người và cuộc chiến vừa qua tới bây giờ vẫn còn hậu quả. Cuộc đời đầy những chuyển ra đi , rời quê Bắc vào Nam , rồi lại phải ra đi lần nữa. Lịch sử toàn là những chia ly tan tác .

Thế mà , ông viết văn trong cái tâm thái ung dung , dù đang trong cảnh tù giam bức bối. Vẫn thái độ tin vào mình , tin vào người , tin ở những điều tốt đẹp của cuộc sống. Độc giả khó tìm thấy những lời hằn học , những tâm trạng phẫn nộ . Viết văn, với ông là một phương cách của “ văn dĩ tải đạo “ Viết , như một cách để làm đời sống đẹp tươi thêm ...

Những lúc thấy những cảnh tráo trở tàn nhẫn của người đời với nhau, tôi lại nhớ những “ Gìn

vàng Giữ Ngọc “ hay “ Chiếc chiếu hoa cạp điều “ ra đọc. Những lúc buồn nhớ về quê hương, tưởng tượng ra những Hà Nội, những Saigon, tôi đọc “ Dòng sông định mệnh” để thấy mình tìm lại cái rung động thuở nào khi đọc những câu thơ tả lại cảnh đạp xe theo một tà áo trắng những câu dễ thương“.. Em nghèo ta có giàu đâu. Tịch liêu đồ xuống đôi đầu ngẩn ngơ. Hơ đôi mắt em vơ tà áo. Áo trắng bong áo nào hồn trinh. Lòng ta gợn gió ngây tình .Theo em nào biết chúng mình về đâu..” Và khi nào thấy đời sống có một chút gì sương khói, tôi đọc “ Sầu mây”, “ Vào thiên “...

Có người nói rằng văn chương mà mang thời thế làm đề tài thường tuổi thọ không dài bằng những đề tài xoáy sâu vào chân dung con người muôn thuở. Viết về thời thế khó có tác phẩm lớn. Nhưng tôi lại có ý nghĩ khác. Không có đề tài nào giới hạn cho những tác phẩm lớn. Nếu có tài năng, nhà văn sẽ viết những tác phẩm bất tử bất kỳ đề tài nào. Huống chi, một thời đại đặc biệt của dân tộc Việt nam nếu mô tả những cơn lốc thời cuộc sẽ có biết bao nhiêu chân dung con người điển hình cho những nhân vật tiểu thuyết tuyệt diệu....

Hình như, trong tiểu thuyết của Doãn Quốc Sỹ, thời thế đã đóng vai trò quan yếu và văn chương là những dấu hấn chẳng thể nào phai trong ký ức của dân tộc chúng ta.

Với “Khu rừng Lau”, những ngày kháng chiến chống Pháp được ghi chép lại với tất cả những nỗi niềm của người yêu nước nhưng bị lừa gạt bởi những ý thức hệ ngoại lai. Một tiểu thuyết trường thiên vẽ lại cả một thời kỳ hoành tráng của lịch sử mà trong đó con người bị cuốn vào những cơn lốc dữ dội.

Với những truyện ngắn như “Chiếc chiếu hoa cạp điều” , hay “ Gìn Vàng Giữ Ngọc”, chân dung những con người tốt đẹp vàng vạc như trăng đã khiến nhà văn Võ Phiến viết lên một nhận xét :” đọc sách ông, thơm tho cả tâm hồn...”.Trong bất cứ hoàn cảnh nào , dù khốn cùng đến đâu, cái chất nhân bản vẫn rõ nét.

Quả thật, văn chương của ông bình dị không lên mặt dạy đời mà lại có sức thuyết phục . Thường thường , văn chương cũng như âm nhạc phải theo luật cân phương, có nghĩa là phải thể hiện được đời sống ở nhiều mặt tốt xấu và tất cả phải quân bình cân đối. Nhà văn thời danh Milan Kundera đã ví von công việc viết tiểu thuyết như soạn hòa âm,nhạc đề cũng cần phải có những dạo khúc hoặc những chuyển khúc và cân bằng nó là cả một vấn đề kỹ thuật tinh tế.

Thế mà, ở Doãn Quốc Sỹ, hầu như những nhân vật đều ảm áp chất thiện ở trong . Ngay những nhân vật ở tuyến ác, cũng có nét khiến độc giả có thể bao dung được và không thể ghét bỏ hoàn toàn. Văn của ông, chuyên chờ một phần nào cuộc sống và ở đó , đời sống của người Việt Nam đã được phóng chiếu qua những cảnh ngộ đặc thù của một thời đại đặc biệt.

Nhà văn Doãn Quốc Sỹ là một khuôn mặt văn chương hàng đầu của hai mươi năm văn học miền Nam. Ông sinh năm 1923 tại ngoại ô Hà Nội lớn lên trong thời kỳ kháng chiến, dạy học ở Hà Nội và Nam Định, rồi di cư vào Nam năm 1954. Nghề chính của ông là dạy học và đã sang Hoa Kỳ tu nghiệp giáo chức trong hai năm. Trên bình diện văn chương, ông là một cây bút chủ lực trong nhóm chủ trương tạp chí Sáng Tạo và cũng là giám đốc nhà xuất bản cùng tên đã giới thiệu được nhiều tác phẩm có giá trị và nhiều cây bút tài hoa có khả năng.

Tác phẩm của ông gồm bộ trường thiên “Khu Rừng Lau” có bốn cuốn :Ba sinh hương lửa, Người đàn bà bên kia vĩ tuyến, Tình yêu thánh hóa, Đàm thoại ,Độc thoại ; truyện dài Dòng sông định mệnh, Sầu mây, Đốt biên giới; truyện ngắn Gìn vàng giữ ngọc, Cánh tay nổi dài, U hoài, Gánh xiếc; tùy bút Vào thiên; khảo luận Người Việt đáng yêu;...

Sau năm 1975 , ông bị chính quyền Cộng Sản bắt giam hai lần và sau những cuộc can thiệp của công luận thế giới ông được trả tự do và định cư ở Hoa kỳ với người con trai lớn ở Houston, Texas.

Trường thiên “ Khu Rừng Lau” vẽ lại cả một thời kỳ nhiễu nhương của lịch sử Việt Nam. Đời sống của một lớp thanh niên tiểu tư sản được dựng lại trong cái phong cảnh hoành tráng của một đất nước không may trở thành nơi chốn đọa sức của những ý thức hệ quốc tế. Những nhân vật như Miên, Kha , Tân, Hiền , Hăng , Lãng, Khiết... từ lúc trưởng thành, tham gia kháng chiến chống Pháp ,rồi trải qua những ngày cải cách ruộng đất, trở về thành rồi di cư vào Nam , tất cả những quận mình của cả một thế hệ được nhà văn tạo thành tiêu biểu. Tuổi tác họ chênh lệch nhau nhưng cùng có chung một mẫu số yếu đất nước như yêu tự do và cùng mong ước cho một ngày đất nước hùng cường .Hình như , họ có chung nỗi hoang mang của những người trí thức luôn đi kiếm tìm cho mình một con đường nhưng lại thấy bơ vơ khi chọn lựa. Ở với kháng chiến , thấy lòng yêu nước bị lợi dụng bởi những con người Bolcheviks tàn bạo vô nhân, về thành thì thấy giặc Pháp ngهنh ngang, chính phủ quốc gia chỉ là cái bóng. Di cư vào Nam, thì chế độ độc tài và gây ra nhiều kỳ thị bất công.

Dòng đời trôi, qua bao năm tháng, chiến tranh lại tiếp chiến tranh, hết độc tài Cộng sản đến độc tài gia đình trị, thế nước nghiêng ngửa như những cuộc đời ngã nghiêng theo. Bộ trường thiên này có lẽ là một phác họa lịch sử hoành tráng và tiêu biểu nhất của văn học Việt Nam...

Nhưng đọc truyện ngắn của ông như “Chiếc Chiếu Hoa Cọp Điều “ hay “ Gìn Vàng Giữ Ngọc” mới thấy được cái Tâm vàng vạc của ông. Hoàn cảnh dù thế nào , con người dù ở trong cảnh ngộ nào, cái tình đối xử với nhau mới là quan trọng. Cái nghèo, cái khổ, cái đói không làm hạ giá trị được con người bằng sự tha hóa tâm hồn. Tình đời thường thay đổi cách ứng xử tùy theo giàu nghèo nhưng cũng có những trường hợp cá biệt như nhân vật xưng tôi trong “Gìn vàng giữ ngọc” hay “ Chiếc chiếu hoa cọp điều “ trời làm loạn lạc ,gây nhiều thảm cảnh nhưng con người với cái tâm hiền vẫn vói vọi đứng không quy ngã. Văn phong đôn hậu, chữ nghĩa thật thà đã có tác dụng ảnh hưởng đến người đọc. Bao nhiêu năm trôi qua, tôi mỗi khi đọc lại những chuyện ngắn này thấy đời sống dù sao cũng còn nhiều người tốt và không phải chỉ toàn là lang sói và lừa lọc như những bi hài kịch thường diễn ra mỗi ngày của thực tế đời thường...

Những năm 1984.1985, nhà xuất bản Lá Bối ở hải ngoại có in một tác phẩm “Đi” với tác giả Hồ Khanh . Cuốn sách đã tạo ra dư luận xôn xao một thời lúc đó . Được in ở hải ngoại và chính ông là tác giả mang tên Hồ Khanh để ngụy trang . Câu chuyện kể lại một chuyến vượt biên ở vào thời điểm mà cây cột đèn đường ở Sài Gòn cũng muốn xuống ghe tìm tự do như lời người dân ví von. Có những đại gia đình mấy chục người vui thân nơi Biển Đông sóng dữ và cũng không biết bao nhiêu người bị bắt giam tù tội cũng như biết bao nhiêu gia đình bị tan nát sống lang thang vỉa hè vì vượt biên không thoát. Nhà văn Doãn Quốc Sỹ đã mang chính cuộc đời những con cháu mình để tạo thành một tác phẩm vẽ lại một thời kỳ cực kỳ đen tối của đất nước. Người dân bị đẩy vào những cảnh ngộ không lối thoát và đã mang chính sinh mạng của mình và gia đình mình đánh bạc với rủi may. Chính vì chất bi thảm nên động tới lương tâm nhân loại và rốt cuộc mới có những đợt thuyền nhân và bộ nhân tới định cư ở các nước tự do.

Riêng với tôi, tôi biết những chi tiết trong “Đi “ thực tới một trăm phần trăm và hình như rất ít hư cấu. Tôi vượt biên cùng chuyến tàu với gia đình con cháu của nhà văn Doãn Quốc Sỹ nên khi đọc lại những trang sách thấy mồn một rõ những nhân vật với cả những cá tính và cả hoàn cảnh nữa. Khi thường đi lại với người bạn cùng Không Quân là con rể của bác Doãn Quốc Sỹ ở căn nhà ở con hẻm đường Thành Thái tôi đã thấy được đời sống tuy thanh bạch mà rất nghệ sĩ. Sau khi bác Sỹ mới được thả về lần thứ nhất và công an để ý, nhưng ở nhà các con vẫn tụ họp ca hát những ca khúc ngày xưa mỗi khi có bạn bè mặc kệ công an mặc kệ dò xét. Tôi nhớ

có lần buổi tối ghé thăm thì thấy trước cửa con nít trong xóm bu đông lại xúm xít để nghe ca nhạc. Dù đời sống lúc đó khá thiếu thốn nhưng vẫn đầy tinh thần lạc quan. Trong hoàn cảnh căng thẳng như lúc ấy, không phải là dễ để có những phong cách như vậy.

“Đi” đã mô tả rất thực hoàn cảnh gia đình nhà văn cũng như cuộc sửa soạn chuyến vượt biển và những ngày trên biển Đông nên có sự lôi cuốn từ người thực việc thực. Những lá thư của con cháu gửi về tả lại đời sống ở trại đảo cũng như ở xứ người biểu lộ tâm tư khá tiêu biểu của những người bị dồn vào thế phải bắt buộc xa quê hương. Ra đi mà vẫn ngoái nhìn về đất nước với những người thân còn ở lại. Riêng tôi, tôi có cảm nhận rằng tác phẩm được viết ra với một tấm lòng thương con thương cháu vô bờ. Người thường nếu có tâm tưởng như thế cũng có thể viết xuất sắc huống chi một nhà văn nổi tiếng là đôn hậu thì sự lôi cuốn độc giả sẽ lên đến mức nào! Nhà văn Nguyễn Vũ chủ trương nhà xuất bản Văn Hóa hình như đang tiến hành việc in lại toàn bộ Doãn Quốc Sỹ Toàn Tập. Công việc này quả thực rất hay và cần thiết nữa. Một nhà văn tư cách đức độ có những tác phẩm tiêu biểu nói lên tâm tư của một thế hệ có phải xứng đáng để chúng ta trân trọng thành những di sản cho những thế hệ sau này...

Tưởng niệm nhà văn Nguyễn Thụy Long

Có nhà văn đang viết dở cuốn tiểu thuyết về nơi mình đang sống, nhưng không phải là chốn dương thế mà là nơi âm cảnh, của những hồn ma. Ông viết trong cái bối cảnh của vùng đất mà xưa kia là trường bắn của bót Hàng Keo, nơi mà các oan hồn của những tử tù như không bao giờ siêu thoát. Tiểu thuyết ấy là “Vùng Mả Động” và tác giả cũng vừa rời dương thế ra đi là Nguyễn Thụy Long. Ông từ trần khi viết dở cuốn tiểu thuyết mà ông cho là đặc ý nhất của mình

“Theo tiết lộ của Nguyễn Thụy Long, chỉ viết về chuyện những người sống người chết quanh nhà, cuốn tiểu thuyết đã lên cả mấy ngàn trang.

- Vùng Mả Động viết được bao nhiêu trang rồi?

- Mới viết chừng nửa truyện đã hơn ngàn trang

- Bao giờ hoàn tất?

- Chỉ cuối năm thôi

- Viết có đặc ý không?

- Rất đặc ý vì các nhân vật, vừa người cõi âm, vừa người cõi dương. Nhân vật nào cũng có nét riêng, không lẫn vào đâu được. “Đều” có, tử tế có, lưu manh có, vô học có, trí thức có... các nhân vật cứ quện vào nhau sống, “chửi bới” nhau, yêu thương” nhau...”

Nhà văn Nam đã viết đoạn văn trên cùng với những câu thơ khóc bạn như:

*“Chia tay nhau lũ người lặn đạn
nhìn nhau buồn chẳng nói năng chi
cùng một kiếp thương vay khóc mượn
được thua gì rồi cũng phải đi
cuộc thế trăm năm là vậy đó
khóc cười ư cũng chuyện thường tình...”*

Có người nói Nguyễn Thụy Long là một nhà văn đóng vai trò chứng nhân của một thời thế đặc biệt của lịch sử. Mà số phận của người chứng ấy dường như có nhiều bất hạnh. Trước năm 1975, vì thời cuộc, bị bỏ tù vì làm công việc của một người lính KQ trực phi đạo giúp cho chiếc phi cơ chở những người lãnh đạo cuộc đảo chính ngày 11 tháng 11 năm 1960 đào tẩu, cũng là một số phận bất hạnh. Làm văn, làm báo trong một thời kỳ đầy bão lửa, trải qua bao nhiêu cuộc đổi dời để kết cuộc làm một người hứng chịu tất cả những nghiệt ngã của cuộc sống của một

thời kỳ xã hội xuống cấp trầm trọng nhất của lịch sử Việt Nam, lại là một số phận bất hạnh khác. Sau năm 1975, bị đầy ải, giam cầm, rồi viết văn, để trang trải tâm sự, mà không đăng tải được ở nơi chốn mình đang sống mà phải lén đưa ra nước ngoài để phổ biến, hầu như bất chấp hệ thống đê net công an trị, lại cũng là một số phận bất hạnh, của những tâm tình bất đắc chí, của những nỗi niềm dằn vặt của người bị đẩy vào cùng đường tuyệt lộ...

Nguyễn Thụy Long là một trong những nhà văn của hai mươi năm văn học miền Nam bị chế độ mới ghép vào tội biệt kích văn nghệ. Những đám viết văn Cộng sản nằm vùng như Lữ Phương, như Vũ Hạnh, như Nguyễn Trọng Văn,... đã thẳng tay tố giác để lập công hầu thi hành chính sách xóa bỏ nền văn học miền Nam. V, một tay đao phủ thủ khác, viết cuốn “ Văn Hóa Văn nghệ Nam Việt Nam 1954-1975”, là Trần Trọng Đăng Đàn, lại là em vợ của nhà văn Nguyễn Thụy Long. Trong Hồi Ký Viết Trên Gác Bút, ông kể:

“...Một cậu em vợ tôi nằm ăn dầm nằm dề ở nhà tôi.” Tự nhiên “như người Hà Nội”. Nghiên cứu, ghi chép cả một tủ sách vĩ đại trong nhà. Trong đó có cả mấy chục tác phẩm của tôi đã xuất bản và của bạn bè đồng nghiệp viết trong nhiều năm. Cậu ta nói, cậu là người tập tành làm văn hóa cần nghiên cứu làm luận án tiến sĩ văn hóa miền Nam thời tạm chiếm.

Ngày nhà nước phát động phong trào diệt văn hóa đồi trụy, phản động, tủ sách nhà tôi bị dọn sạch, lớp lấy đi, lớp bị thiêu hủy. Chiến dịch ấy vẫn chưa chấm dứt.

Sau này một số tác phẩm của tôi và bạn bè thấy trưng bày chung với súng đạn, xe tăng, máy chém ở nhà Trưng Bày Tội Ác Mỹ Ngụy. Cũng thời gian ấy, đại tác phẩm “Vạch mặt những tên biệt kích văn nghệ” luận án dọn thi bằng tiến sĩ của cậu em vợ tôi ra đời. Trong đó có nhiều tác phẩm mang tên tôi và bạn bè làm nghề viết văn ở miền Nam. Tác phẩm bị mổ xẻ, vạch vòi thẩm tra và giống như lời lấy khẩu cung tội phạm. Ngài tiến sĩ được phong vị giáo sư. Đơn giản thế thôi, như một quả đạn pháo kích rơi nổ vào giữa đám máu thịt bầy nhầy...”

Thời tiền chiến, nhà thơ Nguyễn Vỹ đã cảm khái “Nhà văn An Nam khổ như chó !!!”. Nhà thơ Tân Đà Nguyễn Khắc Hiếu, nhà văn Vũ Trọng Phụng,... cũng đã nhiều lần than thở về cái túng cùng, cái kiệt xác của nghề cầm bút. Thời Cộng Sản, những Quang Dũng, Trần Dân, Phùng Quán, Nguyễn Hữu Đang,... vì cái nhọc nhằn của nghiệp văn chương mà cả gia đình suốt đời mịt mù với sự khốn khó. Hình như, chuyện văn chương không hợp với kẻ sang giàu...

Huống chi, với Nguyễn Thụy Long, một người cầm bút bị ghi tên vào sổ đen văn nghệ, thì đời sống lại càng thâm hơn. Là một nhà văn nổi tiếng của văn học miền Nam trước 1975 đã in chừng hai mươi tác phẩm, ông là một mục tiêu dòm ngó của chế độ mới. Giáo sư Nguyễn Văn Trung của Đại Học Văn Khoa cũ, trong tập hồi ký “ Nhìn lại những chặng đường đã qua “ đã viết về trường hợp tác giả “ Loan Mất Nhung”:

“...Ông Nguyễn Linh, Phó giám đốc nhà xuất bản Sự Thật có kể cho tôi hồi 1975, ông là cán bộ của Tuyên huấn Trung Ương vào miền Nam tiếp thu về văn hóa. Ông rất phục Nguyễn Thụy Long và ca tụng quyển truyện “Loan Mất Nhung” của tác giả. Ông hỏi tôi đã đọc chưa, tôi nói chưa vì thực ra ở miền Nam trước đây không thể đọc, biết hết những sáng tác vì rất đa dạng, riêng Nguyễn Thụy Long tôi có nghe tiếng nhưng chưa đọc. Ông khuyên tôi nên đọc. Ông trở ra Hà Nội, gặp ông Tố Hữu, đưa cho ông đọc và xin ý kiến. Gặp lại ông Tố Hữu, ông Tố Hữu có nói với ông :”miền Bắc đã không thể có người viết văn như thế này...” Đánh giá trong nội bộ thi như vậy, nhưng một cách công khai, chính thức vẫn kết án, vùi dập. Hầu như toàn bộ nền văn học miền Nam kể như không có. Và những người như Nguyễn Thụy Long trở thành những kẻ sống bên lề xã hội, thò xe chõ củi từ Long Thành về Sài Gòn bán kiếm sống. Tại sao? Bất lực vì sức ỳ, vô ngã của thể chế guồng máy hay vì say mê quyền lực ? Xin để những người có trách nhiệm như Tố Hữu, Nguyễn Linh... trả lời.”

Nguyễn Thụy Long đã viết những tác phẩm như Giữa Đêm Trường, như Thuở mơ làm văn sĩ, như Hồi ký viết trên gác bút, như Thân phận ma trôi,... là những tác phẩm hiện thực một đời sống thực của một nhà văn bị cuốn lồi trong cơn lốc nghiệt ngã của lịch sử.

Đó là những thiên hồi ký của một người cầm bút rất yêu nghề nghiệp của mình nhưng phải đành gác bút. Đó có phải là chứng từ của một thời đại Việt Nam đặc biệt đầy biến cố.

Tác giả đã viết bằng cái tâm sự chất chứa từ những ngày tháng thẳm sau ngày tháng tư năm 1975. Tai ương đổ ập xuống cả một dân tộc, tiêu hủy tất cả những gì đã gây dựng được để quốc gia, dân tộc bị phá sản đến tột cùng. Tác phẩm của ông là dòng chữ của niềm u uất khôn nguôi. Con người đành xuôi tay cam chịu, và cuộc sống với cái đói, cái nghèo vây bọc đã có bộ mặt của một nơi địa ngục.

“Viết hồi ký, viết hoài về chuyện chết chóc, sự khốn khổ của kiếp người, chính người viết cũng thấy nản. Nhưng làm sao được, vì chính những người nằm xuống đó là chỗ thân tình của tác giả, anh em, bạn bè, hoặc là người mà tác giả ngưỡng mộ, một nhà văn, một nhà báo, một thi sĩ nào đó. Tôi nghĩ cũng là chuyện thường thôi, không oán trời trách đất gì hết, hay đổ lỗi cho ai. Con người ta chẳng qua có một số mạng, trời cho sướng thì được sướng, trời bắt khổ thì phải khổ mà thôi. Như một lần nhà văn Lê Xuyên đã nói với tôi...”

Tác giả luôn luôn nghĩ tới bạn bè, những người cùng phải chia sẻ và gánh chịu với nhau những làm than cơ cực của kiếp nhân sinh, của những người sinh làm thế kỷ. Còn gì đau đớn cho bằng phải giả ngu giả dại để cho qua ngày tháng. Có tai có mất mà như người điếc người mù. Tâm sự thì ngút ngàn mà bút mực thì đã thành đồ quốc cấm. Tù tội, đầy ải cũng vì nghiệp văn chương. Trang giấy trắng mở ra, hàng hàng tâm tư, nhưng bàn tay cầm bút như bị cùm giữ lại. Đời sống này, phải học chữ nhẩn nhục, nhưng như thế sống để làm gì. Ai đã trải qua những cảnh hỗn mang? Ai đã chua xót đi qua con đường gai nhọn? Có phải là Tú Kếu Trần Đức Uyển, là Trần Lê Nguyễn, là Ly Phật Sơn, là Dương Hùng Cường, là Hoàng Vĩnh Lộc, là Minh Đăng Khánh, là Uyên Thao, là Lê Xuyên, ...??? Thời đại này, là thời quỷ dữ ngự trị, là những chuyện vô lý nhất cũng có thể diễn ra. Những cuộc đời ở tận cùng của đêm tối. Cổ mạch hàn phong cộng nhất nhân. tất cả gió bão đều quật vào một người để thảm kịch cứ dài ra đến khi nhắm mắt.

Chúng ta hãy nghe Nguyễn Thụy Long và chuyện kể về Trần Lê Nguyễn:

“...mấy năm sau tôi nghe Trần Lê Nguyễn bị bệnh. Bệnh tai biến mạch máu não như tôi đã từng bị. Anh đau khổ hơn vì bị bán thân bất toại, nói năng ngọng nghịu Vợ anh Nguyễn phải làm thông ngôn mỗi khi đi đâu hay có người tới thăm.. Có hôm tôi với Tú Kếu đang ngồi ở quán báo của Nguyễn Kinh Châu ở đường Bà Huyện Thanh Quan thì Trần Lê Nguyễn đi xích lô đến. Anh nói chuyện với chúng tôi mà chúng tôi chẳng nghe được câu nào. Anh bị ngọng quá sức rồi. Một lần khác anh đi xích lô đến nhà Tú Kếu, bà vợ đi cùng, hôm ấy tôi cũng có mặt. Chị Nguyễn phải thông ngôn chúng tôi mới hiểu được. Nội dung anh hỏi nhà Tú Kếu còn tranh không, nếu bán thì anh mua. Trời đất, anh cần còn nghĩ đến chuyện ấy, chuyện nghệ thuật mà anh đam mê từ mấy chục năm trước, thuở lêu bêu chợ trời. Buôn bán mà không bao giờ có lời, bán một tác phẩm mình mua được tiếc đứt ruột. Con người Trần Lê Nguyễn thế đó.”

Cám cảnh bạn nhìn lại thân phận mình, Nguyễn Thụy Long kể chuyện Chú Tư Cầu Lê Xuyên, buồn rầu, cảm khái và chia sẻ:

“Nhìn cái quày thuốc lá cũ rích, long đinh, tróc sơn thấp lè tè của Lê Xuyên, tôi lại lo lắng cho anh trong trận mưa chiều ngày 9 tháng 11 vừa qua nhiều con đường ngập lụt, hàng hóa chợ Bình Tây bị nước úng hư hỏng thiệt hại bạc tỉ. Lê Xuyên cũng chỉ cười.

Anh cố ép tôi hút một điếu thuốc Con Mèo. Trong câu chuyện của anh, tôi rút ra được có một câu:” Tớ suy sụp toàn diện rồi “. Tôi cũng được biết hoàn cảnh gia đình anh, bà vợ bị mắc bệnh hiểm nghèo từ mấy năm nay, một đứa con gái của anh đã chết vì ung thư bỏ lại hai đứa con và cái quày thuốc lá này cho anh, anh là ông ngoại của chúng. Tôi hỏi về sự học của hai đứa cháu mồ côi, anh có vẻ ngạc nhiên. Qua câu nói của anh, tôi biết anh không đủ sức nuôi hai cháu ăn học Một quày bán thuốc lá lẻ như vậy ở đầu đường kiếm chác được bao nhiêu, nuôi bao nhiêu miệng ăn, đã thế lại phải lo thuốc thang cho người bệnh. Tôi cũng đang mệt nhọc vì còn ba đứa con đi học nên rất đồng cảm với anh...”

Và chuyện nhà thơ Bùi Giáng, một người điên nhưng lại tự nhận mình tỉnh nhất thế gian. Ông cợt đùa với bạo lực, đã tạo ra biết bao nhiêu giai thoại về một thời đại quá nhiều bi thảm:

“Ông thi sĩ Bùi Giáng lại đâm đầu vào chuyện oan nghiệt ấy., không hề sợ hãi, phom phom nhận mình là sĩ quan quân đội chế độ cũ, sĩ quan cao cấp kia, từng có “ nợ máu với nhân dân”,

bây giờ “ngã ngựa” rồi xin được đi học tập cải tạo để được trở thành người tốt đủ tư cách xây dựng đất nước đẹp bằng mười ngày xưa.

Ông lang thang khắp các chợ trời, trên người đeo linh kính đủ các thứ đồ.

Có hôm ông đeo cả mấy chục cái lon đồ hộp trên người. Ông nói ông là người có nhiều “lon” nhất trên đời vậy mà ông vẫn yên ổn.

Có hôm ông vào chợ cá Trần Quốc Toản, khi ấy trở thành chợ xe đạp. Ông “thó” một cái ghi đông xe cũ rích, rồi bỏ đi, người ta la lên ông ăn cắp.

Ông trả lại liền, cầu nhau :

Mẹ tụi bay, bị mất tất cả mà phải cầm, tau chỉ ăn cắp cái ghi đông mà la rầm trời, có kẻ đang ăn cắp đấy.. làm gì nó nào ?

Ai mà chấp một người điên, khi biết người đó là thi sĩ Bùi Giáng. Hình ảnh Bùi Giáng trở thành quá quen thuộc với thị dân kể cả những người mới giữ gìn trật tự trong thành phố này...”

Tác giả còn kể về nhiều người văn nghệ sĩ khác. Như Lý Hoàng Phong, như Nguyễn Đình Toàn, như Uyên Thao, như Duy Trác, như vợ chồng Hồ Thành Đức Bé Ký,... Mỗi người mỗi vẻ nhưng hình như tất cả chung nhau nỗi niềm mà thi sĩ Vũ hoàng Chương đã viết “lũ chúng ta đầu thai lắm thế kỷ...”

Đọc xong những trang sách, rồi gỡ những tấm bìa sau của một loạt những tác phẩm trước mặt tôi đọc những dòng chữ, một cảm giác nghe như ê chề, nghe như xót xa chột có. Chẳng lẽ, cuộc đời chỉ toàn một màu đen tối thảm như thế sao? Văn chương có phải chỉ là những bi quan than thở? Không, nhà văn vẫn “vịn vào thơ và đứng dậy” như Nguyễn Thụy Long đã viết :

“Tôi phải sống, tôi từng tự chúc cho tôi năm Mậu Dần được sống lâu trăm tuổi để làm nốt những gì còn dở dang hay chưa làm được. Khi tôi chết tôi được nhắm mắt, không trừng mắt nhìn cõi hư vô như người bệnh mới qua đời nằm bên cạnh giường bệnh tôi. Tôi sẽ ra khỏi đây để về căn gác bút, ngồi vào bàn viết làm việc thâu đêm suốt sáng như thuở nào. Bạn hãy nắm lấy bàn tay tôi đi, những ngón tay này còn cầm nổi cây bút mà. Đề tài cho nhà văn khai thác thì mệnh mông vô tận. Quanh tôi có bạn bè bằng hữu kia mà... Xin cho tôi cảm ơn đời...”

Có phải như câu thơ Phùng Quán “Bút mực tôi ai cướp giạt đi. Tôi sẽ khắc thơ tôi vào đá...”

Có người viết báo phê bình về những nhận xét có phần phần uất của tác giả Loan Mắt Nhung, Kinh Nước Đen,.. về những bất toàn của xã hội miền Nam như những tệ nạn tham nhũng, hoặc nhắc đến chế độ Ngô Đình Diệm với những chê bai nặng nề như một chế độ độc tài gia đình trị. Nhưng theo tôi, những câu văn đầy chủ quan như thế chỉ là một phần rất ít trong tổng số tác phẩm của ông. Có thể, ông bị tù oan khi làm lính KQ thi hành nhiệm vụ của mình nên có ác cảm với chế độ ấy?

Tôi đọc Nguyễn Thụy Long, những Loan Mắt Nhung, Kinh Nước Đen, Ven Đô,.. thời trước 1975 hay những tác phẩm sau này được in ở hải ngoại vẫn hình dung ra được một nhà văn đã mang nghiệp cầm bút nặng nề cho đến cuối đời.

Hay, đọc Trần Trọng Đăng Đàn, với một cuốn sách đầy chất độc ác, để thấy những bản cáo trạng của chế độ mới gài lên những tên tuổi của hai mươi năm văn học lừng lẫy. Tên văn nô đóng vai đao phủ của chế độ mới đã phê phán với cung cách một chiều hãnh tiến về những Tuổi Nước Độc của Dương Nghiễm Mậu, Hồ Thùy Dương của Doãn Quốc Sỹ, Vách Đá Cheo Leo và Giác Ngủ Chập Chờn của Nhật Tiến, Ngựa Chừng Trong Sân Trường của Duyên Anh, Ven Đô, của Nguyễn Thụy Long,... với mưu định là xóa sạch, xóa hết di sản văn học ấy. Nhưng xem ra, tới bây giờ, mưu định ấy rõ ràng đã thất bại...

Với tôi, Nguyễn Thụy Long (1938-2009) là một nhà văn mà có lẽ trong văn chương bất hạnh tràn đầy và hạnh phúc nhỏ nhoi. Văn chương của ông không có chất làm dáng, không triết lý vụn với đời sống, mà ở một phản ánh nào đó của cuộc sống không phải chỉ riêng ông. Ông viết cho những người cùng chung thời đại. Viết và mô tả hiện thực, để trong con chữ có sự sống, có nhịp đập của trái tim và tiếng thở của bờ ngực, để cảm xúc và suy tư của tim và óc hòa nhịp cùng nhau.

Ông viết về cuộc đời của một chứng nhân, của chính cá nhân mình, có phải là để trong cố gắng nhìn từ góc cạnh mình một toàn cảnh thời thế, của những người Việt Nam mà tia rọi nhấp nhen của hoàng hôn nhiều hơn là ánh nắng tươi hồng của bình minh?

Dương Thu Hương, từ tiểu thuyết Vô Đê đến Chốn Vắng

Từ năm 1975 đến nay, là hơn ba chục năm, mà dư âm của cuộc chiến vẫn còn. Nó để lại hậu quả chưa xót cho cả một thế hệ về tất cả mọi phương diện. Về văn học, trước 1975 thì có văn học miền Nam và văn học miền Bắc, sau năm 1975 thì có văn học trong nước và văn học hải ngoại. Không phải chỉ là phân biệt địa lý mà sâu sắc hơn là sự phân biệt về chính kiến và đôi khi ở vào những chiến tuyến đối nghịch nhau... Ở trong nước, với văn nghệ bị chỉ huy bởi chính trị, văn nghệ sĩ bị trói buộc vào những đường lối những chính sách được ấn định bởi Đảng nếu muốn được viết và được in tác phẩm. Còn ở hải ngoại, văn chương có tính lưu vong lúc ban đầu và có tính chống đối nhà cầm quyền trong nước kéo dài mãi đến những năm tháng về sau. Còn, ở trong nước có một số nhà văn thức thời, viết văn là một cách thế để tranh đấu và nói thật tâm tư mình với những tác phẩm phản kháng muốn tìm lại chân lý của cuộc chiến, vượt qua những đe dọa hoặc trừng phạt của chế độ hiện hữu.

Một khuôn mặt văn học ở trong nước nổi tiếng vì những tư tưởng phản kháng chứa chất trong tác phẩm và được cả thế giới biết đến qua những tiểu thuyết được chuyển ngữ sang Anh và Pháp ngữ. Đó là Dương Thu Hương, tác giả của những Bên Kia Bờ Áo Vọng, Những Thiên Đường Mù, Chân Dung Người Hàng Xóm, Tiểu Thuyết Vô Đê, Chốn Vắng.

Xuân Sách, trong Chân Dung Nhà Văn đã phác họa Dương Thu Hương bằng :

Tay em cầm Bông Bần Ly
Bờ cây đổ thắm làm chi não lòng
Chuyện tình kể lúc rạng đông
Hoàng Hôn Áo Vọng vẫn không tới Bờ
Thiên Đường thì quá Mù mờ
Vĩ Nhân Tĩnh Lẽ vật vờ bóng ma
Hành trình Thơ Ấu đã qua
Hỡi Người Hàng xóm còn ta với mình.

Bài này viết trước khi Dương Thu Hương xuất bản Tiểu Thuyết Vô Đê và Chốn Vắng cũng như viết những bài Tự Bạch hoặc có những bài phỏng vấn nảy lửa nên chỉ nhắc đến Những Thiên Đường Mù, Những Vĩ Nhân Tĩnh Lẽ, Chuyện Tình Kể Lúc Rạng Đông, Hành Trình Ngày Thơ Ấu, Chân Dung Người Hàng Xóm,..

Dương Thu Hương là một nhà văn phản kháng hàng đầu, hiện đang sống ở Paris dù rằng đã tuyên bố không muốn rời khỏi nước. Theo tài liệu của Trung Tâm Văn Bút Hoa Kỳ thì bà được giải thưởng của chính phủ Pháp “Chevalier of the Ordre des Arts et des Lettres” năm 1994 và “Prince Claus Foundation Award” năm 1999 và “Grinzane Cavour Literary Award” năm 2005. Tiểu thuyết của bà như Tiểu thuyết Vô Đê, Bên Kia Bờ Áo Vọng, Những Thiên Đường Mù, Chốn Vắng,.. được dịch ra 10 ngôn ngữ khác nhau trên thế giới như Pháp, Anh, Đức, Ý,..

Trong bút ký “Nhìn lại những chặng đường đã qua”, được phổ biến hạn chế, của giáo sư Nguyễn Văn Trung có nhận xét :

“Đọc Tiểu Thuyết Vô Đê và Tự Bạch của Dương Thu Hương, tôi thấy mấy điểm chính sau đây:

1. Dương Thu Hương cho rằng cuộc chiến Việt Nam là một cuộc chiến thần thánh chống Mỹ cứu nước nằm trong truyền thống chống xâm lược của người Việt và Dương Thu Hương hãnh diện tham gia cuộc chiến đó chống lại những tội ác của đế quốc Mỹ xâm lược và nguy quyền Sài Gòn tay sai bán nước. Công giải phóng miền Nam là của Đảng, miền Bắc.

2- quân đội Sài Gòn là một quân đội tàn bạo. Bọn thám báo không phải chỉ hiếp 6 người con gái miền Bắc thuộc một đơn vị thanh niên xung phong hay binh trạm nào đó, mà còn xẻo vú, cửa mình của họ ném vung vãi khắp đám cỏ xanh (trang 16). Khi thuật lại bộ đội miền Bắc hạ sát ba tù binh miền Nam, Dương Thu Hương không bày tỏ phần nộ, coi như thuộc qui ước chiến tranh mà thôi.

3- Chính quyền Sài Gòn, Ngô Đình Diệm cũng tàn nhẫn khủng bố những người kháng chiến cũ, phân loại treo bảng từng gia đình cách mạng để trả thù.

4- Tiểu Thuyết Vô Đề không phải viết cho hải ngoại, cũng không phải để bày tỏ sám hối của một con Việt Cộng, của một kẻ đã từng là đảng viên Cộng Sản mà chỉ để tố cáo những kẻ phản bội cách mạng trong hàng ngũ cách mạng “lý do duy nhất thúc đẩy mọi suy nghĩ hành động vẫn là luôn luôn hướng tới chủ nghĩa xã hội đích thực”

5- những kẻ phải sám hối là chính quyền miền Nam và những kẻ ủng hộ chính quyền chống cộng đó, việc xuất bản Tiểu Thuyết Vô Đề và Tự Bạch ở hải ngoại là do bọn chống Cộng cực đoan lợi dụng mà thôi, những người mà bà khinh bỉ gọi là “bọn chó”..”

và giáo sư Trung đã nhận xét:

“Tôi muốn nói thêm đôi điều về lối nhìn Miền Nam của mấy nhà văn miền Bắc như Dương Thu Hương. Họ là những tác giả, nếu tôi không nhầm, đã sinh ra và lớn lên trong chế độ, ít hiểu biết miền Bắc trước năm 1954 và không biết gì về miền Nam trước năm 1975. Ngay cả những người sau 1975 vào sống ở Sài Gòn cũng có cái nhìn sai lệch về miền Nam chỉ vì họ không sống ở miền Nam, đặc biệt giai đoạn 55-75.

Tôi bắt đầu làm việc ghi nhận này từ những năm đầu thập niên 90, duy có cái nhìn về Dương Thu Hương cần được điều chỉnh vì nhà văn này đã có những chuyển biến mới..”

Chính Dương Thu Hương cũng đã thú nhận khi viết như vậy :

“.. Thực ra tôi không nên viết vội vã như vậy. Tôi cần phải có một thời gian dài hơn nhiều để suy nghĩ đắn đo. Bản thân tôi, tôi đã nghĩ ; mình có thể là một nhà văn tồi nhưng là một công dân tốt. Điều quan trọng hơn cả trong lúc này là gửi được những thông điệp tới người đọc. Bạn đọc hãy thứ tha cho tôi. Mai sau sẽ có những nhà văn bản lĩnh hơn tài ba hơn, làm văn chương thực sự. Phần tôi, tôi xin nhận làm người cày vỡ ợt đầu” (in trong báo Lao Động ngày 24 tháng 8 năm 1989)

Tiểu Thuyết Vô Đề là những trang tự thuật của một sĩ quan trẻ tên Quân trong hàng ngũ bộ đội Cộng Sản. Anh gia nhập cuộc chiến với lòng hăm say của tuổi trẻ và huyền thoại cứu nước đã huyền hoặc bao thế hệ tuổi trẻ. Dần dần, đối chiếu từ sự thực, từ những gục ngã của lớp trẻ của những hy sinh máu xương đến sự hao phí tiềm lực đất nước để đạt được những mục tiêu viễn vông không nghĩa lý. Do đó anh nhận thức được đằng sau những lý tưởng được tuyên truyền là một chiêu bài lừa dối mà những người cầm quyền xử dụng. Bình đẳng – hạnh phúc – Tự Do, tất cả chỉ là trong mơ mộng và không bao giờ có thực. Nhưng dù có tâm ý như vậy, vẫn phải dấn thân về đằng trước với trách nhiệm của một người lính.

Trong khi đang ở chiến trường hay đi phép về thăm nhà, Quân đã gặp được nhiều người, nghe và thấy nhiều sự kiện vốn là đặc sản của chiến tranh. Có những trường hợp mà người thường

khó tưởng tượng nổi. Trên đường về phép quay ngược lại phía bắc, Quân gặp một trạm giữa rừng mà người trách nhiệm là một lính cái xấu xí bản thủ và hôi hám vì vừa chôn xong ba xác người vừa bị chết. Vì cô đơn và sinh lý dồn nén nên đã thành một con thú thèm khát đến cùng cực và đã có hành động như hiếp dâm chàng sĩ quan trẻ tuổi:

“Dưới chân giường đồng than hồng rực tỏa một thứ ánh sáng dễ chịu nhưng bất lợi cho tôi. Tôi đành nhắm nghiền mắt lại. Cô trần trở, cục cựa mạnh hơn lên, hơi thở cô dồn dập. Rồi, không kiên nhẫn được nữa, cô túm lấy lưng quần tôi, lay. Tôi ậm ừ giả bộ ngái ngủ, xoay mình đi. Động tác đó thật sai lầm. Cô hiểu rằng tôi đã thức. Cô gọi: Anh Quân!. Tôi im lặng: -Anh Quân! Tôi không đáp.

Cô buông lưng quần ngồi lên :

- Anh Quân, sao anh ác thế? Em ở đây một mình, buồn thối ruột gan. Anh mở mắt ra em bảo cái này.

Tôi không dám mở mắt ra nhưng xoay người lại, nói ôn tồn:

- Đồng chí Viêng ạ.. chính vì đồng chí ở đây một mình nên tôi không dám gây phiền phức. Lỡ có chuyện gì không may xảy ra thì chết mất.

Cô thốt lên một tiếng kêu khe khẽ rồi đổ ập xuống người tôi:

- Chẳng có gì mà chết cả. Có ghen với anh càng tốt... Anh Quân, anh Quân... người cô uốn cong lên, cô rên rỉ quần quai...

- Không... Không

Cô bật kêu lên khe khẽ

- Em đang muốn chết đây. Anh hãy giết em đi. Anh hãy làm cho em chết đi...

Rồi cô riết chặt lấy tôi, ôm bồng lên bụng mình. Một cảm giác xộc lên khiến tôi như tê bại. Thoáng qua tiếng tặc lười “Thôi nhắm mắt cho xong... Nhắm mắt,,” Chân tay tôi đỡ ra. Một nỗi sợ hãi mơ hồ chấp chờn, một cơn đói nhục thể chấp chờn. Đúng lúc ấy cô lại thờ hồng hộc và cất tiếng gọi:

- Anh Quân. Anh Quân...uân..”

Rồi nhân vật Biền cũng là một mẫu người bị xác thịt dày vò và bị dồn nén đến nỗi phải “tí toáy” với bò rồi bị bại lộ nên phát ngượng và giả điên. Người cha, ở hậu phương đã cảm khái cho thân phận của con trai mình:

“Khổ thân con tôi, trai đương thì hơ hớ... Anh Quân này, lũ dân thường như chúng ta chịu cực đủ điều, bóp miệng bóp mồm, bóp cả đến con c... Tụi tướng lĩnh nó có khổ như thế đâu? Ra Bắc vào Nam, đâu đâu chúng nó cũng có đàn bà. Ngày xưa thì là phi là thiếp, giờ thì là các đồng chí nữ phục vụ! Trò đều, thời nào cũng giống nhau là thế!

Nhân vật Hùng cũng là một mẫu người đặc thù của chiến tranh. Mồ côi từ nhỏ, sống sót sau những cuộc vật lộn với cơm áo, lớn lên thành du thủ du thực rồi đi lính thành một mẫu người không tim óc tàn nhẫn. Dương Thu Hương đã mô tả mẫu người say máu :

“Về tướng mạo bọn đó có: Một gương mặt vẻ u ám hình cong diệp cày - mũi nhọn và khoằm - cằm rất dài nhô ra như mảnh sành vỡ dưới hai gò má bẹt - hai mắt nhỏ, xếch cái nhìn ngưng đọng như cái nhìn của loài rắn. Họ có dáng đi lừ đừ nhưng trong nửa giây thoát biến thành con mèo rừng chộp mồi, sau đó tức khắc trở lại vẻ lững khờng an nhiên.

Hùng thường nghĩ ra những cách giết người đặc sắc trong các trận giáp lá cà. Và gã kể lại cho đồng đội nghe với khoái cảm không che đậy. Kể thì gã sọc lê từ họng xuống tim – kẻ gã chọc từ nách bên phải qua bên trái - kẻ gã lại đâm ngược từ hạ bộ lên ổ bụng..”

Những nhân vật của chiến tranh ấy sống trong một giai đoạn đầy áp những hận thù. Những nhân vật phía bên kia bị Dương Thu Hương bỉ thử khinh miệt. Giáo sư Nguyễn Văn Trung phê phán về thái độ ấy:

“Tôi thấy thái độ của Dương Thu Hương bày tỏ một mâu thuẫn về nhận thức chính trị. Chủ đề cuốn truyện được trình bày trong Tự Bạch là sau một chiến thắng mà tác giả chỉ được một con búp bê mang về làm quà cho con, tác giả đau sót nhận ra biết bao hy sinh mất mát để trả giá cho một vinh quang khải hoàn môn chỉ là mộng tưởng giả trá... Đau sót làm cho tác giả nghi ngờ mục tiêu cuộc chiến mà bây giờ mới thấy. Vậy đáng lẽ tác giả phải đi xa hơn tìm hiểu “thực chất của chiến tranh cách mạng thì đã dừng lại tiếp tục tuyên xưng những luận điểm, khẩu hiệu về cách mạng giải phóng mà tác giả đã được học trong trường, các buổi học chính trị, trường dạy Việt Nam, dựa trên quan điểm phân biệt bạn / thù dứt khoát chính / tà rõ rệt và đảng cách mạng, chủ nghĩa Marx Lenine là chân lý tuyệt đối, còn mọi ý thức hệ là tà, là địch mọi tổ chức khác đều là địch cần phải bôi đen tiêu diệt.

Đoạn tác giả viết về lính thám báo cho thấy rõ tác giả không biết một chút gì về quân đội miền Nam vì thám báo chỉ đi nắm tình hình và thấy có thể bị lộ phải tìm cách ẩn núp chạy trốn. Thôi thì hăm hiếp xẻo vú còn nghe được nhưng làm sao lại xẻo cả cửa mình vứt bừa bãi. Tác giả viết về miền Nam, quân đội Sài Gòn sao giống như Tố Hữu trong một bài thơ tả lính ngự dập bụng đàn bà đang mang thai làm phọt ra hài nhi để tố cáo cái dã man của lính ngự..”

Chúng ta thấy được chế độ giáo dục nhồi sọ đã làm cho cả một thế hệ bị mê muội và đi vào con đường chiến tranh bằng một chiêu bài rất đẹp là vì yêu nước và vì độc lập tự do cho dân tộc. Dù về sau bà đã thay đổi hẳn suy nghĩ nhưng lời nói, câu văn vẫn có một chút gì đó chưa gột rửa hết, dù bà đã phê phán cái chế độ hiện hữu một cách rất ráo không khoan nhượng. Trong Tiểu Thuyết Vô Đề có rất nhiều đoạn như vậy. Như đoạn tác giả mượn lời một nhân vật cha của Biên :

“Thời xưa, cứ mười người thì phải có bảy tám người là con nhà tử tế có lễ nghĩa. Muốn làm bậy cũng còn sợ nhục. Bây giờ đa phần là bọn không học cương thường đạo lý. Họ học luân lý Mác Lê. Cướp vườn cướp ruộng nhà người ta cũng là học theo sách Mác. Lột quần vợ người ta mà ngủ cũng là vì lợi ích của đấu tranh giai cấp..”

Hay như lời của một anh lính trẻ, nhìn ra cái bất công của chế độ:

“Em nghĩ cũng nhiều. Em cũng nghe chán vạn điều thiên hạ nói. Nhưng mà nhân dân lúc có thật lúc như bóng ma: nếu cần lúa nhân dân là con bò kéo cày. Lúc có chiến tranh, con bò ấy mặc áo giáp và cầm súng. Rồi khi mọi sự đã qua vào những ngày lễ lạc hội hè Người ta tôn xưng nhân dân như hú vọng các hồn ma. Tưởng thưởng cho khói thơm và tro tiền, còn phần xôi thịt thì kẻ khác hưởng...”

Đoạn văn mô tả giấc mơ của Quân suốt trong gần 6 trang sách là một chuyện như cổ tích, đẹp lãng mạn nhưng đầy ẩn dụ. Trong mơ, Quân gặp lại tổ tiên mình đi chân đất, vai mang ruột tượng lương khô, cầm ngọn dáo dài rèn bằng than củi quê hương. Hai người đã đối thoại về cái khải hoàn môn, của ngày xưa và của bây giờ. Khải hoàn môn bây giờ hùng vĩ hơn tuy tạo dựng bằng xương máu nhân dân, kết quả của những hy sinh dân tộc, nhưng lại do kẻ khác làm chủ, không ai khác hơn là những đại cường đã chỉ đạo và thúc đẩy trận chiến với chiêu bài vinh danh những ý tưởng vô nghĩa lý với dân tộc chúng ta.

Năm Dương Thu Hương viết Tiểu Thuyết Vô Đề là năm 1989. Lúc ấy chế độ Cộng sản chưa là một bóng ma trên thế giới và ở trong nước chưa khủng hoảng niềm tin như sau cuộc sụp đổ của Cộng Sản ở Liên Xô và Đông Âu. Sau đó, là một sự kêu gọi đổi mới và cởi trói cho văn nghệ sĩ của Tổng Bí Thư Đảng Nguyễn Văn Linh. Do đó có một số tác phẩm của văn chương phản kháng ra đời. Năm 1991, Dương Thu Hương bị bắt và lúc đó công luận thế giới mới biết đến sự cang cường bất khuất của nhà văn nữ này. Trong một cuộc phỏng vấn bà tuyên bố:

“Tôi không cố tâm làm nhà văn. Tôi viết vì có những nỗi đau. Đau khổ là một từ ngữ tiên tri. Tiểu thuyết của tôi là tiếng kêu của nỗi đau đớn. Và như vậy trong phong cách ấy tác phẩm của tôi không thể chia lìa với xã hội mà tôi đang sống cũng như với đất nước đã rèn luyện tôi. Trong chiến tranh, tôi nghĩ, và tôi đã quan sát những số phận của những người đồng bào tôi. Dần dần, tôi bắt đầu bị ám ảnh và tôi đã cầm lấy ngọn bút. Tôi chia sẻ với nhận định của Henry Miller mà tôi đã đọc từ bản dịch” Công việc viết văn bóc ra những độc tố “Sức tranh đấu của một mình tôi được gánh vác chia sẻ của nhiều người khác. Thụ hưởng được sự kính trọng từ lẽ phải của mình là một công dân tự do sống ở trên đất nước tôi. Cầm bút là một con đường tự giải phóng mình, con đường mà tôi tự tạo cho mình là một phụ nữ tự do. Tôi đã quyết định dâng hiến đời tôi cho công việc cầm bút và làm phim về đất nước tôi. Nếu quyết định này có thể đẩy tôi vào nhà tù một lần nữa, tôi cũng sẵn sàng..”

Ba cuốn sách viết sau khi Dương Thu Hương bị cầm tù được coi như tiểu thuyết bộ ba: Tiểu Thuyết Vô Đề, Lưu Ly và Chốn Vắng. Mặc dù kết cấu không chặt chẽ, hình thức hoặc cách kể chuyện liên tục, chúng cùng họ hàng với nhau từ tính chất của nhân vật (Sương và Miên, người đàn bà chiến thắng những khổ nạn của tiểu thuyết Lưu Ly và Chốn Vắng, cũng là chị em trong cùng một bối cảnh làng quê nghèo nàn vùng sơn cước) và cũng như thời điểm và bối cảnh từng thời kỳ của chân dung thời chiến, hậu chiến và hiện tại ngày nay của xã hội người Việt Nam mà tiểu thuyết của bà có khuynh hướng muốn tạo dựng thành nguyên khối đồng nhất.

Nina McPherson., dịch giả của tác phẩm Chốn Vắng đã viết về tiểu thuyết này đại ý như sau:

Tác phẩm được phê bình nhiều nhất và cũng là một tiểu thuyết bi thảm nhất của Dương Thu Hương được xuất bản gần đây. Tiểu thuyết này - Chốn Vắng cùng với hai tiểu thuyết khác là Lưu Ly và Tiểu Thuyết Vô Đề là cuốn sách cuối của bộ ba tiểu thuyết viết về chiến tranh, mà bối cảnh của nó là chuyện ở một vùng quê trung châu Bắc Việt tiếp theo những ngày mà cuộc chiến chấm dứt vào năm 1975. Tiểu thuyết chứa đựng và giải bày theo cấu trúc xoay quanh số phận của ba nhân vật chính : Miên, Hoan và Bôn. Bộ ba này có phận số của những người bị bắt buộc liên quan với nhau và khó có thể tháo gỡ với cái cực kỳ phi lý của hậu quả chiến tranh. Trong truyện, tác giả làm tiếp tục bùng vỡ những bi kịch vật vã buộc trói kiếp người. Cuộc sống lứa đôi đang êm đẹp thì bị Đảng bắt hy sinh như một cách tế thần cho chế độ cũng như cách đả phá những thói tục mà họ gọi là phong kiến đã xây dựng nên làng xóm Việt Nam từ xưa. Không giống như những tiểu thuyết trước của bà, Chốn Vắng mở ra những bi kịch, chìm sâu tức thì vào những quan hệ bộ ba mà hai nhân vật trong đó hứng chịu những số phận của những người bị làm chộtથી. Trong nét siêu thực, ác mộng của ám ảnh kinh khủng mở ra những diễn tiến câu chuyện và người kể chuyện giải bày phận số của mình. Miên, người đàn

bà xứ quê ở tuổi quá ba mươi, đã có một đời sống hôn nhân hạnh phúc với Hoan người chồng nông dân năng động thì một bữa khi trở về nhà thì thấy trước cửa đầy những người trong làng. Cô biết tin người chồng cũ, Bôn, mà cô nghĩ đã chết như một anh hùng chiến tranh, nay sống sót trở về và muốn trở lại tình chồng vợ với cô.

Đối diện với áp lực kinh khủng của những người trong làng và Đảng bộ địa phương, Miên phải đồng ý rời bỏ người chồng thứ hai và đưa con để sống một đời sống chồng vợ nghèo nàn với Bôn.

Nhưng quyết định ấy bắt đầu cho những số phận cay đắng của bộ ba tình cảm không giải quyết được cho mình mà phải chịu sự sắp xếp của Đảng. Bôn, người mơ ước tạo dựng lại đời sống lứa đôi tươi đẹp với Miên và muốn có một đứa con với nàng. Nhưng, vì ảnh hưởng của chất độc da cam, Bôn bị bất lực và chẳng thể nào có con được. Người chồng thứ hai của Miên là một người có tiền, nhân dáng đẹp, buôn bán giỏi dẫn và có khả năng làm tình tốt đã tạo thành một khuôn dáng “anh hùng” thực sự và như là một hình tượng nhạo báng với nhân vật Bôn đã được Đảng vinh danh, một anh chàng bất lực kiết xác được phong tặng “anh hùng chiến tranh” ..”

Ghen tức với tình địch, lại thất vọng vì không thể có con và bị bất lực sinh lý, Bôn trở thành một con người thèm khát những ước vọng không thể nào đạt. Hoan là người tốt có tiền của nên hay giúp đỡ Miên, trong khi đó Miên lại dùng tiền bạc để chạy chữa cho bôn về bệnh bất lực và thói mồm kinh niên vì bị hờ thực quản. Tác giả đã kể :

“Trong khoảng ngắt của hai hơi thở, lời rên rỉ buột khỏi môi anh, thuyền anh nô dờn trên con sóng đục tình., thấy lại tuổi trẻ của anh. Nhưng đột nhiên một luồng khí bị dồn nén chạy dọc sống lưng xuyên suốt thân xác anh như một mũi tên, khoáy lạc và mộng mơ cùng lúc vọt ra rồi tắt ngấm. Con thuyền đắm say rơi từ đỉnh sóng xuống bờ cát nằm vật vờ như mảnh ván mục. Rồi bỗng dưng bộ phận truyền giống của anh đi vắng, nó chẳng còn là của anh mà như một thứ đồ vật ngoài thân thể ngoài ý muốn và sự điều khiển của anh... Nỗi sợ hãi hùng hổ thẹn cùng lúc làm sống lưng anh lạnh toát trong khi hai thái dương và đầu anh nóng phừng phừng như lửa đốt.. Anh lặng lẽ tụt xuống chân miên không dám nhìn thẳng vào mắt chị.. vợ chiếc quần đùi mặc vội để che đi cái phần héo rữa trên cơ thể..”

Bôn vào một lúc muốn hạ sát Hoan cho hả lòng căm giận và kết cuộc là Hoan và Miên lại tiếp tục là một cặp vợ chồng hạnh phúc....

Trong bài phỏng vấn của đài BBC với Christine Nguyễn, Dương Thu Hương đã nói về tác phẩm Chồn Vắng của mình.

“Christine Nguyễn : Bà nói rằng những nhân vật trong truyện có thực ngoài đời, đó là những người đàn bà Việt Nam trong chiến tranh và họ đã thôi thúc bà viết Chồn Vắng?

Dương Thu Hương: Vâng, hoàn toàn tất cả những tiểu thuyết của tôi đều dựa trên những câu chuyện thật và Chồn Vắng cũng như vậy, tức là những nhân vật này tôi đã gặp họ và câu chuyện của họ xảy ra ở tại Quảng Bình. Tất nhiên là khi tôi viết thì tôi có gia cố vào đó tất cả những suy tưởng của tôi, những giấc mộng của tôi, những ý tưởng và quan niệm sống của tôi. Và đương nhiên là tôi phải nói một cách rành rọt phần kết chính là phần mà tôi sáng tạo. Cái đoạn kết mà người ta gọi là có hậu đó chính là giấc mơ của tôi cho số phận những người đàn bà như Miên. Còn trong cuộc sống thì có lẽ mọi người đều biết rằng sau cuộc chiến tranh này hàng vạn người đàn bà chết già bởi vì không có ai lấy họ nữa và họ bị dồn vào những nông trường xa xôi, những nông trường trồng cam ở Hòa Bình và các tỉnh miền núi khác, trồng cam,

trồng lạc, trồng sắn và những nông trường toàn đàn bà đến nỗi ở một cái chân trời không bao giờ hiện lên một người đàn ông nào cả. Và nếu có một vài thi thoảng hiện lên một người đàn ông thì đối với họ đấy là những cái hạnh phúc thật là hiếm hoi, mặc dù nó chỉ là một cái thứ hạnh phúc vay mượn và chup giựt...

CN: Với ba nhân vật : cô Miên, anh Bôn và anh Hoan thì ba nhân vật này tạo thành một bi kịch trong xã hội sau thời chiến. Ý đồ sáng tác của bà khi viết Chón Vắng là gì?

DTH: Thật ra tôi là người viết văn không có ý đồ. Khi nào tôi định viết, khi nào có thời gian và khi nào có đủ điều kiện để có thể ngồi viết được thì những câu chuyện mà nó còn tích trữ trong óc tôi thì nó tự mở đường chui ra và tôi viết là dưới sức ép của nó như người ta nói là viết như một sự ám ảnh và tôi hoàn toàn không có ý đồ gì cả. Khi tôi đã bắt đầu viết thì câu chuyện đó nó sống dậy và những nhân vật đấy nó kéo tôi theo chứ tôi không kéo họ theo

CN: Như vậy thì phải chăng sự ám ảnh đó chính là những thân phận của những người lính cũng như là của những người phụ nữ sau chiến tranh thống nhất đất nước, thưa bà ?

DTH: Nó rất bình thường với thế hệ chúng tôi và nó xa lạ với thế hệ của các chị. Vì bây giờ các chị trẻ tuổi và các chị đã tự cho mình quyền được sống cuộc đời của các chị. Các chị không chịu sức ép của truyền thống và sự hy sinh vô tận như chúng tôi. Cho nên tôi đã nói lại là cái thích của người này có thể là cái không thích của người khác. Cái của đối với người này là tất nhiên thì đối với người khác là hoàn toàn ngược với lý chí và có thể là không tất nhiên.

CH: Cũng là một người phụ nữ đã từng tham gia vào cuộc chiến tranh Việt Nam thì bà nghĩ gì về thân phận những người phụ nữ sau cuộc chiến hiện nay?

DTH: Tôi nghĩ rằng những thế hệ sau chiến tranh đã tiêu mòn và đã già rồi như tôi và tất cả những thế hệ ấy là những cuộc đời bị đánh mất trong hoàn toàn câm lặng và quên lãng. Tôi hy vọng là các chị và những người trẻ hơn các chị sẽ không bao giờ ném trải lại những cái địa ngục mà chúng tôi đã trải qua,,"

Từ Tiểu Thuyết Vô Đề đến Chón Vắng, từ Tự Bạch đến bài tham luận Sự Cứu Rỗi Cuối Cùng hay Thời Gian Bản Lẻ, hoặc các bài trả lời phỏng vấn, càng ngày Dương Thu Hương càng tỏ ra đồng ý với nhận xét : Đổi Mới là con đường trở lại cái cũ đã bị phủ nhận... Những giọt lệ khóc ngày 30 tháng tư ở Sài Gòn cho một thức tỉnh đến nay ở Paris đã làm bà có giọng nói đánh đả miệt thị với những người Cộng sản nhưng đã biểu lộ những ý nghĩ tốt về chế miền Nam. Bây giờ, những người Cộng sản loay hoay với mô hình xã hội mà có thời gian là cái đích cho hành động hủy diệt của họ...

Nhà văn vẫn đứng ngoài nắng: Nhật Tiến

Nhà văn Nhật Tiến là nhà văn của tuổi thơ, của những bức xúc về một cuộc chiến tranh và là một người lưu lạc suy ngẫm về thân phận của mình và của chung một thế hệ phải trải qua những ngày chiến tranh và những ngày hậu chiến tranh mà những bi thảm, những bất toàn của xã hội lại còn đáng sợ hơn thời còn khói lửa. Ông viết với tâm cảm mà những ý nghĩ trung thực được biểu lộ không e ngại và là tiếng nói được lắng nghe từ công luận.

Có rất nhiều chân dung nhà văn Nhật Tiến : nhà văn của tuổi thơ bất hạnh, nhà văn của hiện thực xã hội, nhà văn của lưu lạc xứ người...Mà mẫu chân dung nào cũng đều có nhiều cá tính văn chương và trong mỗi dòng chữ, mỗi ý tưởng đều có những thông điệp trao gửi theo..

Tôi đã có dịp phỏng vấn nhà văn Nhật Tiến và ông đã kể về thời gian bắt đầu sáng tác của mình. Lúc còn thơ ấu ông đã đi hướng đạo và sau này là một trong những trưởng kỳ cựu của hướng đạo Việt Nam. Ông mê thích văn chương và tất cả nỗi đam mê ấy về sau này khi di cư vào Nam ông đã kể lại trong “ Thuở mơ làm văn sĩ”.

Tác phẩm đầu tay của ông không phải là thơ, không phải là tùy bút, không phải là truyện ngắn mà là một kịch ngắn vui chế diễu về một nhân vật là một nhà thơ háo danh và được đăng trên giai phẩm xuân của báo Cải Tạo. Từ báo này có các cây bút khá nổi thời đó như Kim Sinh, Văn Bình, Nhị Lang ... và do ông Phạm Văn Thụ làm chủ nhiệm... Cùng thời lúc này với ông có nhà thơ Song Hồ, nhà thơ Tô Hà Vân (tức nhà văn Nguyễn Đình Toàn sau này). .. Nhóm sinh hoạt văn chương ấy hoạt động như những người trẻ yêu văn thơ và đó là thời gian để về sau họ đã thành những cây bút nổi tiếng của hai mươi năm văn học miền Nam.

Di cư vào Nam, ông xuống Bến Tre dạy học ở trường Quang Trung và cuối tuần ông không về Sài Gòn, ở lại trường nên có thời giờ sáng tác. Ông hoàn tất “ Những người áo trắng “ lấy không gian và thời gian của Hà Nội kể lại chuyện của một cô nữ tu trẻ nguyện tận hiến dâng đời cho Thiên Chúa. Một giáo sư cùng dạy học với ông là Trương Cam Vĩnh đọc và thích thú với tiểu thuyết này và mang về cho nhà văn Nhất Linh đọc và cho ý kiến. Văn hào Nhất Linh rất khen ngợi và khuyến khích ông nên xuất bản thành sách. Thế là năm 1959, nhà văn Nhật Tiến đã in tác phẩm đầu tay “ Những người áo trắng “ và bắt đầu cho một hành trình văn chương kéo dài đến hơn nửa thế kỷ sau...Mà, những tác phẩm tiếp theo là Những Vì Sao Lạc, Tay Ngọc, Chuyện Bé Phượng, Chim Hót Trong Lồng..

Chuyện Bé Phượng là một cảnh sống được thu gọn lại trong một viện mồ côi và tất cả các nhân vật cùng đóng trong một vai trò của một tấm thảm kịch. Ở đó, những trẻ mồ côi được phác họa lại bằng một vài nét nhưng lại biểu trưng được bằng những nét nhân bản. Những nhân vật ấy cũng sinh hoạt như ở ngoài đời thường, cũng có những tật hiềm ganh tị, cũng có những vai đạo đức giả vờ, cũng có những trẻ sớm biết suy nghĩ và có lòng thiện tâm nhưng rất cuộc lại bị những phần thua thiệt. Như bé Phượng, tốt với cả mọi người nhưng lại bị nhiều chuyện rắc rối vì chính lòng tốt ấy. Cái chết của bé Alice, nguyên nhân gián tiếp vì chia ly với người bạn Thu Thu từng giúp đỡ yêu thương mình và là tấn thảm kịch làm những người đã cảm xúc động. Nhân vật cô bé Cúc đi ăn cắp bị mang vào trong cô nhi viện rồi trốn ra ngoài không phải là một cô bé xấu nét hoàn toàn mà vì để chống đỡ lại những ức hiếp của cuộc đời nên có phản ứng như vậy. Những đứa bé mồ côi bất hạnh đâu phải tất cả là những trẻ hư hỏng nhưng nhiều khi vì hoàn cảnh phải tự vệ để sống còn. Đó là một thực tế.

Tôi đọc và nhớ lại cái cảm giác ngày xưa của mình về truyện dài này.

Tôi đã sống ở một xóm bình dân và cũng đã chứng kiến nhiều đứa trẻ sống trong gia đình như địa ngục, cha say sưa, mẹ cờ bạc và chúng lớn lên tự nhiên như cây như cỏ, tiêm nhiễm thói hư tật xấu như là một chuyện tất nhiên và khi lớn lên lại tái diễn lại những thảm kịch mà cha mẹ chúng đã thực hiện. Chuyện trẻ thơ ấy sao buồn quá ! Và cuộc đời cứ đầy dẫy những chuyện như thế! Thành ra, xúc cảm, hay nao nao trong lòng thuở đó cũng là chuyện đương nhiên.. Bây giờ, đọc lại, dù đã trải qua nhiều chặng thử lửa ở ngoài đời và chứng kiến biết bao nhiêu chuyện thương tâm, nhưng vẫn nao nao khi nghĩ đến những trẻ thơ bất hạnh mà nhà văn Nhật Tiến đã mô tả trong những tác phẩm của ông... Có phải vì những nét riêng của con người muôn thuở lúc nào và bất cứ ở không gian, thời gian nào cũng làm cho mọi người chúng ta phải động tâm?

Chim Hót Trong Lồng cũng là câu chuyện của một cô bé sống trong viện mồ côi nội trú trường Nhà Trắng với các bà sơ chăm sóc và hướng dẫn trong cuộc sống hàng ngày. Những cô bé ngây thơ ấy chưa hiểu được cuộc đời và trong những hoàn cảnh ngặt nghèo thương tâm ấy sự vươn lên khỏi vị trí thấp hèn trong xã hội thật là khó khăn.

Chim Hót Trong Lồng là 14 lá thư của bé Hạnh viết cho mẹ và sau khi người mẹ chết là những dòng nhật ký ghi chép lại nỗi niềm của một người con gửi cho bà mẹ vừa khuất bóng. Những lá thư viết thật thà đến độ nào lòng, hỏi người mẹ những câu hỏi thật ngây thơ nhưng gợi lại thật nhiều buồn xót. Mẹ của Hạnh là một người làm diêm và bị chết vì bệnh hoạn trong nhà thương thí. Trong viện mồ côi, Hạnh như sống ở trong một cái lồng và cuộc đời bên ngoài đối với cô hoàn toàn xa lạ. Câu chuyện thật buồn, người buồn và cảnh thì toàn là mưa gió u ám với những không gian lạnh lùng của tu viện, đầy cánh lá rơi và tiếng chuông buồn thảm. Hạnh gặp gỡ mẹ với cả nỗi buồn rầu và ngay trong đám tang người mẹ cũng đầy những bi thảm tang thương. Có một sự đau đớn nào hơn khi đứa con gái viết thư hỏi mẹ có phải mẹ làm nghề diêm phải không và sở của mẹ có to không và nhiều người không? trong tâm hồn ngây thơ của cô bé, làm diêm cũng là một nghề và mẹ cô vẫn có một chỗ đáng kính trọng như những bà mẹ khác!

Chuyện Chim Hót Trong Lồng với cách diễn tả tự nhiên như thế đã gây cho độc giả nhiều xúc động. Viết về tuổi thơ không phải chỉ có hai nhà văn Duyên Anh, Nhật Tiến, một viết về tuổi thơ đùa nghịch mộng mơ, và một viết về những tuổi thơ bất hạnh của những cuộc đời đen tối. Mà còn có Lê Văn Trương với "Anh em thằng Việt", có Hoàng Ngọc Tuấn với "Học trò", và có nhiều người khác. Dĩ nhiên mỗi người có văn phong riêng, có ngôn ngữ diễn tả riêng. Do đó, khó lòng mà so sánh người này với người kia.

Riêng trường hợp nhà văn Nhật Tiến thì quả ông là một nhà văn hay viết về tuổi thơ bất hạnh. Ông viết rất cảm động, đầy nét nhân bản và dễ làm người đọc chia sẻ với xúc cảm mà ông đã có từ những trang sách. Tôi đoán có lẽ tuổi thơ của ông chắc cũng có những nỗi niềm riêng nên mới có những tâm tình sâu xa đến như thế.

Mỗi nhân vật tuổi thơ của ông đều có những nét riêng, gần gũi với người đọc và cả đời sống thường nhật hàng ngày nữa. Tác giả như hòa đồng vào trong khí hậu của tiểu thuyết, của chuyện kể nên chất chủ quan cũng ít đi. Và như thế câu chuyện trở thành có hồn hơn và lời cuốn được trí tưởng tượng cũng như niềm cảm xúc.

Hồi trước thời tiền chiến các nhà phê bình văn học thường chỉ trích là các nhà văn trong Tự Lực Văn Đoàn khi viết về những người cùng khổ thường đứng ở trên vị trí của một người ở trên cao nhìn xuống thấp. Tới bây giờ cũng có nhiều nhà văn khi tả cảnh thuyền nhân cực khổ nhưng lại đóng vai người quan sát rồi phê phán nên khi mô tả những cảnh đau khổ của con người thì lại thấy ở đó có một chút gì độc ác của những người khi tả bất hạnh của người khác để làm nổi bật lên cái hạnh phúc của mình.

Với nhà văn Nhật Tiến, ông đã đem tấm lòng nhân ái của mình để chia sẻ với những nhân vật những nỗi bất hạnh. Ở đó, là sự xúc cảm thật. Ở đó, là nỗi niềm chung mang thật. Và độc giả đã cảm thấy được điều đó qua văn phong của ông. Chất nhân bản lúc nào cũng đầy ắp trong ngôn ngữ và ý tưởng...

Trong một cuộc phỏng vấn nhà văn Nhật Tiến đã phát biểu rằng công việc ra một tờ báo dành cho thiếu nhi (trong khoảng từ 10 đến 15, 16 tuổi hay trình độ từ cuối bậc tiểu học đến hết bậc trung học phổ thông) là mơ ước của ông. Nhất là trong hoàn cảnh của đất nước chúng ta khi xã hội có nhiều hiện tượng băng hoại do văn hóa ngoại lai xâm nhập và cũng do ảnh hưởng

chiến tranh. Mãi đến năm 1971 ông mới được sự tài trợ của nhà sách Khai Trí và ra mắt tờ tuần báo Thiếu Nhi vào ngày 15 tháng 8 năm 1971 và đều đặn hàng tuần đến ngày 30 tháng tư năm 1975 thì chấm dứt. Ngoài ra ông còn tổ chức nhiều sinh hoạt khác như tổ chức thư viện cho các em mượn sách về nhà đọc, tổ chức các Gia Đình Thiếu Nhi ở các tỉnh và các đô thị lớn có những buổi sinh hoạt tập thể ngoài trời, hay tổ chức các cuộc thi viết văn làm thơ cho thiếu nhi và có giải thưởng khá lớn. Nói chung là phối hợp giữa giải trí và giáo dục để các em có những sinh hoạt vui tươi và bổ ích.

Sau khi vượt biên sống ở hải ngoại, nhà văn Nhật Tiến cũng làm chủ bút tờ Tuổi Hoa của nhà văn Quyên Di một thời gian và lúc nào cũng chú tâm đến lớp tuổi măng non ở hải ngoại...

Trong tác phẩm “Chân dung mười lăm nhà văn nhà thơ Việt Nam”, nhà văn Mai Thảo đã viết “Nhật Tiến vẫn đứng ở ngoài nắng” Ông nói về những ‘cơn nắng chói chang dữ dằn đổ lửa’ của dân tộc Việt Nam. Những cái nắng của thế kỷ, bỏng cháy trên vai trần của hàng triệu con người làm than trên trái đất, của những con người bị mất quyền làm người, nạn nhân của thế lực tiền bạc và thế lực bạo lực. Những cái nắng nhể nhại trên bãi mìn nơi Phan Nhật Nam lê gót tù nhân như đi trên thủy tinh vỡ. Những cái nắng ngùn ngụt ở Gia Trung, nơi những Doãn Quốc Sỹ, những Nguyễn Sĩ Tế, mệt lả mồ hôi mang vác những thân cây nặng nề trong thân phận của người tù khổ sai. Và những cái nắng của ngày vượt biên khát đắng và thiêu đốt con người. Hay cái nắng của đảo hoang Ko Kra, nơi những hải tặc hiện hình làm quỷ sứ. Những cơn nắng thiêu cháy con người, những đổ lửa hun đốt cõi đời

Và nhà văn Mai Thảo viết :”

“Những trong nắng và những ngoài nắng ấy, Nhật Tiến đã thấy đã trải qua, đã viết ra, đã thuật lại. Gọi đó là nắng cáo trạng, nắng bạch thư, gọi đó là nắng Ko Kra, nắng Nhật Tiến. Trước cái khuyh hướng muôn thuở của con người là sự kiếm tìm những tàn cây đầy bóng mát cho tâm hồn và đời sống văn chương bây giờ của Nhật Tiến, những vận động, những lên tiếng không ngừng của Nhật Tiến cho thấy ông vẫn lựa chọn đứng ở đó. Ngoài nắng. Giữa nắng. Thái độ ấy có thể bị nhìn là khô cứng quá khích. Hoặc với những tâm hồn bóng rợp là một đọa đầy vô ích. Tôi chỉ nhìn thấy tự nhiên và bình thường nơi người nhà văn lưu đày ở Nhật Tiến một ý muốn. Cái ý muốn được đứng cùng, đứng mãi với vượt biên thâm như đứng với quê nhà, với Việt nam”

Có một sự kiện mà có rất nhiều sách vở hoặc tư liệu ghi chép lại. Đó là bài điều trần nhà văn Nhất Linh Nguyễn Tường Tam mà nhà văn Nhật Tiến đã ứng khẩu khi hạ huyết.

Nhà văn Nhất Linh là một lãnh tụ đối lập với chính quyền của tổng thống Ngô đình Diệm. Ngày 7 tháng 7 năm 1963 ông bị đưa ra tòa để xử án nhưng ông đã tự quyền sinh để phản kháng và cho rằng đời ông chỉ có lịch sử phán đoán công tội mà thôi và hành động đàn áp đối lập bắt giam những lãnh tụ quốc gia sẽ làm cho mất nước về tay Cộng Sản. Đám tang của ông bị mật vụ bao vây vì chính quyền không muốn bị tai tiếng với dư luận quốc tế nhưng lại có nhiều thanh niên, sinh viên học sinh đến đưa tiễn. Nhà văn Nhật Tiến ở trong phái đoàn của Trung Tâm Văn Bút Việt Nam với tư cách là phó chủ tịch nên có mặt lúc hạ huyết và ông đã ứng khẩu bài điều trần và đọc như là một cách thể phản kháng của người cầm bút trong hoàn cảnh thời thế ấy. Trong khi nhiều lãnh tụ đảng phái bị bắt giữ và các văn nghệ sĩ bị theo dõi thì hành động kể trên phải được coi như một phản ứng can đảm của kẻ sĩ không ngại ngừng trước bạo lực vì có thể bị bắt giam bất cứ lúc nào...

Nhà văn Nhật Tiến là một thành viên nòng cốt của Ủy Ban Báo Ngụy Giúp Người Vượt Biên) Boat People (SOS Committee) và đã viết bạch thư để phổ biến trên khắp thế giới thân phận bị

đát của thuyền nhân Việt nam vì tệ nạn hải tặc. Những công việc ấy đã có kết quả lớn , làm thế giới hiểu được tệ trạng hải tặc và đánh động được lương tâm của nhân loại để cứu giúp thuyền nhân . Nhà văn Nhật Tiến đã hy sinh công của để đi khắp nơi trên thế giới để xin thế giới hỗ trợ. Có lẽ cái nắng của đảo quý Ko Kra vẫn còn rất bỏng đôi vai ông để ông tích cực làm một công việc nặng nề như thế?

Thời gian 1960-1975 là một thời kỳ bất hạnh của dân tộc Việt Nam. Chiến tranh gây ra bao nhiêu là tàn phá và chết chóc. Sống trong những bị thảm ấy , nhà văn Nhật Tiến chắc cũng có những suy tư về cuộc chiến này và có những tác phẩm mà chủ đề về cuộc chiến đã qua.

Ông cũng đã nhìn ngắm cuộc chiến bằng những tác phẩm độc đáo mà tiêu biểu là tiểu thuyết “ Giấc ngủ chập chờn “ và tập truyện ngắn “ Tặng phẩm của dòng sông”.

“Giấc ngủ chập chờn” là tiểu thuyết viết về đời sống của những người ở vùng “ xôi đậu” ngày thì quốc gia giữ an ninh nhưng đêm thì du kích Việt Cộng về quấy phá. Câu chuyện nói về thân phận xót xa của những nạn nhân bị đẩy vào một cuộc chém giết mà không một ai muốn . Đối thủ với nhau , chong họng súng vào nhau mà lại là những đứa bạn thời thơ ấu , là những đứa cùng ngồi với nhau trên băng ghế nhà trường. Họ chém giết lẫn nhau , để càng ngày trên cuộc đời này dần dần vắng đi những khuôn mặt , những con người của một thuở nào thơ ấu ngày xưa. Không có bị thảm nào hơn khi hai anh em ruột mà lại ở hai bên chiến tuyến và đe dọa giết nhau còn hơn quân thù là hai anh em Hoàn và Há, Và, cuộc tình thời chiến cũng là cuộc tình tay ba giữa hai anh em và Thư. Rồi cuộc Hoàn bỏ đi biệt kích Mỹ , còn Thư thì nhìn quang cảnh của một hị xã chiến tranh và đi lên tỉnh để rời xa một nơi mà những tấn thảm kịch đã đổ xuống đầu những người dân quê khốn khổ một cỏ hai tròng...

Hình như về sau này khi Việt Cộng đã chiếm được miền Nam thì nhà văn Nhật Tiến đã bị hạch hỏi nhiều về cuốn tiểu thuyết “ Giấc ngủ chập chờn “ này...

Ông có những truyện ngắn như Tặng phẩm của dòng sông , Giọt lệ đen,.. mà chủ đề xoay quanh những thảm cảnh của thời chiến. Truyện Tặng phẩm của dòng sông là chuyện của con bò bị chết trôi theo dòng sông tấp vào chân cầu và bị những người lính xẻ thịt để ăn .. Truyện Giọt Lệ Đen là chuyện của hai anh em mồ côi Tư Híp và Uýt , Tư Híp đến tuổi phải vào lính và phải mang thằng Uýt vào trại và nhờ có Hiền làm trong nhà bếp để săn sóc thằng nhỏ trong khi người anh bận hành quân xa... Những hoàn cảnh dị thường của chiến tranh...

Sáng tác đầu tay của nhà văn Nhật Tiến là một vở kịch vui ông viết khi còn ở tuổi học sinh . Sau này, ông còn viết một kịch bản nào khác là một tiểu thuyết kịch Người Kéo Màn. Tại sao gọi là tiểu thuyết kịch? Đó là một kỹ thuật kịch khá mới đối với nghệ thuật Việt Nam. Ông mang những yếu tố của tiểu thuyết vào kịch, xử dụng phương pháp tả cảnh xen lẫn vào trong phần đối thoại kịch của từng nhân vật và từ đó ở những không gian , thời gian khác nhau để ngắm nhìn sự kiện như một góc độ để nhận định và diễn tả. Người Kéo Màn viết về xã hội và môi trường của những nghệ sĩ mà những nhân vật như ông lão kéo màn , , người nhạc sĩ thổi kèn clarinette, đứa bé, cô gái còn trong trắng,... chỉ là những tượng hình để người kéo màn nói đến cuộc đời với những sự sắp xếp của định mệnh. Từ những góc cạnh nhìn ngắm , cuộc sống trải ra nhiều mặt mà cái giả tạo hào nhoáng bên ngoài đã che lấp đi cái phần chân thực bên trong. Cuộc đời như một vở kịch, với những nét đẹp để hào nhoáng ở ngoài tiền trường sân khấu nhưng ở bên trong lại là những phản diện đen tối đến không ngờ được. Những nhân vật hành xử và đối thoại nhiều khi đối nghịch với nhau và ở trong những chi tiết thực của cuộc sống để tượng hình cái giả của vở kịch. Người viết kịch nhiều lúc muốn là một diễn viên trong vở kịch và thôi thúc người đọc, người xem gia nhập vào vở kịch như đang sống một ngày, một tháng của cuộc sống chính mình đang diễn ra từng giờ từng phút...

Nhật Tiến còn là nhà văn xã hội mà tác phẩm tiêu biểu nhất là *Thềm Hoang*. Tiểu thuyết này đã đoạt giải văn chương toàn quốc năm 1962. *Thềm Hoang* là một tiểu thuyết lấy khung cảnh của một xóm lao động nghèo nàn ở ven biên một thành phố. Những nhân vật của truyện này là những người nghèo thất học và ngôn ngữ của họ là sự pha trộn một cách dung tục ngôn ngữ của hai miền Nam Bắc. Cái đặc sắc của tiểu thuyết này là tác giả đã phác họa ra những mẫu nhân vật đặc biệt với cá tính riêng và đầy chất sống động chân thực như cuộc sống lầm than của họ đang diễn ra hàng ngày.

Trong một bài viết đăng trên tạp chí Văn Học, ông có giải thích tại sao lại chọn nhan đề *Thềm Hoang*. Khởi đầu khi viết, ông chỉ dùng hai chữ đó để ám chỉ một xóm nghèo, mà những túp lều là nơi sinh sống của những người bất hạnh sống bên lề xã hội như những thềm đất hoang sơ bị bỏ rơi quên lãng trong một xã hội xa hoa sung túc. Nhưng, khi kết cuộc cuốn tiểu thuyết này, nhân vật Năm Trà bị phần uất đau đớn đến tột cùng nên đã châm lửa đốt rụi cả xóm Cỏ. Và như thế, cái xóm ấy đã thành một mảnh đất đầy tro bụi của những thềm hoang..

Trong tiểu thuyết ấy, có những nhân vật đặc biệt và những ngôn ngữ đặc biệt. Nhà văn Nhật Tiến đã tạo dựng ra những mẫu nhân vật thật sống động. Họ dùng những ngôn ngữ đời thường, của những người Bắc di cư vào Nam pha trộn với ngôn ngữ địa phương. Như cô Huệ với ngôn ngữ chanh chua của một gái điếm:

"-Mệt không cô Huệ ơi?

Vẫn cái tiếng chanh chua của Huệ:

- Mệt cái phải gió, Cha tổ bố, ít tiền mà cứ muốn của đẹp!"

Hay: Lão Hói với những câu thơ mà ông ta chiêm nghiệm như một thuyết lý của định mệnh; tất cả đều có ông trời hết:

*Ngọc xuất thiên cung thủ quả châu
Hoàng thiên thương mến quả địa cầu.
Giáng tạo thay đời không tranh đấu
Thế giới thanh bình khỏi thuế sấu..*

"Lão Hói rúc lên cười, hai hàm răng của lão nhô ra, hờ hết cả lợi:

- Ông trời chó ai! Ông trời chó ai!

- Vậy ai sinh ra ông trời kia chó?

- Yù trời đất ơi! Đã là ông trời thì ai sinh được ông nữa cơ chó. Ông là nhứt hết thầy mà..

Huệ phản đối lão bằng cách lấy chân đá một viên sỏi nhỏ về phía lão rồi bỏ đi. Mùi nước hoa thoang thoang trong gió mát làm mũi lão héch lên. Lão lim dim nhìn cái mông của nàng ngưng nguyền theo nhịp bước. Lão nhớ đến câu hát của bác Tấn vẫn thường gảy đàn, giọng vọng ra:

- Cô Huệ ơi

*Nếu cô lấy tôi thì tôi xây nhà gạch hai tầng
Tôi mua ô tô cho cô ngự, mua váy đầm cho cô thay.."*

Rồi những nhân vật khác: Hai Hào, Đào, Phó Ngữ , bác Nhan, vợ chồng Năm Trà , Cái Hòn, Thăng Ích, U Tám ,... tất cả những nhân vật ấy sinh hoạt , chửi rửa nhau, giúp đỡ nhau, và cùng chia sẻ với nhau những mảnh đời sống của một xóm nghèo bình dân..

Bà Thụy Khuê nhận xét rằng Thềm Hoang là một tác phẩm không viết về chiến tranh nhưng chống chiến tranh và là một tác phẩm có ý hướng hòa giải hòa hợp dân tộc. Có người đã hỏi tôi có suy nghĩ nào về nahn xét này...

Tôi đọc Thềm Hoang từ lúc còn đi học và lúc này thì chiến tranh chưa bùng nổ lớn và những cái gọi là hòa giải hòa hợp dân tộc còn xa lạ . Thành ra , tôi rất ngạc nhiên khi đọc những nhận xét của bà Thụy Khuê mà có người thắc mắc ở trên. Tôi nghĩ đó có thể là một cách suy nghĩ đi quá xa trong hoàn cảnh nhà văn Nhật Tiến sáng tác lúc đó . Thời gian mà nhà văn Nhật Tiến viết Thềm Hoang là thời kỳ đệ nhất Công Hòa của chính phủ tổng thống Ngô Đình Diệm. Lúc này cả một triệu người miền Bắc di cư vào miền Nam và đang tạo dựng lại đời sống. Thành ra , ngôn ngữ của những nhân vật Xóm Cỏ pha âm hưởng của nhiều địa phương và có nhiều ngôn ngữ dung tục nhưng được tác giả xử dụng rất tự nhiên nên có sức sống động và lời cuốn . Như “nói như bố chó xồm” của bác Tồn , như “khí gió đùng lăn chữa “ của Huệ, như “ché nhạo cái gì , ché cái nổ đít” của Hai Hào. .

Nếu phát biểu một cách rất ráo thì, với Thềm Hoang, tôi nghĩ đó là một tác phẩm tiêu biểu của nhà văn Nhật Tiến . Có thể, trong truyện có nhiều hư cấu nhưng với tôi lại có chất tả thực nhiều hơn. Viết về một xã hội bất hạnh như thế, phải là người đã sống và đã có những cảm giác chân thực của người đã trải qua. Tôi cũng có lúc ở một xóm lao động như xóm Cỏ nên khi đọc những trang sách thường hay hồi tưởng về những tháng ngày cũ. Ở đó , người dân sống tạm bợ qua ngày , và có lúc dù xích mích nhau hay chửi bới nhau nhưng vẫn đậm đà tình hàng xóm láng giềng , chia sẻ với nhau những niềm bất hạnh chung . Họ không có sự cư xử của những người đạo đức giả , mà ở họ là chân thực một tình người không đảibo không giả dối và sẵn sàng đùm bọc nhau khi hoạn nạn...

Nhà văn Nhật Tiến làm việc một cách cẩn trọng và rất cố công để tạo ra những mẫu nhân vật độc đáo , có nét chân thực của đời thường nhưng lại biểu hiện được những cá tính của một thời đại họ đang sống. Ông có lần đã viết về cách tạo dựng nhân vật của mình : “. Tôi đã bỏ ra nhiều ngày để nghiền ngẫm về từng nhân vật trong tác phẩm của mình. Để cho lẽ lối làm việc có vẻ khoa học hơn tôi đã làm những tấm phiếu trên từng tấm bìa nhỏ. Mỗi tấm có đề tên một nhân vật và trong đó tôi đã ghi chép tất cả mọi đặc tính về hình hài, mọi cá tính, thói quen về tâm lý hay tình cảm và hoàn cảnh gia đình, hoàn cảnh xã hội mà tôi muốn diễn tả. Nhờ những tấm phiếu ghi chép này mà hình ảnh mỗi nhân vật hiện ra rõ nét hơn trong thế giới tưởng tượng của tôi và nó đã giúp tôi diễn tả một cách rõ ràng mỗi khi ngồi trước trang giấy. Trong quá trình sáng tác tôi luôn luôn tự hỏi điều gì làm cho nhân vật của mình không lẫn lộn với đám đông bình thường và có tính cách nổi bật riêng biệt. Theo tôi đó là sự chú trọng diễn tả thói quen cố hữu của mỗi người, ngôn ngữ đặc trưng mà mỗi nhân vật hay xử dụng và dĩ nhiên mỗi nhân vật phải có một nội tâm riêng biệt do hoàn cảnh xã hội và môi trường chung quanh mà tác phẩm dựng lên..”ø

Sau năm 1975, ông ở lại Sài Gòn tới năm 1980 thì vượt biển và định cư ở Hoa Kỳ. Ông cùng với Dương Phục và Vũ Thanh Thủy” Hải tặc trong Vịnh Thái lan”, lột trần thảm trạng của thuyền nhân và lên tiếng với công đồng quốc tế để can thiệp cho những người tị nạn bất hạnh. Ông tích cực hoạt động trong Ủy ban Cứu Nguy Giúp Người Vượt Biển và sau đó mới có các tàu đi vớt thuyền nhân ở Biển Đông và các nước trong thế giới tự do cho phép những người tị nạn định cư ở đất nước thứ ba.

Sáng tác của ông trong thời kỳ này là các tập truyện ngắn :Tiếng Kèn, Một Thời Đã Qua, Cánh Cửa và truyện dài Mồ Hôi Cửa Đá.

Chủ đích sáng tác của ông trong thời kỳ này là phản ánh thực trạng của xã hội Việt nam, và đưa một cái nhìn mới về cuộc chiến tranh đã qua cũng như hướng nhìn mới để vượt qua những chiến tuyến ngăn trở dân tộc trên con đường đoàn kết để xây dựng đất nước. Chính vì chủ trương này mà có sự ngộ nhận và phê phán cho rằng ông thiên tả và kết tội ông đã quên đi cương vị của một nhà văn lưu vong..

Truyện dài Mồ Hôi Cửa Đá nội dung ra sao mà gây ra sự tranh luận như vậy? Ở vị trí của một người đọc tôi có nhận xét như thế nào về tác phẩm này? Truyện dài này là câu chuyện xảy ra ở một nhà in và thời gian là sau ngày mà Cộng Sản chiếm đóng miền Nam. Đó là lúc mà chế độ mới tiếp thu các cơ sở sản xuất mà cả hai bên những người cai trị và những người bị trị phải sống chung với nhau với những va chạm về ý thức hệ hoặc về những nguyên tắc làm việc. Nguyệt, một công nhân trẻ, tin theo lý tưởng là mình sẽ góp sức để tạo thành một điều gì tốt đẹp, được đề cử làm bí thư chi đoàn thanh niên của xí nghiệp in và rất hăng hái làm việc trong trách vụ này. Nhưng thực tế không như cô nghĩ nên trở thành người thất vọng ê chề. Hoàng, một nhà văn từ miền Bắc vào, qua những kinh nghiệm sống của đời mình đã cho rằng chế độ này là một chế độ tồi tệ hơn cả chế độ phong kiến thực dân thời xưa nữa. Toàn, người yêu của Nguyệt, không đồng ý với công việc của Nguyệt mà anh cho là của người theo gió trở cờ, nhưng lại tin vào những người đã thực 1tĩnh trước thực tế như Hoàng, hay như Năm Tỏa, một cán bộ có suy xét phán đoán, sẽ làm thành những mầm mới lạc quan. Nguyệt sẽ là người đi theo con đường mới để thay đổi nhận thức của mỗi người. Cũng như Hoàng và Toàn cũng bắt đầu khởi đi công cuộc vận động về văn hóa với nhóm văn nghệ Chân Đất song hành với Nguyệt ..

Nhà văn Nhật Tiến cho rằng trong hoàn cảnh hiện tại, phải có nhận thức mới, mà những kẻ ở bên này hoặc bên kia giới tuyến nếu bị đàn áp thì cũng sẽ chọn chung một thế đứng đấu tranh chống lại những kẻ áp bức. Và, bất cứ lúc nào, sự bất công cũng như những hành động không nhân bản cũng là mục đích để đấu tranh xóa bỏ của dân tộc Việt Nam...

Có một truyện ngắn khác cũng bị phê phán là thiên Cộng là truyện ngắn Gặp Gỡ Ngày Cuối Năm, kể lại người anh là đại tá Việt Công đến thăm người em là tù cải tạo nhưng người em từ chối không gặp. Đó là một bi thảm của một cuộc chiến mà anh em ruột thịt đứng hai bên chiến tuyến ghim súng bắn vào nhau. Đến khi chiến tranh chấm dứt, vẫn còn nguyên giới tuyến...

Từ Nhật Tiến của lòng nhân ái đối với tuổi thơ bất hạnh đến Nhật Tiến luôn đòi hỏi công bằng cho những người bị đàn áp, và Nhật Tiến của những nhận thức trung thực nhìn về tương lai dân tộc, hình như tôi thấy có nhiều điểm đồng nhất giữa tác giả và tác phẩm

Ở trong bất cứ tác phẩm nào của ông, từ bất cứ thời kỳ nào, tôi vẫn thấy rõ ràng một con người Nhật Tiến. Đó là con người của hướng đạo, của sự ngay thẳng, của lòng nhân ái luôn đứng về phía của những người yếu thế trong xã hội. Không phải là thái độ cưỡi ngựa xem hoa, coi đau khổ của người khác để làm vui cho chính mình, mà là thái độ của người “ Đứng ngoài nắng “như nhà văn Mai Thảo nhận xét.

Có lúc tôi thấy nhà văn Nhật Tiến nhiều khi đã quá coi trọng văn chương và vai trò của kẻ sĩ. Mà thực tế, trong một xã hội chiến tranh đầy biến cố, thì lại là một vấn đề khác, khi lý tưởng luôn luôn ở ngoài tầm tay?

Chính nhà văn Nhật Tiến cũng cho rằng khi ông kết cuộc tiểu thuyết Thềm Hoang thì có nhiều người phê bình cho rằng hành động thiêu rụi cả xóm Cỏ của nhân vật Năm Trà là cách giải quyết vấn đề quá dễ dãi và đầy tính tiêu cực. Và ông đã nhận rằng có lúc ông thấy sự nhỏ nhoi và yếu đuối của ngọn bút .

Nhưng không phải giản dị như vậy , trong thâm tâm ông vẫn tin tưởng vào tác dụng của văn học và giá trị trường cửu của nó. Bằng cây bút , ông tranh đấu cho những mục tiêu mà ông tin tưởng . Luôn luôn trung thực và tin vào lẽ phải của cuộc đời , của giá trị của con người dù ở bất cứ hoàn cảnh nào...

Ở vai trò của một độc giả, tôi thấy những tác phẩm của ông có ngôn ngữ trong sáng và bố cục giản dị. Có người nói ông chịu ảnh hưởng của Tự Lực Văn Đoàn thời tiền chiến nhưng riêng tôi , lại nghĩ rằng những vấn đề mà ông nêu ra trong tác phẩm của mình gần gũi với đời sống và có sự giản dị tự nhiên của cuộc sống hàng ngày. Ông không có công xử dụng một kỹ thuật nào khi cầm bút , mà chỉ đem tầm lòng cùng sự trung thực của mình để làm cho độc giả cùng chia sẻ.

Chính thái độ tin tưởng vào con người và những giá trị nhân bản mà ở bất cứ chủ đề nào, có nhiều hay ít sự nhám nhúa đen tối của sự thực , sau cùng vẫn là sự hướng thượng và nhìn vào tương lai ,

Ngoài ra, ở đời thường , tôi nhìn ông như một người anh văn chương có nhân cách và lý tưởng. Có một thời gian , khi mới bắt đầu tập tành chữ nghĩa, tôi đã có những cuộc họp mặt hàng tháng ở nhà của anh để cùng với những người anh , người bạn tin tưởng rằng khi ra sống ở nước ngoài là phải mang tâm tình của những người còn ở lại , nói ra những ước muốn và giải bày những tâm tư thời đại của một giai đoạn vô cùng tẻ nhạt của lịch sử chúng ta. Không biết có phải đó là một động lực để tôi cầm bút đến tận bây giờ không?

Độc hồi ký "Nguyễn Tường Bách và Tôi"

Ở tuổi của tôi, những điều hiểu biết về Tự Lực Văn Đoàn không phải chỉ gồm trong sách vở. Qua những người quen biết, đã có những câu chuyện, những giai thoại chung quanh những nhân vật đặc biệt của lịch sử này. Cuộc sống của họ, trôi nổi theo những biến cố của đất nước và tôi nghĩ, nếu ở những lớp hậu sinh, nhìn vào đó sẽ gặt hái được nhiều kinh nghiệm. Số phận của những quốc gia như nước tiểu thường không nằm trong chủ quyền độc lập mà thường lệ thuộc vào những kế sách và âm mưu của những cường quốc...Việt Nam là một ví dụ cụ thể nhất. Từ những khai phá về văn chương tạo thành một thời kỳ văn học rực rỡ, những thành viên trong Tự Lực Văn Đoàn còn là những nhà cách mạng và họ là những người hành động có mặt trong những thời kỳ đầy biến động của lịch sử. Nhất Linh, Khái Hưng, Hoàng Đạo,... không phải chỉ là nhà văn mà còn là chiến sĩ, là người đem lý tưởng của văn chương thực hiện trong cuộc sống.

Và một nhân vật, là một trong lớp bác sĩ Tây y đầu tiên của Đại Học Hà Nội, đã viết văn làm thơ từ khi còn trẻ, là chủ nhiệm tờ báo Ngày Nay, là em út trong gia đình bảy người con trong đó có những tên tuổi lẫy lừng: Nhất Linh, Hoàng Đạo, Thạch Lam, cũng là một khuôn dáng lịch sử, của những nhà văn mà cũng là những người cách mạng, đã hành động với lý tưởng đã ôm ấp từ thuở thiếu thời: bác sĩ Nguyễn Tường Bách.

Cụ Nguyễn Tường Bách sinh năm 1916 đến năm nay đã 92 tuổi. Tiểu sử của cụ là nhà văn, phụ trách tờ Ngày Nay bộ mới năm 1945, rồi tờ Việt Nam, tham gia đảng Đại Việt dân Chính rồi

sau gia nhập Quốc Dân Đảng hợp nhất của Đại Việt cách Mạng Đảng và Việt Nam Quốc Dân Đảng. Năm 1946 lưu vong sang Trung Hoa và bị kẹt lại khi Mao Trạch Đông chiếm Hoa Lục và hành nghề bác sĩ đến năm 1988 mới cùng gia đình sang định cư ở Hoa Kỳ. Cuộc sống ấy, được cụ viết trong tập tiểu thuyết có phong vị của một tập hồi ký “Trên Sông Hồng Cuồn Cuộn”.

Tôi vốn là đứa tò mò và luôn luôn muốn tìm hiểu xem những lớp cha anh của tôi đã suy nghĩ thế nào, đã sống như thế nào trong những thế thời lịch sử đã qua. Tôi độ chừng là từ chuyện kể của cụ Nguyễn Tường Bách sẽ tìm được những chi tiết lý thú cho cá nhân tôi và có khi cho độc giả nữa. Anh Duy Lam, vốn là cháu của cụ Bách đã sắp xếp để tôi có dịp được hầu chuyện với cụ nhân thể vấn an sức khỏe cụ bà luôn. Chúng tôi dự trù là sau tết âm lịch sẽ cố gắng có một buổi phỏng vấn mà tôi nghĩ sẽ tìm hiểu được nhiều điều từ bên trong lịch sử dân tộc cũng như lịch sử của văn chương cũng như nỗi niềm, tâm sự của người trí thức trước những ngã rẽ quanh co của thời thế.

Nhưng, tuần rồi, nghe tin cụ bà vừa từ trần. Tự nhiên, thấy có một điều gì buồn buồn, mát mát. Những chân dung con người ấy, rồi cũng phải mờ phai. Những cuộc sống ấy, rồi sẽ thành những câu chuyện kể của quá khứ.

Đọc lại cuốn sách cụ vừa viết và xuất bản năm 2005 “Nguyễn Tường Bách và Tôi” như một cách thế tưởng niệm. Cuộc đời ấy, dường như cũng trôi nổi theo thời thế, cũng có niềm xót đau chung của một thế hệ. Trong suốt gần một thế kỷ, trải qua bao nhiêu là dâu bể, sự việc đã đổi thay đến chóng mặt, ngoài một yếu tố. Cái tình của người đối với người, cái sắt son của tình chồng vợ và tấm lòng yêu đất nước dân tộc và quặn đau theo những biến cố lôi kéo con người vào những hoàn cảnh đau thương. Nhưng, có một điều, là tinh thần lạc quan chan hòa trong hồi ký. Cái tinh thần của hướng đạo sinh cộng với nhân sinh quan đầy chất nhân bản đã giúp tác giả vượt qua được những thác ghềnh của cuộc sống...

Trong tác phẩm, tôi đã gặp một nhà văn Hứa Bảo Liên, với văn phong đơn giản, thành thật nhưng truyền cảm. Ở đó, tôi gặp lại mẫu người vợ, người mẹ tuy là người Hoa nhưng lại mang tinh thần và suy nghĩ của người vợ, người mẹ Việt Nam. Bên cạnh người chồng, trải qua bao nhiêu thăng trầm của cuộc đời, vẫn còn giữ mãi hình ảnh của người yêu lúc trẻ, tài ba, trí thức, yêu đất nước và đầy lý tưởng. Làm người kể chuyện, có những chuyện thật gay cấn, thế mà dưới cảm quan và cái nhìn của cụ, vẫn đơn giản, bình thường, chân thực nhưng chuyên chở được cảm xúc cũng như suy tư lúc đó.

Trong phần mở đầu “Mấy giòng tâm sự” cụ vẫn chân thành tâm sự:

“... Vì có nhiều người khuyến khích và cổ vũ, nên sau một thời gian ôn về quá khứ, tôi mới cầm bút viết. Ban đầu tôi viết có vài ba chục trang” Một người chồng tốt, người cha tốt”. Nhưng sau đưa cho một số người thân đọc, thì họ đều cho rằng tôi viết quá ngắn ngủi, sơ sài, cần viết cụ thể hơn, nên thêm vào những nhân vật có quan hệ mật thiết mà tôi đã gặp và nên kể thêm về mình nữa.

Tôi đang cố gắng định viết, thì tai bay vạ gió, tôi mắc phải một căn bệnh hiểm nghèo, phải mổ và chữa chạy hơn một năm trời. Phải chạy điện, tiêm thuốc ròng rã thực là khổ sở. Nhìn những giọt thuốc từ từ rỏ vào mạch máu vì không muốn bỏ phí thì giờ trôi đi lãng phí, tôi cố gắng cầm bút, có khi ngồi, có khi nằm, nguệch ngoạc viết. Tôi cố thuật lại những sự kiện đã qua, vì tôi nghĩ rằng có nhiều sự kiện chỉ có tôi biết mà thôi, anh Bách thì chắc chắn sẽ không viết, nếu tôi không viết ra thì phí mất. Cuối cùng, tôi viết ra được cuốn hồi ký nhỏ này, ít ra cũng là thành thực và khách quan...”

Viết trong hoàn cảnh đau ốm như vậy phải kể là người có nghị lực nhất là ở niên kỷ đã cao như cụ. Là người luôn sống với kỷ niệm và không bao giờ quên kỷ niệm, cụ bắt đầu thiên hồi ký của mình với một thành phố: Hà Nội:

“Ngay bây giờ, trong lúc đứng trên những mảnh đồi xanh mướt, hay những bãi cát vàng vô tận, gợn sóng bạc nhấp nhô của bờ biển Tây Thái Bình Dương Hoa Kỳ, tôi lại nhớ. Nhớ tha thiết tới những cánh đồng lúa tại ngoại thành Hà Nội, hay mặt nước xanh êm đềm của hồ Hoàn Kiếm hay hồ Tây mênh mang.

Hà Nội là nơi chôn nhau cắt rốn của tôi, là nơi mà tôi không bao giờ quên được, là nơi mà mỗi khi lưu lạc chốn nào trên thế giới, tôi vẫn thường nhớ tới. Vì quãng đời thơ ấu và tuổi trẻ của tôi, những ngày có bao nhiêu kỷ niệm tươi đẹp, nhưng vẫn pha lẫn bao u buồn, đều đã qua tại thành phố đặc biệt ấy...”

Tác giả là con gái của một ông bang trưởng người Trung Hoa, nhưng sống gần gũi nhất và cũng là người yêu thương nhất là người bà và người mẹ. Tuy sống trong một gia đình giàu có nhưng hoàn cảnh của bà là tình cảnh của một đứa con lớn lên trong nhiều nghịch cảnh. Khi người bà và người mẹ mất đi, bà phải phấn đấu để cố gắng vượt qua những trở ngại trong gia đình. Ở ngoài xã hội, tác giả là một cô gái năng động, thích thể thao, có lý tưởng, yêu đất nước, dân tộc. Hè năm 1943, bà bị quân Nhật bắt giam vì tham gia vào những việc phản kháng. Sau được bảo lãnh và trả tự do cùng với sự cam kết sẽ không dính vào những vụ việc phản kháng nữa. Tác giả hay lui tới nhà thương Phủ Doãn và ở đây đã gặp và quen biết với sinh viên Nguyễn Tường Bách học Y khoa năm cuối cùng đang tập sự tại đây. Trai tài gái sắc, hai người trở thành một cặp tình nhân lý tưởng dù thời cuộc lúc ấy vô cùng rối ren, bom My thả khắp nơi, lại có nạn đói chết hàng triệu người ở miền Bắc, rồi quân Nhật đảo chính và sau đầu hàng Đồng Minh. Quân Tưởng vào miền bắc rồi rút đi, cuộc chiến tranh với Thực dân Pháp và cuộc chiến Quốc Cộng...

Bác sĩ Nguyễn Tường Bách đã tham dự vào những hoạt động chính trị với sự hăng say của tuổi trẻ. Làm chủ nhiệm báo Ngày Nay bộ mới với tôn chỉ của người Việt quốc gia, sau đó làm chủ bút Việt Nam Thời Báo, rồi chủ nhiệm tờ Việt Nam. Cùng với Khái Hưng và Hoàng Đạo, ông viết bài để đối chọi lại với tờ Cờ Giải Phóng của Việt Minh lúc đó. Trong khi đó, tác giả Hứa Bảo Liên vừa đi dạy học và cũng vừa tập tành cầm bút và dịch từ Việt ngữ sang Hoa ngữ những bài viết trên Việt Nam và Việt Nam Thời Báo.

Năm 1946, tác giả sang học tại Đại Học Văn Nam ở thành phố Côn Minh. Ở đây tình cờ bà gặp lại những người quen biết của Việt Nam Quốc Dân Đảng từ Việt Nam chạy qua như Nguyễn Tường Tam, Hoàng Đạo, Vũ Hồng Khanh, Xuân Tùng,... Và sau này bà cũng gặp lại bác sĩ Nguyễn Tường Bách từ Hà Khẩu chạy qua sau những ngày chiến đấu với Việt Minh.

“Chúng tôi gặp nhau trên đất xa lạ này, thực là không ngờ. Sự trùng phùng nhanh chóng này làm tôi không khỏi nghĩ đến nhiều khi người ta chỉ khác nhau ở một bước đi, mà cả cuộc đời đã thay đổi hẳn, Mấy tháng trước nếu tôi thay đổi ý kiến ở lại Hà Nội. Tôi không khỏi rùng mình khi nghĩ đến những sự kiện có thể xảy ra- bắt bớ, tù tội do những kẻ ngạo mạn, điên cuồng! Sinh ly, tử biệt do chiến tranh bùng nổ! Lại rất có thể vì hoàn cảnh ác liệt, thời gian quá xa xôi, đến khi có dịp gặp lại nhau, một sợi dây vô hình đã ngăn cản giữa chúng ta thì sẽ ra sao?

Cuối năm đó chúng tôi đã thành hôn với hình thức đơn giản, không thủ tục và cũng không có nhẫn cưới. Chỉ có lòng tin ở nhau, can đảm cùng bước vào tương lai còn mờ mịt...”

Sau khi ở Côn Minh một thời gian, mọi người di chuyển về Quảng Châu cho gần Việt Nam hơn và tiện mọi việc liên lạc. Mọi người sống rất đăm đạc, lưu vong nhưng vẫn cố gắng hoạt động để mong ngày trở về. Giữa năm 1946, có một cái tang lớn, nhà văn Hoàng Đạo từ trần trên chuyến xe lửa từ Hồng Kông đi Quảng Châu và chôn cất ở bên đường. Trong lúc túng quẫn, tác giả phải là người đi chạy tiền để có ngân khoản lo liệu:

“...Tôi biết số tiền này rất cần, nhưng số tiền lớn như vậy, tương đương với hai lượng vàng, không biết có thể vay được hay không? Nhưng nay không còn thì giờ để nghĩ ngợi được nữa.

Lúc đó vào buổi trưa, trời nắng chang chang, giao thông lúc này cũng không tiện lợi. Ra tới bến tôi phải đợi tàu qua sông và đi bộ khá xa. Nhà cô ta ở phố buôn bán, lại cũng không biết bây giờ cô ta có ở nhà hay không?

Cô Bình là bạn thân của tôi khi còn ở Hà Nội. Vừa gặp cô tôi nói luôn việc tôi muốn nhờ. Cô bạn biết tính tôi, nếu không cần lắm, tôi không bao giờ vay mượn ai cả. Nên sau khi nghe tôi nói, cô bảo tôi ngồi chờ. Tôi thấy cô bạn bịu chạy lên chạy xuống. một lúc 1lâu cô đưa cho tôi một tập giấy bạc hỗn độn giấy lớn giấy nhỏ. Xem ra cô phải mượn tạm của mấy cô em dâu mới đủ. Tôi mừng quá, vội gài cẩn thận vào túi trong rồi vội vàng cáo từ ra về.

Khi về đến nhà đã gần tối, cả nhà đang chờ đợi. Sau khi trao số tiền cho anh Tam, tôi mệt lử vì trong nửa ngày hôm nay tôi đã vừa đi vừa chạy không biết bao nhiêu cây số. Đó là chưa kể khi còn phải chờ đợi để chen chúc nhau đáp tàu qua sông...”

Sau đó là tan tác. Phần đông mọi người trở về Việt Nam trong khi bác sĩ Nguyễn Tường Bách ở lại Trung Hoa và kẹt lại cho đến khi Hồng Quân Trung Hoa chiếm được cả Hoa Lục. Một cuộc sống mới được kể ra với sự chân thực của người kể. Bao nhiêu là biến cố: cải cách ruộng đất, công tư hợp doanh, tức phẫn, tam phẫn, phản phái hữu, công xã nhân dân nhảy vọt lớn, đại cách mạng văn hóa,... tất cả được gói gọn trong những trang sách khiến độc giả từ những nhan đề khẩu hiệu lạ tai ấy biết được một phần nào chính tình Trung Hoa qua cái nhìn và cảm nhận của một người dân bình thường. Cuộc sống đầy những cái chết vô lý, những sự bất công và con người đối xử với nhau hành hạ nhau nhiều khi làm hạ thấp vị trí của con người xuống thành con vật. Gia đình bác sĩ Nguyễn Tường Bách may mắn không bị bách hại gì nhưng cũng phải chịu chung đời sống nghèo đói thiếu thốn của mọi người. Tác giả thì dạy học, còn bác sĩ Bách thì làm ở nhà thương cho đến khi về hưu. Năm 1988, sau hơn 40 năm sinh sống ở Trung Quốc, gia đình tác giả định cư ở Hoa Kỳ và hiện sinh sống tại Nam California.

Đọc xong những trang hồi ký, nghĩ về một người vừa từ trần, tôi thấy hình như mình vừa được nghe chuyện về một người vợ hiền, một người mẹ tốt. Sinh trưởng trong một gia đình giàu có nhưng vẫn cố gắng học tập rèn luyện và luôn luôn nghĩ rằng thân phải tự lập thân và không nhờ cậy gì đến sự giàu có của gia đình. Với tinh thần phấn đấu của hướng đạo sinh, tham gia làm những công tác xã hội không quản thời giờ và tiền bạc cũng như thường giúp đỡ những người nghèo khổ kém may mắn.

Dòng dã gần cả một thế kỷ, đất nước Việt Nam đã trải qua biết bao nhiêu biến cố và những cuộc đời bị lôi theo con lốc ấy đã thành những cuốn hồi ký sống động. Trong văn học Việt Nam có quá nhiều cuốn hồi ký nhưng phần đông đều viết với chủ ý ngoài văn chương, hoặc để phân bua bào chữa cho mình hoặc có dụng ý đánh bóng tự khen mình. Hiếm có cuốn hồi ký như “Nguyễn Tường Bách và tôi” của tác giả Hứa Bảo Liên. Qua cái tôi của tác giả, chúng ta thấy được những nét phác họa đời sống, sinh hoạt, suy tư, của chân dung Nguyễn Tường Bách. Và

cũng ở đó, chúng ta nhìn thấy những nhân vật lịch sử đang sống, đang hoạt động như Nhất Linh Nguyễn Tường Tam, như Hoàng Đạo Nguyễn Tường Long, như Vũ Hồng Khanh, như Xuân Tụng... Họ sống lưu vong, vật lộn với đời sống khó khăn ở xứ Trung Hoa và luôn luôn hướng vọng về đất nước chờ một chuyến trở về.

Dù thiên hồi ký này viết với bút pháp đơn giản tự nhiên nhưng cũng có những đoạn tả tình tả cảnh khá lý thú. Những thành phố, những con sông không phải chỉ là đơn thuần những địa danh mà còn là nơi chứa đựng những kỷ niệm một đời mà khi tác giả tả lại hoặc nhắc đến là với cả tấm lòng gửi theo. Có lẽ tác giả đã viết bằng cảm xúc của trái tim mình hơn là lý luận của bộ óc suy tư.

Đời người dù dài hay ngắn đều cũng phải qua đi theo lẽ sinh diệt của đất trời. Nhưng, có những điều vẫn còn tồn tại. Đó là những trang sách, như một đóng góp cho đời, như trong hồi ký "Nguyễn Tường Bách và tôi" của cụ bà Hứa Bảo Liên. Xin cầu nguyện cho hương hồn cụ bà thong dong nơi đất Phật...

Đặng Trần Huân, tác giả & tác phẩm

Nhà văn Đặng Trần Huân là một trường hợp đặc biệt của hai mươi năm văn học miền Nam và ba mươi năm văn học Việt Nam hải ngoại. Trước năm 1975, mặc dù là một sĩ quan thuộc Cục Tâm Lý Chiến phụ trách tòa soạn các tờ báo quân đội trong một thời gian dài nhưng chỉ xuất bản có vài tác phẩm như tập truyện ngắn Ngày Vui năm 1962, truyện dịch Hải Đảo Thần Tiên năm 1963, bút ký Thành Phố Buồn Thiu năm 1979, và tập truyện vui Chuyện Cấm Đàn Bà (hai tập) năm 1969 và Chuyện Vợ Chồng năm 1970. Sau năm 1975, ông bị tù "cải tạo" đến năm 1988, được trở về rồi năm 1992 thì định cư tại Hoa Kỳ theo diện HO. Chỉ trong 5 năm ông đã xuất bản liên tiếp ba tác phẩm dù tình trạng gia cảnh khó khăn, mỗi cuốn sách ra đời là cả một công trình thành quả từ những cố gắng. Ba tác phẩm ấy là bút ký Hành Trình Một HO xuất bản năm 1995, tập tạp văn Những Người Thích Dấu Huyền in năm 1998 và chuyện văn nghệ Chữ Nghĩa Bề Bề xuất bản năm 2000. Những tác phẩm của ông xuất bản ở hải ngoại dường như là từ những kinh nghiệm sống của ông từ những năm phải vật vã sống ở trong nước của một thời đại rất đặc biệt của lịch sử Việt Nam. Đọc những điều ông viết, độc giả có cảm giác đây là những chất chứa, những nỗi niềm của một người sau một thời gian dài cam chịu nay mới có cơ hội để phát tiết ra. Đây có thể gọi là những điều nếu không viết ra, không đụng chạm đến thì không thể nào chịu đựng nổi. Những sự kiện ấy thật gần cuộc sống, có nét chân thực, và được sự chia sẻ chung mang của những người cùng chung cảnh ngộ của một thời thế hỗn độn nhiều như ông.

Ông sinh ngày 7 tháng 6 năm 1929 tại Bắc Ninh và mất ngày 21 tháng 3 năm 2003 tại thành phố El Monte, tiểu bang California, thọ 74 tuổi.

Ông viết tác phẩm đầu tiên ở hải ngoại, Hành Trình Một HO, trong một tình cảnh đặc biệt. Vốn sinh trưởng ở miền Bắc Việt Nam, chứng kiến ngày Việt Minh cướp chính quyền tại Hà Nội năm 1945, vào Nam sau hiệp định Genève năm 1954, ông là một sĩ quan chiến đấu trong quân đội quốc gia. Sau năm 1975 ông bị giam cầm hơn mười năm trời trong các trại tù Biên Hòa, Sơn La, Yên Bái, Nghệ An, Hàm Tân. Khi ra khỏi nhà tù Cộng Sản, ông đã trở lại và thăm Hà Nội trong một tháng để chứng kiến và quan sát đời sống tại đây. Và với những điều đã nghe, nhìn, tại thành phố này, lúc sang định cư ở Hoa Kỳ ông đã có nhiều chứng liệu xác thực cho văn chương của ông. Với trên hai mươi năm sống dưới chế độ cũng như sống ở trong nhà tù Cộng Sản, ông nhìn ra được những điều sâu xa khác với những cái tuyên truyền có chất hào

nhoáng bên ngoài của một chế độ đầy khiếm khuyết, vô nhân dựa trên một chủ thuyết không tưởng. Tác phẩm Hành Trình Một HO như một cuộc đối chiếu với những nhận xét và tài liệu mà bạn bè ông, những người cùng chung cảnh ngộ với ông, vừa tới Hoa Kỳ chia sẻ. Cuốn sách đã cố gắng hiển cho độc giả những phần sự thực của thảm cảnh quê hương Việt Nam bây giờ với tư cách là một chứng nhân khả tín. Đời sống ấy, hiện thực ấy nếu những người Việt mà chế độ trong nước gọi là Việt Kiều chỉ sống một thời gian ngắn ở xứ sở của mình có thể không nhận ra. Ông đã viết Hành Trình Một HO trong những ngày vừa chân ướt chân ráo đến Mỹ nên hoàn cảnh khá khó khăn. Ông kể về những cố công ấy của mình:

"Nhà tôi ở phía Đông Los Angeles xuống Westminster để trả bài tôi phải đi ba chuyến xe buýt mất gần bốn tiếng đồng hồ và lúc trở về cũng thời gian như vậy. Trong những tháng hè ngày còn dài và còn áp dụng giờ tiết kiệm, daylight saving time, đi xe buýt còn nhàn hạ nhưng từ cuối tháng Mười vạn lùi lại giờ đúng lúc trời lạnh và chóng tối nên nên đi rất vội vã. Tuy vậy tôi vẫn phấn khởi và hy vọng sách sẽ ra mắt kịp vào dịp Tết Ất Hợi tháng giêng năm 1995"

Tâm sự của ông, nỗi niềm của ông, có khi không phải là chuyện cá nhân riêng mình mà đã thành nét chung mang của những người chung thể hệ. Trong một thời kỳ mà "cột đèn đường cũng còn muốn vượt biên" thì con đường xin đi Mỹ theo diện HO có lẽ là phương cách rời bỏ quê hương tốt đẹp nhất so với cách chọn là thuyền nhân hay bộ nhân đầy nguy hiểm. Nhưng, cũng chưa hẳn là dễ dàng mà còn đầy những trắc trở mà người HO phải vượt qua. . . . Đoạn trường ai có qua cầu mới hay, những sự kiện ấy, những đời sống ấy chính là những biểu tượng của một thời thế mà xã hội được chấm phá toàn bằng những nét đen tối nhưng con người ở trong hoàn cảnh ấy phải vận dụng để tồn tại để sống còn. Một chế độ làm tiền công khai người dân bằng đủ mảnh khóe thủ đoạn và cả một hệ thống từ trung ương đến địa phương tha hồ đặt riêng ra những luật và lệ mà mục đích giản dị là để vơ vét.

Ký giả Hồ Nam trong tác phẩm viết chung với Vũ Uyên Giang "100 Khuôn Mặt văn Nghệ Sĩ" đã kể chuyện về nhà văn Đặng Trần Huân khi ông ra khỏi tù Cộng sản sống ở thành phố Sài Gòn:

"...Tôi còn nhớ rất rõ sau khi đi tù "cải tạo" về, Đặng Trần Huân làm nghề buôn bán sách truyện "con nít" tại cổng mấy trường tiểu học ở Sài Gòn. Cứ sáng sáng mỗi khi Đặng Trần Huân bày hàng là đám học trò tiểu học con nhà nghèo xúm đông xúm đò lại đọc "cọp" truyện của Đặng Trần Huân nhiều hơn mua, nhưng mắt Đặng Trần Huân lại sáng lên có vẻ sung sướng lắm. Thường thường, Đặng Trần Huân làm nghề bán sách mỗi buổi sáng không tới một giờ đồng hồ và cứ một ngày đạp xe đạp tới một trường tiểu học và luân phiên bảy ngày mới trở lại trường cũ. Bán sách xong Đặng Trần Huân thu sách ế bỏ vô túi đem đi uống cà phê ăn cơm tấm bì hay gặm một khúc bánh mì độ nhạt qua ngày và sau đó lại đạp xe tới mấy "vựa" ve chai mua sách cũ để "làm hàng" cho ngày hôm sau. Theo Đặng Trần Huân thì cái thời gian đáng sống nhất trong một ngày của Đặng Trần Huân là thời gian tới các vựa ve chai lục lọi tìm mua sách cũ để làm hàng cho ngày hôm sau. Thời gian này Đặng Trần Huân đã được đọc "hầm bà lằng" đủ loại sách báo đồng tây kim cổ và nhất là chuyện tiểu lâm."

Sinh sống như thế thì thu nhập chắc cũng không khả quan gì mấy và chính từ chuyện kể của ký giả Hồ Nam để chúng ta thấy được những cuộc sống lây lất không ngày mai của những người tù cải tạo trở về sống trong một xã hội không hứa hẹn một chút gì tươi đẹp cho bản thân họ và gia đình họ. Tuyển tập tạp văn Những Người Thích Dầu Huyền tác giả vui chân đi từ đề tài này sang đề tài khác. Có chất văn học như bài viết về huyền thoại Tự Lực Văn Đoàn hay những hạt sạn trong văn chương phê bình nhẹ nhàng nhưng chính xác. Cũng có chất hiện thực cuộc sống như thắc mắc hai chữ HO từ đâu mà có hoặc những chuyện đầu Ngô mình Sở, hay có thể là những trang tự sự như chuyện những hạt sỏi trong hành trình HO hay "Trên xa lộ 10 Đông, ba mươi tám giờ ngồi," một bút ký du lịch. Văn phong của tác giả Đặng Trần Huân nhẹ nhàng,

ngôn ngữ ôn tồn nhưng sâu lắng. Thí dụ như khi ông viết Hà Nội Sáng Tạo Tiếng Việt có những đoạn như:

"Thành ra với văn tự Hà Nội thì người và vật dùng lẫn lộn hòa hợp hòa giải rất là dễ huề. Người và vật đồng hóa với nhau, chung đụng với nhau. Lẫn tỵ là Người, voi cũng là người. Có phải thế chẳng mà những người Cộng sản từ Liên Xô cũ, từ Đông Âu sụp đổ cho tới Trung Cộng, Cuba, Bắc Hàn, Việt Nam đang hấp hối đều tôn thờ thuyết Darwin là loài người thoát thai từ khỉ. Và cũng vì thế mà một tạp chí Việt ngữ sống dai nhất trong lịch sử báo chí Việt Nam tự do khi nói về Cộng sản Hà Nội đã xếp vào chuyên mục Từ Người Xuống Vượn, Từ Vượn Lên Người."

Tác phẩm Chữ Nghĩa Bè Bè có những bài viết liên quan đến văn học và tác giả đã nói rõ tâm cảm cũng như mục đích của ông:

"Trong những lá thư độc giả cũng có nhiều vấn đề được nêu lên, người viết xin có đôi lời trần tình. Có vị nói viết như mục này không phải là phê bình văn học. Xin thưa, ngay mấy tiếng phê bình văn học nghe đao to búa lớn quá kẻ này không đủ khả năng và không dám nhận.

Mục đích của người viết - nằm ở một nơi xa thị tứ thiếu tài liệu tham khảo - chỉ tình cờ đọc được cuốn sách hoặc xem được cuốn phim, nghe được bài hát nào thấy là lạ thì phát biểu ý kiến về tác phẩm đó, ý kiến của một độc giả, một khán thính giả có trình độ kiến thức trung bình như đa số. Vì vậy có khi chỉ nói lên sự thích thú hay nổi bực mình chủ quan với cả tác phẩm, có khi chỉ là góp ý cho một câu, một đoạn mà thấy cần phải nêu lên. Cũng không câu nệ là tác phẩm mới ra hay đã cũ mèm. Không cứ mới mà hay và cũ như Kiều mà dở. Cũng như bây giờ mới được đọc thì cũ người mới ta, coi xong phải xuýt xoa hay nhăn nhó. Cũng như không phải một ca khúc được chính tác giả trình bày thì hay hơn người khác. Có khi tác giả chỉ giỏi về sáng tác mà không có giọng ca trời cho. Mà người đi xem vì ái mộ nhà soạn nhạc nên muốn thấy cái dung nhan mùa hạ.

Chính khi nói với vài bạn trong giới văn nghệ về mục này có bạn thân chỉ ở cách vài dặm đã cười hề hề và nói:

- Ông viết như thế thì bố ai dám gửi sách cho ông để ông mang ra diễu hả!"

Đúng là ngôn ngữ nửa thật nửa chơi. Nhưng trong cuốn Chữ Nghĩa Bè Bè có nhiều bài viết rất đứng đắn. Tác giả đặt vấn đề với sự cẩn trọng nhất là có sự nhận định về những cuốn sách hay đề cập đến những tác giả. Rõ ràng, với sự công tâm và cố gắng bớt đi sự chủ quan thiên kiến. Tác giả cũng là một người đi tìm cái đẹp cho văn chương và cái hay cho ngôn ngữ. Và ông cũng sẽ lắng nghe những phê phán nếu có....

Thời gian mà nhà văn Đặng Trần Huân mất, thì trước đó nhà văn Long Ân cũng đã qua đời. Chỉ trong vài tháng, tôi mất đi hai người khá gần gũi. Một người là anh Long Ân, thường hay chuyện trò bù khú với nhau, sau một tai nạn, đã ra đi, đột ngột và đau xót.

Ngày cúng thất tuần của anh ở chùa Việt Nam, thì gặp anh Đỗ Tiến Đức cho biết là anh Đặng Trần Huân vừa vào bệnh viện và chắc không qua khỏi được trong vài ngày gần đây. Tự nhiên, tôi thấy có một cái gì mất mát. Trước đây tôi đã biết anh Đặng Trần Huân từ lúc còn ở Saigon. Anh là người hàng xóm của ông anh cả tôi ở trong cư xá ở bên cạnh trại cảnh sát dã chiến mà tụi tôi hay gọi là thành Amac. Lúc đó anh là một ông sĩ quan già lọc cọc chiếc Honda sớm chiều đi về. Mấy người trong cư xá thì gọi ông là ông nhà báo lính hay ông "Chuyện cảm đàn bà". Sở dĩ ông có biệt hiệu ấy là bởi vì những bài viết mang nhan đề ấy trên báo chí quân đội như Chiến Sĩ Cộng Hòa và sau tuyển chọn lại in thành một cuốn sách bán rất chạy, tái bản vài ba lần và làm ông nổi tiếng.

Có lẽ, tụi trẻ tụi tôi lúc ấy cũng chưa để ý lắm. Chúng tôi còn bận làm dáng với sách triết học Phạm Công Thiện hay lãng mạn với thơ Nguyễn Sa, Thanh Tâm Tuyền, hoặc mơ mộng với văn

xuôi Võ Phiến, Mai Thảo... Tuổi trẻ thường nhìn văn chương như những cánh cửa mở vào những khung trời lạ, đôi khi chỉ có trong tưởng tượng.

Chiến tranh càng ngày càng khốc liệt, năm Mậu Thân, tôi vào lính. Sau đó, chúng tôi mới có dịp làm quen với những tờ báo như Lý Thường, Tiền Phong hoặc Chiến Sĩ Cộng Hòa. Đặc biệt trên tờ Chiến Sĩ Cộng Hòa, tôi đã đọc những chuyện vui cười, cũng thấy hay hay, và hiểu thêm được cái ngôn ngữ Trạng Quỳnh mà nhà văn Đặng Trần Huân hiển lộ. Và, hình như tôi cũng rất lạ lùng là một nhà xuất bản cực kỳ đứng đắn là nhà xuất bản "Sáng Tạo" của một nhà văn cũng cực kỳ mô phạm là nhà văn Doãn Quốc Sỹ, đã in "Chuyện cấm đàn bà" rồi tái bản tới bốn lần. Có lẽ, đó là một chuyện khá độc đáo thời đó. Nhà văn Đặng Trần Huân thật thà kể lại trong sự hồi nhớ của mình:

"Năm 1969 tôi gom những chuyện đặc ý nhất để in thành sách. Tôi bàn với Duyên Anh, anh rất tán thành nhưng lại không khoái cái tên Chuyện Cấm Đàn Bà mà tôi chọn. Cả hai trang truyện tiểu lâm mà Duyên Anh yêu cầu tôi viết cho Con Ong số xuân năm đó khi đăng anh cũng không đề tên Chuyện Cấm Đàn Bà mà đổi nhan đề thành Chuyện Cấm Cười.

Tôi thì rất thích tên mà tôi đã chọn vì cho đó là một cái tên úp mở gợi sự tò mò của nữ độc giả và cũng là một cái mồi che những chuyện dâm. Năm 1962 và 1963 tôi đã xuất bản hai tập truyện nhưng bán chậm nên lần này muốn có tên một nhà xuất bản cho thêm uy tín. Lúc đó, Tô Thùy Yên là trưởng phòng văn nghệ Cục Tâm Lý Chiến và chủ trương nhà xuất bản Hồng Lĩnh (do tên thực Nguyễn Thị Băng Lĩnh bút danh Thụy Vũ, đệ nhị phòng của anh) Tôi đề nghị anh xuất bản Chuyện Cấm Đàn Bà thì anh nói với tôi điều kiện kiểm duyệt không bị bỏ bài nào. Tôi còn phân vân thì anh đổi ý trả lời là Hồng Lĩnh chỉ xuất bản sách văn nghệ không thể in truyện tiểu lâm.

Tôi gặp anh Doãn Quốc Sỹ chủ nhà xuất bản Sáng Tạo, một nhà xuất bản lâu năm nhưng ít vốn. Sau khi chuyện trò. Biết anh không có đủ khả năng in một số lượng lớn tôi đề nghị mượn tên nhà xuất bản của anh. Doãn Quốc Sỹ cười:

- Nếu anh có tiền in thì đâu có hề gì, anh cứ việc để tên Sáng Tạo miễn là phải in ấn cho đẹp như sách của Sáng Tạo. Rồi anh cười ha hả:

- Tiểu lâm cũng là văn hóa chứ sao!"

Tháng Tư đen, rồi cả nước vào tù, không ở trong hộp lớn thì cũng hộp nhỏ. Như tất cả các sĩ quan VNCH anh Đặng Trần Huân cũng rời cư xá ở đường Trần Quốc Toản để đi "cải tạo" tới hơn chục năm. Tôi thì cũng vậy, dù đi tù ít năm hơn và vượt biên tới Mỹ trước hơn. Mười mấy năm sau, những đợt HO đã mang anh tôi cũng như anh Đặng Trần Huân định cư xứ người. Và, chúng ta có thêm "Hành Trình Một Hát Ô", một bút ký ghi lại trung thực những mảnh đời sống của những người chậm bước đến sau. Đọc những trang sách, như một chứng tích ghi lại một thời thế mà ở đó, chúng ta đã có những chọn lựa bất ngờ cho cuộc đời. Làm lại cuộc đời giữa tuổi về chiều, dĩ nhiên, ai mà chẳng xao động. Con đường nhân sinh chắc chắn không phải trải toàn gấm hoa. Áo cơm sinh kế đã mệt mỏi hướng chi còn nghiệp văn chương đeo đuổi. Một thời những tâm tư được giải bày, không mặc cảm và chân thành. Người sau đọc lại những trang sách này sẽ hiểu thêm được những khó khăn của những người đi tìm đất sống.

Sau bữa cúng thất tuần anh Long Ân, tôi và anh Hoàng Khởi Phong cũng là một người cũng có lúc ở cư xá Trần Quốc Toản lên thăm anh Đặng Trần Huân ở nhà thương. Anh Đỗ Tiến Đức đã dặn là nếu chậm thì không kịp nữa. Anh Huân vẫn còn tỉnh táo và vẫn hứng khởi khi nói chuyện sách vở văn chương. Anh nhắc đến cuốn sách của nhà văn Hoàng Hải Thủy vừa xuất bản và dù anh bệnh hoạn vẫn viết một bài đọc sách nhiều chia sẻ. Anh cũng nhắc đến bài viết "Cắt chỉ văn chương" mà anh có đụng chạm đến nhiều người. Anh nhấn mạnh rằng chính vì quý mến và trân trọng nên anh mới có những góp ý chân tình như thế. Hình như trong bài phỏng vấn của tôi về cuốn sách "Chữ nghĩa bẽ bẽ" anh cũng tỏ bày tương tự.

Trong khi nói chuyện, tuyệt nhiên tôi không tìm được một nét nào của một người sắp xuôi tay đi

về cõi khác. Anh vẫn hằng say nói về những suy nghĩ của mình cả tiếng đồng hồ. Chúng tôi nhận được sự nâng niu văn chương của anh qua những diễn tả. Cũng như khi đề cập đến hiện trạng trong nước, anh đã mang kinh nghiệm sống của mình để thấy tiếc nuối cho một đất nước bị quá nhiều nghịch cảnh.

Tôi biết anh nặng lòng với bút mực hơn ai hết. Anh đã in được 3 cuốn sách khi sống ở hải ngoại: Hành Trình Một Hát Ô, Những Người Thích Dấu Huyền, Chữ Nghĩa Bề Bề. Không biết với những tác giả khác ra sao chứ tôi biết rõ mỗi cuốn sách của anh là cả những công trình. Như chuyện anh cư ngụ ở xa khu vực Tiểu Sài Gòn, không có xe phải đón bus mỗi lần đi từ sáng sớm đến tối mịt mới về. Rồi không kể sự chật vật tiền bạc, những tác phẩm ra đời với anh là một sự hy sinh ghê gớm. Tôi nghĩ văn học Việt Nam ở hải ngoại mà còn tồn tại được đến bây giờ là do những đóng góp và hy sinh của những người cầm bút mà anh Đặng Trần Huân là một người trong đó. Ở đời sống này, ngồi vào bàn viết, trước những tờ giấy trắng, sao cô đơn quá đỗi. Có lúc, trong suy tư là một bãi sa mạc cô liêu không người hưởng ứng. Có phải chúng ta đang ở trong chợ chiều của chữ nghĩa? Có một nền văn học lưu vong hay không và chúng ta còn tồn tại được bao nhiêu thập niên? Những câu hỏi làm buồn lòng những người có tâm huyết. Nhưng mỗi ngày vẫn có những cuốn sách ra đời và những bản viết vẫn sáng đèn đến tận buổi khuya. Dù rằng có tình trạng vàng thau lẫn lộn nhưng nhìn thêm một cuốn sách mới ra đời là chúng ta lại có cảm tưởng gốc rễ của cây văn chương hải ngoại có thêm nhựa sống. Anh Đặng Trần Huân, bài viết này có hơi muộn màng. Những cuốn sách vẫn nằm im trên kệ, có một lớp bụi mỏng. Đã gần tám năm anh đi vào cõi miên viễn. Bây giờ, cảm xúc đã lắng đọng sau một thời gian, em viết những dòng chữ này không ngoài một mục đích nêu lên một trường hợp của một người cầm bút yêu văn chương và bất chấp những khó khăn để theo đuổi cái nghiệp của mình.

Hình như, ngày anh khởi hành đi vào một thế giới khác có tiếng hát "opera" đưa tiễn anh. Tiếng hát đã vút cao trong ngày tiễn đưa hôm đó. Trời đang xanh nắng và ở mút tầng trời có những cụm mây. Em chắc anh đang lững đờng ở trên ấy. Những cuốn sách ngàn trang đang giờ ra. Và ở trong đó, có phần nào ghi chép từ "Chuyện Cầm Đàn Bà", "Hành Trình Một Hát Ô", "Những Người Thích Dấu Huyền", hay "Chữ Nghĩa Bề Bề"... Chắc là phải có? Bởi, những dòng chữ như vậy phát xuất từ một trái tim rất Việt Nam và yêu đất nước dân tộc như yêu chính bản thân mình.

Đọc lại Dương Nghiễm Mậu, nghĩ về văn chương và thời thế

Khoảng thập niên 60-70, thực sự đã có những luồng gió mới thổi tới trong văn học nghệ thuật miền Nam. Giữa người đọc và người viết hình như chung một ý hướng là làm mới lạ văn chương, để khác đi với thời trước, thời tiền chiến và thời của Tự Lực Văn Đoàn. Những tác giả trong những tác phẩm của mình và các tạp chí văn học đã cố gắng trong nỗ lực ấy. Người viết mang những trào lưu tư tưởng triết học tây phương mà trong đó những tư tưởng hiện sinh là một, Trong khi đó, người đọc, phần đông trẻ tuổi là sinh viên học sinh hoặc những người lính chưa có nhiều năm quân ngũ, cũng theo dõi một cách hào hứng những trào lưu tư tưởng có khi trở thành thời thượng.

Khi ấy, chiến tranh bắt đầu có những ảnh hưởng sâu sắc đến mọi người. Cuộc sống không những chỉ phi lý, bi đát trong triết học trong văn chương mà còn phi lý và bi đát thực tế của con người. Thời thế tạo ra những bi thảm do con người tạo ra cho con người và đôi khi do chính mình tạo ra cho mình bởi sự dằn vặt nội tâm, bởi sự cố nhận diện mình là ai trong cái sương mù của cuộc đời, trong những điều tương phản cực độ với nhau.

Một người viết, có phong thái riêng, có cá tính riêng, của tuổi trẻ cô đơn, của lòng phần nộ trước những phi lý của cuộc sống, là nhà văn Dương Nghiễm Mậu. Hình như, ông đi một

mình một đường trên con đường văn chương của mình. Tiểu thuyết của ông, những nhân vật bàng bạc những nét hiện thực nhưng lại xa lạ và khó kiếm tìm trong cuộc sống hiện hữu. Không gian, thời gian, cũng mờ ảo không xác định, như một cõi sống nào, có không lẫn lộn và con người là thực thể chất chứa đầy những đối nghịch lẫn nhau. Nhân vật của ông, luôn xưng tôi ở ngôi thứ nhất, để như một cuộc độc thoại, để cái "tôi" của tác giả nhòa nhạt vào cái "tôi" của từng nhân vật.

Xuất hiện trong một trường hợp đặc biệt với truyện ngắn "Rượu chưa đủ" coi như là một khám phá tài năng mới của nhà văn Mai Thảo trên tạp chí Sáng Tạo. Ông đã tạo cho mình một chỗ ngồi riêng, một chỗ ngồi mà sau này, gần nửa thế kỷ, sau bao cuộc đổi thay, sau những biến cố chính trị, vẫn được xác định như một nhà văn có đóng góp vào gia tài văn chương của dân tộc. Tự Điển Văn Học, in trong thời của chế độ đã bắt giam ông với tội danh là văn nghệ sĩ, trong ấn bản mới nhất có viết về Dương Nghiễm Mậu:

"Dương Nghiễm Mậu là một trong những nhà văn Việt Nam thế hệ 60-70 đã đào rất sâu vào bản chất của cuộc hiện sinh con người. Ông đứng riêng một cõi, dường như không có bạn đồng hành, và đã tạo được một lối cấu trúc về truyện ngắn, truyện dài nằm trong nhân sinh quan bao quát của triết học hiện sinh và vô thần..."

Jason A. Picard, của đại học UC Berkeley trong bài; "Poisoned Water: Vietnamese Youth in the Works of Duong Nghiem Mau" ("Nước Độc: Tuổi trẻ Việt Nam trong tác phẩm Dương Nghiễm Mậu") có viết lời mở đầu bài essay của mình:

"Vào năm 1954 hàng triệu người Việt ở miền Bắc di cư xuôi Nam theo giải pháp của Hội Nghị Geneve. Trong làn sóng người tị nạn ấy có một cậu trai trẻ mười tám tuổi, Dương Nghiễm Mậu. Hơn bốn năm tiếp theo ông đã di chuyển từ thành phố này sang thành phố khác: Huế, Nha Trang và Sài Gòn trong thời kỳ chính thể Việt Nam Cộng Hòa mới thành lập. Kinh nghiệm của ông là của một người tị nạn di cư, đã trải qua thời niên thiếu trong cuộc chiến Đông Dương lần thứ nhất và cuộc đời ông là của một người trẻ trưởng thành ở giữa những trạng thái căng thẳng chính trị càng ngày càng tăng ở miền Nam bắt đầu thành những phóng ảnh và luận đề cho những truyện ngắn và tiểu thuyết của ông. Nhân vật chính của Dương Nghiễm Mậu là những người tuổi trẻ Việt Nam vật lộn với những biến cố của xã hội thay đổi cũng như những xung đột giữa người với người và người với chính nội tâm của hần.

Bài viết sẽ nhắm thử nghiệm những tác phẩm của một tác giả trong những tác giả danh tiếng nhất của miền Nam Việt Nam: Dương Nghiễm Mậu. Khởi từ những kinh nghiệm bản thân và sự lưu tâm đến văn hóa của tuổi trẻ, ông đã mở những cánh cửa để độc giả nhìn thấu vào tuổi trẻ miền Nam Việt Nam trong những thập niên 1950, 1960, 1970. Tuổi trẻ ấy tham dự trong vai trò của vở kịch lịch sử bi đát của một thời kỳ nhưng họ đã bị quên lãng trong chữ nghĩa. Sự khám phá của tôi từ tác phẩm Dương Nghiễm Mậu sẽ cung cấp nhiều hiểu biết thực thể về Việt Nam Cộng Hòa, trong văn học và trong văn hóa tuổi trẻ nữa..."

Khởi viết từ năm 1957, đến năm 1975, ông đã hoàn tất rất nhiều tiểu thuyết, truyện ngắn, ký sự. Truyện ngắn như: Cũng Đành, (1963), Đêm (1965), Đôi Mắt Trên Trời (1966), Sợi Tóc Tìm Thấy (1966) Nhan Sắc (1966), Kinh Cầu Nguyện (1967), Ngã Đạn (1970), Cái Chết Của... (1971). Truyện dài như: Gia Tài Người Mẹ (1964), Đêm Tóc Rối (1965), Tuổi Nước Độc (1966), Phấn Đấu (1966), Ngày Lạ Mặt (1967), Gào Thét (1969), Con Sâu (1971). Ký sự như Địa Ngục Có Thật (1969), Quê Người (1970)...

Một tác phẩm đoạt giải thưởng Văn Chương Toàn Quốc năm 1964 là truyện dài Gia Tài Người Mẹ. Gia tài rách nát của Mẹ Việt Nam đầy chia rẽ và hận thù. Những nhân vật: u già, người mẹ, bốn đứa con tên Thạch, Nhợc, Nhẫn, Tuấn, có mặt trong những hoàn cảnh nghiệt ngã kể chuyện về mình với cái chủ quan và nhìn sự kiện theo cách bóp méo để có phần lợi cho mình. Gia tài là một căn nhà đổ nát trống trơn chẳng có ý nghĩa thực tế nào

nhưng là mục đích của những cuộc tranh dành, gấu ó. Cái gia tài ấy, có phải liên tưởng đến những quốc gia nhược tiểu, khốn khó bị chia rẽ bởi các đại cường và lao mình vào những cuộc chiến ủy nhiệm làm người lính đánh thuê để phần thưởng là những đồ nát hoang tàn cho cả dân tộc. Người mẹ, yếu ớt về thể xác và tan nát về tâm hồn có hai đời chồng ở hai vị trí chống đối nhau ở hai chiến tuyến nhưng đều bị hy sinh để lại cho người vợ những đứa con hai dòng máu. Người chồng đầu thì bị chết trong tù còn người thứ hai thì bị lính lê dương giết chết trước khi hãm hiếp người vợ. Cuộc hãm hiếp ấy tạo ra đứa con lai là Nhẫn, kết quả của những oan khiên của những tình thù quán quít với nhau. Mỗi nhân vật kể chuyện mình, khi độc thoại, khi đối thoại, trong cái chủ đích trình bày cho được cái số phận của mình. Thân phận của Nhẫn, một đứa con hoang, ra đời trong cái nghiệt ngã của một xứ sở chiến tranh luôn luôn bị dằn vặt bởi những mặc cảm đeo đẳng suốt cả đời. Hãy nghe Nhẫn trong vai trò của tôi ngôi thứ nhất thố lộ:

"Tôi là giọt máu của một kẻ thù trong gia đình này. Kẻ thù đó là bố tôi, nhưng có thực bố tôi là kẻ thù đích danh không? Tôi nghĩ bố tôi không bao giờ lại thế. Bố tôi cũng chỉ là một nạn nhân, một kẻ đánh mướn mang bản án tù đầy chung thân không sao gỡ được với thân phận nhược tiểu ốm o gầy yếu trong thực tại nhân loại. Bố tôi còn sống hay đã chết rồi? Sống hay chết số phận những người đồng loại với bố tôi đều không thay đổi."

Nhẫn là kết quả của sự oan nghiệt, của người mẹ mang thai của một kẻ hãm hiếp mình để đứa trẻ lớn lên với nỗi day dứt của đứa trẻ ra đời ngoài ý muốn và chịu đựng tất cả những ghê lạnh của người chung quanh. Còn nỗi niềm nào quay quắt đau xót hơn khi Nhẫn cứ dày vò với ý nghĩ: "tôi là điều để các anh tôi nhớ rằng chính mẹ tôi đã bị nhục nhã khốn khổ, bố họ đã bị giết, kẻ giết đó chẳng phải ai xa ai mà chính là bố tôi..."

Nhẫn đã tự tử nhưng vẫn sống để có mặt trong một tấn bi kịch của một xứ sở đầy những cuộc chém giết phân tranh.

Gia Tài Người Mẹ là một cái nhìn trở lại lịch sử, để ở đó, vượt lên thành một tấn thảm kịch biểu hiện cho cả một thời kỳ nhân loại. Phân hóa, tranh giành, cướp lấy một phần gia tài đang đổ nát, để mọi người trong gia đình thành kẻ thù lẫn nhau. Người mẹ là dẫn đi trong những viễn tượng vô cùng thảm đen, những đứa con không thèm nhìn mặt nhau, hãm hiếp trong sự đấu đá giành giật để mong cướp cho mình những gia tài trống rỗng đổ nát. Trong khi đó, ở ngoài, những kẻ lạ mặt hung hãn đang chờ để cướp tay trên.

Sống trong một xã hội chiến tranh đầy nghịch cảnh, con người không những phải chiến đấu với người ngoài mà còn phải phấn đấu với chính mình. Trong tác phẩm này, Dương Nghiễm Mậu đã nêu ra một ý tưởng: đừng trách người hãy trách mình. Bởi vì mình phân hóa giành giật với nhau nên kẻ thù bên ngoài mới lợi dụng được để gây hoang tàn đổ vỡ cho dân tộc. Gia tài Người Mẹ không phải là một tác phẩm phản chiến. Tác giả chỉ nêu ra một biểu tượng và không có tham vọng đặt ra những phương cách giải quyết. Thực tại của đất nước đã được nhìn ngắm với con mắt sắc sảo muốn đi sâu vào trong nội tâm con người và với một thái độ thật rõ ràng. Đó chẳng phải những lời kêu than, chẳng phải là những lời chạy tội như lời nói và thái độ của những nhân vật trong truyện. Gia Tài Của Mẹ là của ngôn ngữ văn chương muốn đi sâu vào sự phức tạp của cuộc sống của một đất nước chiến tranh. Từ những nhát dao sắc bén giải phẫu, chúng ta thấy được những cục u ung thư ăn ruỗng trong tâm cảm con người...

Năm nay 2007, nhà xuất bản Phương Nam ở trong nước đã in lại bốn tác phẩm của Dương Nghiễm Mậu: là bốn tập truyện ngắn Đôi Mắt Trên Trời, Nhan Sắc, Cũng Đánh và Tiếng Sáo Người Em Út. Những Tác phẩm này đã gây xôn xao dư luận, người tán đồng kẻ phản đối chê trách ở trong nước.

Tập truyện Đôi Mắt Trên Trời do nhà xuất bản Giao Điểm in năm 1966 được tái bản đáng kể nhất là Bộ ba Mậu truyện: Lấy Máu, Những Chuột, Và Rệp. Trong đó những cuộc sống giữa người và vật cùng ở trong một mức độ bi thảm nên rất nhiều điểm tương đồng. Chính vì những truyện này nên có cô giáo Lê Anh Đào đã phản đối nhà xuất bản Phương Nam cho

rằng đọc sách Dương Nghiễm Mậu là thú vật hóa con người và lưu manh hóa hình tượng văn học.

Truyện Lấy Máu kể lại một câu chuyện của một đứa bé phải chịu làm dụng cụ để quảng cáo cho món thuốc cao của Năm Sài Gòn. Hấn rạch tay thẳng bé rồi dùng cao dán lại để quảng cáo cho món thuốc cao Giang Đông. Thằng bé dùng máu của mình đổi lấy miếng ăn nhưng dần dần hết cả máu, khi rạch ra thì chỉ còn rỉ vài giọt và những vết khứa khác thì mừng mủ hôi thối. Rốt cuộc thì cái trò quảng cáo lường gạt ấy cũng không mà mất được ai và cái trò mãi võ ấy trở thành một trò múa rối không có khán giả. Truyện mô tả với giọng văn bình thản biểu lộ tính bình thản không cảm xúc của con người trước nỗi đau đớn của người khác. Trong một xã hội mà đau khổ là chuyện bình thường, con người thường lạnh lùng và vô cảm đến mức trơ trơ như gỗ đá...

Truyện Những Chuột kể lại cuộc sống giữa Lão chệt, đàn chuột và con chó. Trước đây lão có ba chuồng nuôi chuột để thằng Lai con lão chở lên Sài Gòn cho mấy quán nước làm xiu mại. Nhưng rồi thằng Lai cuỗm đi con Xiêm của lão và không về nữa nên nhà lão không còn ai lui tới. Lão sống với đàn chuột, vừa là bạn vừa là thức ăn cho lão sống. Đến một ngày có một con chó là người khách lạ đến ở. Rồi đến khi đàn chuột bị vắng đi và lão Chệt nghĩ rằng con chó có thể ăn tươi nuốt sống lão nên bất ngờ lão hạ thủ con chó rồi moi gan nướng ăn và uống máu của chó còn xác thì mang bỏ ra giữa nhà để đàn chuột sâu xé. Vài ngày sau, ở xóm ấy có nhiều người chết vì bệnh dịch hạch.

Chệt, chó, chuột, cùng một vằn mẩu tự, cùng có những đặc tính giống nhau của một cuộc sống phải giết nhau để sống còn. Lão chệt là biểu tượng của con người tha hóa, khôn ngoan thủ đoạn hơn con chó và cũng dữ dằn hơn loài chuột là một biểu tượng tàn ác, nguy hiểm hơn cả bệnh dịch đã giết hại bao nhiêu người.

Truyện Và Rệp là một cuộc đối đầu giữa ông Tư và loài rệp. Một cuộc chiến dai dẳng dù ông Tư có thuốc DDT làm vũ khí để diệt trừ. Chỉ được một thời gian ngắn rồi rệp lại sinh sản trở lại. Ở đâu có con người là ở đó có rệp. Và ông Tư nổi điên đốt nhà để diệt trừ tận gốc loài vật này. Cuộc chiến đấu giữa người và vật đã chấm dứt trong kết quả phi lý ấy.

Bộ ba Mậu Truyện như lên án sự ác độc của con người và tất cả hình như đẩy vào thế tuyệt lộ của tan vỡ của hoang tàn và của những điều phi nhân vẫn thân nhiên xảy ra trong cuộc sống loài người.

Truyện Đòi Mất Trên Trời là những suy tư của một người sắp chết. Thực ra hẳn đã chết từ lâu khi được vớt từ dưới nước lên và từ đó hẳn đã sống mà như chết rồi. Cái chết được mừng rỡ từ cái chết của chiếc lá và con sâu. Con sâu giết chiếc lá làm nó rụng xuống đất, nhưng con sâu cuối cùng của một cây đang dần chết sẽ ra sao? Sẽ bị chim ăn, bị rớt xuống đất vì cơn gió hay bị lũ kiến làm thịt. Nổi chết, ai cũng sẽ có và sẽ giống nhau như hẳn đang nằm trên giường bệnh và tưởng tượng đến ngày cuối của mình. Sống cũng là trống rỗng mà chết thì cũng trống không. Con người xa lạ với chính đời sống mình.

Nhan Sắc, tập truyện do nhà xuất bản An Tiêm năm 1966, Văn Xã tái bản năm 1972 và Phương Nam tái bản năm 2007. Tất cả gồm các truyện: Người Tình của Trương Quỳnh Như, Một Người Lên Núi, Nhan Sắc, Từ Hải và Cuộc Phiêu Lưu của Đời Chàng, Kinh Kha, Con Chùy Thủ và Đất Tàn Bất Trắc. Tập truyện như một chuỗi đời sống, xuất hiện từ trong một thế giới lung linh của suy tưởng nào nhưng chuyên chờ và gói ghém những nỗi niềm của cuộc sống. Phần nộ có, bi quan có, nỗi đớn đau của kiếp nhân sinh không phải hình thành từ mệnh số đã định mà do chính con người tạo ra và hằn vết vào tâm thức. Không hiểu tác giả Nhan Sắc có quá tay một chút hay không khi phác họa những cuộc sống tối tăm, những suy tư của tuyệt lộ đường cùng? Vắng bóng sự tươi tắn lạc quan, những hoàn cảnh của người đầu hàng định mệnh, Dương Nghiễm Mậu tạo ra những thế giới ảo riêng nặng phần trí tuệ.

Truyện Người Tình Của Trương Quỳnh Như, vẽ ra một khuôn mặt Phạm Thái như một biểu

tượng của kẻ sĩ thời đại. Thời thế đổi thay, non sông dời đổi, con người dù cố gắng đi tìm ý nghĩa của cuộc sống cũng có lúc nản lòng mượn men say để lãng quên. Nếu cuộc đời là một trường đại mộng thì tài trí có lúc cũng đủ để làm một Phở Chiêu Thiên Sư để cay đắng thốt ra những lời phần chĩ.

Những nhân vật lịch sử được Dương Nghiễm Mậu làm sống lại và khoác choàng theo những suy niệm của riêng ông. Nhan Sắc viết về những người làm cách mạng và dù họ là những người bất lực trước xoay vần của lịch sử nhưng cái chết của họ chính là sự chọn lựa rất táo đến tuyệt đối trong sự tương đối có thể. Qua cuộc dấy binh của Cao Bá Quát để có nhân vật thầy khóa Nhâm và người khách vô danh đã mang cái chết anh hùng làm ý nghĩa cho lẽ sống trên đời.

Rồi những truyện Từ Hải và Cuộc Phiêu Lưu Cuối Đời Chàng, Kinh Kha, Con Chủy Thủ và Đất Tần Bất Trắc là những hình tượng của Từ Hải và Kinh Kha theo những phác họa mới với những ưu uất của thời sự hôm nay. Họ là ai, là kẻ anh hùng hay người lãng tử vãng mạng, là kẻ đi xây dựng cơ đồ hay phá đổ cơ đồ. Họ hiện hữu hay không giữa những trường cửu lịch sử. Họ là mẫu người thật hay chỉ là những hình tượng ảo của một thời lịch sử đa đoan. Những con đường mà họ lựa chọn, đến ngày hôm nay còn ý nghĩa nào cho những người sau, cho những lúc vận nước chông chênh dân tình lâm than đất nước mịt mù khói lửa. Con đường nào sẽ đi để có lúc sẽ trở về mà không mất hút theo những bọt bèo thời cuộc...?

Tập truyện Cũng Đành với Niềm Đau Nhức Của Khoảng Trống, Người Ngồi Đợi Mũ, Bồn Cát Tuổi Thơ, Tiếng Động Trên Da Thú, Cũng Đành... là những phác họa chân dung con người trong những hoàn cảnh là anh chàng có cái bước nhưng khi bị cắt đi thì thấy dường như mình là một người khác và mất đi một phần đời sống của mình trong Niềm Đau Nhức Của Khoảng Trống hay là lão Giảng một Tây thực dân chủ đồn điền gian ác và người thanh niên định giết hắn, cả hai là những người lơ lảo giữa thực tại và dĩ vãng, đều là khuôn mẫu của đời người bất lực và xa lạ. Cũng Đành là của một nhân vật đi kháng chiến bị sốt rét uống quinine đến tai bị điếc sống bằng nghề bới rác và bị mật thám bắt tra khảo để tìm một lý lịch. Cho đến chết hắn vẫn chưa trả lời được mình là ai. Mà là ai? Từ đâu tới? Cái lý lịch của một kẻ lạc loài trong chính đất nước mình.

Truyện Tiếng Sáo Người Em Út là câu chuyện của hai anh em về cái chết của người cha. Người anh mới đi xa về nghe người em kể về một người cha hiền lương và khi tiễn chân cha về cõi khác đã thổi khúc sáo có âm điệu hân hoan cho nhẹ lòng người ra đi không vướng bận một điều khuất lấp nào trên trần thế. Người em bảo rằng sẽ ra đi vì chốn này không còn gì vướng bận nữa và người anh cũng nói đã trở về thì sẽ ở lại. Nhưng, mọi sự vẫn không đổi, người em vẫn ở lại và người anh vẫn sẽ ra đi. Đi và ở, nơi nào cũng vậy thôi nên ta có sự an nhiên tự tại. Sự lựa chọn sẽ phải có nhưng như cuộc đời, thản nhiên và lạnh lùng trôi... Đọc truyện dài Tuổi Nước Độc, thấy được bút pháp lúc sôi nổi lúc lạnh lùng nhằm lột tả một tâm trạng, một tâm tư của tuổi trẻ bị ảnh hưởng nặng nề trong chiến tranh. Những đoạn độc thoại, những hình tượng bạo lực, những sa đọa nầy nọ, những đen tối phủ nhòa cuộc sống. Thế giới con người bị bôi đen, bị quan và họ sống gần với bản năng hơn là lý trí.

Dương Nghiễm Mậu viết về Hà Nội trong Tuổi Nước Độc với nhân vật Ngạc người sống một thành phố bất an, sống lẫn lộn giữa lòng yêu thương và sự khinh ghét. Sống nhờ gia đình nhờ sống bám vào ông nội nhưng lại khinh ghét cái nghề cho vay nặng lãi. Ngạc sống như một người lêu bêu, ích kỷ và vô luân. Cũng như Tân một người bị tàn tật trong chiến tranh được may mắn cứu sống nhưng lại không đường sinh kế và chết dần chết mòn. Còn Ngạc bị đứa em khác mẹ dí bàn là vào mặt và trở thành một người độc ác, giết người thím tàn tật, chiếm hữu xác thịt người chị đã từng giúp đỡ mình. Ngạc sống như một thầy ma thổi rữa, ngập lặn trong tội lỗi. Con người thấp thoáng của hư vô, của bạo lực ghê tởm, của bóng dáng chiến tranh xa gần.

Đêm Tóc Rối với nhân vật Lễ là người luôn tự hỏi mình là ai, hoài nghi cuộc sống, không tin tưởng vào một giá trị nào và sống gần với bản năng hơn là lý trí. Say mê dục tính, ngoại tình với một người đàn bà có chồng dâm dăng, để làm chỗ trú thân cho dục vọng như nhóp bần thỉu. Hắn luôn luôn đặt câu hỏi nhưng không bao giờ tự trả lời, luôn đầu hàng mọi sự khi khởi đầu. Đời sống với hắn là hư vô là không nghĩa lý ngay việc làm tình hay phân biệt giữa tình yêu đích thực của người nữ trinh nguyên và mụ nạ dòng dâm dục. Đời sống của Lễ và những nhân vật khác trong Đêm Tóc Rối là những người sống không một chút hy vọng, lẫn lộn có và không, thực tại và hư vô, hiện hữu như một loại dư thừa. Phi lý và không nghĩa lý.

Từ tác phẩm Dương Nghiễm Mậu, nghĩ đến văn chương và thời thế. Có vẻ, như văn chương không thể bị hủy diệt được, nếu là văn chương chân thực. Qua sự sàng lọc, qua những thay đổi chế độ, dù có bị xóa bỏ nhất thời, dù tác giả có bị đầy ải tù ngục, nhưng tác phẩm vẫn sống. Chuyện thời thế, lúc này lúc khác, lúc mất lúc còn nhưng văn chương vẫn còn mãi mãi. Ở trường hợp bốn tác phẩm của Dương Nghiễm Mậu được tái bản ở Sài Gòn trong khi chế độ Cộng Sản vẫn còn ngự trị có ý nghĩa gì và có tác dụng ra sao trong thời điểm hiện nay?

Phụ đính II :

Những nhà văn Không Quân

Một bài viết mà có tham vọng ghi chép đầy đủ các chân dung tác giả cũng như vóc dáng tác phẩm của những người KQ có lẽ khó đạt được . Làm sao ở vị thế của một cá nhân mà có đầy đủ chi tiết về người và văn , về đặc tính văn chương của rất nhiều người trong hàng ngũ những người làm nghệ thuật mặc quân phục mang huy hiệu Tổ Quốc Không Gian?

Vì thế , đây chỉ là một bài tạp ghi nhỏ phác họa sơ sài một vài chân dung của những người KQ cầm bút . Trong khuôn khổ một bài viết nhỏ như thế này dĩ nhiên không thể đề cập đầy đủ hết tất cả các khuôn mặt văn nghệ của quân chủng . . Nên, thôi thì , nhớ ai thì viết nấy , hy vọng có một vài chi tiết lý thú về những người KQ cầm bút. Đáng lẽ phải là “ Những nhà văn KQ mà tôi biết ” mới đúng. Nhưng cụm từ ấy đã có quá nhiều người xử dụng. Nên, xin như một hiểu ngầm khi dùng nhan đề như ở trên.

Có lẽ KQ là một quân chủng hào hoa nên số người cầm bút rất đông đảo và dù sau này , khi đã mất nước và tan hàng , chất KQ vẫn còn đậm đặc trong tác phẩm. Tính chất trẻ trung , chan chứa sinh lực , nhìn cuộc đời dù trong bất cứ hoàn cảnh nào cũng lạc quan và không đầu hàng với số mệnh.

Người K Q của KLVNCH dù viết văn hay làm thơ, dù đang chiến đấu hay không còn dịp để chiến đấu nữa, vẫn một thái độ dấn chất nhân bản , không đầy chất sắt máu như những tiểu thuyết cũng chung một đề tài KQ nhưng khác chiến tuyến của miền Bắc như Mặt Trận Trên Cao của Nguyễn Đình Thi, hay Vùng Trời của Hữu Mai, hay Chim Én Bay của Nguyễn Trí Huân,à. Những người KQ miền Nam viết văn làm thơ bằng trái tim rất người của họ và chất lãng mạn , từ đời sống , trong suy nghĩ đã làm văn chương trở thành một nét đặc biệt biểu trưng cho một thời đại nhiều biến cố của dân tộc Việt Nam.

KQ VNCH chỉ có một thời gian ngắn hai chục năm để thành lập và phát triển không lực . Trong thời gian ấy đã có nhiều tác giả và tác phẩm có những nét riêng của những cuộc sống nhiều thay đổi , của thời thế lịch sử và của những nghịch cảnh của từng đời thường của mỗi cá nhân. Cái chung bàng bạc trong cái riêng, của một nền văn học khai phóng và tự do nên phản ánh được một phần nào nỗi niềm của một thế hệ thanh niên trong chiến tranh.

Một điều khá lạ là trong các vị tư lệnh KQ có tới hai người là nhà văn có tác phẩm và biểu trưng được phần nào tinh hoa của quân chủng. Đó là nhà văn Toàn Phong Nguyễn Xuân Vinh và nhà văn Trần Văn Minh.

Nhà văn Toàn Phong, tức đại tá Nguyễn Xuân Vinh, giữ chức tư lệnh từ tháng 2 năm 1958 đến tháng 8 năm 1962, tác giả của Đồi Phi Công, Theo AỒnh Tinh Cầu, ngoài một nhà văn còn là một toán học gia, một khoa học gia có nhiều cống hiến cho thế giới. Đồi Phi Công là những bức thư của người phi công gửi cho người yêu tên Phượng. Những bức thư kể lại một cuộc sống vừa lãng mạn vừa văn chương chuyên chở được suy tư và mơ ước của một phi công Việt Nam thời chiến. Đọc những trang của Đồi Phi Công, không khỏi liên tưởng tới những trang thơ hào hùng của Chinh Phụ Ngâm hay những trang sách của truyện Saint Exupery của những không gian bao la, của những Bay Đêm, của Cậu Hoàng Con, của những giấc mơ đi thăm viếng giải ngân hà.

Đồi Phi Công đã ảnh hưởng rất lớn tới tuổi trẻ thời đó và hình ảnh những chàng trai phi công đã là một mơ ước của nhiều người. Đọc Đồi Phi Công, như phiêu lãng với nghiệp dĩ một đời và mở ra vòng ôm rộng lớn của tổ quốc không gian. Cuốn sách này đã được tặng giải thưởng Văn Chương Toàn Quốc năm 1961. trong một bài phỏng vấn , tác giả Đồi Phi Công đã nói về tác phẩm đầu tay của mình:

“ Đồi Phi Công là một tuyển tập những bức thư của một phi công viết cho một thiếu nữ còn đang là sinh viên ở đại học để kể cho nàng nghe cuộc đời của những người hàng ngày bay trên gió bạn với mây trời. Tôi bắt đầu viết vào năm 1959 và đăng mỗi tuần một kỳ vào ngày thứ hai trên báo Tự Do là một nhật báo có nhiều độc giả trên toàn quốc mà giáo sư văn khoa Phạm Việt Tuyền là chủ nhiệm.

Giới trẻ hồi đó hay đón đọc vì ai có một chút mơ mộng cũng có thể tưởng tượng được rằng nếu sau này trở thành phi công thì mình cũng có thể là người viết những bức thư tâm tình đầy thi vị như thế này..

.. Nhằm mục đích nêu lên tình người và tình yêu tổ quốc cùng không gian mà tôi viết Đồi Phi Công. Nhờ sự phổ biến sâu rộng của cuốn sách này mà giới thanh niên và sinh viên hiểu biết thêm về Không Quân Việt Nam và chúng tôi đã tuyển mộ được nhiều thanh niên ưu tú để gửi sang theo học những khóa huấn luyện bay những phi cơ tối tân của Không Quân và Hải Quân Hoa Kỳ..”

Nhà văn Trần Văn Minh, tư lệnh KQ từ năm 1967 đến 1975, tác giả của những tập truyện ngắn Trong Đục và Chết Non ở trong nước và Chốn Lao Xao ở hải ngoại. Theo phần tiểu sử ở cuối tác phẩm Chốn Lao Xao:

“ Tác giả Trần Văn Minh là một người lính cầm bút có tên tuổi trong giới văn nghệ sĩ quân đội. Ông viết văn làm thơ đăng trong các tập san Không Quân ký dưới nhiều bút hiệu như Trần Trụ Y, Trần Mộng Thường, Md. Cô Dương .. và có hai tác phẩm đã xuất bản với tên thật làm bút hiệu.

Những bài thơ ông sáng tác phản ánh chất hài hước trong nghịch cảnh , vui tếu trong gian nan , biểu tượng sức sống trẻ trung của một Quân chủng oai hùng hào hoa mà ông từng là cánh chim đầu đàn à”.

Từ những truyện ngắn viết ở trong nước đến những bài cảm hứng ngắn viết ở hải ngoại, tác giả Trần Văn Minh dù trải qua nhiều sóng gió trong cuộc sống nhưng vẫn một tâm hồn tiểu ngạo , dù có chất mĩa mai nhưng vẫn đậm đà tình nghĩa nhất là đối với những người đã có chung màu cờ sắc áo.

Trong Chốn Lao Xao, có lần ông cựa cuống nhà văn tâm sự:

“ Tôi ấy à ?! Mười mấy năm nay, cái lạc hàng áp ủ của tôi thì thật đơn sơ, là sẽ đưa hường nhan tri kỷ về lấy lại mái nhà xưa trong Tân Sơn nhất không có tiếng động cơ phản lực gào rú

ngày đêm, đêm mưa nàng gối đầu trên cánh tay tôi, nghiêng người ôm tôi, hai đứa nằm lặng yên trong bóng đêm nghe tiếng mưa rơi rạt rào trên mái ngói, nặng trĩu tàu tiêu ngoài vườn cũ sau hè, nghe tiếng kêu thương của con nhạn lạc ngang trời trong gió mưa, để .. để làm gì tôi không biết nữa! Chỉ thế thôi! Có chút xíu thế thôi , mà , hỡi ôi, mười mấy mùa mưa đã về trên trại Phi long dập vùi tả tơi hoa cỏ mà mộng nhỏ chưa thành đầu đã bạc, gối đã mỏi lưng đã chùn người đã xác xơ!.”

Một người KQ làm thơ nổi tiếng là Cung Trầm Tưởng , một người đã đem hình ảnh rất Paris , rất Tây Phương mang vào thi ca Việt nam:

*“Mùa thu Paris
trời buốt ra đi
hẹn em quán nhỏ
rưng rưng rượu đỏ tràn ly
Mùa thu đêm mưa
Phố cũ hè xưa
Công trường lá đỏ
Ngóng em kiên khổ phút giờ
Mùa thu âm thầm
Trong vườn Lục Xâm
Ngồi quen ghé đá
Không em buốt giá từ tâm
Mùa thu nơi đâu?
Người em mắt nâu
tóc vàng sợi nhỏ
Mong em chín đỏ trái sầu”*

Cung Trầm Tưởng tên thật là Cung Thúc Cần, sinh năm 1932 tại Hà Nội, gia nhập Không Quân năm 1952 và du học tại Pháp và tốt nghiệp học viện hàng không quân sự nổi tiếng Salon của Pháp nơi xuất thân của hầu hết các cấp chỉ huy cao cấp của Không lực sau này. Sau năm 1975 ông bị cải tạo 10 năm và hiện nay đang định cư tại tiểu bang Minnesota, Hoa Kỳ. Thời kỳ 20 năm văn học miền Nam ông là một nhà thơ có nét đặc biệt riêng và ông cũng là người chủ trương tủ sách Con Đường nhằm phổ biến tác phẩm trong vòng hạn hẹp và gạn lọc. Sang sống ở hải ngoại ông xuất bản 3 thi phẩm: Bài ca Núi Quan Tài , Lời Viết Hai Tay , và Những Dấu Chân Ngang Trên Một Triền Phiếm Định. Hơi thơ của ông viết ở hải ngoại rất khác biệt với thơ của ông thời trong nước. Thơ lục bát của ông thời kỳ trước 1975 mở ra những phương trời lạ , những ý tưởng độc đáo. Còn, bây giờ, ở những tập thơ xuất bản , ông viết thơ lại khác biệt lúc trước cả từ ý lẫn lời. Thơ, mang theo nhiều suy tưởng, nên chất cảm ít đi nhưng chất luận lý lại tràn đầy và nét khai phá dường như phong phú trong cung cách sáng tạo. Có người nói thơ nhiều khi dị ứng với lý luận mà chất cảm phải có nhiều để tạo được sự chia sẻ. Đó cũng là một ý kiến . nhưng , thi sĩ làm sao không suy tư cho được khi cuộc đời đầy những biến cố làm thay đổi nhiều khi toàn bộ con người. Hình như , tới bây giờ những bài thơ như Chưa Bao Giờ Buồn Thế của Cung Trầm Tưởng vẫn là một khuôn khổ đẹp cho những bản tình ca muôn thuở:

*“ lên xe tiễn em đi
chưa bao giờ buồn thế
trời mùa đông paris
suốt đời làm chia ly
tiễn em về xứ mẹ
anh nói bằng tiếng hôn*

*không còn gì lâu hơn
một trăm ngày xa cách
ga Lyon đèn vàng
tuyết rơi buồn mênh mang
cầm tay em muốn khóc
nói chi cũng muộn màng..”*

Nhà văn Huy Quang Vũ Đức Vinh cũng là một cây bút KQ kỳ cựu dù rằng ông là người đi song hành giữa chính trị và văn chương ở Việt nam và giữa công việc xã hội và văn học ở hải ngoại. Ông đã viết những tiểu thuyết như Đồi Ngả và Những Mái Đầu Xanh từ năm 1952 xuất bản ở Hà Nội. Ông cũng có thời làm Tổng giám đốc hệ thống Truyền Thanh Quốc Gia và là một người có nhiều cải cách trong nhiệm vụ này. Qua hải ngoại ông là người chủ trương bán nguyệt san Đất Mới xuất bản từ năm 1975 đến năm 1984. Trong quân chủng KQ, ông là một cây bút chủ trương và chủ lực của tập san Lý Tưởng, một nơi quy tụ nhiều cây bút nổi tiếng của văn học Việt Nam. Dù là người đi song hành trên nhiều lãnh vực, nhưng ở nhiều mặt ông đã đạt được nhiều kết quả tốt đẹp. Là một người lãnh đạo ngành truyền thông, ông làm việc hiệu quả và có nhiều cải tổ có kết quả tốt đến mãi thời gian sau. Là nhà văn, ông viết với cái tâm của mình cùng với sự chân thực.

Đọc những bài ghi chép lại như những dòng hồi ký của những giây phút lịch sử trong cuốn sách Về Một Người Đã Khuất : Huy Quang Vũ Đức Vinh” mới thấy được sự cẩn trọng của một người kể lại như vai trò của một chứng nhân lịch sử. Viết về những giây phút cực kỳ sôi động của biến cố Tết Mậu Thân hay viết về những phi vụ Bắc phạt, ông đã cho độc giả những chi tiết thực độc đáo và biểu trưng được những giây phút đầy chất quyết định thua được của thời thế lịch sử. Không phải ông KQ Vũ Đức Vinh chỉ viết về những người đồng đội của ông mà ông còn viết về Huyền Vũ, về Phan Nghị khi ở trong nước hay Thanh Nam ở hải ngoại. Dù viết về bất cứ nhân vật nào ông cũng tìm ra được những nét biểu trưng được cá tính riêng biệt cũng như những thời thế, không gian, thời gian họ đã sống. Thí dụ như ông viết về Thanh Nam:

“Qua thơ Thanh Nam người đọc cảm thấy hồn thơ man mác trên từng ý, từng lời. Thơ của ông còn một đặc điểm là được viết bằng men rượu, qua hơi rượu. Không phải là hơi rượu cuồng say của Lý Bạch, hay hơi rượu ngạo thế khinh đời của Vũ Hoàng Chương, mà là hơi rượu đủ ngát để tỏa hồn thơ. Có thể nói rượu xuất hiện hầu khắp thơ của Thanh Nam.

Tiền bạn phải có rượu:

*Hãy uống cho say trời sắp sáng
Mai này hai đứa đã hai phương.
Nhớ bạn, phải có rượu:
Bạn cũ hay nương theo rét lạnh
Về đây cùng nhập một cơn say.
Chờ bạn, lại càng phải thêm rượu:
Rượu mời ta rót cho ta
Bạn gần không tới bạn xa chưa về*

Rồi để tổng tiền năm cũ, ông cũng tìm đến rượu:

*Rót thêm ly nữa chào năm cũ
Tuổi bốn mươi rồi thương lắm thay
Mà đón mừng xuân mới, ông cũng không quên được rượu:
Đất khách năm tàn vẫn gió mưa
Ngồi bên ly rượu đón giao thừa.*

Thanh Nam có đủ mọi cơ để nhắc đến rượu tim về rượu thậm chí ngay cả lúc ru con:

*Bố uống cho con ly rượu này
Ly rượu mừng con tròn mộng đẹp
Niềm vui hoa nở ngày tháng dài
Ngủ đi con hỡi mai khôn lớn
Đời sẽ bình yên không lửa gai..”*

Nhà văn Huy Quang Vũ Đức Vinh đã viết một đoạn về nhà văn Dương Hùng Cường khá lý thú: “anh Dương Hùng Cường là một trong những ứng viên hoa tiêu ngay trong thời kỳ KQVNCH mới thành lập nhưng chắc sinh cùng ngày giờ với nhà thơ Tú Xương nên khoa cử lận đận anh đã không qua khỏi kỳ tuyển chọn để cuối cùng trở thành một chuyên viên điều hành không lưu. Ngành này cũng như các ngành hành chính, tài chính, tiếp liệu, vũ khí, kỹ thuật, thông tin, xã hội, an ninh, phòng thủ, được liệt vào các ngành mang chức năng hỗ trợ và kêu là không phi hành, tức không bay. Nhà văn nhà báo họ Dương thành chim không bay hay Không Quân Bò, rồi thành dê- Dê Húc Càn. Anh ví mình với kiếp Kiwi để tự diễn, rồi cũng từ đó chọc chơi mấy ông hoa tiêu có cánh mà ngán bay thì cũng không hơn gì Kiwi. Có lúc anh còn đi xa hơn, chọc quê, chọc phá mấy ông lớn ngoài Không Quân trong giới “chính trị chính em” khiến Phủ Đầu Rồng nổi nóng và tư lệnh Trần Văn Minh than trời vì cứu không nổi. Dê Húc Càn lần đó đã khăn gói giã từ Tân Sơn Nhất của sư đoàn 5 KQ ra chân núi Sơn Trà của sư đoàn 1 KQ gặm cỏ gần một niên..”

Đọc “Buồn vui phi trường” thấy được đời sống những người lính mũ xanh của một thời kỳ có nhiều biến cố của dân tộc. Lúc ấy quân chủng còn những bước chập chững sơ khai. Những người trẻ tuổi xuất thân từ Rochefort, Salon, Marakech, đã đặt nền móng cho một không lực hùng hậu gồm hơn năm chục ngàn chiến sĩ trong hàng ngũ và hai ngàn máy bay đủ loại về sau này. Những phi trường lúc ấy còn nhỏ bé lắm và sinh hoạt cũng trong nhịp rời rạc không như về sau này nhộn nhịp cùng với nhịp độ của chiến tranh.

Tác phẩm thứ hai của Dương Hùng Cường là “Vĩnh Biệt Phượng”, một chuyện tình thời chiến của những chàng phi công. Tâm và Dương là hai bạn thân cùng đơn vị, là cặp bài trùng của phi đoàn khu trục ở Biên Hòa. Dương trong một phi vụ hành quân đã bị bắn rớt và trải qua những giây phút thập tử nhất sinh để mưu sinh thoát hiểm. Trong khi đó ở trên trời, Tâm đã nhất quyết không rời vùng để cover cho bạn. Kết cuộc là Dương thoát hiểm trở về được căn cứ. Rồi, đến khi Tâm bị bắn rớt và Dương đau đớn khi bị mất một người thân. Họa vô đơn chí với gia đình Tâm, Thư Hương, em gái của Tâm, bị một anh chàng bác sĩ sở Khanh dụ dỗ đến mang thai và Dương vì tình bạn đã cứu mang cái bào thai ấy và nhận lấy Thư Hương làm vợ dù đã có người yêu là Phượng, một mối tình trong sáng và thánh thiện.

Kết quả, là Vĩnh Biệt Phượng :

“ Phượng bàng hoàng như bị ai đập mạnh một nhát búa. Bàng hoàng hơn cả sáng nay, nghe tin Tâm chết. Tại Phượng như ù đi, không còn nghe thấy Dương nói gì nữa. Hình như Dương còn nói nhiều lắm nhưng Phượng như bồng bềnh lao đao muốn ngã. Nàng phải vịn vào một thân cây để đứng vững. Dương muốn đỡ lấy Phượng, nhưng rồi lại thôi, sau một giây ngập ngừng.

Như thế mối tình ấy tới đây là hết rồi Trong một khoảnh khắc Phượng thấy như trên thế gian này có hai người chết. một người là Tâm nằm trong kia và một người là Phượng đang đứng ở đây. Mắt nàng mở lớn nhìn vào khoảng trống trước mặt và nàng biết rằng bây giờ chỉ cần nhẹ chớp mắt là nước mắt sẽ ào ào tuôn ra. Tiếng dương thoảng như tiếng gió:

Thôi, vĩnh biệt Phượng !..”

Trong hai tác phẩm , Dương Hùng Cường đều lấy khung cảnh của nghĩa trang để cho những nhân vật của mình chia tay nhau . Ở “ Buồn vui phi trường “ cũng là nghĩa trang , khi người đàn bà vừa mất chồng nắm tay đưa con thơ đi trên con đường nghĩa trang của buổi chiều nạt nắng . Bóng dáng ấy cô đơn và buồn thảm quá .

Hình ảnh của người phi công hào hùng dường như bị nhòe đi bởi những dòng lệ thương xót. Tôi đọc truyện của Dương Hùng Cường trong sự chia sẻ , bởi tôi biết , tác giả đã ảnh hưởng rất nhiều của sự thực . Bàng bạc trong truyện , là tâm cảm của một người lính rất yêu quân chủng của mình , và những nhân vật là tổng hợp của nhiều khuôn mặt có thực của đời quân ngũ. Cái đặc thù ấy , là của riêng của những người cầm bút Không quân.

Nhà thơ Hoàng Song Liêm cũng là một vóc dáng thi sĩ quen thuộc của quân chủng KQ. Trong hai tập thơ vừa xuất bản ở hải ngoại, thơ trở thành một cống hiến cho đời để văn chương được trân trọng à

Tách bạch từng bài thơ , vẫn là bàng bạc mỗi sầu thương nhà nhớ nước . Nỗi buồn của một người , đứng trên bờ nhìn dòng nước mãi miết trôi , thấy quá khứ chập chờn và hiện tại chông chênh. Có một tiếng thở dài , trầm và sâu.Nhưng, trong kiếp người và trong cuộc đời, có điều gì vượt qua được cái hữu hạn của cuộc nhân sinh. Đọc bài thơ “Rời một ngày qua đi”, để thấy cái chạnh lòng của một người thơ nhiều suy tưởng :

*“ Rời ngày và tháng cũng qua đi như chưa bao giờ có thật
Anh còn gì trong nắm tay xuôi?
Tuổi và năm cũng trôi về nẻo khuất
Nỗi nhớ trong Em rời cũng phai phôi
Mặt trời chiều nay vẫn đây
Hỏi thăm bóng cũ ta đâu
Vầng nguyệt đêm nay vẫn vậy
Còn không hai bóng chung đầu?
Ngày và tháng cũng qua đi như chưa bao giờ có thật
Hăm bốn giờ qua có nghĩa gì chăng?
Giây và phút cũng theo nhau đuổi bắt
Đông sẽ tàn và Xuân lại sang Xuân
Ngày lênh đênh và tháng cũng lênh đênh
Kỷ niệm cũ sẽ chôn vùi đáy mộ.
Em chưa về cỏ dại vẫn vây quanh
ôm hữu hạn ta xuôi miền ảo tưởng
Ngẩn ngơ tìm, tìm mãi , ngẩn ngơ thôi
Ta hiện diện nào hay vô sắc tướng
Mây chiều bay , chìm nổi cuối chân trời”*

Hình như, thơ ngân vang những rung cảm , những sợi dây căng lên từ miền cảm xúc . Tôi muốn hỏi tự mình: Đây có phải bài thơ hay? Và , hình như có một người cũng cảm được từ ngôn ngữ và vần điệu ấy để mượn những cung bậc âm thanh phổ nhạc bài thơ.

Có những bài thơ sống mãi với quê hương , những bài thơ của Tế Hanh , Bàng bá Lân , Anh Thơ , Thanh Tịnh, Tôi nhớ đã đọc những bài thơ ấy cách nay mấy chục năm đến bây giờ vẫn còn in trong óc từng câu từng chữ và cả nỗi nao nao trong tâm, trong trí. Những bài học thuộc lòng của tuổi thơ ấu nào thật xa mà cũng thật gần gũi. Bây giờ , đọc bài thơ “ Về Làng Cũ “ của Hoàng Song Liêm , tôi lại còn nguyên cảm xúc cũ :

“ ôi nhớ quá bừng lên từng tuổi dại

*như gã tiểu phu tìm trầm ngâm ngẫm
Tôi trở về như một khách hành hương
Tôi chất chiu từng mảnh vỡ thiên đường
Thành chuỗi ngọc tuổi hồn nhiên sắc biếc
Tiếng cu gáy vườn xưa ngày tiễn biệt
Lời chim sâu riu rít ngọn tre già
Bên ao đình còn đó gốc đa xưa
Chùm khế ngọt giậu mướp vàng xóm giếng
Mảnh sân công qua mấy mùa dâu biển
Gót chân về mòn vệt gót phiêu du
Cội soan già, hàng cau biếc non tơ
Oai nhớ quá hắt hiu chiều ngõ trúc
con chuồn chuồn còn đậu đó ngu ngơ
Trái sấu xanh thuở đầu đời đi học
vị trên môi còn chát chát chua chua ..”*

Nhà văn Thế Phong đã nổi tiếng từ trước khi gia nhập vào quân chủng Không Quân cũng là một vóc dáng lạ của văn học. Ông đã viết những tác phẩm như Nửa Đường Đi Xuống , Thế Phong , Nhà Văn , Tác Phẩm , Cuộc Đời , .. với giọng văn khác thường ý đã kể lại những bất toàn của chính bản thân mình bằng một giọng văn thật tự nhiên và tương tự như thế với những người ông biết hoặc có liên hệ . Ông chủ trương nhà xuất bản U Đại Nam Văn Hiến và cũng là một thi sĩ có lối suy nghĩ khác thường và là người phê phán chiến tranh bằng thi ca. Gần đây ông viết Hồi ký Ngoài Văn Chương có đề cập đến nhiều khuôn mặt quen thuộc của KQ. Một điều đáng tiếc là ông nêu ra quá nhiều những dữ kiện không đẹp hay đã có những nhận xét không được trong sáng lắm về nhân vật này, tác phẩm nọ. Viết hồi ký , có lẽ là dịp để cho ông giải bày ra tất cả những ám ức về cuộc đời mình nên người đọc chỉ thấy nhiều những nét bi quan hơn là lạc quan của văn chương.

Trong khuôn khổ của một bài tạp ghi , tôi không thể nào viết đầy đủ về những khuôn mặt văn chương của KQ. Có lẽ , tôi phải cố gắng để tiếp tục viết về Phan Lạc Giang Đông, Trần Ngọc Tự, Đỗ Quốc Anh Thư, Đào Vũ Anh Hùng, Hoàng Khai Nhan, Đào Quang Bình, Trường Sơn Lê Xuân Nhị, Võ Ý , Lê Bá Định, .. trong một bài kế tiếp nếu có cơ hội.

KQ VNCH có rất nhiều nghệ sĩ , ở tất cả các bộ môn . Như về nhạc có Ngô Mạnh Thu, Nguyễn Trung Cang,.., hội họa có Ngý Cao Uyên, Cao Bá Minh,.. làm thơ làm văn chuyên nghiệp hoặc tài tử thì vô số. Tôi cũng là một KQ nên khi viết những trang chữ này trong lòng cũng lay thềm cái hãnh diện của một người được chia sẻ và tôi nghĩ tiếp , có lẽ tinh hoa của dân tộc đã đổ vào quân đội chẳng nên mới có những sự kiện này?

"Vĩnh biệt Phượng", vĩnh biệt "Buồn vui phi trường"

Mấy ngày hôm nay ở Nam Cali, trời thật nóng. Mặt đường nhựa mềm nhũn dưới nắng. Khung trời thì lúc nào cũng xanh hơn hớn màu lụa nhưng chói chang của ánh mặt trời. Trong không khí ấy, người ta hoặc là đua nhau ra biển hoặc nằm nhà trốn nóng. Tự nhiên thêm những cơn mưa và những hạt mưa của thời xa xưa. Nằm trong nhà, nhìn ra biển, trong trí nhớ lại thường hay nhắc đến chữ “ngày xưa”, một từ ngữ mà nhân vật của Dương Hùng Cường hay nhắc nhở. Ngày xưa. Ngày của một thời tuổi trẻ, của những mơ mộng trẻ con đến nỗi buồn cười.

Buổi trưa hôm nay, nằm đọc lại truyện Dương Hùng Cường. Nhìn ra nắng chói chang ngoài

trời, nhớ lại những buổi xế trưa ngoài phi đạo. Những cánh chim đi và đến, chẳng khác nào sự ví von của máu trở về tim. Tiếng động cơ gầm rú của một thời chiến đầy bão lửa, những cánh phi cơ nặng trĩu bom đạn của những nỗi chết từ không trung bủa xuống địch quân. Ở Biên Hòa, thời Dương Hùng Cường mô tả với thời sau này thật nhiều thay đổi. Nhưng vẫn còn y nguyên nỗi bàng bạc của những người lính lãng mạn nhiều mơ mộng. Ở phi trường Biên Hòa sau này, hình như rất hiếm hoi những cây cao su và những tòa nhà xây gạch nung kiểu Pháp ngày xưa. Những dãy nhà kiểu Mỹ, lầu gương kiểu Mỹ, đường xá kiểu Mỹ... Nhưng những con người của “ngày xưa” vẫn còn gần gũi. Vẫn còn những nét của một thời hào hoa...

Dương Hùng Cường có hai tác phẩm: một là “Buồn Vui Phi trường”, hai là “Vĩnh Biệt Phượng”. Cả hai đều là những tác phẩm viết về những người Không quân và có chất Không quân đậm đặc : một chút tếu tếu, một chút khinh bạc nhưng là của những tâm hồn lãng mạn sống gần gũi với mây trời cao rộng. Khác với Thế Phong, đã khởi nghiệp cầm bút từ ngoài dân sự, đi vào không quân chỉ là một cách để yên thân nên tác phẩm của Thế Phong “Hồi Ký Ngoài Văn Chương” được in sau này không phải là một tác phẩm làm đẹp cho Không quân mà trái ngược lại. Thế Phong viết trong cái tâm tư đầy mặc cảm của một người không thành đạt, kể những chuyện để tự khen mình nhưng bộc lộ cái vị thế yếu kém trong quân ngũ nên bất mãn chung thân...

Bốn mươi năm. Đọc lại những cuốn sách. Tâm tư vẫn y nguyên, bất biến. Bồi hồi xiết bao, những ngày cũ xưa khi nhớ lại. Đọc “Buồn vui phi trường “. Bốn mươi năm sống lại. Bốn mươi năm, một thời gian thật dài để xóa nhòa tất cả, để quên lãng hầu khắp. Thế mà, kỳ lạ quá. Rung động vẫn còn, có lúc mãnh liệt hơn. Bởi lẫn lộn trong đó còn chân dung của tác giả được tìm thấy, từ những ngày sống với và chia xẻ ở trại tù sau ngày tan ngũ.

Đọc “Buồn vui phi trường” thấy được đời sống những người lính mũ xanh của một thời kỳ có nhiều biến cố của dân tộc. Lúc ấy quân chủng còn những bước chập chững sơ khai. Những người trẻ tuổi xuất thân từ Rochefort, Salon, Marakech,... đã đặt nền móng cho một không lực hùng hậu gồm hơn năm chục ngàn chiến sĩ trong hàng ngũ và hai ngàn máy bay đủ loại về sau này. Những phi trường lúc ấy còn nhỏ bé lắm và sinh hoạt cũng trong nhịp rời rạc không như về sau này nhộn nhịp cùng với nhịp độ của chiến tranh.

Những trang sách giở ra, một vùng trời nào quen thuộc trở về, tôi có cảm giác của ngày xưa, một buổi trưa hè ngồi đầu lảo với những ông thượng sĩ già lão làng trong đơn vị. Lúc ấy, chữ ngày xưa được nhắc đến, triu mến và cảm khái xiết bao. Ngày xưa, thời của những chiếc F8F khu trục, những chiếc L’Alouette trực thăng còn vùng vẫy bầu trời. Ngày xưa, lúc các ông tá, ông tướng của quân chủng còn là những sĩ quan thiếu úy, trung úy bình thường. Ngày xưa khi còn Tây, còn những chuyến viễn du, còn những giấc mơ có ga Lyon đèn vàng, có nàng tóc vàng sợi nhỏ... Ngày xưa, những phi trường như Nha Trang, Pleiku, Biên Hòa,... chỉ là những ga xép, so với thời gian về sau.

Kỷ niệm, làm sao tôi quên được những kỷ niệm thời quân ngũ ở nơi đó. Bây giờ, từ những trang sách, giở ra, còn tươi nguyên, nhức nhối... Người ta chỉ có một thời để yêu thương, là lúc trở về với những điều đã thật xa và không trở lại. “Buồn vui phi trường “ nhắc đến tâm cảm của một thời có thể nói là nhiều mơ ước nhất của đời người. Cho nên, cái tâm trạng bồi hồi không tránh được. Những nhân vật tượng hình bằng chính cuộc sống nên lấp lánh nguồn sinh lực riêng. Và, một câu hỏi lại hiện ra. Những người muôn năm cũ, hồn ở đâu bây giờ?

Thập niên 50, 60, “Đời phi công “ của Toàn Phong Nguyễn Xuân Vinh đã thổi một luồng gió mới vào tâm tư tuổi trẻ thời ấy. Những bức thư gửi cho Phượng đã làm bao nhiêu giấc mộng ấp ủ. Cất cánh vào không gian bao la, bay cao, bay xa. Hào hùng như một tráng sĩ , như lời nhạc

Không quân Việt Nam, của Văn Cao: “phi công đâu ai tìm xác rơi.”. Quân chủng từng bước thành lập và khởi đi từ những ý tưởng lãng mạn như thế. Những chàng tuổi trẻ rời ghế học trò, ngồi vào phòng lái theo tiếng mời gọi của không gian thôi thúc lên đường. Những thần tượng một thời lên ngôi. Những cánh chim vút vào không trung, với tinh cầu dẫn lộ. Không gian vô cùng rộng nhưng có lúc nhỏ bé trong cần lái.

Ở Dương Hùng Cường, đọc để có một cảm giác khác. Những trang tiểu thuyết, mô tả đời thường với những nét đáng yêu cũng như đáng ghét của nó. Những nhân vật, có lúc buồn vui, có cuộc đời trầm bổng, lên xuống. Khi bất mãn, ngôn ngữ phẫn nộ. Lúc rong chơi, có ngôn ngữ giỡn đùa vô tư. Một hạ sĩ quan, xuất thân từ Rochefort, nếu muốn thì những trường như Đà Lạt, Thủ Đức lúc nào cũng mở rộng cửa đón chờ cho cấp bậc thiếu úy từ thời đó, và đường binh nghiệp chắc không đến nỗi tả tơi. Dương Hùng Cường chắc có lúc cũng chạnh lòng với nỗi thiệt thòi. Nhưng lẫn lộn trong đó, là niềm kiêu hãnh của những người khai sơn phá thạch. Trong phần chí, vẫn có tự hào. Với văn chương, ông vẫn là người luôn trân trọng tình bằng hữu, những người đã chia sẻ cùng ông những tháng năm dài chiến tranh trên quê hương.

Đọc “Buồn Vui Phi Trường”, bốn mươi năm về trước, tôi có cảm giác đang nhìn vào dáng tượng mình qua tấm gương phản chiếu. Đời sống của tôi và bạn bè tôi, trong vòng rào phi trường, có hào hùng tuổi trẻ, có sôi nổi thanh xuân. Đọc, để thấy mình đang trên phi đạo, nhìn ngắm cánh chim đi về. Một chút viễn mộng phương xa, thời tóc xanh môi hồng sao ngắn ngủi. Tất cả, tồn đọng trên trang sách, nhạt nhòa. Đọc, để thấy chia sẻ với một người nay đã về hư vô sau những gian nan cuộc sống.

Tác phẩm thứ hai của Dương Hùng Cường là “Vĩnh Biệt Phượng”, một chuyện tình thời chiến của những chàng phi công. Tâm và Dương là hai bạn thân cùng đơn vị, là cặp bài trùng của phi đoàn khu trục ở Biên Hòa. Dương trong một phi vụ hành quân đã bị bắn rớt và trải qua những giây phút thập tử nhất sinh để mưu sinh thoát hiểm. Trong khi đó ở trên trời, Tâm đã nhất quyết không rời vùng để cover cho bạn. Kết cuộc là Dương thoát hiểm trở về được căn cứ. Rồi, đến khi Tâm bị bắn rớt và Dương đau đớn khi bị mất một người thân. Họa vô đơn chí với gia đình Tâm, Thư Hương, em gái của Tâm, bị một anh chàng bác sĩ sở khanh dụ dỗ đến mang thai và Dương vì tình bạn đã cứu mang cái bào thai ấy và nhận lấy Thư Hương làm vợ dù đã có người yêu là Phượng, một mối tình trong sáng và thánh thiện. Kết quả, là Vĩnh Biệt Phượng:

“Phượng bàng hoàng như bị ai đập mạnh một nhát búa. Bàng hoàng hơn cả sáng nay, nghe tin Tâm chết. Tai Phượng như ù đi, không còn nghe thấy Dương nói gì nữa. Hình như Dương còn nói nhiều lắm nhưng Phượng như bệnh bông lao đao muốn ngã. Nàng phải vịn vào một thân cây để đứng vững. Dương muốn đỡ lấy Phượng, nhưng rồi lại thôi, sau một giây ngập ngừng.

Như thế mối tình ấy tới đây là hết rồi. Trong một khoảnh khắc Phượng thấy như trên thế gian này có hai người chết, một người là Tâm nằm trong kia và một người là Phượng đang đứng ở đây. Mắt nàng mở lớn nhìn vào khoảng trống trước mặt và nàng biết rằng bây giờ chỉ cần nhẹ chớp mắt là nước mắt sẽ ào ào tuôn ra. Tiếng Dương thoảng như tiếng gió:

“Thôi, vĩnh biệt Phượng !...”

Trong hai tác phẩm, Dương Hùng Cường đều lấy khung cảnh của nghĩa trang để cho những nhân vật của mình chia tay nhau. Ở “Buồn vui phi trường” cũng là nghĩa trang, khi người đàn bà vừa mất chồng nắm tay đưa con thơ đi trên con đường nghĩa trang của buổi chiều nạt nắng. Hình ảnh cô đơn và buồn thảm quá. Hình ảnh của người phi công hào hùng dường như bị nhòa đi bởi những dòng lệ thương xót. Tôi đọc truyện của Dương Hùng Cường trong sự chia sẻ, bởi tôi biết, tác giả đã ảnh hưởng rất nhiều của sự thực. Bàng bạc trong truyện, là tâm cảm

của một người lính rất yêu quân chủng của mình, và những nhân vật là tổng hợp của nhiều khuôn mặt có thực của đời quân ngũ. Cái đặc thù ấy, là của riêng của những người cầm bút Không quân.

Dương Hùng Cường hay nhắc đến những người đã chết và họ là những khuôn mặt quen thuộc của Không Quân. Những trường hợp trở về của những người mấp mé cái chết là những giai thoại của quân chủng này. Như trong Buồn Vui Phi Trường, tả lúc trở về của người phi công mà ông gọi là Ông Táo vì lúc đó chỉ khoác cái áo mưa và không mặc quần. Cũng như, trong Vĩnh Biệt Phượng, cũng tả rất chi tiết và sống động cuộc mưu sinh thoát hiểm của Dương. Không phải, bay trên mấy tầng cao là an toàn. Có những cái chết của những anh hùng của những thiên anh hùng ca...

Tự nhiên, tôi nhớ lại khuôn mặt dàn dựa nước mắt của đại úy Vũ Công Hiệp khi một mình trở về phi đạo sau khi thiếu tá Phạm Văn Thặng phải làm crashed và hy sinh ở Kontum. Cái lắc cánh từ già người bạn nó đau đớn làm sao và hình ảnh một chiếc phi cơ đơn độc trở về sau phi vụ khi buổi chiều tắt nắng ở phi trường Pleiku là một ấn tượng nhớ đời. Một cánh chim lạc đàn đã để lại những đau thương cho cả những người ở lại. Một điều rõ ràng, Dương Hùng Cường trong tác phẩm của mình đã viết về những người chỉ huy, những người bạn với cả sự cảm khái cao độ.

Với tôi, vào Không quân năm 1968, đến 1975 là bảy năm trong quân chủng, cũng có nhiều lần cảm khái như thế. Mới đùa dỡn với mấy đứa bạn ở phi đạo buổi sáng tiền phi thì chỉ vài giờ sau đã nghe nổ tung ở giữa lưng trời. Và, cái cảm giác bồn chồn lo lắng ở biệt đội khi thấy con tàu chưa về khi trời đang tối để thấy thương mến và gần gũi hơn người phi công đang vượt qua nguy hiểm, qua thiên nhiên mây mù khắc nghiệt, qua lửa đạn của dàn phòng không địch ...

Tác giả “Buồn vui phi trường” còn một bút hiệu khác, tàn bạo đối với những quan tham lại những. Dê Húc Càn. Trên tuần báo “Con Ong “ thời đó, những bài viết châm biếm đã làm nhức óc nhiều đối tượng. Lúc hung hăng như một người lên đồng, lúc thâm thúy như một ông đồ xứ Nghệ, chất xây dựng cũng ngang bằng với chất đả phá. Từ ngôn đến ngữ, cái chửi mất gà dân gian của mấy bà Bắc kỳ nhà quê hòa nhập vào cái hóm hình riều đời của Trạng Quỳnh để thành một đồng thuận phần nộ trước những sự ác, trước những bất công.

Sau năm 75, gặp Dương Hùng Cường ở trại tù Long Khánh, tôi nhìn ra một nhân dáng mới. Phần nộ đời người được dồn nén vào tiếng nói. Thấm sâu và thâm thúy. Một lời diễn tả. Một nụ cười. Một biểu tỏ phản kháng. Diều cọt, là một phản ứng giải tỏa. Tôi hình tượng lại cái miệng tròn vo và đôi mắt diễn tả linh hoạt. Những buổi trưa nóng bức nằm tán dóc dưới mái tôn hội trường ở Long Khánh. Bộ bà ba nâu, đôi guốc tự đéo có quai dây cáp to tướng cùng chiếc điếu cày hút thuốc Lào tự chế là những biểu tượng để nhớ về ông, nhà văn mà có một thời tôi yêu thích. Dưới mắt ông, những kẻ chiến thắng chỉ là những thằng hề của thời cuộc. Nói gì thì nói, những kẻ không chính nghĩa sẽ phải bị hủy diệt. Trước cả ngàn người cải tạo thuộc một trung đoàn ở Long Khánh, ông đã đấu lý với những người quản giáo về truyền thống đoàn kết hay chia rẽ cũng như cuộc chiến vừa qua là cuộc nội chiến hay truyền thống chống xâm lăng. Những ngu dốt mà tự kiêu, những quê mùa mà tự hãnh, những nông cạn của ngôn ngữ loài vẹt là đích nhắm để diều cọt những người Cộng Sản. Không còn báo in, báo viết, thì còn báo nói. Con ong tiêu rồi thì còn con kiến, bù nhọt mà chích thì cũng phù mả như chơi. Những tay “ăng-ten” có lúc làm ông khốn đốn nhưng rồi vì sức khỏe yếu nên ông được thả về. Sau bị bắt lần thứ hai và chết tại khám Chí Hòa. Một hy sinh của kẻ sĩ. Hình như, không bao giờ ông hài lòng với cuộc sống mình. Đường binh nghiệp, cấp bậc khiêm tốn. Viết văn làm báo, nhiều tai nạn nghề nghiệp, nhiều hiểu lầm nhiều ân oán. Thành ra, trong bất kỳ điều nào ông tỏ lộ, cũng có nét bất mãn chung thân. Và thời thế nhiều nhượng của một đất nước chiến tranh đã làm những

ước mơ thời tuổi trẻ khi đang bồng bềnh trên sóng nước của tàu Athos II tàn lụi đi...

Khi tôi vượt biển và định cư ở Hoa Kỳ, tôi lại được đọc Dương Hùng Cường, bài từ trong nước gửi ra hải ngoại. Vẫn cái văn phong cũ, vẫn cái thâm thúy xưa, những bài phiếm như những cái nhếch mép của một người thấy những nhố nhăng trên đời. Như bài viết “Khi chàng Trương Chi không đẹp trai”. Một ý nghĩ tinh nghịch. Một sự ví von gợi lại những liên tưởng. Cộng Sản như là anh Trương Chi “người thì thật xấu hát thì thật hay”. Còn nhân dân miền Nam như là Công chúa My nương, khi chỉ nghe tiếng hát chưa gặp mặt thì mê đắm mê say nhưng khi gặp mặt thì lại thất vọng vì dung nhan quá xấu của anh chàng chài lưới. Tiếng hát Trương Chi được ví với sự tuyên truyền đường mật của Cộng sản và khuôn mặt xấu xí là bản chất phi nhân của chế độ hà khắc bạo ngược, lấy cứu cánh làm biện minh cho phương tiện. Bài viết đăng ở hải ngoại gây ra nhiều tiếng vang trong công luận nhưng cũng gây nhiều phản ứng của công an Cộng sản. Dương Hùng Cường vì bắt giam tại nhà tù Chí Hòa và chết trong ngục tối. Một cái chết thảm thương nhưng cũng là một cái chết tiêu biểu cho những người cầm bút luôn tranh đấu cho quyền tự do sáng tác và tự do ngôn luận...

Viết những dòng tạp ghi, tưởng nhớ lại một người cầm bút đã làm tôi yêu quân chủng của tôi. Tôi nhớ câu nói anh em thường truyền miệng từ nhan đề của một bài viết của nhà văn Đào Vũ Anh Hùng. Không bỏ anh em, không bỏ bạn bè. Và, chúng ta phải không quên những kẻ sĩ như Dương Hùng Cường. Tôi không đủ thâm thiết để nói lão Dương ơi những lời cảm xúc nhưng vẫn có thể nói một câu: Vĩnh Biệt Dương Hùng Cường, kẻ sĩ đã sống và chết trong một thời đại tăm tối của lịch sử. Và, một độc giả đã ái mộ ông từ hơn bốn mươi năm trước mười năm trong thời khắc hôm nay có vài hàng chữ về ông với lời cầu chúc chân thành linh hồn ông sẽ yên ổn trong cõi đời vĩnh viễn.

Ngày chia đôi đất nước và Tâm sự người xa xứ



Hơn nửa thế kỷ trước, những năm giữa thập niên 50, những người miền Bắc di cư vào Nam với nỗi ngậm ngùi. Thơ, văn, nhạc, hình như cũng chuyên chở nhiều tâm sự, của “nhớ về Hà Nội”, của tâm tình hoài niệm vô bờ. Và sau hơn hai mươi năm, thì những người Việt lưu vong xứ người lại bồi hồi nhớ về một đất nước đã xa, một thành phố Sài Gòn đã mất tên và thành kỷ niệm. Những bộ môn nghệ thuật kể trên lại được khắc ghi lại từ những cảm hoài mệnh mông, từ những nỗi niềm áp ủ của những người yêu quê hương đất nước và luôn ngóng về nơi chốn đó với cả những tấm lòng. Bao nhiêu năm qua, những văn thi nhạc sĩ Việt Nam từ những cuộc đổi dời với những tác phẩm đánh dấu những thời kỳ đặc biệt của lịch sử Việt Nam.

Tháng 7 mỗi năm có ngày 20 là thời điểm nhớ về một giai đoạn lịch sử cũ, mà có người đã gọi là thời kỳ của người di cư. Cũng như sau này, ngày 30 tháng tư năm 1975 đã thành ngày của

những người di tản bỏ nước ra đi. Tất cả, cũng là của những người trốn chạy chế độ Cộng sản đi tìm dân chủ tự do.

Tại sao lại có sự nhớ lại lịch sử trong ngày 20 tháng 7 mỗi năm?

Đó là ngày mà các phe liên hệ gồm các phái đoàn Anh, Hoa Kỳ, Nga Xô Viết, Trung Cộng, Pháp, Việt Cộng, Lào, Campuchia ký Hiệp ước Genève chia đôi đất nước Việt Nam ở vĩ tuyến 17. Phái đoàn Việt Nam Quốc gia mà bác sĩ Trần Văn Đỗ là trưởng phái đoàn không chịu ký để phản đối việc chia cắt đất nước. Sau đó là cuộc di cư vĩ đại của hơn một triệu người miền Bắc di cư vào Nam và đã làm thay đổi cả xã hội miền Nam về nhiều mặt kinh tế, chính trị, giáo dục, và cả văn học nghệ thuật nữa. Và như vậy, chúng ta mới có những tác phẩm văn thơ nhạc “Nhớ về Hà Nội” đánh dấu một thời kỳ đặc biệt của văn học sử Việt Nam.

Nếu có người nói đó là cuộc di cư của chữ nghĩa thì chúng ta sẽ có nhận định ra sao? Đó là một cách nói. Nhưng, xét trên thực tế, ngày 20 tháng 7 năm 1954 có thể coi như bắt đầu cho hai mươi năm văn học miền Nam, một giai đoạn văn học đáng kể từ tính chất khai phóng cũng như có những thành tựu mà chính những người đối nghịch chính kiến cũng không thể phủ nhận. Nền văn học ấy đã có những cuộc lên đường của những tác giả lừng lẫy, đã có những công trình sáng tạo nghệ thuật biểu trưng được tâm tình của một thời đại đầy biến chuyển của một đất nước chiến tranh.

Hình như lịch sử Việt Nam đầy những chuyến đi bất đắc dĩ và những thành phố là nơi đã chứng kiến những cuộc chia ly. Rất nhiều người đồng ý với nhận định ấy.

Những thành phố của chia ly. Sài Gòn, sau năm 1975. Hà Nội, sau năm 1954. Những thành phố của hoài niệm trong thời gian ấy. Năm 1954, hàng triệu người rời bỏ miền Bắc xuôi Nam tìm tự do, cuộc di cư vĩ đại của những người ghê sợ Cộng sản. Năm 1975, Cộng sản chiếm toàn bộ đất nước. Hàng trăm ngàn người di tản ra ngoại quốc sau đó đến từng đợt vượt biển của hàng triệu người. Không gian, thời gian, của những biến cố kể trên, đã thành môi trường và động lực thúc đẩy văn nghệ sĩ tạo thành những tác phẩm văn chương hay âm nhạc phản ánh tâm tình thời đại.

Trong văn chương và âm nhạc Việt Nam, chắc có nhiều tác phẩm về đề tài này? Dĩ nhiên là rất nhiều. Những bài viết của nhà văn Mai Thảo trong “Đêm Giã Từ Hà Nội”, Thanh Tâm Tuyền trong “Ung Thư”, Dương Nghiễm Mậu trong “Quyên, Dĩ vãng và Hà Nội”, Hồ Hữu Tường trong “Phố Sinh Từ”, Vũ Bằng trong “Thương Nhớ Mười Hai” và “Miếng Ngon Hà Nội”,... Những bài thơ của Vũ Hoàng Chương, Đinh Hùng, Thanh Nam, Hoàng Anh Tuấn, Nhất Tuấn, Hà Huyền Chi,... mở ra một thế giới Hà Nội của hoài vọng, của nỗi niềm. Rồi những bài thơ phổ nhạc mà thơ nhạc đã phối hợp và bổ túc cho nhau thành những tuyệt tác và có tuổi thọ văn chương nghệ thuật miên viễn...

Có những bản nhạc đã có đời sống trường cửu vượt qua được thời gian với những đề tài hoài niệm về những thành phố vĩnh viễn cách xa. Đó là một đặc tính của âm nhạc Việt Nam. Một dòng nhạc hoài niệm kéo dài suốt nửa thế kỷ đã cho chúng ta những bản nhạc để đời. Những bản nhạc mà tuổi thọ của nó dài hơn tuổi thọ của chính tác giả sáng tạo ra nó. Nhạc sĩ có khi khuất bóng từ lâu, nhưng nhạc phẩm vẫn còn sống, còn được hát và còn được thính giả nghe và hâm mộ. Qua một thời gian, qua sự đái lọc, bản nhạc có thể tồn tại được phải có sức lôi cuốn từ ngôn từ và điệu nhạc. Và nhất là, phù hợp với tâm tư của từng thời kỳ, của hoàn cảnh mỗi người khi nghe âm điệu nhắc lại những phần đời sống đã qua.

Thời gian mới di cư vào Nam, tôi còn nhỏ lắm và đang học tiểu học.

Năm 1954, gia đình tôi vào Nam. Đang học ở một trường tiểu học mà một số học sinh là người Bắc, lạ người lạ cảnh, tâm tư như tờ giấy trắng, nhưng tôi vẫn nhớ như in bài hát mà tôi đã gân cổ hát trong giờ sinh hoạt học đường. Lúc ấy, hào hứng tin tưởng xiết bao. Bản nhạc “Về Miền Nam” của Trọng Khương nhắc lại tôi ngày thơ ấu:

*“Đứng vùng lên nào bao thanh niên yêu nước
Hương về đây miền nam thân yêu nắng sáng*

Theo vết chân người xưa ta tiến lên đường đi
Bao nắng mưa sương gió nào ngại chi.
Sông nào cắt đứt đôi nơi
Sông nào xé nát tim tôi
Sông nào bóp chết thương yêu Việt nam ơi!...”

Bản nhạc mà tuổi thơ tôi đã hát say sưa như vậy đã tạo nhiều cảm xúc cho tôi. Bài hát ấy, với tôi, tự nhiên nhắc và nhớ đến những khuôn mặt ấu thơ. Những cô giáo, thầy giáo khai tâm tuổi nhỏ. Cùng với ngôn từ và điệu nhạc, là bước chân trở về. Đó, lãnh địa thiêng liêng của đời người, mà dần dần thời gian đi qua, in sâu trên tiềm thức. Đất nước mới, mở ra những lạc quan, như tuổi xanh ngây thơ nhưng thật nhiều ước vọng... Bài hát như một dây chuyền để bắt đầu cho một chuỗi liên tưởng. Vô tình, bài hát như một contact để mở một mạch điện cho khúc phim đời sống riêng tôi...

Dòng nhạc hoài niệm ấy chắc còn rất nhiều bản nhạc làm cho tôi cảm khái như bản “Về Miền Nam”? Nhưng những bài hát khác, thường là những nỗi buồn, ngậm ngùi hướng vọng về chốn quê xa. Hàng trăm ca khúc có chung dòng nhạc. Không phải chỉ với bài hát ấy, mà còn nhiều bài hát khác, nhiều phim truyện khác, nhắc nhớ lại thời kỳ đặc biệt của đất nước. Một cách khái quát, theo bài thuyết trình “*Love and Longing at the Border: Songs On Both Sides of the 17th Parallel*” của Jason Gibbs trong seminar của Popular Culture Association tại thành phố San Antonio, Texas, thì có tới 18 ca khúc của những người di cư nhớ về quê hương cũ đã xa. Như:

“Bắc Một Nhịp cầu” của Hoàng Trọng, lời Hồ Đình Phương; “Biệt Hải Phòng” của Phó Quốc Thăng; “Chờ Anh Em Nhé” của Xuân Tiên, lời Nhật Bằng; “Chuyến Đò Vĩ Tuyền” của Lam Phương; “Giấc mơ Hồi Hương” của Vũ Thành; “Hận Ly Hương” của Anh Hoa và Ngọc Lang; “Hướng về Đất Bắc” của Phó Quốc Thăng; “Hướng về Hà Nội” của Hoàng Dương; “Lá thư gửi mẹ” của Nguyễn Hiền, lời Thái Thảo; “Mộng ngày hồi hương” của Hoàng Trọng, Hồ Đình Phương; “Sầu Ly Hương” của Lam Phương; “Thu Ly Hương” của Nhật Bằng và Đan Thọ; “Tình Cổ Đô” của Lam Phương lời Mạnh Thương; “Về Bến Xưa” của Nguyễn Hiền, lời Thiện Huân; “Vọng Cổ Đô” của Đan Thọ Nhật Bằng; “Xa Quê Hương” của Đan Thọ, Xuân Tiên; “Xuân Ly Hương” của Phó Quốc Tân. Nhưng danh sách ấy chưa đầy đủ lắm, còn thiếu một cách đáng kể: “Mưa Sài Gòn, Mưa Hà Nội” của Phạm Đình Chương, thơ Hoàng Anh Tuấn; “Thương về Năm Cửa Ô xưa” thơ Tạ Ty, nhạc Y Vân; “Mùa Hoa Nở” của Cung Tiến.

Hình ảnh của thành phố Hà Nội chắc in sâu trong trí nhớ của tôi qua những bản nhạc mà tôi đã nghe trong một khoảng thời gian dài. Trong những bài hát ấy, Hà Nội như một hình tượng của nhung nhớ. Thành phố ấy, phải rời bỏ đi xa với nỗi đau đớn tận cùng. Hà Nội ơi! Có phải là tiếng kêu thảng thốt của trái tim vỡ vụn. Không phải với tôi mà chung của rất nhiều người, Hà Nội thành thánh địa của hồi tưởng. Lúc học trung học, hai thành phố gợi cho tôi nhiều ấn tượng và mê đắm nhất là Paris và Hà Nội. Lúc đó, tôi chỉ mong có ngày đặt chân đến. Paris của cậu bé Vincent trong sách “Cours De Langue et de Civilisation” của giáo sư Mauger mở ra biết bao nhiêu ảnh tượng kỳ thú. Còn Hà Nội, là “Đêm Giã Từ Hà Nội” của Mai Thảo, là “Ung Thư” của Thanh Tâm Tuyền, hay nhạc “Hướng Về Hà Nội” của Hoàng Dương.

Có người hỏi tôi khi di cư vào Nam là lúc còn rất nhỏ, thế mà tại sao tôi lại nhung nhớ bồi hồi một cách tận cùng như vậy khi nghe lại những bản nhạc ấy.

Bởi vì từ nhạc, tôi cảm thấy nhiều điều. Không gian xa cách ngàn trùng. Thời gian chia ly vời vợi. Đời sống bỗng lênh đênh chia hai giữa buồn nhớ và hy vọng. Sẽ có một ngày trở về, có phải? Nhưng cuộc sống như giòng nước trôi đi lạnh lùng. Xa xứ và ly hương, như giòng sông Bến Hải chia đôi đất nước.

Nhiều bản nhạc cũng gây rung động trong tôi như thế? Bởi vì, đó là tâm tưởng chung của một thế hệ phải chịu những biến chuyển nghiệt ngã của thời thế. Như lời ca từ của “Chuyến đò vĩ

tuyển” của Lam Phương, “*Đêm nay trăng sáng quá anh ơi, sao ta lìa cách bởi giòng sông bạc hai màu...*” Hay trong “*Bắc một nhịp cầu*” của Hoàng Trọng, lời Hồ Đình Phương, “*Lạnh lùng phương Nam mơ bóng cây xanh ven hồ. Ngâm ngùi phương Bắc trông lúa xa xăm mong chờ. Vì một giòng sông xóa mờ. Tình đời lìa đôi bến bờ...*”. Hoặc ở trong “*Vọng Cổ Đô*” của Đan Thọ và Nhật Bằng, “*Hà Nội ơi! Xa cách muôn trùng dương. Những lúc sương chiều xuống. Tìm đâu bóng Hồ Gươm lòng bao mến thương...*” Và với “*Mùa Hoa Nở*” của Cung Tiến, “*Chiều mưa thương nhớ đến bao giờ. Đường về nẻo Bắc xa mờ, mơ hồ. Đàn chim gieo thương nhớ. Câu tiếng nước nhà...*”...

Những bản nhạc ấy, trôi theo giòng sông âm nhạc và liên tiếp nhau để thành một thời đại hoài niệm, mà tiếng kêu tha thiết vẳng lên từ nơi chốn đã vơi xa: Hà Nội. Tiếng hát, lời ca, không còn đơn thuần là ca khúc mà đi xa hơn, để thành chia sẻ, kỷ niệm của một phần của đời người. Bao nhiêu năm, với bao nhiêu ban nhạc thính phòng hoặc đại chúng, được trình diễn từ những ca sĩ tuyệt vời, những bản nhạc ấy vẫn sống, từ thời hòa bình tạm thời đến cuộc chiến khốc liệt. Mấy chục năm, vẫn không phai cảm xúc trong lòng khán thính giả...

Dòng nhạc hoài niệm hình như tới bây giờ vẫn còn hiện hữu trong nền âm nhạc Việt Nam? Vâng, đó là một trở trêu của lịch sử đất nước. Năm 1975, cơn hồng thủy lại đến với dân tộc Việt Nam. Đất nước thống nhất, hòa bình nhưng trại tù mở ra khắp nước. Kinh tế lụn bại, chính tình hà khắc, dân chúng đói khổ. Rồi đánh tư sản, rồi vợ vét tiền của người dân khiến hàng triệu người bỏ xứ ra đi tìm đất sống. Những chuyện phim như “*Chúng Tôi Muốn Sống*”, “*Đất Lành*”, ...bỗng thành hiện thực. Và, dòng nhạc hoài niệm lại tiếp nối. Tâm tư, nỗi niềm của thế hệ, của thời đại lại phản ánh rõ nét. Ở hải ngoại, ngóng về quê hương, về Sài Gòn với tấm lòng tan nát. Nốt nhạc lời ca thành tiếng vọng gửi về qua khoảng cách của hai bờ đại dương.

Hình ảnh của Hà Nội đậm nét trong văn thơ nhạc của những người di cư vào miền Nam lập đời sống, sự nghiệp mới. Thành phố ấy biểu trưng cho quê hương đã xa, cho thời gian đã qua nhưng đôi khi muốn trở mình hồi sinh sống lại. Những con đường, những hẻm phố, của 36 phố phường ngày xưa, của ăn Bắc mặc Kinh, của một thời văn hóa dân tộc là tinh chất của những năm dựng nước và giữ nước. Nói về Hà Nội, quả là một câu chuyện miên man mà thời gian một hai tiếng đồng hồ chẳng đủ cho những người khao khát nắng gió quê nhà luôn hướng vọng về một thành phố đã xa. Hình như có những bản nhạc có xuất xứ từ ngôn ngữ thơ viết về Hà Nội và trở thành một vài bài hát tiêu biểu.

Một bài thơ được phổ nhạc của một thi sĩ cho rằng thơ và nhạc có những đặc tính khác nhau nên ở những bài thơ được phổ nhạc thì tinh chất thi ca bị giảm sút đi và không còn là thơ tinh tuyển nữa. Thế mà, ông có một bài thơ được nhạc sĩ Y Vân phổ nhạc và là một bản nhạc coi như tiêu biểu cho dòng thơ nhạc hoài niệm về Hà Nội. Đó là thi sĩ Tạ Tỵ và bài thơ được phổ nhạc: “*Thương Về Năm Cửa Ô Xưa*”.

Bài thơ như một kỷ niệm đẹp của một thời thế đã xa, của một quê hương đã khuất. Chuyển thể thành nhạc lại thành những giai điệu tha thiết của nhớ thương, nhắc lại những nơi chốn đã qua khiến rung động tâm tình người xa xứ. Thuở ấy, những nhung nhớ của tâm hồn hoài niệm cứ mãi khắc khoải tâm tư, thì bây giờ nơi xứ lạ vẫn ngóng về biển đông để tìm ra một tác lòng rưng rưng theo nhịp tim sóng vỗ. Bài thơ Tạ Tỵ như những âm vang đồng vọng của những người khi nghĩ đến quê nhà lại xót xa thất ruột.

Bài thơ “*Thương Về Năm Cửa Ô Xưa*” có những câu như:

*“Tôi đứng bên này vĩ tuyến
Thương về năm cửa ô xưa
Quan Trường đêm tàn dẫn lối
Đê cao hun hút chợ Dừa
Cầu Rền mưa dầm lây lội
Gió về đã buốt lòng chưa?
Yên Phụ đôi bờ sóng vỗ*”

*Nhị Hà lấp lánh sao thưa
Cầu Giấy đường hoa phượng vĩ
Nhớ thương biết mấy cho vừa..."*

Bài thơ này do Y Vân phổ nhạc mà nghe từ giọng hát Lê Thu thì không có giây phút nào tuyệt vời hơn.

Có một bài hát mà một thời được hát với tất cả tâm tình của người đang trong hoàn cảnh của ngày tháng Hà Nội sắp mất và chọn sự ở lại với những khúc mắc trong lòng. Đó là bản nhạc "Hương Về Hà Nội" của nhạc sĩ Hoàng Dương. Đọc một đoạn viết của nhà văn Nguyễn Đình Toàn để có thể hiểu được tâm sự của người nhạc sĩ:

"Thế nhưng hoàn cảnh lịch sử cũng đóng một vai trò quan trọng đối với bài hát của Hoàng Dương. Đó là những ngày tháng Hà Nội sắp mất. Người ta đang sửa soạn ký với nhau một hiệp định chia đôi Việt Nam ở một nơi nào đó gọi là Genève. Hà Nội trong những ngày tháng ấy giống như một cơ thể mắc chứng hoại huyết. Xanh xao. Vàng vọt. Người ta bỏ đi. Người ta chạy trốn. Người "bên ngoài" (hậu phương) đã về trộn với người bên trong (Hà Nội). Người ta hân hoan. Người ta sợ hãi. Úp úp. Mở mở. Hà Nội bị xé đôi bằng nỗi vui mừng và kinh hoàng thâm nhập cùng một lúc vào lòng người Hà Nội trước khi nó thuộc về cái phần đất nước bị cắt đôi. Hà Nội đẹp. Hà Nội buồn. Hà Nội lãng mạn hay thực tế cũng sẽ mất như những đám sương mù tháng bảy đang xóa bỏ nó. Người ta phải nói lời giã từ Hà Nội. Gọi hồn Hà Nội. Hoàng Dương đã chọn ở lại Hà Nội. Bài hát của ông có cái xa và cái gần Hà Nội. Có cái ngọt ngào của một bản tình ca, cái náo nùng của một cuộc chia lìa. Cho người ở lại giấu nó trong lòng. Cho người ra đi hát như một lời gọi vói..."

Bản nhạc "Hương Về Hà Nội" có những lời thiết tha:

*"Hà Nội ơi! Hương về thành phố xa xôi.
Ánh đèn giăng mắc muôn nơi
Áo màu tung gió chơi vơi
Hà Nội ơi! Phố phường giải ánh trăng mờ
Liều mềm nhủ gió ngậy thơ
Thấu chẳng lòng khách bơ vơ
Hà Nội ơi! Những ngày vui đã ra đi
Biết người còn nhớ nhung chi
Hết rồi giây phút phân ly
Hà Nội ơi! Dáng huyền tha thướt đê mê
Tóc thề thả gió lê thê
Biết đâu ngày ấy anh về..."*

"Hương Về Hà Nội" là lời của người chọn sự ở lại. Thế còn những người ra đi thì sao? Có mơ mộng gì đến ngày trở về không?

Bài "Giấc Mơ Hồi Hương" của nhạc sĩ Vũ Thành là tiếng lòng thổn thức của tâm tư ấy. Theo một bài viết của tác giả Quỳnh Giao thì lời ca của "Giấc Mơ Hồi Hương" phát xuất từ một bài thơ mà nhạc sĩ Vũ Thành không nhớ tên tác giả.

*"Đau đớn nhìn Hà Nội
khuất dần sau sương rơi
sông Nhị Hà sôi nổi
cầu Long Biên xa rồi
mắt nhìn hình ảnh cuối
lòng thương nhớ khôn nguôi
nghẹn ngào tâm sự cũ
thôi rồi Hà Nội ơi!"*

Vậy ca từ của “Giấc Mơ Hồi Hương” có tương tự gì với lời thơ ở trên không? Nếu nói rằng có ảnh hưởng để cảm hứng thì có nhưng tương tự thì không.

*“Lìa xa thành đô yêu dấu
một sớm khi heo may về
lòng khách tha hương vương sầu thương
nhìn em mờ trong sương khói
bước đi nhưng chưa nở rời
lệ sâu tràn mi, đượm men cay đắng biệt ly
rồi đây dù lạc ngàn nơi
ta hướng về phía xa vời tìm mộng xưa lãng quên tháng ngày tàn phai...”*

Nhạc sĩ Thanh Trang có một nhận xét khá dí dỏm nhưng chính xác:

“Cùng thời niên thiếu tôi rất yêu thích những bài hát của cố nhạc sĩ Vũ Thành như “Nhật cánh sao rơi”, “Nhớ bạn”. Tôi để ý thấy trong những bài hát của mình, ông Vũ Thành chả bao giờ dùng chữ “em” khi nói đến hình ảnh một người con gái. Chữ “em” hiếm hoi mà ông sử dụng thì lại để chỉ...Hà Nội trong bài “Giấc Mơ Hồi Hương”...”

Tác giả Quỳnh Giao cũng viết: “Vũ Thành quả là người khiêm tốn, vì với Quỳnh Giao lời ca của “Giấc Mơ Hồi Hương” sâu xa và mới hơn ý của bài thơ nguyên thủy. Thời đó gọi thành phố Hà Nội là “em” mà không là mới sao? Và lãng mạn quá đi chứ!

Có một bản nhạc mà một nhà phê bình âm nhạc gọi là cây cầu bắc giữa hai thành phố, hai chốn, hai nơi, hai phận đời và hai kiếp người.

Phạm Đình Chương phổ nhạc thơ Hoàng Anh Tuấn: “Mưa Sài Gòn, Mưa Hà Nội”, một bài hát mà mỗi khi người di cư nghe lại quặn đau. Hình như, thơ Hoàng Anh Tuấn và nhạc Phạm Đình Chương đã quyện vào nhau để trở thành những cảm giác của những người cùng tâm sự chia sẻ với nhau chung một nỗi niềm...

Trong thơ Hoàng Anh Tuấn có nhiều thành phố: Paris, Sài Gòn, Đà Lạt, San José,... Nhưng, tập thơ cuối đời và độc nhất của ông lại là “Yêu em, Hà Nội”. Đó có phải là một sự kiện đặc biệt? Thực sự cũng dễ hiểu.

Trong thi ca Hoàng Anh Tuấn, muôn đời miên viễn trong tâm tưởng vẫn là Hà Nội. Chẳng phải riêng trong vô thức, là hình bóng người tình muôn thuở. Mà cũng chẳng phải là tình cảm đầu đời với một nơi chốn từ đó đã sinh ra và lớn lên. Thơ ông với Hà Nội, là nỗi bí nhiệm của tổng hợp những nỗi niềm của người từ nơi chia xa nhớ về. Nó không đơn thuần là tình yêu đầu đời và cũng không đơn thuần là hoài niệm về tuổi thơ. Mà, là tất cả, từ ấn tượng không phai nhạt. Từ tâm tư của trái tim cảm lụy. Của những “ngôn ngữ trời cho” của một bất thần vụt đến của thơ. Chúng ta có thể dẫn chứng một vài bài của “Yêu em, Hà Nội”.

Những bài thơ Hà Nội, có nỗi thiết tha, có ngữ ngôn bình dị và tự nhiên không một chút làm dáng nào. Thơ như thể một cánh buồm phẳng phẳng vẫy vùng trong cái cao rộng của đất trời, của những phương trời tuy mịt mù khói sóng nhưng gần cận thân quen. Thơ phá vỡ đi cái biên giới hữu hạn của không gian, thời gian. Hà Nội dệt bằng những bài thơ, mềm như nắng và nhẹ như mây trời. Trong thơ Hoàng Anh Tuấn.

Hà Nội, kỷ niệm:

*“...xin trở lại thuở ngày xưa tinh nghịch
cầm tay nhau ngày đó để xa nhau
để ước ao khi thương nhớ nghẹn ngào
được cầm lại bàn tay em công chúa
khung cửa sổ mở ra trời yêu cũ
chẳng khuất vào sợ khuất dáng em xưa
một nỗi buồn thoáng Hà Nội mùa thu
về từng nét tình yêu em hương cốm.”*

Với bài thơ mà nhạc sĩ Phạm Đình Chương đã phổ thành ca khúc thì là một bài thơ, được thắp cánh bằng nhạc, khi được đọc hoặc hát lên, tạo thành một xúc cảm mãnh liệt. Bài thơ “Mưa Sài Gòn, mưa Hà Nội” được phổ nhạc bởi nhạc sĩ Phạm Đình Chương, mà có người đã cho là tình khúc hoài niệm hay nhất trong những bản nhạc buồn. Những câu thơ cứ ngân vang, rưng rưng trong lòng người xa xứ. Những cơn mưa, mưa ngoài trời và mưa trong hồn:

*“Mưa hoàng hôn
trên thành phố buồn gió heo may vào hồn
thoảng hương tóc em ngày qua
ôi người em Hồ Gươm về
nương chiều tà
liều sầu úa thêm cũ nằm mơ hiền hòa
thương màu áo ngà
thương mắt kiêu sa
hiền ngoan thiết tha...”*

Hai phương trời. Hai tâm tư. Quê hương Hà Nội đã xa từ quá khứ. Tự nhiên những hạt mưa buốt lạnh. Mưa của hoàng hôn, của những nỗi buồn cuối ngày của thi sĩ và nhạc sĩ...

Sài Gòn, những ngày cuối tháng tư 1975

Tháng tư năm 1975 có lẽ là một thời điểm không thể nào quên của dân tộc chúng ta. Ở ngày tàn của cuộc chiến, là của chia ly và mất mát. Bao nhiêu người đã nằm xuống sau một cuộc chiến kéo dài hơn 20 năm. Tưởng đã hòa bình, đã hết những bi thảm nào ngờ bắt đầu từ lúc ấy lại kể tiếp hết những bi thương này qua những bi thảm khác...

Với ngày lịch sử ấy, từ nhạc đến thơ, từ tiểu thuyết đến hồi ký, đã có biết bao nhiêu tác phẩm ghi nhận lại những bi thảm nhưng hào hùng, những mất mát đau xót không thể nào quên được trong tâm khảm những người Việt Nam. Hôm nay, trong cái hồi tưởng để nhớ về những ngày đã qua ấy, chúng tôi nhắc lại những tác phẩm đánh dấu một thời điểm quan trọng của lịch sử Việt Nam, phản ánh tâm tư thời đại và những nỗi niềm của những người bị quay cuồng trong cơn lốc thời thế..

Là một người lớn lên và trưởng thành trong xã hội miền Nam thì thế hệ chúng tôi có nhiều cái chung lắm. Cùng đi học, cùng đi lính, cùng vào tù, cùng vượt biển hay đi định cư theo diện HO, cùng lưu lạc ở hải ngoại và cùng chung những nỗi niềm, những tâm sự về ngày đổi đời bi đát của đất nước này. Với những cái chung của nhiều người ấy đã thành một phận đời dù có những nét tư riêng nhưng cũng phản ánh phần nào được xã hội mà chúng tôi đã sống, đã buồn, đã vui, đã hy vọng và thất vọng theo mệnh nước nổi trôi...

Nhiều nhà văn, nhà thơ, nhạc sĩ đã sáng tác rất nhiều về đề tài này. Đã là nghệ sĩ, thì làm sao tránh được cái nhạy cảm với thời thế, hưởng chi biến cố ấy đã ảnh hưởng trực tiếp vào đời sống. Viết văn, làm thơ, đặt nhạc về những ngày tháng ấy là một xu hướng biểu lộ chân thực nhất mà cảm xúc cũng như kỷ niệm riêng của mỗi người đã ảnh hưởng làm cho văn chương sinh động hơn và có hơi thở của cuộc sống thực hơn. Tôi thấy mình cũng có những xu hướng ấy và hơn nữa nó là một động lực để tôi đến với nghiệp cầm bút.

Trước 1975, tôi chỉ là một người lính yêu sách vở và đam mê văn chương. Sau năm 1975, khi trải qua nhiều cảnh huống và tâm tình không thể nào quên của cuộc đời mình, tôi chấp chững đi vào công việc cầm bút cho đến ngày hôm nay. Có thể đó là một sự tình cờ, nhưng có khi

trong thâm tâm tôi đó là một sự trả nợ cho những người mà mình phải mang ơn họ trong cuộc sống. Có thể họ là bạn cùng trang lứa cùng đồng ngũ với tôi, hay những người đã mất trong một cuộc chiến. Vì thế, nếu nói một cách bóng bẩy văn hoa thì viết là một cách thể sống đề sòng phẳng với mình và với cuộc đời..

Thật ra có rất nhiều tác phẩm văn chương và âm nhạc viết về ngày cuối tháng tư đau đớn của lịch sử Việt Nam. Đáng kể như tập hồi ký “Tháng Ba Gãy Súng” của Cao Xuân Huy viết về những ngày tan hàng ở Quảng Trị và Huế, như tác phẩm “Ngày N+” của Hoàng Khởi Phong viết về cuộc di tản từ Pleiku đến Tuy Hòa, hay như những ký sự của ký giả Nguyễn Tú, của nhà văn Nguyễn Vũ hay những đoản thiên của nhà văn Hải Quân Phan Lạc Tiếp, của nhà văn Không Quân Đào Vũ Anh Hùng, viết về những cuộc di tản bằng chiến hạm hoặc phi cơ ra biển Đông...

Về thi ca, thì cũng có rất nhiều thi sĩ và nhiều bài thơ viết về những ngày tháng tư buồn thảm như thơ Cao Tần, Thanh Nam, Tô Thùy Yên... Những bài thơ rất ngậm ngùi đầy tiếc nuối của những người đã trắng tay trong một cuộc đổi đời của lịch sử.

Nhưng với tôi, thì gây cảm xúc nhất lại là những bản nhạc. Những bản nhạc nhắc lại Sài Gòn, nói đến những cuộc chia ly, tả về những tiếc thương cho một thành phố bị xóa tên và nằm trong tay quân thù

Như bản nhạc “Sài Gòn niềm nhớ không tên” của nhạc sĩ Nguyễn Đình Toàn.

Bản nhạc ấy đã gây thật nhiều cảm xúc cho tôi vì tôi nghe bản nhạc ấy lần đầu tiên ở trại tù Long Khánh do một người bạn đồng tù hát. Nhạc đệm chỉ là một cây đàn guitare tự chế bằng tôn nhôm và gỗ sến nhặt được và giầy đàn được làm bằng những sợi dây điện thoại tước ra từng sợi nhỏ tạo thành. Cũng như ca sĩ là người chung cảnh ngộ hát bằng cả tấm lòng và giọng hát thảm thì như của một người đang làm một công việc mạo hiểm, hát để cho vui tâm sự mặc kệ mọi sự cấm đoán đe dọa của hệ thống quản giáo cai tù đầy dẫy ăng ten báo cáo. Tôi cũng chẳng hiểu làm sao mà những bản nhạc như thế lại được hát và phổ biến ở trong tù như vậy. Chúng tôi xung quanh ngồi nghe như uống từng nốt nhạc, như chắt từng câu ca. Sài Gòn xa rồi, bây giờ ở ngoài vòng rào kẽm gai mịt mù. Sài Gòn, vẫn còn gần gũi những ngày mà thành phố thẳng thốt lọt vào tay giặc thù, những anh hồn liệt sĩ còn phảng phất đâu đây từ những ngày bi thảm mà chúng tôi bị bùng súng một cách tức tưởi...

Lời nhạc lôi kéo chúng tôi; ngôn ngữ hiền từ tha thiết không kêu gọi máu lửa nhưng sao lại lôi cuốn chúng tôi dường ấy:

“Sài Gòn ơi, ta mất người như người đã mất tên- như dòng sông nước chảy quanh buồn-như người đi cách mặt xa lòng- ta hỏi thăm em có nhớ không... Sài Gòn ơi, đến những ngày ôi thành phố xôn xao-trong niềm vui tiếng hỏi câu chào- sáng đời tươi thắm vạn sắc màu- còn gì đâu..”

Lúc ấy, chúng tôi chưa biết bản nhạc ấy là của nhạc sĩ Nguyễn Đình Toàn. Tên nhạc sĩ tác giả là cả một huyền thoại đối với chúng tôi lúc đó. Có người bảo đó là của nhạc sĩ P. hát bản nhạc ấy ở hải ngoại rồi cảm xúc đến nổi bị ngắt xiut ngay trên sân khấu. Có người bảo đó là một bản nhạc của một nhạc sĩ đang bị giam ở khám Chí Hòa truyền ra ngoài và phổ biến. Đến mãi về sau, khi đã qua Mỹ định cư tôi mới biết tác giả là người chủ trương Chương trình Nhạc Chủ Đề trên đài phát thanh Sài Gòn và là thi sĩ, văn sĩ nổi tiếng của hai mươi năm văn học miền Nam...

Chương trình Nhạc Chủ Đề do nhà văn Nguyễn Đình Toàn thực hiện trên đài phát thanh Sài Gòn vào buổi tối ngày thứ năm hàng tuần với mục đích giới thiệu với thính giả những bản nhạc được lựa chọn và được viết với lời giới thiệu và giọng đọc rất đặc biệt của người chủ trương. Theo như ý kiến của nhiều người, những lời giới thiệu nhạc hay nhất trong lịch sử âm nhạc có lẽ là bài viết và giọng đọc của nhà văn Mai Thảo và Nguyễn Đình Toàn. Những bài viết ấy đã mở ra những khung trời lãng mạn mà người nghe có cảm giác như đã quên đi hiện tại để bồng bềnh trong mênh mang của chữ nghĩa và âm nhạc...

Chương trình Nhạc chủ đề ấy có những lời mở đầu như những cánh ta mở khung cửa mơ mộng, để ở đó tình yêu trở nên mơ màng hơn, có chút lọc nhưng lạ có những cảm giác nhẹ nhàng như tơ làm mềm lòng những tuổi thanh xuân đang hăm hở vào đời với sự tinh khôi trong sáng của những bình minh hứa hẹn những giọt nắng thủy tinh ngời tin yêu nồng bícc.

Ai đã nghe qua những lời mở thế này mà không rung động? Nhất là những chàng tuổi trẻ ngày xưa nay đã thành những ông già lão nhìn lại quá khứ ngày nào đã rất xa, thật xa mà sao lại còn rưng rưng nỗi niềm chia sẻ:

“Tình ca- những tiếng nói thiết tha và tuyệt vời nhất của một đời người- bao giờ cũng bắt đầu từ một nơi chốn nào đó, một quê hương, một thành phố, nơi người ta đã yêu nhau.. Tất cả mùa màng, thời tiết, ho alá, cỏ cây, của cái vùng đất thần tiên đó, kết hợp lại, làm nên hạnh phúc, làm nên nỗi tiếc thương của chúng ta...”

Hay như một lời ngỏ khác, thăm thì, kêu gọi những bước trở về, đi ngược lại vòng quay vô tình của thời gian:

“Em đâu ngờ anh còn nghe vang tiếng em trong tất cả những tiếng động ngủ ngờ nhất của cái ngày sung sướng đó: tiếng gió may thổi trên những cành liễu nhỏ, tiếng những giọt sương rơi trên mặt hồ, tiếng guốc khua trên hè phố...Ngàn ấy thứ tiếng động ngân nga trong trí tưởng anh một thuở thanh bình nào, bây giờ đã gần im hơi, nhưng một đôi khi vẫn còn đủ sức làm ran lên trong ký ức một mùa hè háo hức, một đêm mưa bỗng trở về, gió cuốn từng cơn nhớ...Anh bỗng nhận ra anh vẫn còn yêu em, dù chúng ta đã xa nhau như hia thành phố...”

Tôi thời còn là sinh viên đã rất mê chương trình này. Có thể nói, đó là một phần khá đẹp của cuộc sống tôi. Bây giờ, nghe lại CD của Nhạc Chủ Đề cũ, tôi lại bồi hồi và một phần đời đã qua như hồi sinh lại.

Sau này, ở xứ Mỹ này, tôi có hỏi ông về trường hợp sáng tác bản nhạc này như thế nào thì ông chỉ nói qua với sự rất hồ hững coi như đó chỉ là một trong những gần trăm bản nhạc ông đã sáng tác. Và ngay cả khi tôi hỏi về cách ông thực hiện hàng trăm chương trình nhạc làm say mê cả một thế hệ trẻ trong thời kỳ ấy hoặc hỏi về mấy trăm bài thơ và mấy chục tác phẩm vừa tiểu thuyết vừa tùy bút nổi danh một thời thì cũng với vẻ hồ hững ấy, ông cũng trả lời với vẻ thản nhiên của một người đã trải qua nhiều thay đổi và hiểu được rằng có những điều không cần biện giải của cái tự nhiên đã có.

Cũng như, khi tôi hỏi về những khó khăn của cuộc sống hiện nay, ông cũng trả lời chẳng có gì cực nhọc dù rằng tôi hiểu được đó là một sự thản nhiên chấp nhận của một người đã trải qua nhiều mệt mỏi của cuộc đời.

Đó là những ca khúc mà ông gọi là viết trong những thời gian tăm tối nhất của lịch sử và của chính cuộc sống ông. Nhưng đó lại là những lời kêu gọi yêu thương mong con người trở về với tình tự dân tộc. Có những bài hát trong tuyển tập nhạc “Hiên cúc vàng”, “Tôi muốn nói với em” và Mưa trên cây hoàng lan” đã chứng tỏ điều ấy. Chất nhân bản đã làm thành những ca từ đẹp

và có sức thuyết phục mạnh với thính giả và cũng chuyên chở một cách thâm trầm những thông điệp gửi cho người cho đời những ước vọng và tâm sự.

Những lời nhạc như “Tôi đã bám lấy đất nước tôi bằng sức người vô hạn. Bằng sức người đầu đội trăm tấn bom. Tim mang nghìn dấu đạn. Tôi đã đổ mồ hôi, đổ máu tươi. Để mong ở lại đây. Nhưng đất đã đỏ vì bị nung bằng những lời dối trá. Người bám vào lửa đã đốt cháy tay. Lửa hờn căm, lửa hiểm thâm, lửa khốn cùng cay đắng. Người lừa nhau trời đất còn bưng mặt thâm thương. Ba mươi năm cuộc tương tàn chưa đủ? người giết người không kịp mở mắt trông. Ba mươi năm mạng người như rác cỏ. giầy hòa bình còn thất cổ người tin...” trong bản nhạc “Tôi cố bám lấy đất nước tôi” có phải là những lời chân thành dù trong cơn tuyệt vọng nhưng vẫn còn cố gắng bám víu vào cuộc sống một ý nghĩ nào tích cực nhất?

Những lời ca viết cho thành phố Sài Gòn trong thời thế ấy bỗng dưng trở thành những lời kêu gọi của một dân tộc đã chịu quá nhiều đau khổ. Hết rồi những cơn mưa chiều cũ, mất rồi những buổi sáng rực rỡ xưa. Lời ca, ý nhạc lôi kéo chúng ta trở về con hẻm nào của những hẻm hỏ, của nụ hôn môi tuyệt vời, của hương tóc thè e ấp phả trong tà áo lụa xôn xao. Cái cảm giác ngày nào như sống lại, làm gai gai trong da thịt nổi ngậy ngất thuở nào. Nghe đâu đây như bước chân nào trở về đồng vọng....

Bản nhạc ấy là “Sài Gòn ơi vĩnh biệt” của nhạc sĩ Nam Lộc. Lại cũng là tiếng gọi bi thiết nhưng tràn đầy thương yêu về thành phố mà có người nói rằng đó là chỗ để người ta yêu nhau. Nhạc Nam Lộc gọi cho tôi những nỗi niềm của một người mong nhớ với tâm trạng dằn vặt. Những lời ca thất thanh của một người mất quê hương:

“Sài Gòn ơi tôi đã mất người trong cuộc đời. Sài Gòn ơi thôi đã hết thời gian tuyệt vời. Giờ còn đây những kỷ niệm sống trong tôi. Những nụ cười ngất trên môi. Những giọt lệ ôi sầu đắng. Sài Gòn ơi nắng có còn vương trên đường. đường ngày xưa mưa có ướt ngập lối đường về. Rồi mùa thu lá còn đổ xuống công viên. Bóng gầy còn bước nghiêng nghiêng. Hay đã khóc thương cho người yêu...”

Hình như, tôi thấy tôi đã kêu thất thanh như thế trong cuộc đời tôi..

Không phải tôi nói văn hoa đâu mà tôi đã nhiều lần kêu “ thất thanh “như thế! Như một lần trong ngày 30 tháng tư năm 1975 khi tôi từ Cần Thơ trở về lại nhà ở Sài Gòn!

Trước ngày 30 tháng tư năm 1975, tôi chỉ đi học và đi lính, nhưng sau ngày ấy thì tôi đi tù vì không đi tản được. Mặc dù tôi ở trong Không quân và ngày ấy đang làm việc ở phi trường Tân Sơn Nhất.

Đơn vị của tôi là Đoàn phi đạo F5 thuộc Sư Đoàn 3 Không quân ở phi trường Biên Hòa sau ngày 20 tháng tư năm 1975 thì một phần lớn phi cơ di chuyển về phi trường Tân Sơn Nhất. Ngày 30 tháng 3 đáng lẽ tôi phải biệt phái ra Đà Nẵng để làm biệt đội trưởng kỹ thuật để bàn giao phi đạo cho Sư Đoàn 1 Không Quân nhưng Đà Nẵng đã thất thủ. Trước ngày đó chúng tôi đã chờ từ Biên hòa ra Đà Nẵng rất nhiều quân dụng và cơ phận thay thế của phi cơ trị giá cả chục triệu đô la và lúc đó kể như thiệt hại hết. Một số nhân viên biệt phái thoát về kể lại cảnh tượng ở Đà Nẵng khiến người nghe phải rùng mình. Chiếc Boeing 727 thuê bao của Trung Hoa Quốc Gia cất cánh mà cửa chân đáp không đóng được vì một số hành khách đã ôm vào chân đáp nên phi cơ phải bay từ từ về Sài Gòn trong khi những người bám vào chân đáp bị rụng rớt vì không chịu nổi áp lực của không khí chỉ còn vài người buộc mình vào phi cơ mới không rớt dù khi máy bay đáp xuống đã bất tỉnh. Ở trên phi đạo Đà Nẵng là cả một rừng người và tình

trạng lộn xộn khiến tất cả các phi cơ vận tải không thể đáp xuống để bốc người không vận về Sài Gòn. Chính ở Sư Đoàn 3 KQ cũng dự trữ dùng phi cơ AD5 để bốc các chuyên viên kỹ thuật biệt phái về nhưng không thực hiện được...

Rồi sau đó các căn cứ Pleiku, Phù Cát, Nha Trang, di tản rồi căn cứ Phan Rang thất thủ. Ở Tân Sơn Nhứt những ngày cuối tháng tư tình trạng khá hỗn loạn vì các sư đoàn KQ di tản về. Từ bãi đậu phi cơ vắng lại vào đến phi đạo bên trong phi cơ đậu thành hàng đồng nghệt. Trực thăng, A37, phi cơ quan sát xếp ken vào nhau thành ra vấn đề an toàn khá phức tạp. Ở khu huấn luyện sư đoàn đầy nghệt những quân nhân về trình diện từ các đơn vị đã bị tan hàng. Mọi người đều linh cảm rằng một cơn địa chấn dữ dằn sẽ tới

Gia đình tôi thì đã ra đi nên tôi làm việc và ở luôn trong phi trường. Hàng đêm, chúng tôi lái xe ra bãi đậu phi cơ xem những chuyến bay chở người di tản. Nếu quyết định ra đi lúc đó thì khá dễ dàng, chỉ cần thay quần phục và mặc đồ dân sự là có thể leo lên phi cơ một cách dễ dàng. Nhưng tôi vẫn nghĩ không thể nào thua trận mau chóng như vậy được và nghĩ rằng đi lúc đó là quá sớm. Đến đêm 27 tháng tư, căn cứ Biên Hòa di tản về Tân Sơn Nhứt. Và lúc đó quả thực tôi bị chấn động và hiểu rằng ngày cuối đã tới. Suốt đêm phi cơ bay đầy trời và chúng tôi đã phụ giúp để trang bị rocket và đạn cho phi cơ trực thăng gunship bay yểm trợ trên các mặt trận ven thành phố.

Chiều ngày 28, lúc Tổng Thống Trần Văn Hương bàn giao cho tướng Dương Văn Minh ở Dinh Độc Lập thì năm phi cơ A37 oanh tạc phi trường Tân Sơn Nhứt do tên phản tặc Nguyễn Thành Trung dẫn về khi các phi tuần nghênh cản phòng không F5E chấm dứt tức trực. Lúc ấy, tôi đang tập hợp biệt đội trong hangar thì xảy ra biến cố ấy. Và sau đó đến bốn giờ sáng thì các đợt pháo kích ác liệt của Cộng quân vào phi trường. Trong phi trường khói lửa tùm lum, một hỏa tiễn 122 ly rớt trúng phân đội nữ quân nhân. Lúc sáng sớm, tôi lái xe qua khu vực ấy còn thấy những mảnh quần áo và cả da thịt vương vãi trên những tàng cây. Buổi sáng, tôi leo lên F5 rồi không đi. Kết quả là chiếc phi cơ ấy bị rớt ở phi trường Utapao ở Thái Lan hy sinh tất cả những người trên phi cơ. Rồi tôi lên trực thăng xuống Cần Thơ và bị kẹt lại đến chiều 30 thì xuống Rạch Giá kiểm đường vượt biển nhưng cũng không xong và ngày 1 tháng 5 thì phải trở lại Sài Gòn...

Trên đường từ Cần Thơ trở về tôi đã nhìn thấy ở dọc đường quốc lộ số 4 những cảnh tượng mà tôi không thể nào quên. Hai bên đường những chiếc xe tăng và những chiếc trực thăng nằm chổng chơ và quần áo trận, nón sắt, dây ba chạc, giày lính, ... vứt lộn xộn tạo ra một khung cảnh điêu tàn của một trận chiến về chiều. Đi từng đoạn rồi cũng về tới Sài Gòn về nhà để thấy căn nhà mình ở bị niêm phong. Tôi vô nhà đại và mang vài vật dụng đi ra và đau lòng biết bao nhiêu khi nhìn thấy vật dụng hàng ngày của mẹ tôi và các anh em tôi trong một căn nhà mà tôi bị đuổi ra vì cả gia đình đã di tản. Tôi muốn khóc khi nhìn thấy ô trầu của mẹ, khi nhìn thấy đôi dép mẹ đi, cái áo ấm mẹ mặc. Vật thì còn nhưng người đã đi xa, biết đến bao giờ mới gặp lại... Và không biết ở phương xa, có còn trầu cau để cho mẹ ăn không? Buồn thật phải không?. Quốc phá thì gia vong. Người xưa đã nói thì chẳng sai chạy được...